

# NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

## LỊCH-SỬ CHÚA LAM-SƠN

(LÊ LỢI)

Ông tăng-tổ tên là Lê Hồi người làng Như-áng, huyện Lương-giang (nay huyện Thụy-nguyên) phủ Thanh-hóa, người có trí-tuệ và thông-hiểu địa-học. Một hôm đi chơi mát thấy đàn chim liệng quanh ở dưới núi Lam-sơn. Khen thay, đất lành chim đỗ, xem ra hình-tháng có vẻ thiên-nhiên, rời nhà đến ở, chém cây phát cỏ, trồng cây ruộng nương, mùa nào thức ấy, đều được phong-thu, được ba năm tròn trong nhà đã có tư-bản; con cháu sinh một ngày một thịnh, đầy tớ xu-phụ một ngày một đông. Dân-cư ở chỗ ấy cứ làm tù-trưởng. Ông tổ là Lê Đình có lòng nhân-từ bao-dung người dưới, dân-cư ở chung quanh xin đến làm môn-hạ kẻ có nghìn người. Bà tổ-mẫu là Nguyễn Thị-Quách, giữ đường cần-kiệm, vẹn đạo tảo tần, cũng đáng là tay hiền-phụ, sinh được hai con trai, trưởng là Lê Tùng, thứ là Lê Quảng, ông Quảng chính là thân-phụ vua Lê Lợi vậy. Tâm-diễn rộng-rãi, hậu-đãi tân-băng, thương yêu kẻ khó, bệnh thời cho thuốc, chết thời cho sảng, ai có sự gì cần-cấp, tìm phương giúp đỡ, coi dân-chúng như một nhà vậy. Mẹ là Trịnh Thị-Xuong, thờ bố mẹ chồng hết lòng hiếu-thảo, dạy bảo con cháu rất là lễ-phép, đối-đãi với dân-tộc rất là ôn-hòa, trong bọn nữ-lưu cũng là người xuất-sắc. Sinh được ba con, con trưởng là Lê Học, con thứ là Lê Trừ,

Lê Lợi là con út. Hai anh không may doãn-mệnh, ngài làm thừa-tự nối-dối cơ-nghiệp tiên-nhân. Khi ngài mới sinh ra chột có hương lạ, thơm nức đầy nhà; mắt sáng như đuốc, tiếng vang như chuông, miệng rộng, sống mũi cao, vai bên hữu có bảy cái mụn nốt ruồi như hình thất-tinh, khắp cả thân-thể có lông, tướng đi ra dáng long-hành hồ-bộ, ai cũng khen là tướng lạ. Tục truyền chỗ ấy núi Du-sơn, dưới có một cây lớn, cành lá loe như cái tàn, thường có con hồ đen hằng ngày đi lại ở chỗ ấy, người ta thường trông thấy, nhưng không cắn hại ai cả. Tự khi sinh ngài thì con hồ ấy không thấy nữa. Đến khi ngài khôn-lớn, thông-minh dĩnh-ngộ, có sức khỏe hơn người, ngài thường coi người nhà làm ruộng ở động Chiêu-nghi, nhân gặp một người lão-tăng bảo ngài rằng: « Tôi trông tướng ông có khí-tượng khác thường, tất mai sau cũng thành được đại-nghiệp ». Ngài thưa rằng: « Hòa-thượng đã biết tướng hẳn là địa-lý cũng tinh-thông, xin phiến hòa-thượng xem giúp cho ngôi đất ». Lão-tăng bảo rằng: « Phúc-địa không xa, ở động Chiêu-nghi này, có một khoảnh đất một nửa cao, hình như cái ấn, có núi Chiêu-nghi để làm tiền-án, kiêu đất ấy chính là đất đế-vương đại-địa, có đại-phúc thời mới hưởng được ». Ngài liền đem mã ông thân-sinh đến táng. Nhà

Lê phát-tích chính ở chỗ ấy. Tục ta thường nói : « *Tiền tích đức nhi hậu tâm long* ». Vì là có đại-đức rồi sau mới tìm được đại-địa. Tuy vậy địa-lý có điều đáng tin mà cũng không nên tin cả. Người ta làm được công-nghiệp kinh-thiên động-địa, mà chỉ ăn nhờ về cái đất, sao gọi là anh-hùng. Xem như tung-tích vua Lê Lợi, tổ-tiên tích-đức đã trải ba đời, rồi sau mới bầm-sinh ra ngài là một bậc anh-hùng có thủ-đoạn, dù không có kiêu đất ấy tất-nhiên cũng được đại-thành. « *Cây xanh thì lá cũng xanh, cha mẹ hiền-lành để đức cho con* » ; lời nói ấy không sai.

Lê Lợi còn ít tuổi đã có trí lớn, giao chơi những tay hào-kiệt, thường cùng Lê Thận người xã Mục-sơn, huyện Hữu-lôi, kết làm bạn tri-kỷ. Lê Thận có nghề đánh cá. Một hôm ban đêm ngài cùng với Lê Thận cất vó ở bên sông Ma - viên, đêm thấy dưới nước có ánh sáng như đuốc, cất vó cả đêm không được một con cá nào, chỉ có một mảnh sắt ở trong vó, đem vắt xuống sông, một chốc cất vó lên lại trông thấy miếng sắt ấy ở trong vó, coi ra như hình cái gương, bụng nghĩ rằng : « *Cái vật báu này ý của trời cho ta chăng, nếu không phải vậy thì miếng sắt ở đâu mà lại chui vào trong vó được* ». Tự đây mới quyết chí khôi-phục thiên-hạ mà chưa dám lộ cho ai biết.

Đương bấy giờ giặc Minh chinh-lệnh hà-khắc, quốc-dân căm-tức mà không biết kêu ai. Giặc sai người đi dò thám, thấy ai có hành-động sự gì khác, thì chỉ cho là phường bạn-ngịch bắt phải tội tù hoặc đem đầy đi biệt-xứ, khiến cho những người chí-sĩ trong nước phải chịu nín hơi bó cánh ở dưới cường-quyền ; còn những người biết ăn biết nói và có trí-thức ở trong xã-hội, thì đem cái mồi danh-vị để dử vào trong vòng cương-tỏa mà không gỡ ra được. Ngài đã biết cách cai-trị của họ sâu-

sắc như vậy, nên họ dụ ngài ra làm quan mà không chịu ra ; tự nghĩ rằng : « *Đại-trượng-phu ở đời nên phải đem mình mà cứu cái nạn lớn, lập công lớn, khiến được lưu cái tiếng thơn thiên-cổ, can gì phải làm nô-lệ quân thù mà không biết hồ. Thà vậy náu mình ở chỗ sơn-lâm, để từ-đồ việc nước, nếu chỉ đem một cái bầu nhiệt-huyết mà làm những sự bạo-động thì tất bị tay cường-quyền họ giở cách áp-chế, làm thế nào cho được toàn cái nghĩa-vụ của mình.* » Bèn tiếm-ẩn ở Lam-sơn, chiêu-tập những bọn chí-sĩ là lũ Lê Thạch, Lê Liễu, luyện-tập binh-muru binh-pháp để đợi thời-thế xem sao. Ngài lại thường đem tiền bạc châu báu đút cho tướng giặc Minh là lũ Trương Phụ, Trần Trí, Sơn Thọ, Mã Kỳ, để mình được yên thân mà mưu việc nước. Lúc ấy có Lương Như-Hốt báo với lũ Trương Phụ rằng : « *Đừng có tham lợi nhỏ mà bỏ việc lớn, ngọn lửa bằng con đóm cũng đủ làm cháy cả rừng, lỗ rò bằng con kiến cũng đủ làm vỡ cả đê. Tôi nghe tiếng Lê Lợi làm chúa ở Lam-sơn, trong nước những bậc anh-tài nhiều người qui-phụ, tất có âm-muru gì đó, nếu không sớm liệu đề-phòng, tôi sợ con giao-long gặp trận mây mưa tất sinh vây cánh, bay nhảy tận trời, bấy giờ dầu muốn đề-phòng cũng không kịp* ». Lũ Trương Phụ bảo rằng : « *Không sợ, trò châu-chấu đá voi, làm gì được !* »

Xem thế biết anh-hùng mưu quốc cốt phải lấy kiên-nhẫn làm đầu, rồi sau mới thi - hành được cái chí-hướng của mình, nếu chỉ biết hăng-hải lúc bấy giờ mà không biết thăm-thời đặc-thế, miễn-cưỡng mà làm, tất là bại-sự ; không những một mình thiệt-hại đến tinh-mệnh mà di-họa cả cho đồng-bào. Cổ-thi có câu : « *Nhất tướng công thành vạn cốt khô* ». Nghĩa là một tướng nên công thì muôn người

xương đã khô ; muôn người xương khô mà thành công, cũng là hạnh-phúc cho đồng bào, nếu công không thành mà hại đến muôn vạn tính-mệnh con người ta thì ai chịu cái lỗi đó. Kia thử xem vua Lê Lợi tiếm-ấn súc-tích hơn mười năm rồi mới dám cử-sự, khi thời đem vàng hối-lộ để làm cách xu-mi, khi lui binh ấn-núp để làm cách hoãn-dò ; đó là cái lòng kiên-nhẫn của anh-hùng mưu nước phải nên như vậy.

Năm mậu-tuất (1418) Lê Lợi ba mươi ba tuổi tự xưng là Bình-định-vương, cùng với lũ ông Lê Thạch, Lê Liễu mưu khởi-ngĩa ở Lam-sơn, truyền hịch cho người trong nước quyết phen này đem lòng công-phần vì dân vì nước thì quyết không dung giặc trời. Giặc Minh là Mã-Kỳ ở Tây-dò nghe tin liền đem binh đến đánh Lê Lợi, ngài phải lui quân đóng ở đồn Lạc-thủy (nay thuộc huyện Cẩm-thủy tỉnh Thanh-hóa) rồi lập kế đặt quân phục ở bên đường để đợi quân Mã-Kỳ đến. Giặc kéo binh vừa qua đấy, ngài đem binh ra đánh tiết ngang. Lê Thạch, Lê Lý, Nguyễn Ngàn xin đi tiên-phong, chém được quân giặc hơn nghìn đầu, Mã-Kỳ thua chạy.

Cách hai hôm sau có một người quan mừng tên là Ái cùng Đô Phú thân dẫn giặc Minh đến chỗ Phật-hoàng đảo mà thân-phụ ngài đem về bên Thương-thôn, Quỳnh-xá, để ở trên thuyền. Đương đêm, ngài sai hai người là Lê Khả, Lê Bị ôm hai bó cỏ theo dòng nước chảy xuống bên thuyền, dính quân giặc đương lúc ngủ mê, trộm lấy hải-cốt đưa về chỗ cũ an-tàng, rồi sai người canh-phòng nghiêm-mật. Quân giặc tỉnh dậy ngạc-nhiên không biết hải-cốt mất lúc nào.

Ngày hôm sau lại bị lũ tên Ái là quân chó săn nó dẫn giặc Minh đem binh đến vây bắt vợ con gia-quyển ngài đem biệt đi một chỗ, ngài may thoát được cùng với Lê Lê, Lê Bị, Lê Xi tiếm-

ấn ở núi Chí-linh. Ở đấy thiếu lương hai tháng, phải chịu ăn rau ăn cháo đợi quân giặc lui đi chỗ khác, rồi lại kéo quân về Lam-sơn, đắp thành lũy rất là kiên cố, để làm kế bảo-hiểm ; rồi thu-phục đảng-tốt được hơn trăm người, mật sai dân mừng con trai con gái đem tiền bạc đi các nơi, chiêu-mộ sĩ-tốt, chinh-bị khí-giới lương-thực đầu đầy sẵn sàng, ra lệnh rằng : « Nay ta quên mình báo nước, ba quân nên phải vì ta hết lòng trung-ái, quyết trừ bỏ những bọn sai-lang, khiến cho quốc-dân được hưởng lợi-quyền, dù có xông-pha hòn đạn mũi tên, cũng đừng nên sợ chết ! » Quân-sĩ nghe lời lấy làm cảm-khích. Bèn đem quân phục ở xứ Mân-mang. Rồi đem một toán quân dữ giặc ra đánh, giặc cậy thế mạnh, đuổi quân ta vào nơi hiểm-địa, bấy giờ các toán quân tiếm-phục ở hai bên, nổ bắn như mưa, mũi tên có thuốc độc, quân giặc bị thương chết cũng nhiều, xô nhau chạy tán-loạn, mỗi người mỗi ngã. Ngài lại tiến quân giữ đồn Mân-nhai, giặc lui binh ở xã Lạc-thượng, ngài lại tiến quân cùng giặc giao chiến ở đồn Nga-lạc (nay thuộc huyện Nga-sơn), bắt được Nguyễn Thao đem chém ; rồi lại giao-chiến một trận nữa, bị quân giặc đánh thua phải lui quân về Chí-linh (nay thuộc động Giao-lão châu Lương-chính), giặc liền đem đại-binh đến Chí-linh đánh tập-hậu. Quân ta thế rất quân-bách, ngài gọi chủ-tướng bảo rằng : « Nay quân giặc thì nhiều, quân ta thì ít, mà lương xường chưa có dự-bị, vả ta cùng với giặc đã giao-chiến luôn ba trận, xem ra trong mình mỗi-một quá chừng, không thể gượng được, nào ai có gan cảm-tử thay ta, mặc áo nhung-bào, đem quân vào đánh Tây-dò, khiến ta được yên nghĩ ở đây, dưỡng-uy sức-nhuệ để định liệu các công việc sau này, may mà thành công được, ta quyết lập đài kỷ-niệm không quên. » Chư-tướng đều

trông nhau lặng ngắt, duy có Lê Lai hăng-hái đến trước mặt mà nói rằng: « Hạ-thần đây tài hèn sức mỏng, nhưng cũng xin đem một tấm nhiệt-thành để hi-sinh cho nước! » Ngài vỗ tay mà khen rằng không ngờ Lê Lai lại có can-dảm xuất-nhân như vậy, bèn trao cho cái áo nhung-bào. Lê Lai hai tay nâng lấy mặc vào mình, cầm siêu - đao nhẩy lên cật ngựa, đi quanh trước mặt ba vòng, ngài đoái hỏi chư-tướng rằng: « Thử xem kỹ cách-diệu có giống ta không? » Chư-tướng tâu rằng: « Trông gần chưa được giống lắm, trông xa thời rõ là chúa Lam-sơn vậy. » Lê Lai liền bầm mệnh đem quân đi tiên-phong kéo thẳng đến dinh giặc, hô lên rằng: « Ta là chúa Lam-sơn đây, muốn trận này cùng giặc quyết-chiến để xem thắng-phụ thế nào! » Giặc hô quân đuổi đánh. Lê Lai cưỡi ngựa xông vào trận-tiền liều chết, chém được tướng giặc mới thôi. Giặc vấy bốn mặt bắt Lê Lai đem về dinh, đều vỗ tay reo mừng: « Đầu chúa Lam-sơn đã dính máu vào lưới gương của ta rồi. » Ngài nghe tin than rằng: « Lê Lai chết nhưng tiếng Lê Lai còn, tiếng Lê Lai còn thời nước ta còn! »

Đoạn rồi Lê Lợi ở Lam-sơn luyện-tập quân - sĩ, dự - bị binh - lương, đợi xem cơ-cục ra thế nào. Lúc ấy Trịnh Công-Trúng người Hạ - hồng (nay thuộc phủ Ninh-giang, tỉnh Hải-dương), Phạm Thiện người Trấn - ninh, Nguyễn Đặc người Khoái-châu, Nguyễn Đa-Cấu ở Hoàng - giang, nổi binh làm loạn và Trần Thiên lại mạo-nhận là con cháu nhà Trần, dấy binh ở Lạng-sơn tự xưng là Thiên-thượng Hoàng - đế, kỷ-nguyên là niên - hiệu Vĩnh-thiên, đặt quan chia chức, mở kho, đúc tiền, nghiêm - nhiên là một tay địch - quốc vậy. Bấy giờ Lê Lợi thừa bủa phương nổi loạn, bèn

kéo quân ra đánh giặc Minh, người bản - quốc là Sầm - Lan, dẫn tướng giặc là lũ Lý Bán, Phương-Chính đem mười vạn quân kéo vào Thôi-mang đánh quân ta. Ngài trước sai Lê Truyên, Lê Lý, đem binh phục ở xứ Bồ-mộng để đợi giặc đến. Quân giặc vừa kéo đến nơi, binh phục ở đó ồ ra đuổi đánh, chém được đầu giặc hơn ba trăm người, ngài tiến quân đóng ở sách Baphieu (thuộc huyện Suối-giang, nay đổi là huyện Quảng-địa), sai Lê Hào, Lê Thác đem một toán quân đánh phá đồn Du-quan, chém được đầu giặc và thu được khí-giới của giặc cũng nhiều. Tự dấy quân ta khí-thế ngày mạnh, bèn truyền hịch cho các xứ nhân - dân đều biết rằng ngày nay cử binh không phải là vì tư-phần, chính là vì công-nghĩa vậy, ai có lòng yêu nước nên phải hết lòng giúp việc nước. Đầu dấy lấy làm hoan-hân cổ-vũ, tinh-nguyện đi tòng-quân.

Tướng giặc là Trần Tri đem hơn mười vạn quân đóng ở Ứng-ải (thuộc tổng Cổ-lũng, huyện Cẩm-thủy), cách xứ Ba-lâm ước năm-mươi dặm. Chư-tướng biết tin có ý kinh-sợ, ngài hội chư - tướng bảo rằng: « Quân giặc tuy nhiều hơn quân ta, nhưng quân họ kéo bộ đến đây tất là nhọc-mệt, ta kịp nên thừa-cơ bất-ý kéo binh đến đánh tập - hậu; tất dễ như phá tre; giặc tuy nhiều, ta quyết không sợ ». Đêm ấy, suất quân-sĩ kéo thẳng vào đồn Ứng-ải, chém được giặc hơn nghìn đầu. Trần Tri lập-tức sớm mai mở đường xuyên-sơn tiến quân đến đánh, ngài mật sai đặt phục-binh ở chỗ Ứng-ải để đợi giặc đến, nửa ngày hôm ấy quân Trần Tri đương trèo qua núi đông như đàn kiến, hết lũ này đến lũ khác, quân ta phục sẵn ở đằng sau, nổ bắn tứ - tung, đưa thì chết, đưa thì bị thương, đưa thì ở trên núi lặn xuống, đè nhau chết như rác. Trần Tri thoát chạy, bèn

muru với Mãn-Sát là tù-trưởng nước Ai-lao, đem binh đến cứu. Mãn-Sát đem ba nghìn quân, voi một trăm đôi, thanh-ngôn rằng : « Nước Ai-lao cùng voi chúa Lam-son có tình lân-hiếu, nên phải đem quân đến ứng-viện ». Chư-tướng tưởng là thật, nói với ngài rằng : « Nay quân ta đã nhờ có tù-trưởng Ai-lao cứu-viện, quân giặc nhiều ta cũng không sợ. » Ngài bảo rằng : « Ta nghe có tên Lộ-Đàn-Luật người Thạch-thất tỉnh Sơn-tây, trước chạy sang Ai-lao làm kẻ phản-gián, tự đẩy Ai-lao cùng voi ta không có thư-từ giao-thông nữa, nay ngạc-nhiên lại thấy quân Ai-lao đến giúp ta, cái mưu đó tất là của Trần Tri thác cơ như vậy, đừng nên tin, ta phải nghĩ kế dự-phòng, kéo nữa mắc phải mưu họ. » Bèn đem một toán quân quanh đi lối tắt để đánh tập-hậu ; lúc ấy quân Ai-lao ở giữa, quân ta hai đầu đổ lại đánh phá chém kể nghìn người, bắt được voi mười bốn đôi. Quân Ai-lao thể rất quân - bách xin cầu hòa, ngài biết họ giả hòa để làm chước hoãn-binh, không cho hòa. Sau quân Ai-lao lại cùng voi giặc Minh là lũ Mã-Kỳ hợp binh đến vây quân ta ở sách Quan-da (sách tức là xã, nay thuộc châu Quan-hóa). Quân ta bị thua lui binh đóng ở Khố-thạch-quan, giặc lại hợp binh đem đến vây cả bốn mặt, ngài hội chư-tướng khóc mà nói rằng : « Nay quân ta so với quân giặc mười phần mình không được một, bốn mặt bị vây, ba quân tinh-mệnh gửi ở tay giặc, biết làm thế nào, thế rất nguy-hiến, chẳng khác gì ếch trong siếc chìm trong lồng, chi bằng ta đem quân quyết đánh thù-tử phen này, may mà tổ-quốc khôn thiêng, lòng trời a-hộ, thoát khỏi cái nạn này chăng. » Chư-tướng nghe lời cảm-động, Lê Lĩnh, Phạm Đồng, Lê Hào, Lý Truyền xin đi tiên-phong, còn quân - sĩ ai cũng có lòng thù-ừ. Trận ấy giặc có ý khinh-chiến, quân ta đánh bắt được Phùng Quý

đem chém troy, những vô-danh hạ-tốt chém kể mấy nghìn đầu. Còn Mã-Kỳ, Trần Tri bỏ quân thoát chạy, quân Ai-lao tán-loạn mỗi toán mỗi ngã.

Quân ta kéo về Chi-linh. Chỗ ấy đường-xá ngang-trở, lương-thực vận-tải không tiện, trong hai tháng trời quân-sĩ nhịn đói nhịn khát, thậm-chí phải giết cả voi ngựa cho quân ăn cũng không đủ, tướng-sĩ ý muốn ăn ngài ra cầu - hòa với giặc. Ngài bất-đắc - dĩ phải theo ý-kiến của công-chúng, bèn khiến Lê Tân đem lễ-vật sang nhà Minh cầu-hòa. Lũ Trần Tri có bụng hồ - nghi, bắt giữ Lê Tân không cho đi. Ngài giận quá liền kéo quân về Lư-son, hội chư-tướng lại hỏi mưu-chước tiến - thủ nên thế nào. Ông Nguyễn Tịch (người huyện Sơn-đông) tâu rằng : « Nghệ - an là nơi hiểm - yếu, đất rộng người nhiều, chính là chỗ anh-hùng dụng-võ vậy. Tôi thường du-lịch chỗ ấy, nhân-tài nhiều tay nghĩa-hiệp, mà kinh-tế về đường tài-chính có phần tiện-lợi hơn các nơi, xin kéo quân về Nghệ-an để định căn-cước cho vững-vàng, rồi sau mới kéo cờ ra Đông-đô (Hà-nội) thời việc thiên-hạ mới có thể định được. » Ngài khen là phải, liền suất quân-sĩ kéo vào Nghệ-an đánh phá đồn Đa-căng (nay là động Bất-căng, phủ Quan-hóa). Đẳng giặc là Lương Nhữ-Hốt thua bỏ đồn chạy, ngài truyền lệnh cho ba quân thu lấy những đồ khi-giới và lương-thực, còn vợ con giặc không được xâm-phạm người nào, lập-tức tha cho về cả.

Đoạn rồi tiến quân vào thành Nghệ-an. Quân vừa đến xứ Bồ-chạp, gặp tướng giặc là Thư-Hựu, cùng với người bản - quốc là Sầm - Binh, Sầm - Lan, đem binh phòng-tiết giữa đường. Trần Tri, Phương Chính, Lý An, đem quân bực dằng sau. Quân mình chết chệt ở giữa, tiến không được, thoái cũng không được, trời đã gần tối ngài sai

quân-sĩ mở lối ngang, phục quân ở bên rừng, đợi quân Trần Trí đến, phục-binh đầu dãy kéo ra đuổi đánh, quân giặc thua chạy, bắt được voi ngựa khí-giới không biết bao nhiêu mà kể.

Sớm mai ngài lại tiến binh đánh Thu-Hựu, bao nhiêu đồn-lũy khí-giới đốt sạch. Ngài lại tiến binh đánh lũy Sầm-Bành, hơn hai tháng trời, lũy Sầm-Bành đợi quân viện ở bên ngoài mãi không thấy đến, nên phải kéo quân ra hàng. Ngài truyền lệnh rằng: « Nay quân bạn-nghịch nó đã qui-đầu phục tội, ta nên lượng tha, ai muốn lưu lại theo ta đi việc quân-vụ thời cũng bằng lòng, nếu muốn về nhà yên nghiệp cũng cho, chứ ta không cưỡng». Đẳng quân Sầm-Bành nghe lệnh ai cũng hoan-nghinh, đợi ơn tái-sinh muôn tạ, duy có tên Sầm-Bành là đứn nhĩ-tâm, mật-dụ mấy tên thủ-hạ của nó trốn đi mất. Ngài sai quân-sĩ lập-tức đi các ngã đồn đầu lối bắt giặc Sầm-Bành về dinh hỏi tội: « Sầm-Bành! Sầm-Bành! mày là đứn đại-nghịch đại-ác, mày xưa nay vẫn quen thói nối-giáo cho giặc, không nghĩ gì đến nước đến dân, tội mày không thể dung được, ta đã đem lòng nhân-từ khoan-thứ cho mày để được đới-tội lập-công, sao mày lại dám nhĩ-tâm như vậy? » Truyền quân đem chém bêu đầu lên trước dinh, khiến cho kẻ khác biết răn chừa, chính là giết một người để làm gương cho muôn người vậy.

Việc binh phải đủ cả trí, nhân, dũng; có dũng thì mới hay cảm-tử khinh-sinh; có trí thì mới hay làm - cơ ứng-biến; có nhân thì mới hay thu-phục được nhân-tâm. *Binh-thư* nói: « Dũng-tướng không bằng trí-tướng; trí-tướng không bằng nhân-tướng. » Xem như vua Lê Lợi trận đánh ở Baphiêu và Ứng-ái, chỉ có năm trăm quân mà dám đương với quân nhà Minh, cùng quân Ai-lao kẻ hơn mười vạn, thế chẳng phải là dũng-tướng đó

du? Dùng chức phục-binh nghi-binh, mà giải được vây, phá được trận, chẳng phải là trí-tướng đó du? Bắt được giặc mà tha cho vợ con nó về, cấm quân-sĩ không được xâm-phạm chút nào, chẳng phải là nhân-tướng đó du? Ông Mạnh-tử nói: « Duy có người không muốn giết người ấy mới hay nhất-thống được thiên-hạ », không phải vua Lê Lợi là ai?

Ngài đã trừ bỏ được lũy Sầm-Bành rồi bèn tiến quân đến Trà-lung (thuộc phủ Lương-dương) chiếm giữ Nghệ-an. Ngài phủ-dụ bộ-tướng và tù-trưởng, các đạo mộ được hơn năm nghìn quân. Quân giặc là lũy Sơn-Thọ dùng kế dụ ngài ra hàng. Ngài biết ý sai người vắng-lai, tình-ý rất là thân-mật, đề dò xét mưu-kế họ làm thế nào, biết tin lũy Trần Trí, Phương-Chính, bắt-nhật đem quân bộ quân thủy đến đánh quân ta, ngài mật sai người cháu ngoại là Đinh Liệt đem hơn nghìn binh lên đi đường tắt đến giữ đất Đổ-gia (nay thuộc huyện Hưng-sơn), ngài thân-suất tướng-sĩ đến đất Khả-lưu (nay thuộc bắc-ngạn sông Nam-giang), đóng quân ở trên sông về phía thượng-lưu giữ hiểm để đợi giặc. Cách hai ngày quả-nhiên giặc Minh kéo quân đến xứ ấy đóng đồn ở hạ-lưu. Quân ta ban ngày thì giương cờ khua trống, ban đêm thì đốt lửa làm nghi-binh, khiến cho quân giặc yên-trí rằng quân ta vẫn đóng ở chỗ ấy. Nửa đêm mật sai quân-sĩ, voi, ngựa, binh-khí, độ qua sông, phục binh một chỗ, sáng ngày mai quân giặc tiến quân đến đánh, gặp phải quân phục, thua chạy, phải lui về đóng ở hạ-lưu, đắp thành lũy rất là kiên-cố, chứa sẵn lương-thực, cũng định đóng bèn ở chỗ ấy để chống giữ quân ta. Ngài bèn sai quân-sĩ đào hầm bốn mặt ở chỗ quân-dinh, rồi đem một toán quân ra cùng giặc khiêu-chiến, giả-cách đốt dinh trốn chạy. Giặc kéo binh đến thượng-lưu,

quân ta phục ở bên dưới, bốn mặt nổi quân, bắt tướng tiên - phong là Hoàng Thành và Chu Kiệt đem chém, còn lũ Trần Trí thua chạy, thu-thập đảng-tốt về đóng Nghệ-an.

Ngài tiến quân đến xứ Thổ - du, (thuộc huyện Thanh-chương). Thổ-tù ở xứ Ngọc - mã xin đem quân theo ngài để hiệu-lực. Quân ngài kéo qua đến xã Đa-lôi (nay thuộc xã Nam-kim), già trẻ tranh nhau đem trâu bò lợn gạo đến dâng, nói rằng: « Không ngờ uy - nghi của tổ-quốc lại còn có ngày nay, đem chút cảm-tình để giải tỏ tấm thành với thánh-thượng ». Quân ngài đi đến châu huyện, đâu đâu kéo ra hàng.

Giặc Minh là Trương Hùng đem thuyền lương ba trăm chiếc đưa đến Phủ Diên. Khi gần đến nơi ngài sai Đinh Lê đem binh phục ở giữa đường để đợi thuyền lương của Trương Hùng đi đến đấy thời quân phục kéo ra đánh lấy cả ba trăm chiếc. Đinh Lê báo tin, ngài mừng nói rằng: « Lương của giặc nó lại giúp cho ta cũng là lòng trời giúp ta vậy. » Ngài lại sai Lê Sát, Lưu Nhân-Thụ (người Đại-từ tỉnh Thái-nguyên) kén chọn quân-sĩ và voi ngựa đâu đấy chinh-bị rồi kéo quân vào thành Tây-đô ở Thanh-hóa hợp với quân Đinh Lê để phá hết sào-huyệt giặc Minh. Bấy giờ giặc kiên giữ ở trong thành, không dám ra ngoài.

Ngài lại sai Trần Nguyên-Hãn, Lê Lô đem hơn nghìn quân kéo vào hạ thành Tân-bình (nay Quảng-bình), thành Thuận-hóa (nay Quảng - trị, Thừa-thiên), hai thành ấy đã bình xong rồi, ngài lại sai chủ-trưởng đem quân đi phủ dụ các đạo ở Đông-đô. Lý Truyện Phạm Văn-Sảo, Trịnh Khả, Đỗ Bí đem một đạo quân ra Thiên-quan (nay thuộc Ninh-bình), thẳng đường kéo ra Quảng-oai, Quốc-oai (nay thuộc Sơn-tây), Gia-hưng, Qui-hóa, Đà-giang (đều thuộc tỉnh Hưng-hóa, Tuyên-quang),

chỗ nào cũng có binh đóng để phòng-tiết các lối không cho quân viện ở Văn-nam kéo sang nữa. Lũ người Bùi Bị, Lưu Nhân-Thụ đem một đạo quân ra Thiên-trường (nay phủ Xuân-trường thuộc tỉnh Nam-định), Kiến-xương (nay phủ Tiên-hung Thái-bình) và Thượng-hồng (nay thuộc Ninh-giang Hải-dương) Hạ-hồng (nay thuộc Ninh-giang), Lạng-giang, chỗ nào cũng có binh phòng-tiết các lối không cho quân viện ở Lưỡng-Quảng kéo sang ta nữa. Rồi sai Đinh Lê, Nguyễn Xí kéo thẳng ra Đông-quan để phủ-dụ dân-chúng, quân đi đến đâu giữ pháp-luật nghiêm-chỉnh không có xâm-phạm của ai một cái tơ cái tóc nào, cho nên dân-sự ở đâu nghe tiếng đều hàng-phục cả.

Lam-sơn thực-lực của ông Lê Quý-Đôn chép khi ngài kéo quân vào Nghệ-an đến chỗ thành Hồ-khẩu đất Hưng-nguyên, chỗ ấy có đền thờ tối-linh, tục gọi thờ ông thần góa vợ. Đêm ngài nằm mộng thấy ông thần bảo rằng: « Nhờ tướng-quân làm ơn cho tôi một người vợ thiếp, tôi xin giúp tướng-quân đánh phá giặc Ngô để thành được đế-nghiệp ». Ngài tỉnh dậy gọi các vợ thiếp bảo rằng: « Ai chịu làm vợ ông thần góa, ta sẽ đem vi thiên-tử truyền ngôi cho con trai người ấy ». Các người vợ thiếp không ai bằng lòng, duy có bà Trần Thị-Ngọc là mẹ ông Nguyên long (sau là vua Thái-tôn) quì trước mà nói rằng: « Quả được như lời ước thời làm vợ ông thần góa, thiếp cũng xin cam lòng. » Rồi mà tấm gọi thay quần áo dẫn đến chỗ đền ấy, giao cho người thủ-từ, quả-nhiên Thị-Ngọc vào trong đền chết tươi ngay lập-tức.

Kỳ-giả tưởng việc này là ngoa-truyền không phải là thực-lực, vì vua Lê Lợi là bậc chân-chính anh-hùng, mưu-lược cũng đủ báo được thù cho nước, tài-trí cũng đủ rửa được hổ cho dân, có lẽ nào phải nhờ cái quyền-lực

của vị dâm-thần mới bình được giặc Ngô, lại có lẽ nào đem người ái-thiếp của mình siểm-mị với ông thần góa để đến hại cả nhân-mệnh mà nhân-tâm cho đành. Đến như lời ước với vợ thiếp : « Hễ nghe lời ta thời sau ta truyền thiên-hạ cho con trai người ấy, » lại thậm là vô-lý ; vì thiên-hạ là thiên-hạ chung của dân nước Nam, không phải riêng của nhà Lê. Phỏng như con trai người thiếp ấy không đủ tư-cách tự-trị được nước Nam, mà đem cả thiên-hạ giao-phó cho người ấy có đáng gọi là anh-hùng yêu nước không ? Thế thời việc này chẳng qua là mộng - trung-thuyết-mộng, không phải là thực-lục, không đủ tin vậy.

Ngoài Đông-đô đã ủy-thác có người rồi, không phải quan-hoài đến nữa. Ngài ở Nghệ-an kéo quân về chiêu-phủ Tây-đô (Thanh-hóa), đóng quân ở suối Giang. Bấy giờ sĩ-dân đều tình-nguyện xin đi tòng-quân ; bèn kéo quân hạ được thành Tây-đô. Tướng giặc là Phương-Chính thua chạy ra bể. Bấy giờ quân ta thanh-thế lừng-lẫy khắp cả Đông Tây-đô. Lũ giặc là Trần Cáp, Mã Kỳ nghe chùng chồn gan run ruột. Nhà Minh cử Vương Thông làm chức Tiết-chế-quân-vụ để chống đánh quân ta.

Vương Thông cùng Mã Anh đem năm vạn quân hợp cùng với lũ quân Trần Thiếp hơn mười vạn quân ; chia ra làm ba đạo. Vương Thông thì đóng đồn ở bến đò Cỗ-sở (nay xã Cỗ - sở huyện Thạch-thất), Phương-Chính đóng đồn ở Thu-đôi (nay thuộc huyện Từ-liêm) Mã-Kỳ đóng đồn ở Thanh-oai. Bày những dinh trận rất là lẫm-liệt, tướng nuốt sống quân ta để như không vậy. Bấy giờ quân ta là lũ Lê Truyen, Lê Bí, kéo quân tự Ninh-kiều (nay xã Ninh-son huyện Chương-đức) đến xã Cỗ-lâm (nay thuộc huyện Thanh-oai) chia binh tiếm-phục để đối-đãi quân giặc, khiến một toán

du-binh bức đến dinh Mã Kỳ để khiêu giặc ra đánh, giả-cách thua chạy, Mã Kỳ liền đem quân đuổi đánh đến cầu Tam-la (nay là Ba-la, giáp giới huyện Từ-liêm, huyện Thanh-oai). Quân phục đầu đấy nghe hiệu nổi lên đánh phá quân giặc, quân giặc thua chạy, liền đuổi đến cầu Nhân-mục (nay thuộc huyện Thanh-oai) chém được hơn nghìn đầu, còn những người bị thương nằm đầy cả đường, bắt sống được hơn năm trăm người. Mã Kỳ kinh sợ phóng ngựa chạy mất. Bèn cùng với Phương-Chính đem những dư-dãng đến chỗ dò Cỗ-sở, hội với quân Vương Thông làm một toán. Quân ta là Trần Trí, Trần Nguyên kéo quân đến chỗ Cỗ-sở để chống đánh với quân Vương Thông. Trần Truyen bị phải mũi tên, bèn thu binh về giữ ở Cao-bộ (nay thuộc huyện Thanh-oai). Đinh Lê, Lê Xi đem tinh-binh ba nghìn người, voi hai đôi, thừa khi trời tối kéo sang Cao-bộ, hợp với quân Trần Truyen, mưu lập phục-binh ở xã Chúc-động, Tốt-động, (nay thuộc huyện Chương-đức). Bấy giờ tướng giặc là Vương Thông đem một đạo kỵ-binh bức sau quân Trần Truyen, một đạo chính-binh độ qua sông, hễ nghe tiếng pháo thì quân bức đằng sau và quân độ-hà hợp lại đánh quân ta. Lũ Đinh Lê đã biết cái bí-kế của giặc nó làm như vậy, đầu trống năm trời đương mưa to mặt sai sĩ-tốt đến các nơi hiểm-yếu phát mấy tiếng pháo, giặc tưởng là pháo hiệu của mình, vội-vàng đem quân đuổi đánh. Quân giặc vừa đuổi đến Tốt-động, thời quân phục-binh bèn ta bắn mặt xông vào đuổi đánh, quân giặc bị phải trời mưa đường chật, chen nhau mà chạy, đè nhau mà chết, cùng lẫn xuống sông mà chết hơn năm vạn người, sông Linh-giang nước ứ lại không chảy được. Ta chém được Trần Cáp, Lý Truyen, còn bắt sống được hơn năm

vạn người, lương-thực, khí-giới thu được rất nhiều. Phương-Chinh, Mã-Kỳ thoát chạy, Vương Thông bị thương trốn về đóng ở thành cổ-thủ, sai người phá chuồng Qui-điền ở chùa Nhất-trụ và phá vạc Phổ-minh ở đền Túc-mạc để làm đồ cho quân dùng (1).

Lê Lợi đóng ở suối Giang, nghe quân ta thắng-trận, rời hành-dinh đến Thanh-dâm. Chư - tướng đến mừng, tung-hỏ vạn-tuế. Ngài liền suất chư-tướng cử đại-binh đến hạ thành Đông-dò. Giặc Minh đóng cửa thành đắp thêm đồn lũy để giữ thành. Ngài đóng quân ở Bồ-đề (bắc-ngạn sông Nhị-hà, thuộc thôn Phúc-hữu, huyện Gia-lâm, chỗ ấy có cây bồ-đề, cho nên gọi là sông bồ-đề), hào-kiệt các đạo và tù-trưởng ở duyên-biên kéo đến đây cả quân-dinh, xin đi tòng-quản hiệu-lực; dân-sĩ đến mừng, ngài hậu-đãi rất là chu-chí, tùy tài của người ta mà trao chức, người hay nghề văn thì cho làm quan văn, người hay nghề võ thì cho làm quan võ. Lại chia Đông-dò làm bốn đạo : Lam-giang, Tuyên-quang, Hưng-hóa, Gia-hưng làm Tây-đạo; Thượng-hồng, Hạ - hồng và An - bang làm Đông-đạo; Bắc-giang, Thái-nguyên làm Bắc-đạo; Khoái-châu, Tân-hưng, Kiến-xương, Thiên-trường làm Nam-đạo. Bốn đạo quân ấy chú-ý đề-phòng quân giặc ở Đông-dò. Bấy giờ Vương Thông, Sơn Thọ cùng với quân ta giao-chiến, đánh trận nào thì giặc thua trận ấy; thế giặc ngày đuối, biết cơ không thể chống lại được với quân ta, bèn khiến người đưa thư đến chỗ hành-dinh xin giảng hòa, muốn được toàn - quân về nước. Ngài tiếp được thư cũng bằng lòng cho Vương Thông được như lời

cầu-thỉnh. Nhân vì thổ-quan là Trần Phong và Lương Nhữ-Hốt vốn là quân bán nước, sợ giặc Minh kéo về Tàu thời tinh-mệnh mình và gia-quyển tất bị chu-duyet, đến nói với Vương Thông rằng : « Ngày trước Ô-Mã-Nhi kéo quân đến đánh nhà Trần, ông Trần Hưng-Đạo lập kế giết sạch, không cho một người nào về nước; việc hòa với chùa Lam-sơn thậm là thất-sách ». Vương Thông nghe lời, mặt ngoài giảng-hòa, nhưng bên trong vẫn đảo hào đắp lũy, phòng-bị như cũ, lại mật sai người đi các nơi xin quân đến cứu-viện. Ngài đã biết Vương Thông là đứa phản-trắc như vậy, bèn tuyệt không giao-hiến nữa; lập-tức sai Lê Quốc-Hưng đem quân đóng ở Điều-dao (thuộc huyện Gia-lâm, Bắc-ninh) và Thị-kiều (thuộc Võ-giang); Trịnh Khả, Lê Đại đem binh đóng ở Tam-giang (thuộc Hưng-hóa); Lê Sát, Lê Thụ đem binh đóng ở Xương-giang (thuộc phủ Lạng-giang); Trần Lự, Lê Pội đem binh đóng ở Ôn-châu (thuộc Lạng-sơn); đầu đẫy cầm phòng rất là cẩn-mật. Ngài ở hành-dinh Bồ-đề lại sai chư-tướng độ qua sông Nhị-hà vào đánh Đông-quan; Trịnh Khả giữ cửa đông, Đinh Lễ giữ cửa nam, Lê Trừng giữ cửa tây, Lý Truyện giữ cửa bắc; quân ta vây cả bốn mặt. Ngài lại sai chế ra chiến-thuyền tập thủy-trận và chế các thứ xe để vận-tải binh-khí vào trong thành, nhưng vẫn cho quân sĩ yên nghĩ chưa có khai-chiến trận nào cả. Chư-tướng tâu rằng : « Bốn mặt thành quân ta đã chinh-bị cả rồi, xin kéo vào trong thành để diệt hết quân giặc. » Ngài nói : « Đánh thành là hạ-sách, vậy quân ta lâu nay xung-đột chỗ hàng-

(1) Chuồng Qui-điền : tục truyền triều Lý Vĩnh-thuận đúc cái chuồng ấy để ở chùa Nhất-trụ (tục gọi là Chùa Một-cột) ở thôn Thanh-bảo Hà-nội. Chuồng to quá đánh không kêu. Ruộng chỗ ấy thường có nhiều rùa, nên gọi là chuồng Qui-điền. — Vạc Phổ-minh nh để ở chùa Phổ-minh, vua Thái-h-ton dựng chùa đúc cái vạc ấy. Hiện nay chùa Phổ-minh ở làng Túc-mạc (hạt Nam-dinh.)

trạ , gối giáo nằm sưng, phần nhiều mỗi-một, nay lại kéo vào trong thành thời quân ta cùng với giặc hai bên xung-đột, lại sợ có quân viện ở bên ngoài nó kéo đến thời quân mình ở bên trong biết tính thế nào, không bằng ta cứ phòng-tiết ở bên ngoài không cho quân viện đến, bất-nhật quân giặc lương-xương khánh-kiệt, thế-tất phải ra hàng, thế thời không phải đánh mà khuất được binh người, chính là thượng-sách vậy. »

Ngài dựng cái lâu ba tầng rất cao ở bên bắc-ngạn sông Nhị-hà, ngài thường lên trên thượng-lăng để xem trong thành tình-bình động-tĩnh thế nào. Nguyễn Trãi ngồi ở tầng thứ nhì thảo-thiện từ-trát để truyền-báo các nơi.

Tướng nhà Minh là lũ Lương Minh, Thời Trụ, Lý Khánh, đem binh-mã mười vạn ở tỉnh Quảng-đông kéo sang nước ta vừa mới đến cửa Ba-lũy (thuộc xã Đông-dăng, châu Văn-uyên, tỉnh Lạng-son). Lê Đạo, Lê Bồi đuổi đánh, chém được hơn ba nghìn đầu, ngựa bắt được hơn ba trăm đôi. Nhà Minh nghe tin trận ấy thất-bại, bèn sai Tổng-đốc là Liễu Thăng và Mộc Thạnh đem một đạo quân do con đường ở Ôn-châu mà kéo vào Lạng-son. Mộc Thạnh đem một đạo quân do con đường Văn-nam qua cửa Lê-quan (thuộc huyện Vĩnh-tuy) kéo vào Tuyên-quang; hai đạo quân ấy tất cả hai-mười vạn, ngựa ba trăm đôi, dân-sự nghe tin quân Tàu kéo sang phen này rất là dữ-tợn, ai cũng rùng ruột chồn gan. Ngài vẫn nghiêm-nhiên coi như thường vậy, không có biến-sắc chút nào, liền truyền hịch cho các đạo nhân-dân biết rằng : « Các thành ở Tây-đô Đông-lộ đã hạ được rồi, duy có thành Đông-quan là chỗ thâm-căn cố-đế của giặc nó chiếm đã lâu, chưa có dễ một sớm mà phá ngay được, nên ta phải di-duyên đàng-đãi, mong có bậc hào-kiệt để giúp ta cho được thành công; vậy nay

hào-kiệt đâu đấy cũng nên thế-tất lòng ta, trên vì nước dưới vì dân cùng ta hợp mưu hợp sức, đừng nên ngồi yên một chỗ, khiến cho quốc-dân chịu những cách khổ-sở lâm-than. Nếu ai có chí cao-thượng như bậc tứ-hiệu và Nghiêm Tử-Lăng nhà Hán không chịu ra làm quan, thời ngày nay cũng nên đem mình cứu nước, khiến quốc-dân được hưởng cái quyền tự-do, nếu xong công việc muốn về yên nghỉ ở chỗ sơn-lâm hoặc muốn làm như ông Trương Tử-Phòng giúp ông Hán Cao rồi lại theo ông Xích-Tông đi tu tiên, ta cũng mặc lòng, chứ ta không cưỡng». Hào-kiệt bốn phương nghe tiếng ai cũng nức lòng đến chỗ hành-dinh mà nói rằng : « Nay chúa Lam-son ra tay dẹp loạn khiến cho quốc-dân khỏi cái vòng nô-lệ, chính là đại-hạnh-phúc cho quốc-dân vậy; tuy không có tài-trí gì đáng gọi là hào-kiệt, nay đại-vương có lòng dung-nạp, chúng tôi xin đem cái lòng yêu nước để dâng tỏ với non sông. » Ngài nói : « Các ông có lòng tốt như vậy, không những đại-hạnh cho tôi, mà đại-hạnh cho cả nước Việt-Nam này ».

Lúc ấy ngài ban quân-hiến mười điều cho tướng-sĩ : « 1<sup>o</sup> Quân trong huyền-hoa không được nghiêm-chỉnh ; 2<sup>o</sup> Quân trong đem những điều huyền-hoặc để kinh-động quân-sĩ ; 3<sup>o</sup> Khi lâm trận nghe thấy hiệu trống đánh cờ vậy mà giùng-giảng không tiến quân lên ; 4<sup>o</sup> Thấy vậy cờ cho dừng quân lại mà không dừng ; 5<sup>o</sup> Nghe chiêng lúi quân mà không lúi ; 6<sup>o</sup> Thiện li hàng ngũ không có trật-tự và canh-phòng không được cẩn-mật ; 7<sup>o</sup> Nhớ vợ con tự-tiện bỏ quân-ngũ về nhà ; 8<sup>o</sup> Đã có tên ở binh-tịch, kẻ nào ăn tiền mà lại cho lính về ; 9<sup>o</sup> Ai đem cái lòng yêu ghét riêng, người không đáng công mà lại cho công, người không đáng phạt mà lại phạt ; 10<sup>o</sup> Trong chỗ quân ngũ nở lòng trộm cắp của nhau. Trong mười

điều ấy, ai phạm điều nào đã có grom ta đó." Quân - sĩ nghe lệnh ai cũng giữ y một phép, ngài sai chư-tướng sắp binh-mã khi-giới để trừ bỏ giặc Minh.

Bấy giờ Liễu Thăng và Thôi Tru tiến binh đến cửa Pha-lũy (thuộc xã Đồng-đăng, châu Văn- yên). Ngài biết tin hội chư-tướng bảo rằng : « Giặc ở ngoài nghìn dặm tới đây, quân mỗi ngựa mệt, ta thừa khi họ mới đến, đem binh đánh luôn để tiêu cái nhuệ khí của họ. Binh-pháp có câu : « *Thiên thanh khí dĩ đoạt nhân* », chính là nghĩa vậy ». — Bèn sai Lê Sát, Lưu Nhân-Thụ, đem một vạn quân, năm đôi voi, đến chỗ cửa ải Chi-lăng phục binh ở đó. Lại sai Lê Lý, Lê An đem ba vạn binh tiếp-tục đến sau. Trần Lựu thì đóng quân ở chỗ Ai-lưu (thuộc phía bắc tỉnh Lạng-son). Quân Liễu Thăng tiến đến Ai-lưu, Trần Kiều phải lui quân đóng ở Chi-lăng, trước cửa chỗ ấy đoạn nào cũng có bảy trận và đồn lũy để chống giữ. Liễu Thăng thừa-thể đuổi đánh quân Trần Lựu, đến cửa Chi-lăng liền phá sạch cả đồn-lũy, dương-dương tự-dắc, tướng không ai dám địch với mình nữa. Lúc ấy ngài sai người cầm tờ thư đến chỗ quân-dinh Liễu Thăng, nói rằng : « Nay chúa Lam-son xin theo ý vua Thành-tổ nhà Minh khi trước, lập con cháu nhà Trần để chủ-trương việc nước và xin bãi binh, trước là thượng-quốc cũng khỏi hao binh tổn tướng, mà dân Việt-Nam cũng khỏi khổn-khở về sự binh-qua. Đợi ơn muốn ta. »

Liễu Thăng nhận được tờ thư không thèm mở ra xem, chắc là phen này quân mình có thể bắt sống được chúa Lam-son, liền hô quân đuổi đánh, vừa đến cửa Chi-lăng mới cách hai dặm, quân Trần Lựu giả cách thua chạy, Liễu Thăng đem một trăm quân kỵ-mã đi trước để đuổi quân Trần-lựu; còn mấy toán quân đi sau theo không kịp ngựa, quân ta phục sẵn

ở bên đường, Liễu Thăng vừa mới đến bờ Đáo-mã (nay gọi là núi Mã-yên thuộc xã Mai-sao, châu Ôn) bị quân phục ủa ta chém chết, quân; Lê Lý, Lê Sát hợp lại đánh bắt được Lương Minh chém ngay trận-tiền, còn những đảng-chúng bị chết vô-số. Lý Khánh biết thế mình không thể chống lại được, liền lấy grom dằm cổ chết. Tỳ-tướng giặc Minh là Thôi Tru, Hoàng Phúc, liền thu-thập những đảng-tốt, toàn kéo vào đến thành Xương-giang. Mới gần đến nơi nghe tin quân ta đã hãm đánh được thành Xương-giang, rồi, kinh sợ quá, chồn cả gan ruột cả ruột, không biết dùng kế nào, bất-đắc-dĩ tất phải đóng đồn ở cánh đồng. Ngài liền sai quân thủy quân bộ vây đánh bắt được Thôi Tru và Hoàng Phúc cùng dư-đảng ba vạn người.

Bấy giờ tướng giặc là Mộc-Thanh cùng Phạm Văn-Xảo, Trịnh Khả đóng quân ở cửa Lê-hoa (trước thuộc huyện Vĩnh-tuy tỉnh Tuyên-quang, nay sáp-nhập tỉnh Văn-nam nước Tàu). Ngài biết rằng Mộc-Thanh là tay lão-thành am-luyện không có táo-cấp như Liễu Thăng, bèn mật báo cho Văn-Xảo Trịnh Khả cứ đóng bên quân ở đó, đừng nên đánh vội, để đợi xem binh-tình của Liễu Thăng như thế nào, rồi sẽ liệu bài xử-tri. Trận ấy đánh được Liễu Thăng, ngài sai người dẫn những quân tỳ-tướng cùng là ấn-tin của Liễu Thăng mình bắt được đem đến cửa Lê-quan cho Mộc-Thanh coi. Mộc-Thanh trông thấy thất-sắc, bao nhiêu tinh-thần hăng-hái tiên-ma mất cả. Quân Trịnh Khả mới thừa-cơ tiến quân đuổi đánh, chém được hơn vạn người, còn Mộc-Thanh phóng ngựa chạy về châu Thủy-vĩ.

Ngài liền sai người dẫn tướng giặc là Hoàng Phúc đến thành Đông-quan và hai cái hồ-phù của phó tướng-quân là Liễu Thăng thường đeo, cùng là cái ấn bạc của Hoàng Phúc đưa cho

Vương Thông xem, Vương Thông liếc mắt trông thấy kinh-sợ, hồn vía bay cả lên trời. Bụng bảo dạ rằng : « Nay quân viện có hai quan tướng đã bị chúa Lam-son bắt được rồi, ta đóng đây thân cô thế cô cũng không thể giữ được, không gì bằng giảng-hòa. » Bèn sai người thảo tờ thư đưa đến hành-dinh cầu-hòa. Ngài nhận được thư ước với Vương Thông hội ở thành cửa nam để định tờ hòa-ước, và hạn cho Vương Thông trong một tháng phải rút quân về Tàu.

Ngài cùng Vương Thông giảng-hòa xong, sắc cho Chư-tướng ở thành Tây-đô và thành Cồ-lộng (thuộc xã Bình-cách huyện Ý-yên Nam-định), thành, Chi-linh, biết rằng nay tướng nhà Minh đã xin giảng hòa rồi, nên giải vây cho quân-sĩ yên nghĩ.

Nội-cục nay đã yên rồi, còn cách ngoại-giao làm thế nào cho được ổn-đàng ? Vì nước Tàu là một nước đế-quốc ở Á-châu này, xưa nay nước mình vẫn phải triều-cống, không có lẽ nay mình đã gây nên được cái công-cuộc tự-chủ, mà lại khiết-nhiên không có tình-ý vãng-lai, sợ sau này lại gây ra cái mối họa nữa, nên ta phải nhún mình hậu-lễ để đối với thượng-quốc cho được trọn vẹn cái công cuộc của mình. Bèn sai Lê Thiếu-Dĩnh, Lê Cảnh-Quang, Lê Đức-Huy đem tờ biểu và lễ-vật các hạng theo phái-viên của Vương Thông vào cống Yên-kinh. Tờ biểu đại-lược nói rằng : « Vua Cao-tổ-hoàng-đế khi mới đăng-quang, tổ chúng tôi là Trần Nhật-Khue trước vào triều-cống, mong được bao-thưởng phong cho tước Vương, đòi đòi kế tập, giữ chức phiên-bang, cống-hiến phương-vật. Nhân vì Hồ Quý-Ly âm-mưu thoán-nghịch, vua Thành-tổ nghĩ đến nghĩa phiên-bang, đem quân hồi tội. Khi ấy đã bình được giặc Hồ, có chiếu cầu con cháu nhà Trần để nối-dõi tôn-thống. Không ngờ quan

tổng-binh là Trương Phụ đã vội xin đặt quận huyện để quản-trị nước Nam, bây giờ thần hạ nhân có nạn ở trong nước phải chạy sang Lão-quá (tức là nước Nam-chương) chỉ muốn lánh mình để mong cho được toàn tính-mệnh mà thôi. Không ngờ quốc-dân còn nhớ đến ơn-trạch của tiền-nhân không nỡ để lưu-lạc như vậy, nên bách-tôi phải về nước, bất-đắc-dĩ mà phải cưỡng-tòng. Tuy là tội ở quốc-dân không biết giữ hồn-phận mà cũng tự chúng tôi không biết cấm-chấp quốc-dân, khiến xảy ra những việc chiến-tranh thảm-kịch như vậy. Bây giờ tôi đã biết đến chỗ quân-môn xin lỗi, nhưng tướng-quân là Vương Thông quyết ý không nghe. Quốc-dân nghe tiếng đại-binh áp-bức, sự bách-thế cùng nên phải đoàn-thể hợp-quần, ra giữ ngoài cửa ải, cốt để bảo-toàn tính-mệnh, chứ có dám đem lòng chống cự đâu. Bất-ý quan-quân kéo đến kè mấy mươi vạn người, voi ngựa kinh-sợ, xông chạy vào chỗ hàng-ngũ, đến nỗi đầy vò hại đến nhân-mệnh. Như thế cũng là sự xuất-ư bất-đắc-dĩ, tôi xin vạn-cam. Còn như quan-quân khi-giới binh-mã thu được những thứ gì vẫn lưu-tri một chỗ không dám xâm-phạm chút nào ; xin kê một bản danh-sách sẽ xin lục-tục đệ- nạp, dám mong Hoàng-thượng ơn-trời lượng bề soi xét cái lòng thành của phiên-phục, xá tội cho tôi, bớt con tội-dinh, ra ơn vũ-lộ, giảm uy phủ-việt mà vinh-thưởng còn-ba, khiến được giữ chức phiên-phục, tuế-thời triều-cống, tuân giữ lễ thường, đội ơn thánh-thượng vô-cùng. » Vua Minh xem tờ biểu biết rằng nói dối, nhưng cũng yên việc binh-quá, sắc bộ Lễ là lũ Lý Kỳ đem sắc phong cho Trần Trung làm An-Nam Quốc-vương, và sắc bãi bố-chính sứ-ti ở Giao-châu cùng triệt binh về Tàu.

Trước chúa Lam-son lập Trần Trung để kế-tự nhà Trần gọi là Vệ

Quốc-công, cho lui ở núi Không-lô, (tức là chùa Lạc-lâm thuộc huyện Thạch-thất tỉnh Sơn-tây). Nhân thay mặt Trần Trung làm tờ biểu sai người sang nhà Minh cầu phong. Vua nhà Minh không trả lời, nên bảy giờ cống-hiến phương-vật và dâng tờ biểu cầu-phong cũng phải mạo xưng là Trần Trung, chính là chỗ anh-hùng khi nhân vậy. Duy có một việc đúc hai người vàng đem cống nước Tàu để thay cái mạng cho Liễu Thăng và Mộc Thạnh để làm thành-lệ sau này, bao giờ vào cống cũng phải đem hai người vàng, nợ Liễu Thăng không bao giờ trả xong. Ngồi mà tính lại tự đời ông Lê Lợi cho đến hết đời nhà Lê gần bốn trăm năm mỗi một lần cống nước Tàu phải đúc hai người, tổn-hại biết bao nhiêu là vàng trong nước!»

Vua Minh đã sắc cho tiền-binh về Tàu. Vương Thông bèn dẫn quân bộ qua sông Nhị-hà, còn quân thủy thời đi thuyền theo sau. Lúc ấy quân-hồi vô-lệnh, dân-sự lâu rầy vẫn ghét giặc Minh, muốn hạ độc-thủ để báo-thù; ngài liền sắc nhân-dân ở chỗ duyên-lộ thuộc con đường quân Tàu đi, đầu đuôi phải bình-tĩnh làm ăn, không được nào-động. Tướng-sĩ vẫn khuyên ngài giết Vương Thông, ngài nói rằng: «Giết người ra hàng là cái việc bất-tường, nay muốn thỏa một cái lòng giận sớm mai mà lại mang tiếng giết quân hàng, để tiếng cười với đời sau, thà rằng tha cho người ta để yên việc binh-chiến muôn đời sau này, chả là hạnh-phúc cho dân ta đấy ư!» Bèn giao cho Phương Chính, Mã Kỳ đem năm trăm cái thuyền đi đường thủy, còn những người ra hàng hơn hai nghìn người, và hai trăm đôi ngựa đi đường bộ về Tàu và cấp cho lương-thực đủ cả.

Khi Vương Thông gần về nước năm nghĩ ở dinh cùng ngài nói chuyện suốt đêm, sớm mai dâng-trình, tiễn dãi rất hậu. Vương Thông về đến Yên-kinh

phải hạ ngục Cầm-y, trước bỏ quan-chức và phải tịch-ký cả gia-tài.

Giặc Minh đã yên. Vua sai ông Nguyễn Trãi (người Nhị-khê) thảo bài «Bình Ngô đại-cáo» (Vua Thái-tổ nhà Minh trước xưng làm vua Ngô, nên ta gọi là vua Ngô), bá cáo cho thiên-hạ đều biết; đại-ý nói: ngài khi-binh vị dân trừ hại, nay đã đuổi giặc Minh về Tàu, báo được hổ cho dân, rửa được thù cho nước; tuy ở nhân-muru nhưng cũng nhờ có thiên-địa tôn-âm-phù mặc-trợ cho mới được như vậy.

Năm mậu-thân, (1428) ngài 43 tuổi, quần-thần rước ngài vào thành Thăng-long, xin ngài tức vị Hoàng-đế. Ngài nói: «Vua Thượng đánh chúa Kiệt, vua Vũ đánh chúa Trụ, công-đức không ai bằng, thế mà chỉ xưng vương, ta đây có công-đức gì mà đã xưng đế.» Bèn tự xưng là «Thuận-thiên thừa-vận đại-vương», tức vị ở đền Kinh-thiên, cho những công-thần đời họ là họ Lê, ban trước có sai-đẳng, tất cả 221 người. Bảy giờ công-thần đều nói: «Trần Trung không có công-cán gì mà lại ở trên các người có công, nghĩ xin bãi bỏ.» Ngài nói: «Ta không nhân-tâm làm vậy, tuy người ta không có công-nghiệp gì, nhưng con cháu nhà Trần nên ta xức-dãi cho được chu-tất. Trần Trung biết ngài có ý bênh-vực, nhưng xem ra quần-thần có ý không bằng lòng, sợ sau này tất có sự quan-ngại, bèn đem trốn ra bề, định đi thuyền vào châu Ngọc-ma (Phủ Trần-định), bất-ý quan-quân đuổi theo bắt được, bèn uống thuốc độc chết.

Chia Đông-đô làm bốn đạo; trước mới đặt có ba đạo, nay đặt thêm đạo Hải-tây lấy Thanh-hóa, Nghệ-an, Tân-binh, Thuận-hóa thuộc đạo Hải-tây, Định luật-lệnh khoa-sur và điều-lệ trật-tự, đặt ra khoa-mục để kén chọn nhân-tài, dựng nhà học hiệu để huấn-tập sĩ-tử, sửa hộ-tịch để định thuế-ngạch,

rồi lại định ra phép quân-diễn, sức khai tự quan đại-thần trở xuống cho đến người già người yếu, kẻ góa mồ-côi, chia ra từng hạng, làm thành danh-sách đệ tấu, rồi lượng cấp cho ruộng đất, còn những hạng lười-biếng không được chiếm giữ nhiều ruộng; lại sắc cho vệ quân ở năm đạo đều phải luyện-tập quân thủy quân bộ, học võ-nghệ và binh-pháp cho giỏi rồi chia ra làm năm phiên, một phiên lưu ở quân-ngũ, còn bốn phiên thì cho về làm ruộng, nhưng đều có tên ở quân-ngũ, đợi có việc dùng đến thời lại phải ra lính, tức là lính trừ-bị vậy.

Ngài sắc cho đại-tiền và các quan hành-khiển hề thấy thi-hành chính-lệnh có điều gì không tiện cho dân phải chấp-tấu ngay; lại theo chế-độ nhà Trần đặt ra chức ngự-sử gián-đãi, phạm thấy vua có cái chính-sự gì hà-khắc và thưởng-phạt không giữ phép công, hay các quan trong triều không kỳ quan lớn quan nhỏ, ai có sự gì trái phép, lệ được dân-bặc, nếu tư-tuần thời có tội.

Cuộc bài-ngoại đã yên, đến như cách tự-trị ở trong nước công việc thi-thố cũng đều được chu-tất cả, cũng đáng gọi là bậc sáng-nghiệp anh-hùng mà cũng đáng gọi là thủ-thành chân-chúa vậy. Tiếc thay cho ngài cầm quyền trong nước không được bao lâu, bốn-mươi-chín tuổi đã vội tạ-thế, thực đáng phàn-nản lắm thay !

Đương khoảng thế-kỷ thứ 15, nước ta chưa có mấy bậc anh-hùng xuất-hiện, thế mà đã có vua Lê Lợi xưng cờ độc-lập ở Lam-sơn, khi bắt đầu khởi-binh chỉ có hai trăm quân mà dám cả gan chống với mấy vạn quân cường-địch, bên trong thời bị lũ bán nước là Đỗ Phủ Cầm lạn, Lương Nhữ-Hốt lập mưu lập kế cho giặc dễ nó hãm-hại quân ta, bên ngoài thời

nước đồng-bang là tù-trưởng Ai-lao giúp binh giúp lương cho giặc, để nó tàn phá quân ta, đến nỗi phải ăn-núp ở xó Lam-sơn rừng xanh cỏ rậm, lương ăn chẳng có, quân viện thì không, có khi trợ một mình với vài người đồng-chí, nằm co một chỗ, nhịn đói nhịn khát, hai ba tháng trời, đương cái hoàn-cảnh ấy lo nghĩ khổ-sở biết đường nào, bấm gan nhịn tức biết đường nào, ngậm đắng nuốt cay biết đường nào, tưởng bấy giờ cái máu nóng của anh-hùng thành ra nguội lạnh hết cả, thế mà dạ sắt lòng son, lay không dờn rung không chuyển, càng uất-tức bao nhiêu thì lại càng phấn-khởi bấy nhiêu, phong-trần mài một mũi gươm, đem can-tràng dãi cùng non nước, quyết binh được giặc mới thôi.

Thế mới biết tạo-vật ma-nung kẻ hào-kiệt, đảo-diễn điên-đảo những bậc anh-hùng, trải bao phen những mùi chua-chát bước gian-truân, khiến cho luyện-thành cái óc khôn, dưỡng-thành cái chí lớn. Hồi-tưởng đương lúc Lam-sơn tiếm-ần, như con hổ phục ở trong hang, con rồng lặn ở dưới nước, ai ngờ có thao lược xuất-quir nhập-thần như vậy, ai ngờ có sự-nghiệp kinh-thiên động-địa như vậy.

Khen thay chúa Lam-sơn ! lạ thay chúa Lam-sơn ! dùng binh rất là qui-quyết, mưu-chước rất là khôn-ngoan, khi-giới của giặc dùng làm khi-giới của mình, lương-thực của giặc thu làm lương-thực của mình, tình-hình của giặc thế nào, cho đến đường nào nó tiến, đường nào nó thoái, như đã sẵn đồ-họa ở trong tay, mưu-chước của giặc thế nào cho đến trận nào nên thủ trận nào nên công, như đã sẵn có ống dòm ở trước mắt, mới hay đem quân ít mà chống với quân nhiều, nước yếu mà chống được nước mạnh, xem như trận

Ninh-kiều, trận Chi-lăng, trận Lê-hoa, thực là mở một cái trường đại-chiến-tranh rất là kịch-liệt, kể tự thế-kỷ mười-lăm trở về trước ông Lý Thường-Kiệt đánh nhà Tống, ông Trần Quốc-Tuấn đánh nhà Nguyên, chưa có trận nào kịch-liệt như vậy.

Tự khi khởi-bình cho đến khi bình được giặc thành được công, trong mười năm trời nhất-thống được thiên-hạ, chả phải là bậc anh-hùng tạo-thời-thế đó ru ?

Tuy vậy, anh-hùng tạo ra thời-thế mà thời-thế lại tạo ra anh-hùng, cho nên trời sinh chúa Lam-sơn trời lại

phải sinh có ông Lê Lai để cứu chúa đã sinh ra ông Lê Lai lại phải sinh ra ông Nguyễn Trãi để giúp mưu giúp sức, nếu không có Nguyễn Trãi thời chúa Lam-sơn biết đâu kéo quân vào đình Nghệ-an, không có Lê Lai thời chúa Lam-sơn làm thế nào mà thoát khỏi cái nạn ở Chí-linh.

Vậy ta sùng-bái chúa Lam-sơn, ta nên sùng-bái ông Nguyễn Trãi ; sùng-bái ông Nguyễn Trãi ta nên sùng-bái ông Lê Lai.

PHỤC-BA biên-dịch

## NỖ DUYÊN TRONG MỘNG

(Lời Tưởng-sinh tự-thuật)

Tôi nay ngoài hai-mươi tuổi, so danh-phạm không đến nổi thấp hèn, ngọn bút trong tay, lương thán ngoại trăm, kể cũng là bậc phong-lưu ở xã-hội Việt-Nam này. Duy khăn túi hôm mai chưa người đôi-lúa, thì hai chữ nhân-duyên cũng là lằng-đắng. Mẹ tôi giậm hỏi kẻ đã nhiều nơi, song tôi vẫn chưa lấy đâu là nơi ưng-ý. Tuy vậy, tôi dẫu chưa vợ, mà một tấm lòng yêu vợ đã định-ninh rồi. Có người thấy tôi tuổi đã cao, vợ con chưa có, không khỏi ngờ tôi là trai vô-tình, nhưng lòng tôi đậm-thấm đàn-bà, ai đã biết. Tôi mỗi khi ngâm đến câu :

*Thân em như tấm lụa đào,*

*Dám đâu xé lẻ vuông nào cho ai !*

thì thực vẫn lấy làm cảm cái bụng trung-hậu của đàn bà quá, rồi mà nghĩ đến :

*Đàn ông năm bảy lá gan,*

*Lá ở cùng vợ, lá toan cùng người,*

thời không khỏi lại tương thay cái phận đàn bà. Nhưng không, tôi thì hẳn không thế, tôi đã nghĩ chín rồi, nếu mai sau tôi có vợ, sẽ hết lòng yêu-đương, chung-tinh với vợ, chứ không khi nào nở làm cái hạng đàn ông năm bảy lá gan ở đời. Vả vợ chồng chẵn gối trăm năm, để nát lòng nhau, phỏng thú gì. Ấy, cũng vì tôi rắp dạ chung-tinh thế ấy, nên phải kén vợ kỹ, chỉ nơm-nớp lo rằng : người yêu không gặp, người gặp không yêu, hoặc phải người đàn bà tình-nết khó chịu, thời trăm năm chi kéo lụy cho mình.

Một hôm có Trần-quân bạn láng-diềng sang chơi, đùa tôi rằng : — Bác kén vợ kỹ quá, tôi e không khỏi cái già dòn đến, rồi mà cái thú khuê-phòng vẫn xa lằng-lắc; vả cũng nên kíp di chúc,

định râu-ria mới tế tơ-hồng hay sao ?

Tôi lắc đầu đáp : — Khó lắm, bác ạ, vợ thế nào, chứ vợ như vợ thiên-hạ, tôi kinh ! . . .

Trần-quân nói : — Bác khó tính lạ ! Người ta lấy vợ, cứ phó mặc tự-nhiên, may gặp duyên, chẳng may gặp nợ, qua-quít đời người, miễn có một cảnh gia-đình là xong. Có ai lại như bác, so-le trăm mối chẳng ăn mối nào, nếu đàn-ông thiên-hạ cả là bác, thời có lẽ thế-gian không người đàn-bà nào được có chồng !

Tôi nói : — Nào có phải là tôi khó tính, chỉ vì thấy trong xã-hội đàn-bà nhiều hạng người không ra gì : hạng ương, hạng róm, hạng ngu, hạng gàn, hạng điên, hạng quyết, hạng chua-ngoa chổng-lớn, hạng đồng-dánh trai-lơ, hạng mồm loa mép giải, khó lòng thương được, nên tôi cứ tròng-trình cũng vì sợ gặp phải những hạng vợ ấy, thì cái bươu một đời mình.

Trần-quân nghe nói, đập tay xuống bàn, bảo tôi : — Khốn-nạn ! bác rõ ngu ! Kén vợ có học thì nhẹ mình biết bao nhiêu. Đời này thiếu gì gái văn-tự, tìm đâu chẳng được người vợ, thế mà mấy năm trời kén mãi, khéo ưỡng ngày xuân !

Tôi nói : — Thế thì bác chưa biết đấy. Chính những hạng gái có học lại càng lắm nỗi khó chịu : Họ lên mặt biết chữ, giở thói kiêu-căng, róm văn-minh, róm tự-do, tư-cách đàn bà bỏ hết, khuôn-phép gia-đình không theo, khinh chồng như mẽ, tề-gia nội-trợ không biết mây-may gì, cho nên tôi cũng sợ . . .

Trần-quân lắc đầu mà rằng : — Thôi, ông ạ, thế thì ông đến ở góa mất thôi !

Mẹ tôi ngồi khâu ngoài hiên, nghe nói cũng phì cười.

Ngay buổi trưa hôm ấy, cả nhà đi vắng, tôi nằm chơi xem sách, thiu-thiu chợp mắt, bỗng chiêm-bao liền. Mộng rõ-ràng đứng chơi trên cái cầu đá, hai bên cầu bóng dương tha-thuột, dưới cầu ngọn suối nước trong veo, ngắm phong-cảnh một mình dương thích. Chợt đâu thấy một ông cụ già từ phía Đông đi lại, râu tóc bạc phơ, xa trông phoi-phoi như ông tiên, tay trống gậy, tay cầm quyển sách, vai lại đeo cái dây gắm dây kết bằng tơ, đến chỗ tôi, dừng bước hỏi thăm :

— Thầy có biết chàng họ Tưởng ở thôn này, nhà đâu không ?

Tôi ngạc nhiên hỏi rằng : — Cụ hỏi có việc gì ?

— Lão có việc muốn gặp chàng ta.

— Thưa cụ, thế thì chính tôi là Tưởng-sinh đây.

Ông cụ bỗng cau đôi mày trắng, gắt bảo tôi rằng :

— Chàng thực là rắc-rối ! Lão giữ chức Tơ-hồng đã bao nhiêu năm trời, duyên xe hạ-giới trăm nghìn mối, người ta nên vợ nên chồng cả. Chỉ duy có chàng một sợi chỉ đào sun-soe mãi, so đâu cũng không bắt mối, thực là bần lòng lão quá. Mới đây đức Thượng-đế soát sổ nhân-duyên, có ý không bằng lòng quả trách lão không hết phận-sự. Vậy nay lão trao sổ bả-sinh, quảng trả mối tơ-hồng, mặc chàng ưng ý nơi đâu, thì tự xe lấy.

Tôi thấy ông cụ gắt, lúng-túng sợ hãi, vội-vàng van-vỉ :

— Lạy cụ ! Cụ nghĩ lại, quả thực con cũng mong việc chóng xong, hiềm vì đàn bà đất Nam này dẫu nhiều, nhưng chọn lấy một người có thể làm vợ được, thực hiếm và khó quá, cho nên con số-dĩ lằng-dằng bấy lâu, cũng chỉ vì một lẽ ấy. Xin cụ lượng tình cho.

— Chàng nói thế, thì ra tất cả những hạng đàn bà con gái đương làm vợ, hoặc sắp làm vợ người ta ở xứ này, đều là hạng bỏ đi cả hay sao ?

— Thừa cụ, đâu không đến nỗi bỏ đi cả, song trong cái số hiện đương làm vợ, cũng mất đến quá nửa là « nợ » của đàn ông ; và cái số những con gái trong tuần mười sáu, ngoài độ trắng tròn, sắp sửa đi làm vợ nay mai kia, cũng không khỏi chia ba, quá hai phần sẽ là cái « ách » của những gia-đình tương-lai.

— Lời chàng nói cũng khó tin, nhưng nay lão có cái kính chiếu tâm-lý đây, muốn cùng chàng đến hội quần - hương thử coi cho biết. Vậy có nơi nào đàn bà con gái hằng ngày tụ-hội không ?

— Thừa được ! Cụ muốn thế rất dễ, đến ngay trường Nữ học-sinh kia, thì yê-số con gái, hôm nay lại nhằm buổi thứ năm, họ chơi cả trước sân trường, tha-hồ cụ chiếu kính, hoặc may nhờ thế mà biết được cái tâm-lý của bọn thượng-lưu nữ giới Lạc-Hồng ngày nay chẳng.

Ông cụ nghe tôi bàn, cho là phải, rủ tôi cùng đi. Đến nơi cụ dắt ngay tôi cùng leo lên giậu sắt, đứng nhòm vào, tôi thẹn quá, vội-vàng tuột xuống. Cụ chưa kịp gỡ kính, thấy tôi xuống, cũng vội-vàng lóp-ngóp bò xuống, hỏi dồn tôi làm sao. Tôi mỉm cười nói :

— Xin cụ tha lỗi cho, các cụ già-cả nhìn gái không thẹn, trai-trẻ như hạng chúng con, thấy gái, những liếc trông cũng đã khiếm-nhã lắm, lại như leo tường trông trộm, bám giậu sắt trơ-trơ đứng nhòm như vừa rồi thì « ê » quá cụ ạ ! Thôi, mình cụ lên, con xin đợi dưới này cũng được.

Ông cụ cau lông mày nói:—Thầy ỉn lần-thần ! Lão đây tiếng già thì già,

nhưng đối với đàn bà con gái cũng vẫn phải giữ ý-từ, có như lời thầy nói thế nào được, song lão đã có thuật tàng-hình, không ngại, cứ lên đây !

Bấy giờ tôi mới yên tâm, cùng ông cụ leo lên, cách hàng rào sắt, trông vào môn-một. Các nữ-học-sinh lũ bảy, lũ ba, kẻ thướt-tha đi lại ; người đan len ; người đọc sách ; có người thì một mình thơ-thần dưới bóng cây, đi đi lại lại, khi nhìn đám cỏ, lúc bứt lá cây, lòng như vợ-vẫn nổi đầu đầu ; cũng có chỗ năm bảy người xúm nhau vào gẫu chuyện, câu đố - chỉ tiếng cười như phá, vỗ tay rầm-rầm. Bướm lạ lạc vườn xuân, trăm hoa cùng ngon mắt, lòng riêng một tấm như tỉnh như say, tôi bấy giờ thực cũng quên hẳn mình là khách leo tường. Chợt ông cụ đập vào vai, trở lòng kính bảo tôi :

— Nay, những vạch tâm-lý phát-hiện danh-danh, phần-chiếu rõ lắm, bảy người con gái đứng xúm đàng kia, tâm-tư rất lạ :

Người thứ nhất : Thích học giỏi, làm nhiều tiền, ăn chơi cho sướng, không muốn quí-lụy chồng ;

Người thứ hai : Không thích lấy chồng, không muốn có con, ham tự-do, lấy gia-đình làm bận - bịu ;

Người thứ ba : Thích đi xe đạp, vặn máy ô-tô, cưỡi tàu bay, hành-dộng như nam-tử ;

Người thứ tư : Thích kết nhiều bạn trai, thích âm-nhạc, ghét khâu vá, không ưa những việc của đàn bà.

Người thứ năm : Thích đời phiêu-lưu, không muốn có gia-đình ;

Người thứ sáu : Muốn tham - dự chính-trị, bay nhảy bên ngoài, ghét đời nội-t trợ ;

Người thứ bảy : Say-sưa những cuộc ái-tình trong thế-giới tiểu-thuyết,

chân-ngán cõi đời mình ở, không muốn có chồng.

Tôi nghe ông cụ cắt nghĩa dành-mạch, tính tôi xira nay vốn tò-mò, lấy làm thích lắm, đương còn muốn nghe nữa, thì ông cụ giục xuống. Tôi bắt-đắc-dĩ cũng phải xuống. Nhân hỏi :

— Những người con gái cụ vừa xét tâm-lý đó, duyên về đâu, trong số ba-sinh hẳn có chưa cả, cụ có thể cho biết được không ?

Ông cụ chép miệng nói : — Duyên nợ về đâu, giờ sô biết ngay, nhưng có ra gì, mấy người con gái ấy hồng cả, không người nào có đức làm vợ, làm mẹ, ý-nghĩ viên-vọng lắm. Lão không ngờ phụ-nữ Việt-Nam thế-kỷ thứ hai-mươi này mà kém thế đấy, nếu vậy thì khoảng năm bảy - mười năm về trước, thực là đáng tiếc. Nhưng sao thấy nói đàn-bà xứ này đã văn-minh lắm, quả như vậy, thì văn-minh không phải là hạnh-phúc !

Tôi nhân cũng được thề, mới bảo ông cụ :

— Đấy! cụ xem phụ-nữ ngày nay như thế đấy, chả trách một sự lấy vợ con luống mấy năm trời khổ-tâm.

Cụ cứ nin lặng. Tôi thừa-cơ lại rủ cụ dao xem mấy cuộc vui. Đến một chỗ điện thờ nguy-nga, khói hương nghi-ngút, đèn nến sáng chung, dưới điện giải chiếu cạp diều, mấy người đàn ông áo the khăn lượt, mày râu nhẵn-nhụi, ngồi cả xung quanh, đàn trống vang lừng, giọng châu văn như rót vào tai; mặt hoa đa phần cũng sáu bảy bà, vàng đeo đỏ chói, đầu ngói bóng mượt, hầu cả dưới điện; giữa một bà trạc độ trung-niên, khăn xanh, áo đỏ, đảo la đảo liệt, người trông giẻo quẹo! Ông cụ thấy thế hỏi tôi : — Họ làm gì thế ?

Tôi nói : — Ấy, các bà hầu bóng đấy.

— Thế thì lão xem làm gì ?

— Thừa cụ, con cốt đưa cụ đến xem, đề cụ biết cho rằng : những người đàn ông gặp phải vợ đồng bóng cũng là cái «nợ»! Mà những bà này, là ai cũng có cảnh gia-đình, chồng danh-giá cả, như nhà bà đương hầu bóng kia, là vợ ông Phan đầu tòa tỉnh Mỹ; còn những bà nọ, đều là bà tham, bà giáo, bà đố, bà huyện, bà phủ, bà thương đấy. Thế mà chẳng thiết gì chồng con, chẳng lo gì cửa nhà, chỉ quanh năm trầy đèn, trầy phủ, say-sưa cung-vấn, ham-mê đàn hát, bao nhiêu của cũng chuyên đi hết, lễ-bái thì ít, cho trai thì nhiều, thậm-chí có người bỏ chồng đi theo cung-vấn. Cụ nghĩ người chồng có vợ ấy, cảnh gia-đình làm gì không suy. Vay tay chấp mối tơ, xin cụ từ đây cũng cần thận cho, nếu những gái con công đệ-tử chưa sạch trần-duyên nghiệp-chướng còn phải đầy hạ-giới, thì cụ cứ xe quách cho họ mười lăm ch vào một gã cung-vấn, đề họ khỏi làm nợ những gia-đình tử-tế khác !

Ông cụ lắc đầu nói : — Không được! xe thế thế nào được, vả những cung-vấn cũng là phường Sô, Mã lần núp đồng cô, bóng cậu, kiếm ăn cửa đèn, cửa phủ, những đàn bà đồng bóng lu đời say mê họ, thì họ cũng cao giọng châu văn, đàn ngọt hát hay, thả ngôn tình bòn rút của, chứ duyên nợ ba sinh gì chốn ấy.

Ông cụ nói rồi giục đi. Tôi lại mời cụ chơi nơi khác. Chỗ này phải qua mấy tầng cửa sâu thăm-thẳm mới vào được đến nơi. Trong nhà đèn sáng như ban ngày, chiếu giải dọc dài, hai bên đàn ông đàn bà ngồi lẫn-lộn, người thì vai xát cạnh, kẻ kẻ về giáp đùi, như vợ chồng cả, trên chiếu su hào, bạc đồng bạc giấy la - liệt, giữa một người tay cầm cái bát úp lòng đĩa sọc luôn mấy cái, hai mắt đôn cả vào mặt chiếu. Ông cụ hỏi tôi :

— Chỗ này sao mà lắm đàn ông, đàn bà thế, họ bày tiền ra làm gì thế này ?

— Ấy, họ đánh bạc đấy !

— Đánh bạc sao lại cả đàn bà ? Họ không thẹn à ?

— Chết nỗi ! họ còn biết thẹn là gì, đàn bà bây giờ hư lắm, cụ cao tít trên mây, không biết những chuyện lạ gầm trời.

— Đã hay rằng thế, nhưng lão trông những người đàn bà ấy có chồng kèm bên cạnh, đáng chừng chồng ham đánh bạc, vợ theo giữ chẳng ?

— Cụ không biết, những con bạc cả đấy. Song những đàn ông đàn bà trong chỗ này không còn biết liêm-sĩ là gì. Họ chim-chuột, bắt nhân-tình bừa bãi. Có khi bạc cay, túi cạn, gặp đầu lẫn đấy, ngủ vạ ngủ vật, ông phân bà tham, gối chăn chung-chạ cũng sự chi thường.

— Lão thực không ngờ cái nạn biến-phong chốn nhân-gian, đến cả những nơi buồng khuê cửa các. Nhưng sao chồng những người đàn bà này không biết răn bảo vợ ?

— Khốn-nạn ! Cụ tính những hạng đàn bà nó đã cờ-bạc, chỉ còn có liệt vào hạng «rac-dài» mà thôi, chứ chồng nào còn răn bảo được. Vả chính đàn ông cũng lắm người hư, thực làm chồng, nhưng không có tư-cách là chồng, lắm người cờ bạc, thuốc phiện, ả-đào, rượu chè be-bét, không ra làm sao cả, nên trong những cảnh gia-đình ấy, chồng không bảo nổi vợ, mà vợ cũng không kể có chồng, chỉ bát đĩa xô-xát, năm tháng om-thòm, không bao giờ mở mặt được.

— Đã đành chồng hư không răn nổi vợ, nhưng đàn-bà đánh bạc thì thực

lại hư quá. Thầy nếu có vợ, phải cấm ngặt mới được.

— Thôi cụ ạ, con xin thú thật : Con thực lạnh ngắt bụng lấy vợ rồi !

— Thầy rõ dở, dù duyên hay nợ thì cũng cứ đánh bạo xem sao, một sự lấy vợ, đàn ông ai chẳng phải qua cầu, dút-dát cả như thầy, thì tờ chỉ của lão còn được việc gì ?

Ông cụ nói dứt lời, mở túi gấm đưa cho tôi bối tơ, bảo tôi :

— Giây duyên nợ đấy, thử xem xem...

Tôi vừa cầm xem, bỗng giầy tơ chẳng-chịt cả mấy đầu ngón tay, lúng-túng gỡ mãi, đến lúc ngừng lên, thì ông cụ đã đi đàng nào rồi. Tay vân-về mới tơ, lưng-thưng về nhà, thấy mẹ tôi tươi cười đón cửa phờ rảng :

— Vừa rồi có bà cử Nam-xang đến chơi, nói chuyện nàng Vô-song là con gái ông Hàn Thành ; được người, được nết, chưa hứa duyên đâu, nếu con ưng ý nơi ấy, thì tốt đời lắm.

Giá-sử mọi lần tôi đã lắc đầu chối phắt ngay đấy, nhưng không hiểu sao lần này lại dễ bảo, thuận liền, mẹ tôi mừng quá, vội-vàng mở lịch xem ngày định lễ hỏi lễ cưới cùng một ngày cho tiện.

Tấm-thoắt chưa bao, tiệc yến linh-đình, áo gấm đầy nhà, pháo nổ inh tai, xe dầu đỏ cửa, tôi thân xử-sĩ đã tốt bộ tân-lang, trước án tơ-hồng cùng với cô dâu cùng lễ. Hoa-chức động-phòng, vợ mới tôi xiêm-y bóng lộn, mặt hoa da phấn, nõn-nà như ngọc. Tôi bấy giờ mới biết cái thú phòng khuê, thú hữu-tình. Mấy tháng đầu mới cưới, sao mà tôi say-sưa vợ tôi quá, không muốn rời xa nửa bước, nghĩ bụng : có vợ thú thế này, thế mà trước kia ta không biết, thực cũng đáng tiếc...

Yêu nhau yêu đến thế này,  
Gặp nhau sao chẳng những ngày năm  
[xưa.

Lừa lòn riêng trách ông tơ,  
Dây duyên chỉ khéo bây giờ mới se.  
Giường hoa nệm gấm đi về,  
Tóc tổ căn-vận muôn bề đem thu.  
Tuổi xanh hẹn buổi bạc đầu,  
Uyên-wong chấp cánh cùng nhau  
muôn đời.  
Ba sinh một lứa duyên trời.

Trời thu đẹp, cảnh thu xinh, tôi thu này vì vui vợ mới, mà trông ra non nước thu riêng một cảnh tình! Hồi-trởng lại những thu năm trước, không khỏi cứ mỗi độ hơi may hiu-hắt lá vàng rơi, là một phen ngáy-ngất thương thù mà sầu. Thế mới biết rằng có vợ, có khác. . .

Vợ tôi từ về với tôi, com bung tận mặt, nước rót tận tay, cả ngày chỉ xem chuyện giải-trí, hoặc chơi-bời với các em cháu tôi, không phải làm việc gì cả. Tính vợ tôi thích xem chớp bóng, nên hai chúng tôi tối nào cũng có mặt ở rạp chiếu ảnh, cũng có hôm thì đi xem hát cải-lương. Một hôm mưa tầm-tã suốt ngày, tối hôm ấy không đi xem được, vợ tôi ở nhà cũng có ý khó chịu, cứ gắt trời mãi. Tôi vốn vui tính, hay bông-lơn, thấy thế mới đùa, bảo vợ tôi rằng :

—Thôi, ngồi nhà bù-khú với nhau lại đỡ mất tiền! Giá cứ đêm nay mưa, đêm khác lại mưa, mưa tràn mãi thì vợ chồng mình giàu to! Xem mãi, thế mà mất chán tiền đấy.

Vợ tôi nghe nói, bỗng sầm mặt giận, bảo tôi rằng :

— Thế ra cậu vẫn tiếc tiền, cậu thấy tôi tối nào cũng đi xem, cậu xót của lắm. Đêm hôm nay hẳn mất ruột, ngũ ngon, đỡ được món tiền. . .

Vợ tôi nói dứt lời, vùng-vàng đi ngay vào buồng, hu-hu khóc. Tôi nghĩ mà lạ thay cho tình nết đàn bà, thế mà cũng

khóc được, thì ra giọt nước mắt của họ không có giá gì cả, muốn khóc lúc nào thì khóc, muốn tưới vào đầu thì tưới. Tuy vậy, tôi vốn là người chông ón-hòa, thấy vợ thế, không đành lòng, mới dỗ-về khuyên giải, cũng mong cho chắt gối ấm-ém. Không ngờ vợ tôi được thế, lại càng làm già, cứ vin vào một câu « xót của » mà chi-chiết tôi mãi. Tôi cũng bực mình, suốt đêm hôm ấy chẳng nhắm mắt phút nào. Sáng dậy, vợ tôi lại còn mặt nặng mặt nhẹ, tôi cũng khó chịu, chẳng ăn điem-tam nữa, rửa mặt uống chén nước, rồi đi vào sở luôn. Mười một giờ trưa, ở sở về, nghĩ bụng vợ mình ở nhà thế nào cũng nghĩ thương mình đêm qua không ngủ, sáng nay chày lòng, thì hẳn cũng vui-vẻ rồi, mình về chắc sẽ tươi cười đợi cửa. Té ra về nhà cơm nước vẫn chưa sắp, vợ vẫn đầu bù tóc rối ngồi lý trong màn, hỏi đến một trăm câu, cũng không ư-hữ trả lời làm sao.

Tôi tức quá, nói cục rằng : « Thế này thì thẳng chó nào thẳng không chán vợ ! . . » Tôi vừa buông lời, vợ tôi bỗng hằm-hằm đứng dậy dứt phăng cái màn ngủ xuống, xé tan ra từng mảnh. Tôi chỉ nhìn mà cười nhạt, không nói nửa lời. Tôi không nói, nghĩa là bụng tôi có điều quá chán, chứ không phải rằng sợ vợ. Chán thật! Việc lành thành ra dữ, những sự không đầu mà cũng sinh điều giận nhau, thế mới biết làm cho tan-nát cửa nhà phần nhiều tại đàn bà cả. Đã đành bát đĩa còn khi xô-xát, thời trong khoảng chần gối vợ chồng tránh sao khỏi chẳng khi chềch-lệch. Nhưng nếu gặp người đàn bà mềm-mỏng biết điều :

Chồng giận thì vợ làm lành,  
Miệng cười hờn-hở hỏi : anh giận gì ?  
thời trăm năm ân ái, cái bụng làm chồng thỏa biết bao! Được có người vợ êm-dềm thế ấy, dầu cùng nhau muối dưa một túp lều tranh cũng tình! Thế mà vô-phúc, vợ phải những bạng

vợ vô-giáo-dục, cục-cằn, hơi một tí đã thúng dụng nĩa, cất lời nói nặng như chì, thì cho dẫu chần găm mà the cũng không biết cái thú trăm năm là gì. Những người chồng không may ấy, thiết-tưởng cứ ở góa, còn hơn có vợ!

Chao ôi! tôi nghĩ mà thật chán! . . . Cảnh gia-đình tôi, vợ chồng một lứa trẻ như măng, đương buổi thanh-xuân bao âu-ái, thẽ mà vợ tôi không mấy lúc là không sinh sự, èo-nheo luôn, bần lòng tôi quá. Tôi lại còn một điều chán ngẫm chán ngẫm, không muốn nói ra: là vợ tôi không thu-vén trông nom gì đến cửa nhà cả. Thậm-chí đến mẹ tôi cũng phải phiền lòng, nhưng mẹ tôi nói ra, e rằng vợ tôi không cho là thực bụng dạy bảo, lại ngờ mẹ chồng ghét bỏ nàng dâu chẳng, nên cứ phải kín, biết mà không tiện nói; thế mới biết các cụ làm mẹ chồng, gặp phải con dâu hư, cũng lắm nỗi khổ-tâm. —

Một hôm, bất-đắc dĩ, mẹ tôi hải gọi tôi vào buồng riêng bảo nhỏ tôi rằng:

— Vợ con lười việc cửa nhà lắm, chỉ nhong-nhóng phẩn sấp suốt ngày, con phải khuyên răn mới được, ngồi rồi ăn không, thì đến non đồng cũng lỏ, núi vàng cũng nghiêng. Mẹ xem nó cả ngày không bước chân xuống bếp, đây-tớ ăn làm thế nào cũng mặc; nhà cửa bừa-bãi, giường xô, chiếu lếch, chẳng dọn-dẹp gì; tôi đến cũng không soi-xét đây-điêm, thập gạo; gổ nấp, dạn ỉa chuột ăn; nồi thau lồng-chồng mỗi nơi một cái. Con ơi, gia-đạo thành, cốt ở người đàn bà có đức, cửa nhà thịnh-vượng, cũng nhờ người vợ đảm, như vợ con thế này, thì nhà ta đến suy mất. Mẹ lo lắm, con ạ!

Tôi nghe lời mẹ tôi nói, nghĩ càng buồn. Đêm hôm ấy trượng loan rú bức, vợ chồng trò-chuyện, tôi mới lấy lẽ phải chẳng khuyên bảo vợ.

Vợ tôi ra ý hậm-hực, không bằng lòng, gắt tôi rằng: — Cậu chỉ nghe mẹ

xui giục, mẹ xưa nay có ưa gì tôi đâu, mẹ chỉ muốn cho cậu với tôi lia nhau đấy thôi.

Tôi nghe câu ấy, lấy làm phát-ý, không nhịn được, mới nói:

— Mẹ ăn nói thế còn có trời đất nào? Mẹ lấy mẹ về để làm con mẹ, làm vợ tôi, đã không hết lòng thương thì chớ, có khi nào lại muốn cho con trai con dâu lia nhau. Mẹ thật là một người không có đức, sao lại nói những câu trái lương-tâm thế? Sao lại dùng đến hai tiếng « xui giục », như vậy có phải tự mẹ gây cái ác-cảm mẹ chồng nàng dâu trước không? Tôi xét ra không phải tất cả những bà mẹ chồng mang tiếng nghiệt ở nước Nam này là có tội đâu, chính thực là con dâu có tội. Trong số mẹ chồng, thực cũng có bà nanh-nọc cay-nghiệt, bất-cận nhân-tình; nhưng hạng nàng dâu cura sừng xẻo tai ở đời này, không phải là ít. Mẹ nói rằng: mẹ không ưa mẹ, thì chắc rằng lòng mẹ cũng không ưa mẹ, nên mẹ mới suy bụng ta ra bụng người như thế. Là thay! làm sao mẹ lấy tôi, mẹ thân-thiết với tôi, mà mẹ lại ghẻ-lạnh mẹ tôi là làm sao? Ai để ra tôi? Tôi hãy hỏi mẹ: phỏng chừng như mai sau mẹ có con trai, mẹ có thích cho vợ nó bạc-đãi mẹ không? Hẳn rằng không. Thế thì ngày nay mẹ làm dâu, mẹ cũng phải nghĩ cho phải đạo chứ. Những người đàn-bà chỉ biết qui chồng, thiết chồng, mà đối với cha mẹ anh em nhà chồng không có tình gì, thì hãy tự vấn-tâm, có đáng trách không? Huống-hở mẹ người ta, công mang nặng chín tháng mười ngày, ấp ôm bú mớm, cơn sài cơn đẹn, từ lúc con lọt lòng, cho đến con khôn lớn, áo cơm chi kể, nhưng đã hao bao nhiêu tâm-lực của mẹ rồi! Thôi, đến cái sự lo con đau ốm, mong con trưởng-thành thì cũng không nói nữa, chỉ nói rằng: lòng mẹ vui có con, âu-yếm con, thực là năm năm tháng tháng ngày ngày, lúc nào cũng một mối

tình leo - đéo với con ; da thịt của con là da thịt mẹ, cho nên một mảnh lòng mẹ với con cùng liền. Ấy thế mà kíp lúc con có vợ, chỉ vì trong khoảng mẹ con, chen vào một người con dâu, mà mẹ con ân-tình xa cách hẳn. Vậy thì vợ thủ nghĩ xem tại làm sao thế ? Biết bao nhiêu cảnh gia-đình cha mẹ con cái anh em dương thân-ái hòa-thuận, cảnh nhà vui vẻ, mà chỉ vì cưới một người con dâu về, đến nỗi mẹ con bất-hòa, anh em chị em phải lìa nhau. Chao ôi ! một tiếng « dâu », ai người làm dâu nghĩ đã cam lòng chưa ? Thôi ! vợ phải nên nghĩ lại, tôi đâu là một trai đa-tình thật, nhưng nếu mẹ tôi mà buồn, thì tôi đây cũng không lòng nào ân-ái được với vợ. Vợ yêu tôi bao nhiêu, phải nghĩ đến mẹ bấy nhiêu. Tôi yêu mẹ tôi lắm, vợ thực tình thương chồng, thì chớ làm đau lòng mẹ, mà nát ruột tôi.

Tôi nói bấy nhiêu lời, vợ tôi như không thèm để vào tai, dẫn-dõi mở sầm cửa buồng, nửa đêm ra giữa sân dù đầu gối khóc.

Chao ôi ! là khó chịu ! .. Làm sao mà đàn bà lắm cách khó chịu thế ? Trong bọn trai, những ai gặp qua cái cảnh vợ thế, mới biết là bực mình. Tôi xin thú thật rằng : những lúc này tôi rất chán sự có vợ, thực là : có nhau thêm bận lòng nhau. .. Nhưng vậy mà đã hết đầu, ngao-ngán lòng tôi còn nhiều chuyện chán. Một lần có mấy người anh em ở tỉnh xa về chơi, tôi nhân cầu vui mới đi hát ả-đào. ả-đào thời riêng tôi có lạ gì, duy các bạn tôi làm việc thương-du, cái thú phồn-hoa ít khi được thưởng, nên tôi cũng muốn cùng bạn chén quỳnh câu hãm cho thêm mặn-mà. Các bạn tôi cũng nhã-nhận lắm, trước khi đi chơi, cũng đã có lời nói qua « xin phép » vợ tôi rồi. Vậy mà đương lúc anh em vui cuộc, bỗng phách vang-lừng, cầm-ca cao

điệu, bỗng một người đàn bà nhảy xổ vào chiếu rượu, túm tóc người đàn ông, vật nhau lộn-bậy. Tôi biết ngay là vợ tôi, vội vàng sấn vào gỡ ra, tức-thị vợ tôi buông ngay con dao, túm lấy áo tôi dằng xé, văng tục, văng bậy, giữa đám đông người, nói tôi mất mặt mất nhát. Tôi vừa tức vừa giận, vừa thẹn với anh em vì nổi lấy phải con vợ vô-giáo-dục. Nhưng không lẽ mà lại vũ-phu đánh vợ. Nó đã không ra gì, mình lại không ra gì nốt, cá mè một lứa, chi khỏi sự chê cười. Tôi nghĩ thế mà phải nén tâm, bụng uất, tưởng hộc máu ra được. Các anh em bạn tôi thấy vợ tôi dằng-co tôi mãi, xúm cả lại cau. Gớm ! vợ tôi bấy giờ vẻ hung-tợn, tôi trông mặt mũi sùng-sộ, cục-cằn mà kinh, không khác gì con nặc-nô, thực chán cho mặt đàn ông. Nghĩ bụng giá cứ liền-liền với những hạng đàn bà này, thì không bao lâu mới cảm-tình nam-nữ sẽ tê-liệt hẳn, không muốn gần đàn bà nữa. Tưởng-sinh tôi nói câu ấy, không khỏi phật-ý bạn má hồng. Nhưng thực đấy, đàn bà khi giận dữ, trông mặt khiếp lắm, nhất là những người hay cong - cớn, vênh mặt, bĩu môi, mồm loa mép dài, lại càng dễ chán lắm. Tôi rất yêu cái vẻ đẹp của đàn bà, mà gặp phải ả vợ suốt đời mặt nặng si-si, không lẽ gán cho ai. Đêm hôm ấy dằng xé nhau một trận ở nhà ả-đào. Về nhà mẹ tôi nghe biết sự-tình, giận lắm, gọi vợ tôi ra mắng-diếc tan-tệ. Tôi sợ mẹ tôi mệt, vội-vàng ra can, bảo :

-- Thôi, mẹ ạ, nói làm gì cho phí lời. Những hạng vợ đã có được cái mặt dày-dạn làm nhục chồng giữa chỗ công-chúng, thì cũng không nên kể là đàn bà, là giống người nữa, chỉ coi là giống la-sát, giống hổ cái mà thôi !

Mẹ tôi vẫn căm-tức, bảo rằng :

-- Không biết làm sao ngày nay lại sinh ra có cái giống nặc-nô thế, thậm-

chỉ thân-danh là bà phủ, bà huyệt, dân làng người ta có khao đám, mời chồng mình đi dự tiệc, vì lòng trọng quan, gọi ả-đào múa hát, mà cũng có bà quan đường đem đám thuê ô-tô lồng đi bắt chồng giữa đám dân làng đương yến-hội, làm mất cả thể-diện ông quan trước hàng tông-ly. Nghĩ mà đã khốn-nạn thay cho những người đàn ông gặp phải hạng vợ lằng-loàn, vô-giáo dục ấy. Ngờ đâu lại đến con mình cũng vợ phải giống yêu-quái! Tưởng-sinh ơi! mẹ mày thật vô-phúc!

Mẹ tôi nói rồi, vật mình hu-hu khóc. Tôi quì bên khuyên giải mãi mẹ tôi mới yên nghĩ.

Tôi từ ngày thấy vợ tôi sinh lắm chuyện lòi-thời thể, lòng riêng cũng chán cảnh gia-đình, không muốn ở nhà nữa, nhiều đêm ngủ chơi nhà anh em, đến sáng mới về. Vợ tôi thấy vậy, lại ngờ tôi nhân-tình nhân-ngãi, nên chẳng ngày nào là không kiếm chuyện sinh sự với tôi. Có đêm lái-nhãi dầy-vò tôi suốt sáng. Một đêm đã khuya rồi, vợ tôi còn cứ nghiên-ngắm mãi, tôi mất ngủ, tức quá, vung dầy tung chăn gối, hét lên rằng:

— Vợ đâu lại có giống vợ quỉ! cứ đêm đêm dầy nghiên chồng. Đêm phải để cho người ta ngủ chứ, ngày đã không được nghỉ-ngoi, chán gối nằm canh lại èo-nhèo khó chịu, chẳng vợ thì đừng vợ, nợ nhau thế không khâm được!

Mẹ tôi thấy tôi quát mắng rầm-rĩ trong buồng, vội-vàng chạy vào can ngăn, rồi dắt tay vợ tôi ra nhà ngoài sẽ bảo:

— Vợ chồng đêm khuya thanh vắng, thiếu gì câu chuyện chung-tình tri-kỷ, sao con lại cứ dầy-vò chồng như thế? Đàn bà nhiều người hay có cái thói khó chịu ấy, con phải bỏ đi. Dù có điều kiện nhau đến thế nào nữa,

nhưng đêm là lúc yên tĩnh, phải để cho chồng nghỉ ngơi, mới là người đàn bà biết điều. Con đối-dãi với chồng không ra gì, cứ nay sinh sự, mai sinh sự. đến nỗi người chồng bước chân ra ngoài, không muốn trở về nhà, thế mà không biết hối-quá, còn cứ lòi-thời mãi, thì rồi cảnh gia-đình này ra làm sao? Con ạ, đàn ông không thể thiếu được tấm lòng âu-yếm của đàn bà, nghĩa là trong tình riêng bao giờ cũng muốn được có người yêu mình, và để mình âu-yếm, thì cuộc đời mới êm-dềm vui sướng, cho nên phạm là chồng, ai cũng thích vợ đằm-thắm yêu chiều mình. Những người đàn bà hay gây sự với chồng, èo-nhèo, gắt-gỏng, dầy-vò, dầy-nghiến chồng, đều là khờ cả, chẳng những tự mình làm cho ngang cung cầm-sắt, lại thêm để chán-ngán lòng đàn ông. Trong khoảng vợ chồng ở với nhau, một câu hữu-tình, một lời tri kỷ, có khi cũng đủ buộc tấm lòng nhau mãi đến già. Thế thời sao con không biết lựa tình ăn ở cho êm-dềm lòng nhau. Trăm năm có được là bao, mà èo-nhèo để thiệt những ngày ái-ân. Nay, con ơi! con đừng có lòi-thời với chồng nữa mà thiệt, chán gối gia-đình đã không êm-ấm, thì gái ngoại tình là thú rất hữu-tình của đàn ông đấy. Con sinh sự mãi, có khác gì con xưa chồng đi với gái, đàn ông đến đâu chẳng có đất gửi tình. Con biết khôn thì phải liệu mà ăn ở.

Chao ôi! Mẹ tôi tuy nói thế, song lòng riêng chắc là cũng bực lắm. Tôi thì chán quá rồi, chẳng nghĩ gì nữa. Qua một đêm ngao-ngán, sáng tung chăn, mở cửa bước xuống thềm, đây sân lá vàng rụng như trút, ngọn thu-phong hiu-hắt xa đưa. Ôi! thu đã sang rồi đây, nhưng lòng tôi thu này tiêu-diệu đã khác hẳn thu xưa. Ngẫm từ có vợ, xuân-thu đắp-đổi mới một năm

tròn, chần gối ba sinh chỉ duy được mấy tháng dầu hơi êm-ấm, còn thì phòng loan hôm sớm, tiếng bắc tiếng chi, không ngày nào là không có điều khó chịu. Tôi còn nhớ thu năm trước, trong âu duyên mới, có mấy câu lục-bát dấu chẳng vắn-hoa, nhưng cũng buộc được tấm lòng ân-ái đôi lứa trăm năm. Nay nghĩ đến mối duyên đã biến thành mối nợ, thời chi cho khỏi ngậm câu vắn cũ lòng thương nổi lòng.

*Nợ dầu vương-vấn kiếp này ?  
Biết thà rũ phứt ngay ngày ngày xưa !  
Nỗi riêng, riêng trách ông tơ,  
Duyên se, se thế, ai nhờ mà se.  
Thu đi, thu đã lại về,  
Ta hờn chần gối, nghĩ gì đến thu.  
Tóc tơ mới một năm dầu,  
Ái-ân bao tưởng nên câu : nợ đời.  
Dậm chân xuống đất kêu trời ! . . .*

Thực vậy, tôi vốn đã biết trước từ xưa duyên ít, nợ nhiều, nên vẫn kinh sự lấy vợ, không ngờ đây tơ vương mối, rắc-rối trăm đường, sự này không thể không bắt đền ông Tơ. Bèn lại cầm bối tơ ngày trước ra chỗ cầu đá xưa, cao chín tầng mây, ngẩng mặt trông lên niệm câu thần-chú. Quả-nhiên trận gió ào-ào, ông cụ đến ngay. Tôi trông thấy vái chào, rồi trách ngay :

— Cụ làm khổ Tởng-sinh này quá !  
Ông cụ cười hỏi : — Làm sao ?

Tôi nói : — Được cụ trao cho mối tơ, quả thành duyên ngay, thoát dầu mới cưới vợ, thì thú lắm, nhưng về sau ngày một ngày hai, ở gần đàn bà, mới biết khó chịu lắm, nhiều nỗi bức không nói được. Thiết-tưởng trai như con cũng là hạng chồng có tư-cách, không ngờ gặp phải vợ không ra gì, Cụ giữ việc se duyên, sao không cho vợ nào chồng ấy, có phải các cảnh gia-dình hạ-giới đều vui-vẻ không ? Làm sao lại se rắc-rối, trai hay gặp vợ

dở, gái ngoan sánh chồng hèn, thực là chệch-lệch quá ! Đã đành cụ chấp đầu nên đôi đũa, miễn xong việc cụ thì thôi, nhưng cảnh trăm năm của khách trần-gian, vợ chồng mới cá mới rau, cay đắng lắm ! Có người thất cổ vì vợ, có kẻ tự-sát vì chồng, tưởng trách-nhiệm tơ hồng cụ nên cẩn-thận.

Ông cụ nói : — Nào có phải lão se quàng se xiên đầu ; song chồng hay vợ dở, gái ngoan chồng hèn, thế mới hợp lẽ thừa-trừ của Tạo hoá, bởi thế nên mới có câu :

*Thế gian được vợ hồng chồng,  
Có phải như rồng, mà được cả đôi.*

Thầy vốn là người đạt-lý, có lạ gì cái lẽ ấy, hà-lắt còn trách công việc lão.

— Con đâu dám trách cụ, riêng chỉ nghĩ trăm năm không phải một ngày, kiếp làm trai gánh vác việc đời đã nhiều nỗi lo nghĩ, nơi chần gối lại gặp phải vợ không ra vợ, thì khổ suốt đời.

— Thôi ! vợ con thiên-hạ phần nhiều cũng hư đoảng cả, có kẻ ân-ái đương nồng, mà bỏ ngay chồng đi theo trai, cũng kẻ mồm loa mép giải, chữ chồng chữ hát hay ; kẻ thì vung tay phá cửa, sống chết mặc chồng, những hạng vợ hư, kẻ sao cho xiết. Vậy mà những người làm chồng cũng cam lòng cả, bỏ-hòn ngậm mãi lâu ngày cũng quen, thầy có ngại gì. Vả tiếng «vợ» với «nợ» xưa nay vẫn đi liền nhau, may được vợ càng hay lắm, chẳng may gặp nợ nữa, thời ngày ba vạn sáu, phỏng có là bao. Thầy cố nhẫn - nại, đừng than-thở nữa...

Ông cụ dứt lời, vội-vàng quay đi, lòng tôi đương khốn-nạn vì nỗi vợ, đã kịp bắt đền đầu, chạy vội đuổi theo, vấp một cái nên thân, mở choàng mắt dậy, mới biết rằng mình chiêm-bao. Phòng riêng gối chiếc chần đơ, góc đầu

giường vẫn vài quyển sách, thì ra mình vẫn nằm không chưa vợ! Mừng mừng quá, già không tỉnh mộng thì nguy!... Tuy vậy, ngẫm chuyện trong mơ cũng nhiều thú-vị, vậy mái tây cầm bút, chép câu chuyện mộng, lưu đề làm gương «vợ» thế-gian.

Nhấn-nhe ai khách má hồng,  
Tóc-tơ chớ để nợ chồng (1) trăm năm.  
Đã lòng sửa túi nâng khăn,  
Giang-son gánh nặng, đỡ-dần một vai.  
Đường trần leo-đéo dăm-dài,  
Cùng nhau vui bước những ngày nắng  
Gia-đình mọi nỗi sau xưa, [mưa.  
Nói già dạy trẻ mong nhờ có nhau.

Ở sao trọn đạo làm dâu,  
Nghĩ sao xứng chữ «hảo-cầu» mới  
Cửa nhà khuya sớm lo toan, [ngoan.  
Khéo tay kim-chỉ, dịu-dàng vết-na.  
Khi ăn nói, lúc vào ra,  
Mặt hoa hôn-hở, miệng hoa tươi cười.  
Khuyên chồng khéo lựa từng lời,  
Yêu nhau chỉ bắc, ngậm-ngùi lòng  
Ái-ân ngày tháng bao lâu, [nhau.  
Trăm năm chi để những câu bất-bình.  
Vi chẳng duyên nợ ba sinh,  
Túi khăn ai có lụy mình mà chi.  
Nghĩ sao vẹn đạo xứng-tùy... .

VÂN-HƯƠNG nữ-sĩ

## LỜI CẢM-CỰ'U

### 1. - Đi học

Cùng một ngày về tháng tám như đã trông thấy những chực ngoài năm về trước, sau cơn mưa gió, giọt nước hãy còn đọng lại trong tàu dừa và trên lá xoài trông theo hai bên vệ đường, thỉnh-thoảng một làn gió thổi đến thì rung động mà gieo nặng xuống đất, sỏi thành những lỗ thủng nho - nhỏ. Hạt mưa như sợi tơ, bay phấp-phới trên mái nhà lá và ngoài trời bao khắp những mây trắng mờ-mờ. Bên đường có cậu bé đang cắp sách đi học, vì ngày ấy là ngày tựu-trường.

Năm này cũng như năm trước, cũng trời ấy, cũng đất ấy, quang-cảnh không có đổi gì cả, là vì mấy cây xoài ngày xưa tôi hay loanh-quanh dưới gốc mà nhật trái, bây giờ cũng còn tươi-

tốt, duy có thằng tôi buổi ấy thì ngày nay đã khôn-lớn, đã thành người huynh-trưởng đang dắt em đi nhập-học.

Tôi có ý bực theo con đường cũ, hồi xưa thường đi đến trường và cố ý trông vào mấy gốc cây cổ-cựu kia để tìm-kiếm lại cái dấu-vết buổi thiếu-thời. Cây dừa cũng không thấy cao hơn, chòm xoài cũng không thấy thịnh hơn, dường như trong mười mấy năm nay nó nghỉ lại đó mà không lớn lên một chút nào cả. Sao mà tôi lại chóng lớn thế này? Tuy-nhiên cũng có cây đã già-cỗi, còn rủ lại một gốc mục-nát, loài mỗi làm ổ lên trên, xa trông như cái tai nấm. Gié thời đến, một vài chiếc lá rơi rụng xuống đường. Thấy quang-cảnh ấy mà tấm lòng tôi phút chốc lai-láng hồi-hồi, mối tình cảm-cựu khiến

(1) Nợ chồng đây là làm nợ chồng, nói những người vợ hư, không ra gì. - V.H.

cho bàng-khuàng thồn-thức. Ngày nay tôi bắt đầu nhập-thể cũng như em tôi khởi-sự nhập-học, việc đời man-mác mơ-màng như mưa phùn, như mây ám, công-danh sự-nghiệp chưa được một mảy mảy gì, vừa trông thấy, vừa suy-nghĩ mà lấy làm lo-sợ, cũng như ngày xưa tôi cấp sách đi học, tưởng đến công-việc nhà trường mà ghê-gớm vô-cùng. Khi ấy thì chỉ biết thương tiếc cuộc chơi thuở nhỏ và lại lo sợ việc học trong lúc bấy giờ. Bao nhiêu tâm-trí trẻ-thơ vẫn gửi theo chiếc diều giấy đang bay lượn trên mây xanh, bay đã vờ-vờ theo làn cỏ biếc cùng các bạn chơi đùa buổi trời tưng sáng. Mà bây giờ thì lại nhớ đến lớp học ngày trước là vì rõ đã trở ra câu chuyện cũ với tôi rồi, cũng như chiếc diều giấy đối với cậu bé kia là cuộc chơi xưa vậy.

Tôi xoay tròn cán dù đang cầm trên tay mà nghĩ vờ-vờ đến lớp học trước, bạn học xưa, thầy học cũ, cả thấy những cái dấu vết ấy đều gọi lên một mối tình thương tiếc lảng-lai man-mác, vì tình thầy-trò bè-bạn đã gây nên trong lớp ấy toàn là thứ tình chân-thật, ngày nay không biết tìm kiếm vào đâu được nữa. Đời người cũng như lá rụng trên quãng đường này. Kể từ độ đâm lộc đến thành lá non thì cũng kìa ông mấy chốc, mà lần lần rồi già, rồi ứa, rồi vàng, rồi gặp một cơn gió thổi đến là rụng xuống để cho cái lộc khác kế-tiếp. Cho nên việc đời, mỗi việc mỗi qua qua mất, khiến cho người ta đứng ở trong một cảnh nào chưa kịp phải vui hay buồn, thương hay ghét, thì cảnh ấy đã vụt qua mà cảnh khác thoạt đến, trong đời người bao giờ cũng gặp những cảnh-ngộ mới-mẻ mơ-màng. Cũng bởi thế nên người ta hay nhớ đến chuyện cũ mà lấm lòng người dẫu già, dẫu trẻ, dẫu vui, dẫu buồn, dẫu lấy cái ký-vãng làm cái thú-vị tử-tê êm-ái, khiến cho mình quên mất cái hiện-tại phiền-

não và cái tương-lai tịch-mịch tối-tăm. Trông như cậu thư sinh này, đôi mắt ngơ - ngẩn nhìn tôi như muốn nói chuyện gì mà không thể nói, tôi biết tấm lòng đó cũng lo sợ như tôi, thủa nọ và cũng như tôi là không chịu nói ra.

Rồi lại đến một ngày kia, mà ngày ấy cũng không xa-xôi gì, cậu sẽ trở lại đây mà thơ-thần dưới bóng xoài để tìm lại dấu-vết hiện-thời, nhưng tìm đâu cho thấy. Rồi thì cũng như tôi ngày nay, chỉ đứng ngẩn-ngơ một lúc để nói với tấm lòng hoài-cổ. . .

## 2. — Hai cái sợ.

Thửa nhỏ, tôi là một đứa trẻ sợ ma lắm.

Thường đêm ông tôi gọi lại nằm một bên để giảng cho nghe những câu chuyện về ma-quái. Ông tôi bảo :

— Chuyện ma-quái là tại người ta bày đặt ra, thật thì không có gì cả.

Tôi nói :

— Có. Người ta chết thành ma.

— Con thấy không ?

— Không, mà chắc là có ma.

— Người sống con sợ không ?

— Không.

— Sao con lại sợ người chết ?

Tôi nín lặng, ông tôi nói tiếp :

— Người chết hiền-lành tử-tế lắm, con ạ. Con có thấy những người chết mà hay say-sưa, gậy-gỗ, chửi-mắng, đánh-dập với nhau không ? Người ta chết rồi còn lại cái hồn ma phát-phơ như mây như khói, yếu-đuối mong-mạnh vậy, thì còn làm gì được nữa. Người sống có sức-lực mạnh-mẽ có thể phá hại người khác, con đã không sợ thì sao lại sợ cái hồn ma yếu-đuối như thế ?

Rồi ông tôi lại kể những câu chuyện ma thường thường ai cũng hay nói đến và giải lẽ rằng bởi có tính nhát, trong lòng bối-rối sợ-sệt quá nên thấy ra làm vậy.

Nhưng trong lúc ông tôi giải những cái lý không có ma thì tôi lại nhớ biết bao câu chuyện ma nhát, người ta thuật lại buổi trời tối mịt, gió thốc, cây rung, lạnh-lẽo điu-hịu vô-cùng.

Tôi nghĩ thầm rằng :

— Có ma. Thế nào cũng phải có ma. Không có là tại ông chưa gặp thôi. Giống ma ghê-gớm lắm, khi thì hiện hình đàn-bà mặc đồ trắng, tóc bỏ xòa, qua qua lại lại dưới bóng cây sầm-uất, khi thì hiện hình ra vật này vật khác, có đủ màu sắc dị-kỳ quái-lạ, có khi thì ở trên cây cao ca hát, hoặc kêu gọi người đi đường. Chính tôi đã có chiêm-bao thấy ma rồi nữa. Ma lại có nhiều thứ, như ma người, ma chó, ma mèo, vân-vân.

Mỗi lúc tôi nhớ đến những chuyện ấy thì một luồng khí lạnh bỗng rung động cả mình lại, rồi dẫu cho ông tôi có giảng-giải dài cho đến mấy ngàn lễ, mấy đêm nữa, tôi cũng vẫn không tin.

Những buổi tối trời, tôi đi một mình ngang qua mấy chòm cây lớn thì trái tim đập mạnh, tôi muốn nhảy, muốn bay cho qua khỏi, liền trong lúc ấy, mắt hoa lên, trong mỗi cái bóng tối âm-thầm, dường như thấy có dạng người dương ần-núp, chực mà phá quấy. Tôi don-đả đi, tôi tất-tả bước, nhưng càng muốn cho mau bao nhiêu thì lại coi như chậm bấy nhiêu. Giữa lúc ấy chợt có vài người cùng đi đường trước tôi một quãng, tôi chạy mau theo và khi vừa gần đến nơi thì sẽ đi chậm chậm thông-thả, đoái lại chòm cây như có ý muốn nói rằng :

— Thôi, có người ta rồi, còn sợ gì nữa !

Ngày nay, đối với những chuyện ma quái ấy, tôi tự suy-nghĩ mà hiểu, không lấy làm sợ đại như trước nữa ; nhưng lại phải sợ cái khác, có lẽ càng khủng-khiếp hơn nhiều.

Mỗi khi tôi nghe chuyện đánh-đập đâm-chém với nhau, hay kẻ cướp giết

người lấy của, cùng những cuộc đàn-áp bức-bách kẻ hèn-yếu, để tranh quyền đoạt lợi, cho đến những cuộc chiến-tranh lớn-lao của nước này nước khác, phương này phương kia, đại-khái nhỏ từng người một, lớn cả thế-giới, tôi nghe những chuyện khốn-khổ như thế, đều lấy làm kinh sợ mà tê-tái cả lòng.

Ngồi một mình trong xó nhà giữa đám họ-hàng, hay đi ra ngoài, giữa đám đồng-loại, hoặc là ở đâu đâu, tôi cũng không lấy làm yên-ôn được. Tôi muốn ở riêng một chỗ quanh-hiu vắng-vẻ để cắt mối liên-lạc với người đời thì may ra mới ít chuyện phiền-não. Nhưng mà dưới khoảng trời đất này, không nơi nào là vắng nữa, dẫu ở chỗ nào cho thật xa lạ kín-đáo, thì đến một ngày kia người ta cũng sẽ tìm đến.

Tôi nguyện sẵn lòng giùm-giúp mọi người mong nhờ tôi, hoặc là giúp tiền hay giúp sức, nhưng tiền-của của tôi bao nhiêu, tôi không thể giao tất-cả cho người, vì tôi không có cái gan nhịn dúi mà chết; lại quyền-thế của tôi, tôi cũng không cho ai được, vì tôi không làm sao sống mà không có tự-do, không có chủ-quyền về thân tôi nữa. Nhưng lúc nào tôi hãy còn chút tiền-của, quyền-thế thì không bao giờ người ta chịu để yên cho tôi, ngoi súng luỡi gươm dường như chực sẵn ở đâu đâu để mà hại tôi vậy.

Cuộc đời ngày nay, cảnh nào cũng là cảnh chết cả. Nếu để cho người ta giết hết tiền-của đi, tất phải cùng-khổ, nếu để đoạt hết quyền-thế đi tất phải nô-lệ, mà nếu chống cự lại thì thế nào rồi cũng phải thương-hại thôi. Cho nên tôi tưởng-tượng thân mình ở đời cũng như một kẻ bị đẩy vào chốn phương xa cõi lạ, một thân thui-thủi quanh-hiu, không có ai là người thân-thích, trông ngọn khói phất-phơ nhà người ta mà ngỡ là làng xóm của mình, trông bà con anh em người ta xum-

vây đông-dủ mà ngỡ là họ-hàng của mình, trong lòng ngỡ là người ta xót-thương yêu-mến, nhưng không dè khi người vừa trông thấy một kẻ tội-vạ như mình thì muốn hành-phạt ngay đi. Ai ai cũng thù-hầu với tôi cả, mà nào tôi đã có tội gì!

Than ôi! thừa bé tôi sợ ma thì còn trông cậy vào người, ngày nay tôi sợ người thì chỉ thương thay cho chiếc thân yếu-đuối, đã trót lạc-loại vào kiếp phù-sinh!

### 3. — Một bày khi.

Những tư-tưởng của tôi đều vay mượn cả ở sách-vở. Tôi thật mắc nợ lớn đối với người hiện-thời cũng như người đã qua, dầu đời nào thừa nào, đã lui về trong khoảng thời-gian xa-lắc. Từ bấy lâu nay, tôi sống bằng cảnh mộng tuyệt vời, tưởng-tượng như người ta đều sinh-hoạt trong một cái trạ-tự nhĩp-nhàng êm-ái theo lời sách dạy. Mãi đến khi ra đời, nhất-dần những mộng-cảnh tan-tát như sương mù buổi sáng, một mình ngần-ngơ giữa cảnh chiến-trường khốn-đốn:

*Đoạn trường lúc ấy nghĩ mà buồn tênh!*

Tôi liền muốn trốn đời để chìm đắm trong giấc mộng buổi trước. Tôi toan cắt bỏ giây liên-lạc với người đời, tất-nhiên xong cả; bởi nghĩ rằng: thân mình nhỏ-nhen như mây lông, như gợn bụi, có ra về gì. thì dầu có, dầu không, mà thiệt-hại gì cho vũ-trụ? Ừ, nếu tôi tuyệt đời thì cũng xong và thật dễ. Nhưng nếu đời tuyệt tôi thì tôi sẽ trở ra thế nào? Một mảnh thân nhỏ-nhen như mây lông, như gợn bụi, đặt giữa cảnh thiên-địa phong-trần thì tương-lai sẽ ra làm sao? Huống-chỉ ngày nay tôi đã trót nặng nợ với đời và còn cần phải vay nhiều nữa, thì yô nợ làm sao? Mỗi lúc buồn lòng, muốn xa lánh với cuộc đời, thì những tình-cảm

rối-bời trong dạ, tôi đặt quyền sách xuống, hồi nghĩ lại câu chuyện lâu xưa này.

Câu chuyện đã một chục ngoài năm về trước. Phương-thành buổi ấy còn phảng-phất cái phong-vị cổ-thời, nhà còn là nhà lá, người toàn là người quen cuộc sinh-hoạt bình-thường giản-dị.

Một cánh đồng bằng từ chân núi Thạch-động chạy thẳng ra bờ biển Mũi nai, cây chàm cổ năng chen-chúc, đứng trên đồi cao trông xuống, sắc xanh xanh, chìm đắm trong sương mù bãi biển. Lúc trước ông tôi có khàn mấy mẫu đất trồng lúa, thường ngày ra coi cho nông-nhân làm việc, hai bên đường, cây mọc sâm-uất, mùa hạ ve ngâm, mùa xuân chim bót, vắng-vẻ yên-tĩnh như lạc-loại trong khoáng rừng sâu. Bên bờ ruộng có mấy gốc xoài xù, tàn cao bóng cả, gần dưới gốc nhô lên một tảng đá thật lớn, tôi thường treo lên để trông ra bốn phía. Những buổi sáng ngày thanh-khiết giọt sương lá cỏ lóng-lánh bóng trời như gương trong như ngọc chuốt, tiếng chim réo-rắt đầu cành, bóng hoa chập chồn dưới núi, trên mây trong gió vắng-vắng tiếng gà gáy chó sủa, cảnh nào vật nào cũng dường tươi cười hơn-hở, thật dễ say đắm lòng người. Tôi thường chạy đuổi bắt một đàn bướm từng năm ba con, đang bay bên trời, màu vàng phấp-phới như cánh hoa hoàng-mai về buổi mộ-xuân, trong lúc ấy thì nghe ở dưới ruộng đưa lên một khúc hát của người mán-thổ, tiếng vui vẻ không cùng. Trời nắng lạ, tôi vào nghỉ mát trong gian chòi tranh, cất ở giữa ruộng, cùng ăn cơm với ông bà tôi trong ấy. Những buổi mưa sa, nước tràn bờ ruộng, ngồi trong chòi trông ra một vũng nước bằng-phẳng như tờ, rải-rác mấy ngọn cỏ năng phất-phơ theo làn gió thổi, mặt nước lãn-tãn phản-chiếu ánh trời, bấy giờ thì tưởng như mình đang ngồi trong một chiếc bè lênh-dênh trên bãi biển.

Giữa buổi ấy, nông-nhân đều nghỉ việc, tiếng nói tiếng gọi nhau đã vắng, ngoài nội chỉ có những đôi còng cây, chiếc lá lật-lừa toi-tả, mấy chòm mây trắng phau-phau bay lơ-lửng trên trời xanh, vài con bọ ăn cỏ bên bụi rậm, cảnh-vật dường như mệt-mỏi cả, lúc ấy thì tôi cũng ngã trên chiếc võng sắp mộng dài trong làn gió mát. Gió thổi từng trận, êm như ru...

Một hôm đang giấc ngủ, tôi giật mình tỉnh dậy, bên tai vang những tiếng rầm-rĩ lạ-lùng : trông ra thì là một bầy khỉ ngót ba bốn mươi con đang bao-bọc quanh chòi, nhả răng há miệng, ghé-góm quá ! Trong chòi chỉ có mình tôi, ngoài ra không còn một ai nữa, khách qua đường cũng vắng ngắt, bấy giờ tôi thật sợ-hãi, khiếp lắm, rùng cả mình, tôi la hoảng lên. May sao, gần bên có kê một bó củi, tôi rút từng cây mà liệng bỏ ra. Bầy khỉ vẫn coi như không, hoặc cũng sợ củi mà tránh ra một khoảng, rồi lại sắp lại gần, chực xông vào. Củi lại hết. Đường thật đã cứng, thế cũng đã kiệt, tôi chỉ còn kêu cứu, tôi la lớn, tiếng vang lên gần võ đầu mà chẳng có một tiếng trả lời. Thôi, thế là hết. Tôi run như bị lạnh... Vừa lúc ấy, thì ông tôi và bà tôi ở trên núi tắt-tả chạy xuống, than ôi ! tôi mừng quá, tôi ngồi phịch trên chòi, bao nhiêu những điều sợ hãi, bao nhiêu những nỗi vui mừng nó xung-đột với nhau, khiến cho tôi bỗng đứng mà khóc, tiếng khóc thấm-thiết từ trong đáy lòng đưa ra...

#### 4. — Một cái bạc

Năm 1914 sinh ra trận Âu chiến. Trừ ra một vài nước thì cả thế-giới đều có phái người sang Pháp để dự cuộc chiến-sự, cùng với Pháp đồng-huỵ công-thích cho trọn tình giao - hảo trong trường quốc-tế. Các nước liệt-cường đều liên-hợp lại, thành ra một đoàn-thể rất lớn, gồm hầu khắp thế-giới, nhờ vậy mà cuộc chiến-tranh mới

thêm long-trọng, vang-dậy cả hoàn-cầu. Cho đến những dân-tộc yếu-hèn, yèn-cư trong một xó trời đất, không đủ sức tự-cường độc-lập, vẫn phải nhờ các mẫu-quốc nhận làm thuộc-địa cai-trị giùm, trong lúc ấy cũng phải kêu nhau đi phò nguy cứu khổn cho mẫu-quốc, để tròn chút tình « mẫu-tử ». Nhà nghèo biết con thảo là ở trong những lúc này vậy ; các nước thuộc-địa đối với năm 1914 thật là một năm đáng kỷ-niệm, một năm tốt-tươi lành-lẽ biết bao nhiêu ! Chính là năm mà tác lòng trung-hiếu, trong sáng như gương, mới có thể giải cùng trời đất biết.

Ở Đông-dương, ông Toàn - quyền SARRAUT, lo đi diễn-thuyết, cổ-động cho tâm lòng trung - hiếu ấy. Ông đọc những bài diễn-văn dài dằng-dặc. Ông tả-chân những cảnh tàn-ác của vua Uy-Liêm, ông tách - bạch những chuyện đáng thương-yêu qui-mến của dân Pháp, ông hẹn-hò những tương-lai tốt đẹp với người Nam, ông nói rồi ông nói, ông đọc rồi ông đọc, lời văn giòn-dã, giọng văn hùng-hồn, mà ngày nay người ta đem ra duyệt lại thì thành ra lời nói không cả. Cho mới biết sự-thế bất-thường, cuộc đời thay đổi là thế ấy. Nhưng trong lúc nọ, lời ông dương giòn, giọng ông dương hùng, người ta mê-mẩn ngẩn-ngơ, kéo nhau cả đàn cả đám, gạt lệ phân tay, đoạn tình với cha mẹ, vợ con, anh em, để sang giúp việc cho « mẹ nuôi » ở tận đàng phương trời xa-xa thăm-thẳm. Một thân con, hai người mẹ, như dân Nam ở buổi ấy, thật khó lấy làm xử cho vuông tròn cả hai đực. Ở Tây, ở Nam, đôi phương cách-biệt, ngàn trùng nước mây, mà ở đâu đâu thời cũng là gốc tử đậm phần, đứng ở gốc tử đâu này trông về đậm phần cuối kia mà không sao khỏi :

*Bâng-khuâng nhớ mẹ chín chiều ruột*  
[đau !

Tiếng súng đồng nổ rầm lên, vang dậy một phương cầu, thế nhưng không lấp được tiếng khóc của cha già, mẹ yếu, vợ dại, con thơ, rải-rác cùng dưới gầm trời góc biển. Mỗi ngày những bà đầm tụ lại số giấy-thếp, trông mong tin-tức của chồng con ngoài trận giặc, nét mặt rầu-rầu mà ١o-sợ, ngần-ngờ rã-rượi, sau khi trở ra, có người bung mặt khóc vang lên, tiếng khóc li-ti thuần một giọng Tây, chẳng có mùi-mỡ An-Nam chút nào cả.

Tôi nghĩ rằng :

— Cả nhân-loại chung gồm dưới bóng trời này, dầu phải chia cách Đông, Tây, Nam, Bắc, dầu phải phân-biệt vàng trắng đỏ đen, khiến cho giống người có khác với nhau vì phương-hướng, vì màu da thịt, nhưng mà những cách khác nhau ấy, chẳng qua là khác ở vật-chất thôi. Đến như tinh-thần thì giống nào cũng như giống nào, cũng biết đau-đớn, biết vui - mừng, cũng một mối cảm-tình về cảnh-ngộ xui nên, đại-khái thì « cũng nhân-tâm ấy, há thiên-lý nào ? » Cho nên mỗi khi tôi nghe tiếng khóc, dầu là khóc tiếng Tây hay tiếng Tàu, tiếng Chà hay tiếng Mọi, dầu là tiếng gì, cũng đều lấy làm cảm-động bi-thương cả. Những người Nam, chết chồng mất con, mà than-van khóc kể, tôi thương xót quá, cho đến mấy bà đầm khóc, tôi cũng không dám bảo là hèn-nhát sợ-sệt, vì tự tôi đã lượng được là cái thống-khổ vô-cùng của nhân-loại vậy.

Đối với cảnh trời châu biển lệ năm ấy, tôi cũng chửa-chan nước mắt để đồng góp với người đời. Nhưng tiếng khóc tôi vẫn có ý-nghĩa khác, không phải như ai mà : « khóc vì nổi thiết-tha sự thế », hay vì : « thương cho ai mà khóc cho ai »; chẳng qua là vì miếng ăn vật uống thôi, là bởi năm ấy tôi mới lên sáu tuổi, chưa từng có cảm-tình về những chuyện thống-khổ như thế. Tôi

ngâm trời đất toàn là một cõi lạc-thú hòa-bình, giọt sương buổi sáng, cánh hoa ngày xuân, con chim kêu, ngọn gió thổi, hôm sớm thông-dong.

Sự tình-cờ run-rủi cho một đứa trẻ ngày-thơ thế ấy, bỗng-nhiên có dính-dấp với đoạn lịch-sử Âu-chiến to-tát này. Tôi còn nhớ : một hôm, ông lớn chánh chủ tỉnh và bà đầm cùng sánh vai bước vào nhà tôi. Tôi đứng khép-nép một bên cạnh cửa để trông ông lớn nói chuyện. Giây phút, thấy ông lớn lấy tiền túi ra, bỏ vào cái hộp sâm-banh của bà đầm đang cầm trên tay. Trong lúc ấy, bà tôi liền quay lại ngó tôi, cho một cắc bạc, bảo bỏ vào hộp ấy. Bà đầm đưa cái hộp xuống ngang mặt tôi và mỉm cười một vẻ cười tử-tế dịu-dàng lắm. Tôi se-sẽ bỏ vào. Rồi thì nghe như hai tay ông lớn vỗ cái đầu tôi, lại nghe như cái miệng ông lớn cười, nhưng tôi sợ quá, chẳng dám trông lên. Khi ông lớn bà lớn trở ra đi, quả tim tôi còn đập mạnh một lúc khá dài, mới sẽ an lại như trước. Tôi có ý xem xét từ đó về sau, cái gót « bốt-tin » chẳng mấy khi lũng-thũng trên đất nhà ai nữa.

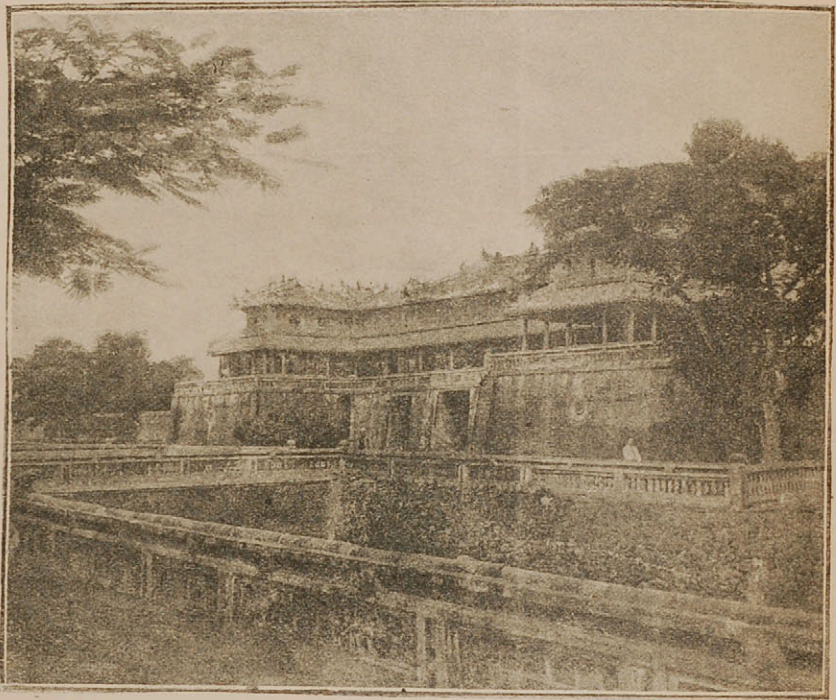
Ngày nay, những buổi chiều trời thanh-lũnh, một mình thơ-thần trên quãng đường, nghĩ đến cuộc đời không may mà chua xót. Một chiếc xe hơi chạy qua, tung bụi cả lên, tôi trông theo hai vợ chồng ông lớn bà lớn trên xe, mà tưởng chừng bao nhiêu cảnh hoan-lạc, cuộc hạnh-phúc trong cõi hồng-trần đều bao-học quán-quit cả theo đôi lứa ấy. Còn tôi, com ngày hai bữa, thuế năm một đầu, hồn-chồn vất-vả mãi, vẫn chưa chắc là đủ, chạnh lòng-hồi-tưởng lại câu chuyện làm nghĩa làm phước năm xưa mà nức cười thay cho mình ! . . .

Ảnh Cung-điện Huế



Cửa Hiến-nhân vào Hoàng-thành Huế

Ảnh Cung-diện Huế



Cửa Ngọ-môn trước điện Thái-hòa

*Kính-ảnh T., -C. Khuyên.*

# XÃ-HỘI CỔ NƯỚC TÀU

Nay các nhà học giả nước Tàu đã hơi biết bàn về xã-hội-học, nhưng chẳng qua chỉ học-tập về một vài cái thuyết của các nhà học-giả phương Tây, chớ còn đến cái tình-rạng xã-hội tổ-quốc thì mấy người đã tra xét ra được. Cái xã-hội quá-khứ như đời Đường, đời Ngu, đời Tam-dại, nhân-dân phong tục như thế nào, ngôn-ngữ văn-tự như thế nào, cái cách ăn uống, áo mặc như thế nào, cái lễ tử táng hỏa-thủ như thế nào, cái chế-độ cát-hung, quân-lính, tân-khách như thế nào, đều không hay xét biết được một phần trong muôn phần. Dương Chu có nói rằng: « Các việc đời thái-cổ thì mất hết rồi, còn ai nhớ được nữa. Việc đời Tam-hoàng thì như còn như mất, việc đời Ngũ-đế thì như tỉnh như mê. Việc đời Tam-vương thì hoặc ẩn hoặc hiển, đến hàng ức mà không biết được một phần. Việc đương đời mình thì hoặc còn hoặc trông thấy, đến hàng vạn mà không biết được một phần; việc ngay trước mắt thì hoặc còn hoặc mất đi, đến hàng nghìn mà không biết được một phần.» Kể từ thái-cổ cho đến ngày nay, trải bao nhiêu năm không thể kể xiết được, nhưng từ đời Phục-Hi đến giờ đã hơn ba nghìn muôn năm, cứ xem như cái thuyết của Dương-thị thì ngày nay mà muốn xét về xã-hội-học rất là khó. Ông Khổng-tử san kinh *Thư* bắt đầu từ đời vua Đường-Nghiêu. Tư-Mã Thiên làm sách *Sử* đầu kể từ đời Ngũ-kỷ, chẳng qua cũng như lời Dương-thị bảo rằng: «Việc đến hàng ức mà không biết được một vậy». Còn từ đời Ngũ-kỷ trở về trước, còn theo

cái cách chính-trị thất nút, ai là sử-thị mà ghi chép lại được, tương-truyền những lời thần-thoai, còn ai biết thực-lục ra làm sao, chính như lời họ Dương bảo rằng đã mất hết cả rồi vậy. Nhưng ngày nay mà muốn xét về xã-hội-học, thì cái trách-nhiệm mình phải làm thế nào tìm ra những việc đời thái-cổ đã mất đi rồi mà lại còn, không những tìm ra cho lại còn thấy mà thôi, tất phải xét cho biết rõ cái xã-hội quá-khứ làm sao lại biến-thành ra cái xã-hội hiện-tại bây giờ. Nguyên cái xã-hội đời nay là do cái xã-hội đời cổ nó phối-thai hua-đúc mãi hết năm ấy sang năm khác, hết đời ấy sang đời khác mà hóa-thành ra vậy. Nay thử lấy những việc thiên-cận dễ biết ra mà chứng xem, thì nước Tàu ngày nay chẳng phải là một nước từ xưa vẫn khoe là thống-nhất đấy ư, cứ xem như lịch-sử địa-dư và phong-tục tập-quán từ đời Ngũ-kỷ đến nay, vẫn tự-xưng là một quốc-gia thống-nhất; nhưng phân-tích ra cho kỹ mà xét, thì lịch-sử trải bao đời chia rẽ vẫn thường thấy luôn; địa-dư thì mỗi chỗ khác nhau cũng không phải là ít; phong-tục tập-quán thì lẫn-lộn mỗi nơi một khác cũng nhiều. Người Việt tự có cái lịch-sử người Việt, đem so xem với lịch-sử người Tần, thì hình như một gày một bèo không quan-thiết gì với nhau; người Việt lại tự có địa-dư và phong-tục tập-quán người Việt, đem so xem với địa-dư và phong-tục tập-quán của người Tần thì đều không giống nhau cả. Lại đem so xem với nước Tần nước Việt về đời phong-kiến khi xưa, thì những củi khác nhau không phải là

(1) Nguyên. Hán-văn của Dịch Bạch - Sa 白 沙易 trong tập *Đông-phương văn-khố*.

it vậy. Lại còn như nước Tề, nước Lô, nước Tấn, nước Tống, nước Sở, cũng đều có cái lịch-sử riêng, địa-dư riêng, và phong-tục tập-quán riêng, cũng khác nhau như người Tần với người Việt vậy. Lại xét xem cho kỹ ra nữa thì dấu cùng một người Việt, mà lịch-sử, địa-dư, phong-tục, tập-quán cũng không thể thống-nhất được, vậy nên cứ như lịch-sử địa-dư phong-tục tập-quán nước Tàu, mà lấy cái thể lệ xã-hội-học mà xét, thì dấu phân ra đến và trăm nghìn vạn mỗi cũng còn là ít vậy. Tại làm sao chúng-loại lại phức-tạp ra như thế, đó là bởi cái xã hội đời cổ nó phối-thai hun-dúc trải đã bao năm bao đời thành ra như vậy. Sách *Liệt-tử* thiên *Nguyên-dạo* có nói về khi vua Vũ 禹 trị thiên-hạ rằng : « Khắp trong nước châu-phục, bốn rợ đều nộp chức-cống, vua Vũ họp các nước chư-hầu ở núi Đồi-sơn, các nước cầm ngọc lụa lại chầu có đến hàng vạn nước. » Đời cổ-giả các nước láng giềng liền nhau, vẫn thường nghe tiếng gà tiếng chó văng-vẳng, mà người láng-giềng ở với nhau đến già chết cũng không thường đi lại, vì thế mới thành ra muôn nước, mà lịch-sử địa-dư phong-tục tập-quán cũng thành ra đến hàng vạn ; cái số mà nhiều đến hàng vạn, là bởi tại địa-dư mỗi chỗ một khác, núi sông cách-trở, nên mới thành ra như thế vậy.

Sách *Hoái-nam địa-hình huấn* nói rằng : « Đất cát sinh ra đền theo từng loại, như là khí đất núi thì hay sinh ra con trai, khí đất đầm thì hay sinh ra con gái, chướng-khi thì hay sinh mờ-ám, phong-khi thì hay sinh ù-điếc, khí rừng thì hay mỗi-một, khí cây thì hay sinh còi, khí trên ngàn thì hay sinh thũng, khí đá thì hay sinh sức khỏe, khí hiềm-trở thì hay sinh bước-hạch, khí nắng thì hay chết non, khí lạnh toi hay sống lâu, khí bang thì hay sinh tẻ, khí gò thì hay sinh cuồng, khí đất phẳng tốt thì hay sinh nhân-nhu, khí đất đồi núi thì hay

sinh tham-lam, khí đất khiub thì hay vụ-lợi, khí đất trọng thì hay chậm-chạp, chỗ nước trong thì thanh-âm nhỏ, chỗ nước đục thì thanh-âm to, chỗ nước chảy xoáy thì thanh-âm khinh, chỗ nước chảy chậm thì thanh-âm trọng, ở nơi trung-thổ thì hay sinh bậc thành-nhân, đó là đều tựa như địa-khi mà ứng theo các loại. » Xem thế đủ chứng rõ cái cơ lập ra vạn-quốc vậy. Nay nước Tàu tuy rằng nói là thổ-ig-nhất, mà xét về lịch-sử địa-dư, phong-tục tập-quán, vân-vân, nhưng-nhiên chia làm vạn-quốc ; tên tuy là một nước mà kỳ-thực đến hàng muôn nước vậy. Bởi vậy phải trước xét cho rõ cái xã-hội quá-khứ, rồi sau mới biết được cái xã-hội hiện-tại. Nay cứ xét như các sách kinh-sử và các sách chư-tử, nhiều chỗ nói về tình-trạng nhân-dân, Thương - Hiệt 倉頡, Thư-Lung 沮誦 cũng còn chép những phong-tục bằng chữ cổ-lự, so với người Tây-phương còn phải dò thám những từng đợt hóa-thạch thì mới biện rõ được những sự u-ẩn, chẳng là hơn ư. Vậy xin tra xét tìm-tòi phân ra từng loại để làm khảo-chứng, tuy rằng hàng ức không biết được một điều, nhưng cũng không từ hèn mọn bày giải như sau.

Người xưa gọi một bọn người là một xã 社, như là Liên-xã 蓮社 của Ta-Linh-Vân 謝靈運 lập ra, và Phục-xã 復社 của người nhà Minh. Nay mà gọi một bọn người là một xã-hội, cũng là theo lời cổ-ngữ mà không biết đó vậy. Xưa nay người ta sao lại lấy chữ « xã » gọi một bọn người, nghĩa chữ « xã » là trở về loài người ta kết-hợp lại một bọn lớn vậy. Phạm dụng thành một đoàn-thể, thiết-lập một quốc-gia, thối văn dã thăng giáng, cuộc tồn vong quyết-định, đều là bởi xã-thần cầm giữ theo-máy cả. Nếu không có xã-thần thì không thành thể hợp-quần ;

không có hợp-quần thì không có quốc-gia, không có quốc-gia thì không có văn với dã ; không có văn với dã thì không có tồn với vong gì nữa. Người nước Tàu dễ thường đến hoán-tán theo sau đàn hươu nai mà thôi, cứ xem như xã-hội ngày nay, thì xã-thần có hay không, cũng không có quan-hệ gì với cuộc thưng vui của đời người, nhưng không biết tôn-tôn nước ta (1) thực là nhờ ơn về xã thần vô-cùng vậy. Ở về thời-đại thái-cổ, uy-quyền xã-thần có phần hơn cả thưng-đế, các thần-kỳ không có thần nào đọ bằng. Nhân-dân đói hay no cũng do quyền dữ-đoạt của xã-thần ; kẻ tù-trưởng thọ hay yếu cũng bằng ở quyền mừng giận của xã-thần. Và lại những việc kiện-tụng trong đám quan-trường, những việc tài-phán về quân-sự, ông vua cầm quyền chuyên-chế cũng không thể phán-đoán được, thì tất phải cầu đến xã-thần giải-quyết cho, thế thì quyền xã-thần có phần hơn cả bậc cao-đẳng tài-phán - quan trong tòa tư-pháp độc-lập. Thế mà trong nước Tần trải mấy nghìn năm kể học-giả không mấy người xét biết được những cơ trên ấy, nay ta chẳng quản gì ngu-muội xin bày tỏ ra sau này, các độc-giả hẳn cho là cái thuyết viên-vòng lấy làm kinh-lạ, nhưng cứ xét trong điển-tịch văn-tự mấy nghìn năm về trước thì vẫn còn chứng-cứ chứ không thể vu được, xin kể ra như sau.

Chữ *thổ* 土 với chữ *kỳ* 阝 là chữ *xã* 社, tức là thần địa-kỳ, gọi tên kép là *Thổ-kỳ* 土 阝, mà gọi tên đơn thì là *Xã* 社. Sách *Ngũ-kinh dị-nghĩa* nói rằng : « Quan Đại-tư-nhạc tâu năm khúc biển-nhạc mà dâng lễ-vật lên thần Thổ-kỳ. » Trịnh Huyền 鄭玄 cho Thổ-kỳ là tổng-danh thần ngũ-thổ, tức là thần Xã. Hứa Thận 許慎 cho Xã-công 社 公 là thổ-công 土 公, không phải là địa-kỳ.

Trịnh-thi lấy cái nghĩa lôi-công thên-công bác bỏ đi, thuyết ấy rất là xác-dáng. Đời cổ gọi là Xã-công, cũng như tục gọi là địa-thổ-công. Cổ-giả lập nền tế xã có ba cái nguyên-nhân : Một là khi trời mới mở-mang còn mờ-mịt, dân-tâm hỗn-độn, trên quả đất tròn, muôn loài biển-ảo, phải có một vị thần hơn cả muôn vật để làm chủ-tể, đó là nhân về lòng hoài-nghi mà tưng-tượng ra thần-xã. Hai là đời xưa kẻ tù-trưởng mới ra đầu, thường nhân những việc quý-thần tưng-thụy để hưng lợi cho dân, trừ hại cho dân, chọn thổ nghi mà trồng các thứ cây để cho dân bắt-chước, kẻ có tội thì đem giết đi, để cho dân phải phục-tùng ; vậy nên nhà Hữu-Ngu đắp đất làm nền xã, để cho dân biết lễ ; người nhà Châu trồng cây lặt để cho dân biết sợ-hãi, đó là nhân về thần-giáo mà bày ra tế xã. Ba là loài người cần-nhu đến muôn vật, muôn vật cần-nhu đến năm thứ đất, ơn nhờ về thổ-địa nhân-đức rất trọng, nên không dám quên công, đó là nhân về báo công mà lập ra nền xã. Bởi vậy tế xã là một tự-diễn rất trọng về đời thưng-cổ, mà là một vị thần tất cả nhân-quần cùng phải tôn-tế, nhà nước còn hay mất thực là có quan-hệ ở đó vậy.

Đời cổ chỉ biết có xã-thần mà thôi, mà xã-thần lại là tổng-danh thần ngũ-thổ, vậy nên thần *Tắc* 稷 cũng gồm cả ở trong ấy. Kinh *Thư* thường xưng : Hoàng-thiên hậu-thổ. Hoàng-thiên là vị thiên-thần, mà hậu-thổ là vị địa-kỳ. Sách *tả-truyện* : Hậu-thổ là thần xã. Sách *Châu-lễ* : Quan đại-chức trước khẩn cáo thần hậu-thổ. Chú rằng : Xã là một vị thần. Nghĩa chữ *Xã* rất rộng, bao được cả nghĩa chữ *Tắc*, vậy những sách cổ chỉ thường nói đến chữ *Xã*. *Thuyết-văn* thích-nghĩa chữ *Xã* là địa-chủ, thích nghĩa chữ *tắc* là chay. *Xã* là

(1) Người trước-giả tự-xưng.

tên thần thổ, tức là tên thần cốc, đời cổ chỉ biết có thần xã chứ chưa biết đến thần tấc. Thần xã là khởi-thủy tự đời còn di du-mục, thần tấc là khởi-thủy tự đời mới biết cấy cấy. Đời sau trọng việc nông, nghĩa thần tấc là thần bách-cốc, nên cùng với thần xã cùng tế một đàn, cùng thờ một chủ. (Đàn xã ở bên đông, đàn tấc ở bên tây, phân ra hai đàn là cái qui-chế đời sau). Từ bấy giờ đều gọi là đàn xã-tấc là khởi-thủy tự đấy. Cái chế độ nền xã tấc thì có lập đàn, có phong cõi, có trồng cây, có chủ thờ, đàn là chỗ để cúng-tế, phong cõi là ngăn ra giới-hạn bốn xung-quanh, cây thì trồng thứ cây hợp thổ-nghi, chủ là thần-vị, suy-loại mà chứng rõ ra thì có mấy mỗi như sau.

1) Sách *Châu-lễ* : Quan đại-tư-dò thiết-lập ra đàn xã-tấc mà dựng nên cái điền-chủ, rồi trồng lấy thứ cây thổ-nghi về cánh đồng xứ ấy, rồi nhân cái tên cây mà đặt ra tên xã và tên đồng.

Trịnh chú : Xã-tấc là thần hậu-thổ điền-chủ. Điền-chủ là cái bài-vị để thần hậu-thổ điền-chủ y-ỷ, trong kinh *Thi* thường gọi là thần-điền-tổ. Thứ cây thổ-nghi như là những cây tùng, cây bách, cây lật.

2) Sách *Luận-ngữ* : Thầy Tề-Ngã nói rằng : « Nền xã, nhà Hạ hậu trồng cây tùng, người nhà Ân trồng cây bách, người nhà Châu trồng cây lật. » Sách *Ngũ-kinh dị-nghĩa* nói rằng : « Nhà Hạ-hậu đóng đô ở Hà-dông, thổ-nghi nên trồng cây tùng; nhà Ân đóng đô ở đất Bạc nên trồng cây bách; nhà Châu đóng đô ở đất Phong Kiều nên trồng cây lật. » Xét cổ-văn chữ xã 社 vốn theo bộ mộc 木 tức là nghĩa xã vậy. Sách *Mặc-tử* thiên *Minh-quĩ* : « Tất chọn chỗ cây rậm tốt lập lên để làm sự-vị. » Vương-thị *Độc-thư tạp-chí* : Chữ sự-vị 社位 là chữ tùng-xã 社 viết lầm ra, nghĩa là chỗ nền xã rậm cây, cây rậm tốt là thứ cây hợp thổ-nghi.

3) Sách *Châu-lễ* : « Quan phong-nhân giữ việc thiết-lập nền xã của nhà vương, ngăn ra bờ-cõi mà trồng cây. Phàm phong cho nước nào thì phải thiết-lập cho nền xã-tấc, ngăn ra bốn bên bờ-cõi. Dựng ra bờ cõi các đô ấp cũng như thế. »

Sách *Bach-hổ-thông* : « Nền xã của thiên-tử vương năm trượng, nước chư-hầu thì bằng một nửa. » Xem thế thì bờ cõi rộng hẹp cũng tùy tước-vị mỗi nước một khác.

4) *Hoài-nam-thư* : « Nhà Hữu-Ngu làm cái xã-chủ bằng đất, nhà Hạ-hậu làm bằng gỗ thông; nhà Ân làm bằng đá, người nhà Châu làm bằng gỗ lật. »

Nhà Hạ làm cái xã-chủ bằng gỗ thông, nhà Châu làm gỗ lật, là đều lấy cái thứ gỗ sở-nghi mà làm cái chủ; nhà Ân thì lại không làm bằng gỗ bách mà làm bằng đá.

5) Sách *Lễ-kỷ* thiên *Giao-đắc-sinh* « Đấng thiên tử dựng ra nền đại-xã, tất để lộ sương móc gió mưa, để thông khí trời đất. »

Phụ Sĩ-kỳ 惠士奇 bàn về lễ nói : « Sách *Tống-sử-chí* nói rằng : cái chủ thần xã làm bằng đá, dài 5 thước, vuông 2 thước, vạc nhọn một nửa trên : Trước kia cái xã-chủ của các châu-huyện không làm bằng đá, song lễ-bộ nghĩ rằng các nền xã-tấc không làm nhà chỉ đắp nền lộ-thiên, để chịu lấy sương móc mưa gió, để cho thông khí trời đất, thì cái chủ phải làm bằng đá để cho lâu bền, mới cho cả các châu-huyện xã-chủ đều làm bằng đá, mà tấc thước dài rộng bằng nửa cái chủ nền đại-xã. » Xem lời Huệ-thị dẫn-chứng như thế thì đời nhà Tống chỉ có nền đại-xã mới làm chủ bằng đá, còn ngoài ra đều bằng gỗ cả. Thiên *Tiền-tôn-bá*, Trịnh-chú có chua rằng : « Cái xã-chủ làm bằng đá. » Thế thì từ đời nhà Châu đã làm cái xã chủ bằng đá rồi.

6) Truyện *Công-dương*, năm Ai-công thứ sáu : « Xã nghĩa là phong-dấp vậy

Nền xã của đấng thiên-tử lấy đất ngũ-sắc phong đắp thành nền, hệ phong cho nước chư-hầu nào thì cắt lấy thổ-sắc về phương ấy ban cho, bên trên thì phủ đất hoàng-thổ, bên ngoài thì bọc lấy cỏ bạch mao ».

Trở lên đều là cái qui-chế lập ra nền xã. Lấy người có công lớn phối-hưởng với thần xã. *Tả-truyện* : « Họ Cung-công có con là Câu-long 句龍 làm thần hậu-thổ, thần hậu-thổ tức là thần Xã. Con họ Liệt-sou tên là Trụ 柱 thì làm thần Tắc, từ đời nhà Hạ trở lên vẫn cúng tế hần ấy. Ông Khi 棄 đời nhà Châu cũng là thần Tắc, từ đời nhà Thương về sau thì vẫn tế ông ấy. » Đó là lấy Câu-long phối-hưởng với Xã-thần, lấy ông Trụ 柱 với ông Khi 棄 phối-hưởng với Tắc-thần vậy. Sách *Hoài-nam* rằng : « Ông Vũ khó nhọc về việc thiên-hạ, khi chết thì làm thần Xã, ông Tắc làm việc cấy gặt khi chết thì làm thần Tắc. » Thế là người nhà Hán lấy ông Vũ ông Tắc để phối-hưởng thần xã-tắc vậy. Người đời xưa có khi không kể đến thần phối-hưởng, lại cho cái cây trồng ở đấy là thần, như là *Quốc-sách* nói có khóm cây thần, *Trang-tử* nói có thần Xã là cây lịch đã mộng thấy hiện ra. Song xã-tắc vốn có một vị thần riêng, không phải là thần phối-hưởng, cũng không phải là thần cây. Sách *Kỷ* nói rằng : « Tế xã là để hiến-linh đạo thần thổ-địa, » *Luận-hành* nói rằng : « Tế xã là để báo cái công sinh ra muôn vật ; cõi đất rộng xa, khó đi tế cho khắp được, vậy nên phải lập ra nền xã chế ra bài-vị để tâm mà thờ. » Xem thế thì xã-tắc vốn có một vị thần riêng. Đời sau mới lấy cái người có công về việc thủy-thổ để phối-hưởng thần Xã, người

hay trồng được trăm thứ thóc thì phối-hưởng thần Tắc, cũng là cái ý đấng vương-giả báo đền cho kẻ có công, từ đó cái ý nghĩa tế xã-tắc mới hẹp bớt đi. Còn nhu cho là thần cây thì là tại dân mê-hoặc theo về cái thuyết hoài-nghi vậy.

Cổ-giả lập quốc định đô tất trọng về nền xã, xem qua nền xã có thể biết được trong nước dã-man hay văn-minh. Sách *Châu-lễ* : Hai mươi-lăm nhà là một xã, nghĩa là nói hai mươi-lăm nhà tất lập ra một nền xã. « Quan châu-trưởng cứ hằng năm tế đàn xã trong một châu, họp dân lại mà tuyên-đọc pháp-luật. » Xem thế thì ra nhân-dân đều được nghe đọc pháp-luật của nước, mà tất phải đọc ở trước đàn Xã-thần, khá chứng rõ rằng Xã-thần có quan-hệ với nhân-dân mật-thiết lắm. Mà dân Xã của vua thiên-tử với chư-hầu thì thực là nơi phồn-thịnh lắm. Sách *Mặc-tử* thiên *Minh-quĩ* : « Nước Yên có đàn tế tổ, nước Tề có đàn xã-tắc, nước Tống có đàn Tang-lâm, nước Sở có đàn Văn-mộng, đều là nơi trai gái họp lại mà xem vậy. » Suy cái nghĩa của Mặc-tử thì tuy rằng chỗ thì gọi là Tổ, là Tang-lâm, là Văn-mộng, là xã-tắc, tên mỗi chỗ tuy gọi một khác mà kỳ-thực đều giống nhau cả. Cổ-nhân thường đảo-vũ ở đàn xã, như là Tang-lâm là đàn xã-tắc nước Tống, vua Thương có đảo-vũ ở đàn Tang-lâm. Tổ là đàn xã-tắc của nước Yên, Văn-mộng là đàn xã-tắc của nước Sở ; cổ-nhân những việc di sản, cũng có tế cáo đàn xã-tắc. Sách *Nhĩ-nhã* rằng : « Mùa xuân đi săn gọi là Sưu 蒐, mùa hạ đi săn gọi là miêu 苗, mùa thu đi săn gọi là tiển 獮, mùa đông đi săn gọi là thú 狩, đi săn đêm gọi là liêu 獠, đi săn mà đốt rừng ruộng gọi là thú 狩, bèn lập nên đàn chủng-thổ, mới sắp quản ra đi, phàm khởi đại-sự, động đại-chúng, tất trước cáo ở đàn xã rồi sau mới ra đi, như thế mới hợp lễ nghi. » Nguyên

việc di sấn là một điển-lễ cốt-yếu của đời Tam-dại, việc trị-bình cũng ngụ ở đó. Đương lúc cử-hành, sắp xe vài nghìn, tuyền quân vài vạn, dàn quân khắp đồng, chăng lưới đầy nội, mà phải cốt lấy thần xã làm chủ việc quân. Đàn chũng-thổ tức là nền xã, khi động quân đi thì phải cáo, khi bắt được cầm-thú thì phải tế, trai gái họp lại mà xem là xem những lúc ấy vậy. Sách *Mặc-tử* nói vua Giản-công nước Yên sắp đi giông-ruổi ở chốn tổ-dàn, nghĩa là di sấn ở nền xã vậy. Nước Tề gọi là đàn xã-tắc, vậy nên sách *Xuân-thu* có nói vua Lô-Trang-công đi sang nước Tề xem tế xã, nghĩa là sang xem di sấn lúc tế xã, đó đều là cái chế-độ của nước văn-minh, không thể thì là hủ-lậu. Khi đời vua Trụ suy kém, không sửa lễ tế giao tế xã. Sách *Quản-tử* thiên *Sĩ-mĩ*: « Ở hàng trăm nhà mà không có kiến-trúc, họp hàng nghìn nhà mà không có nền xã, thì gọi là cô-lậu. » Nếu trong một nước mà không có đàn xã, thì quốc-quần đều hoán-tán, giáo-hóa cũng chất-phác bĩ-lậu, võ bị đến hồ nát, tài-dụng đến tủng-thiếu, phẩm trăm việc chinh-bình đều đến bại-hoại cả, nên mới thành ra hủ-lậu vậy. Cái cách lập đàn xã có hai cách: Một cách do vua lập, một cách do dân lập, mà cùng tế một thần cả, xem như thiên *Tế-pháp* chép sau này:

Vua vị bách-tính lập đàn xã gọi là đại-xã 大社. — Lập ở phía tây trong cửa khố-môn. (Vua lập).

Vua tự mình lập xã gọi là đàn vương-xã 王社. — Lập ở trong sở ruộng tịch-diền. (Vua lập).

Vua Chư-hầu vị bách-tính lập xã, gọi là đàn quốc-xã 國社. — Lập ở phía tây trong cửa Cao-nôn. (Vua lập)

Vua Chư-hầu tự mình lập xã, gọi là hầu xã 侯社. — Lập ở trong sở ruộng tịch-diền. (Vua lập).

Từ quan đại-phu trở xuống thành một đàn thì lập một xã gọi là tri-xã 置社 — Là đàn xã dân-gian thông-lập (Dân-lập).

Ngoài năm đàn xã trên này lại còn có đàn xã của vong-quốc nữa. Thiên *Tế-pháp*: Đàn xã của nước vong-quốc gọi là Bạc-xã 亳社. Xét cái tên Bạc-xã mới có từ đời nhà Châu. Nguyên là người nhà Ân đóng đô ở đất Bạc, nên Vương-xã cũng lập ở đó. Nhà Châu mới diệt nhà Ân, bèn gọi nền ấy là nền Bạc-xã, về sau mới lấy cái tên ấy mà gọi những nền xã của các nước vong-quốc. Khi xưa diệt nước người đều đem phá-hoại cả nền xã-tắc di, hoặc đem thiên cái ông thần phối-hương di, hoặc cứ để ông thần cũ mà biệt ra làm một đàn xã. Xem như *Hán-thư Giao-tư-chí*, chừng có hai việc như sau này:

1) « Khi vua Thang đánh chúa Kiệt, muốn thiên nền xã nhà Hạ đi, nhưng nghĩ không nên, bèn thiên cát chủ con họ Liệt-son là Trụ đi, mà lấy ông Khí nhà Châu thay làm thần Tắc mà tế. »

Xét vua Thang diệt nhà Hạ mà muốn thiên nền xã nhà Hạ đi, là cái công-pháp diệt quốc xưa nay vẫn thế. Hoặc người bảo rằng vua Thang vì đại-hạn mà thiên chủ ông Trụ đi là lầm.

2) « Vua Cao-tổ định thiên-hạ, xuống chiếu cho quan Ngự-sử sửa trị đàn xã phần-du, cứ lấy mùa xuân làm lễ lợn để tế. »

Xét xã vua Cao-tổ cầu-đạo ở đàn phần-du, mới tạo ra lời sấm Xích-đế, sau bèn trừ bỏ đàn xã-tắc nhà Tần đi, mà lập ra đàn xã-tắc nhà Hán

Đàn xã vốn là một cái phù-hiệu trong một nước, mỗi một đời tôn-vương khởi lên tất lập ra một đàn tôn-xã. Nhưng nền cựu-xã vốn là nơi quốc-dân cùng tế đã quen, nếu vứt cái mà đem thiên đi, sợ trái lòng dân, nên

phải mượn cái có tai-dị mà phạt đến thần xã Vua Thang mà thiên chủ ông Trụ di, là mượn cái có thiên-tai đại-hạn vậy. Thầy Mạnh-tử nói rằng: « Đã đủ lễ hi-sinh, sạch cô tư-thình, để thời-thường cúng tế đàn xã. » Thế mà lại ặp phải « hạn-hán nước lụt, thì biến-tri đàn xã-tắc. » Biến-tri nghĩa là đem thiên thần phối-hưởng đi. Vậy nên diệt nước người rồi cũng phải mượn cái có thủy-tai hạn-hán rồi mới thiên được thần-chủ đàn xã di. Thiên *Giao-đặc-sinh*: « Năm không được mùa thì không làm tám lễ tế sạ, là để tiết-kiệm của dân vậy. » Đó là vì năm giống thóc không được mùa, thì đình các việc tế tự, để tiết-kiệm tài-dụng của dân, chớ không phải phạt gì đến xã-thần. Các hậu-nho không biết mới dẫn lời ấy bảo rằng biến-tri là phạt đến xã-thần, không biết rằng quốc-gia chửa bị diệt, mà nhân khi thủy-hạn lại biến-tri xã-thần di, thì suốt lịch-sử nước Tàu chửa từng có sự ấy bao giờ. Vua Thang muốn thiên đàn xã là đàn xã nhà Hạ chớ không phải đàn xã nhà Thương. Sau khi biến-tri rồi cũng vẫn không bỏ tế-tự, duy cái chế-độ cúng tế thì khác hẳn với đàn xã bản-quốc, xét có những điều sau này.

Một là đàn xã của bản-quốc thì để lộ-thiên không làm nhà, đàn xã của vong-quốc thì làm nhà che đi.

Thiên *Giao-đặc-sinh*: « Nền đại-xã thì làm lộ-thiên để chịu sương móc mưa gió, để thông-đạt khí trời đất. » Lưu Hưong rằng: « Nền xã đều xây tường mà không có khởi nóc nhà. » Đó là nói về nền xã của bản-quốc.

Lại rằng: « Nền xã của táng-quốc, (nước đã mất) thì làm nhà che đi, không để chịu khí dương của trời; nền Bạc-xã 薄社 thì làm cửa sổ về phía bắc, để cho lọt khí âm sang. » (Bạc-xã 薄社 cũng tức là Bạc xã 亳社.)

Một là những việc kiện tụng thì đều phán-đoán ở trước nền xã bản-quốc,

nếu trai gái kiện ngầm thì phán-đoán ở trước nền xã vong-quốc.

Sách *Mặc-tử* thiên *Minh-qui*: « Vua Tề muốn kiếm giết cả đôi, nhưng sợ lại phải oan người không có tội; muốn kiếm tha cả đôi, sợ lại tha lầm phải người có tội, bèn sai cả hai người và một con dê cùng đến ăn thề ở trước đàn xã nước Tề » Đời xưa giải-quyết việc ngục-tụng ở trước đàn xã, vậy nên *Mặc-tử* nói rằng: « Giết ở trước đàn xã là có sao, là nói phán-đoán việc kiện-tụng ở đó. » Cái phép đoán ngục khi xưa thường xem con dê húc vào người nào thì người ấy có tội. (Ưường nói ở trong thiên *Tụng-ngục*).

Sách *Châu-lễ*: « Quan Mối-thị đem những việc kiện ngầm của trai gái, phán-đoán ở trước đàn xã của thắng-quốc. »

Lễ thường thì kiện ngầm vẫn phán-đoán ở trước đàn Bạc-xã. Ngoài việc kiện ngầm ra thì không thể giải-quyết ở Bạc-xã được.

Một là đàn xã của bản-quốc, thì việc chúc-hiệu lấy quan đại-chức coi giữ; đàn xã của vong-quốc thì việc chúc-hiệu lấy quan tang-chức coi giữ.

Quan đại-chức: « Khi có việc quân lớn làm lễ ở đàn xã, đến cáo với miếu tổ; khi quân kéo về dâng lễ ở đàn xã, thì trước vào khấn. » Đó là giữ về việc chúc-hiệu của bản-quốc.

Quan Tang chức: « Giữ về việc chúc-hiệu trong đàn xã-tắc của thắng-quốc, để cúng-tế kỳ-đảo. » Đó là giữ về việc chúc-hiệu của vong-quốc.

Một là tế đàn xã của bản-quốc, thì quan Điều-tôn-bá làm thần thi; tế đàn xã của vong-quốc, thì quan Sĩ-sư làm thần thi.

Quan Điều-tôn-bá: « Phạm khi trời đất có đại-tai, ma tế lụy, tế xã-tắc, tôn-miếu, thì quan Tôn-bá làm vị. » Làm vị nghĩa là làm thần thi vậy. Quan

Tứ-sư: « Phạm khi ra quân ngoài cõi có dùng muông sinh tế ở đàn xã-tôn,

thì quan Tư-sư làm vị. » Đó là tùy từng việc tế mà cất một vị quan làm thần thi.

Quan Sĩ-sư : « Nếu tế đàn xã của thăng-quốc, thì quan sĩ-sư làm thần thi. » Trịnh-chú : Dùng hình-quan làm thần thi, là giản-lược vậy.

Qui-chế đàn Bạc-xã đã kể ra như trên. Còn như đàn xã của bản-quốc, thì có lễ tế trong bốn mùa, có lễ tế không cứ mùa, sẽ kể như sau.

Một là xuân tế. — Thiên Nguyệt-linh : « Mùa trọng-xuân sai dân tế ».

Hai là thu tế. — Thơ Phủ-diên : « Bền tế xã bền tế phương » — Sách Bạch-hồ thông dân thiên Nguyệt-linh : « Mùa trọng-thu sai dân tế » (nay trong thiên Nguyệt-linh không có câu này.)

Ba là đông tế. — Thiên Nguyệt-linh : « Mùa mạnh-dông mổ con sinh lớn để tế đàn công-xã. »

Bốn là biển tế. — Thiên Châu-lễ : « Quan Tư-sư, khi trong nước có việc đại-cổ, thì sai người nước tế xã. »

Trở lên là nói về dân-tế, còn như vua tế là một thịnh-diễn rất lớn, sẽ phân-loại kể như sau.

Một là đồ âm-nhạc để tế.

Quan Đại-tư-nhạc : « Tàu nhạc Thái-tấu, ca luật ứng-chung, múa nhạc Hàm-trì, để tế thần địa-kỳ. »

Quan Vũ-sư : « Dạy cầm cái phất để múa khi tế đàn xã-tắc. »

Quan Cồ-nhân : « Đem cái linh-cổ để đánh khi tế xã. »

Quan Thục-sư : « Hát thơ Mân-nhã đánh cái thổ-cổ, để làm vui cho thần Điền-luấn. »

Quan Uất-nhân : « Phàm tế đàn xã thì dùng chén đại-lôi. »

Hai là lễ sinh-vật để tế.

Đời Xuân-thu, năm Hi-công thứ mười chín : « Vua Tương-công nước Tống mổ người để tế đàn xã. » (Đời xưa vẫn lấy người để làm tế-vật. Nước Mặc-tây-kha đời cồ cũng có mổ người bôi máu để tế xã.)

Sách Quản-tử thiên Quĩ-dục : « Tự coi hay khân-trị được ruộng đất, mà không hay khân-trị được, thì thân phải giết để bôi máu tế đàn xã. » (Trở lên là dùng người để tế.)

Sách Thương-thư : « Mới tế xã ở làng tân-ấp, lễ-phẩm thì một trâu, một dê, một lợn. »

Thiên Vương-chế : « Thiên tử tế xã-tắc thì dùng cổ thái-lao, chư-hầu tế xã-tắc thì đều cổ thiếu-lao. »

Quan Đại-tôn-bá : « Lấy đồ huyết-tế để tế đàn xã-tắc. » (Trở lên là đều dùng muông sinh để tế.)

Ba là việc tế.

Quan Đại-chúc : « Khi có việc quân lớn thì nên tế cáo ở đàn xã. » (Tế vì việc quân).

Quan Tiều-chúc : « Khi có việc binh-nhung giặc cướp, thì giữ việc tế giao ở đàn xã. » (Tế vì việc giặc)

Sách Bạch-hồ-thông Tước-thiên : « Vua chư-hầu mới lên ngôi mà cải nguyên, tức-thì tế đàn xã-tắc. (Tế vì việc lên ngôi).

La Lãm trong thiên Thuận-dân : « Trời đại-hạn, vua Thuang tự lấy thân làm hi-sinh để cầu đảo ở đàn Tang-lâm. » (Tế vì việc đại-hạn)

Xuân-thu : « Khi nước lên to, đánh trống, dùng muông sinh tế ở đàn xã. » (Tế vì việc nước to).

Tả-truyện : « Khi nhật-thực, đánh thiên-tử không cử-nhạc, chỉ đánh trống ở đàn xã, vua chư-hầu thì dùng lụa tế đàn xã. » (Tế vì việc nhật-thực.)

Quan Tư-sư : « Ngày hôm tế xã, cốt nghiệm xem mùa-màng năm sau. » (tế để nghiệm xem mùa-màng.)

Quan Thục-sư : « Kỳ-đạo việc mùa-màng ở thần điền-lỗ » (Tế vì việc cầu mùa.)

Sách Mặc-tử thiên Minh-quĩ : « Đời nhà Châu tế cáo đàn-xã, so tuổi ở trước đàn xã, là cầu cho thêm tuổi thọ. » (Tế vì việc cầu thọ)

Trở lên kể ra có sáu hạng đàn xã là Vương-xã, Đại-xã, Hầu-xã, Quốc-xã, Bạc-xã, Tri-xã, đều có cái vị-trí nhất-định, mà là những đàn xã không có thiên-tử. Còn như cái đàn xã vị-trí không có nhất-định, cứ tùy chỗ mà thiên-tử đi, thì gọi là đàn quân-xã. Đàn quân-xã thì tùy từng nước chỗ đại-quân đóng dấu, lũy chiến-trận dần dần, thì thiên-tử đàn xã ra ở đó. Còn cái thành-lũy-xá về trại quân thì trước phải lượng định từng dặm đất những nơi thị-triều châu-quận và đàn quân-xã. Đàn quân-xã mà cùng ở trong đồn-lũy-xá của quân, thì tất là phải thiên-tử đi lại vô-thường vậy. Lại còn đồng-thời cùng thiên đi với đàn quân-xã, ấy là cái thần-chủ của nhà tôn-miếu, và đồ trong-khí của đàn xã-tắc với nhà tôn-miếu. Đồi cổ nhà nào chuộng chất thì về bên tả đàn xã-tắc, bên hữu nhà tôn-miếu, nhà nào chuộng văn thì bên hữu đàn xã-tắc, bên tả nhà tôn-miếu. Nhà Châu chuộng văn vậy nên chức Tiều-tôn-bá giữ về việc dựng thần-vị trong bang-quốc, bên hữu đàn xã-tắc, bên tả nhà tôn-miếu. Các luật quản-lũy và quyền thưởng-phạt, đều nhờ về uy thần xã-tôn để thi-hành, như là:

Chức Tiều-tôn-bá: « Khi cất đại-quân đi thì đem các quan hữu-ti đi để lập đàn quân-xã và rước cả xe thần-chủ đi. »

Chức Đại-tur-mã: « Nếu cất đại-quân đi thì quan tur-mã giữ giới-lệnh, đóng-dã quan thái-bốc đem kẻ chấp-sự đi, giám-sát việc mồ huyệt bồi thần-chủ và đồ quân-khí. »

Chức Đại-chức: « Khi có việc quân lớn thì làm lễ ở đàn xã rồi cáo với miếu tổ. »

Thiên Cam-thệ: « Kẻ theo mệnh-lệnh thì thưởng ở trước miếu tổ, kẻ không tuân mệnh thì giết ở trước đàn xã. »

Chức Đại-tur-khâu: « Việc quân-lữ lớn thì đến trước đàn xã để xét việc chu-lục. »

Chức Đại-tur-mã: « Khi có công thì bên tả cầm ống luật, bên hữu cầm cái việt, để trước hiến sự hòa-vui ở đàn xã, nếu xuất quân mà vô-công, thì chỉ chán-nản mà đưa xe chủ về. »

Tóm xem những thuyết trên ấy thì phạm khi trong nước có việc quân tất là rước miếu-chủ và xã-chủ chở lên xe cùng đi. Rồi mồ lấy máu muông-sinh để bồi vào thân-chủ Miếu Xã. Kế, nào theo mệnh-lệnh thì cáo miếu-chủ để thưởng công; kẻ nào không theo mệnh thì cáo xã-chủ để giết tội. Thắng-trận mà đem quân về, thì dân-sự hòa-vui ở trước đàn xã. Nếu không thì không hiến sự hòa-vui, chỉ đưa thần-chủ về nhà miếu và đàn xã mà thôi. Quan Tứ-sư: « Phạm khi ra quân mà chẳng thành-công, thì giúp kéo xe chủ. » Chú: Nghĩa là quan Tứ-sư giúp quan Đại-tur-mã, mà giúp kéo xe chủ chạy đi cho mau thoát ra chỗ hiểm, đừng để cho giặc bắt được, cũng như các nước văn-minh bây giờ coi quốc-kỳ làm hệ-trọng; ấy cái qui-chế đàn quân-xã lại càng rõ-ràng như thế. Nguyên là đời thượng-cổ quốc-gia vẫn mượn lấy thần-quyền để làm thưởng-phạt, thưởng tất ở trước miếu tổ, phạt tất ở trước đàn xã, để cho dân khỏi nghi là có ý thiên-dãng vậy. Mặc-tử có giải cái cơ ấy rằng: « Thưởng ở miếu tổ là nghĩa gì? là tỏ rằng phần thưởng quân-bình vậy. Phạt ở trước đàn xã là nghĩa gì? là tỏ rằng tính-đoan công-minh vậy. » Cái lúc thừa-bình việc thưởng-phạt lại càng thuận như thế, đến như việc quân thì phép thưởng-phạt lại càng trọng lắm, vậy nên phải rước thần-chủ chở xe đi.

Tôi nay truy-nguyên lại cái tình-trạng cổ-xã, để cho tỏ cái cốt-tử của xã-hội đời cổ, mới biết ra rằng đời xưa coi xã-thần rất là lớn-lao vậy. Phạm sự gì trông thấy mà không thể báo khắp trong nước được, nghe biết mà không thể tỏ rõ cho bách tính được,

vậy nên ông vua ra đầu mới mượn thần-đạo để thiết-giáo, mà dân đen thì ngu-xuẩn đều tỏ bụng trung-thành mà phục theo, khi dựng nước lên thì trước phải lập ra đàn xã, việc quân-lũ cáo ở đàn xã, việc ngục-tụng cũng xét ở đàn xã, việc tai-dị cầu ở đàn xã, mùa-màng cũng cầu ở đàn xã, bói

mùa gặt năm sau ở đàn xã, cầu thọ cũng ở đàn xã, đọc pháp-luật cũng ở đàn xã, thần xã sao mà linh-thiên nhiều thuật lắm thay! Cái nghĩa quốc-quân phải chết theo xã-tắc, kinh Xuân-thu lấy làm khen, có phải là phiếm đầu!

ĐÔNG-CHÂU dịch

## TRUYỆN ĐỨC DƯƠNG KHÔNG-LỘ

Nhà Lý đương triều Thuận-thiên (1010-1026), gió hòa mưa thuận, thiên-hạ thái-bình, vua với dân ai cũng sùng đạo Phật, bấy giờ đức Dương Không Lộ là một bậc trí-tuệ thiên-sư mới ra đời vậy. Cha là họ Dương ở miền Giao-thủy, thuộc tỉnh Nam-định, mẹ người Hán-lý, thuộc tỉnh Đông, vốn nhà tu-nhân tích-đức, tuy làm nghề đánh cá nhưng trong lòng vẫn hay nghe kinh Phật, tham mến mùi thiền, đối với các nhà ngư-ngệ khác, có phần xuất-sắc hơn, thuyên câu nhiều khi gặp trận sóng to gió lớn, nhờ được Trời che Phật độ cũng được bình-an vô-sự. Bà mẹ có mang thai, ngày mười bốn tháng chín chính là ngày Phật-lễ thác thai vậy.

Khi sinh ngài có bóng hào-quang sáng rực cả trong nhà, sinh ra diện-mạo khác thường, mắt vuông mũi lớn đánh tai trùng, nghiêm-nhiên là một đức phật Di-đà giáng-sinh vậy. Khi ít tuổi đã có trí-tuệ, nhân vì gia-cảnh nghèo túng, cũng phải theo nghề đánh cá để làm cách sinh-nhai.

Đa trời xanh biếc,

Mặt nước trắng phau ;

Lên-đênh một chiếc thuyền câu,

Sông Ngô bẽ Sở tới đầu là nhà.

Bình-bồng nhẹ bước phong-ba,

Giang-hành một khúc ngư-ca một bả;

Khi Khê-lông, khi Chùa Am, khi Thần-phù, khi Ba-đội, những chỗ thắng-tích danh-tam đều là dấu chân ngài đã đi du-lịch khắp cả.

Ba mươi chín tuổi ngài tự nghĩ rằng người ta lạc xuống cõi trần không mấy người thoát khỏi cái vòng phiền-não. Trừ những người bần-tiền khổ-sở không sá kể, dầu cho đến người quan sang phú-quí ai cũng là phải lo, người lo về này, người lo về khác, không ai là không phải lo, xét ra kiếp phù-sinh ba vạn sáu nghìn ngày, cảnh buồn thì nhiều, cảnh vui thì ít. Như thế cũng tự mình vụng đương tu mới không tròn quả kiếp. Vậy ta phải dốc chí tu-hành, mong làm sao độ được thân và độ được thế, bèn bỏ nghề đánh cá, cáo-lữ bỏ mẹ xuất-gia, đêm ngày thường tụng niệm kinh Đà-la lấy hai chữ chính-giác làm tôn-chỉ.

Một hôm gặp được ông đại-sĩ chân-tu học thông tam-muội, học thấu tam-thừa.

Tam nghĩa là chính, muôn nghĩa là định trong lòng, chính định không rối, hay chịu lĩnh được pháp-giới, nghĩa kinh Phật nói tam-muội cũng như chữ nho nói chủ-nhất vậy. Kinh Pháp - hoa nói tam - thừa : một là thanh - văn - thừa, hiểu được diệu - đề

mà đắc - đạo ; hai là duyên - giác - thừa, hiểu được nhân-duyên mà đắc - đạo ; ba là bồ-tát-thừa, làm được tế-độ mà đắc-đạo. Lại một nghĩa tam-thừa : pháp-môn đại-thừa, trung-thừa, tiểu-thừa. Tiểu-thừa tức là cái xe nhỏ, chỉ che chở được mình mà thôi. Trung-thừa là cái xe hạng trung, nửa phần che chở được mình, nửa phần che chở được người. Đại-thừa là cái xe lớn tế-độ được cả nhất-thiết chúng-sinh.

Bèn xin theo học, lĩnh-hội các nghĩa huyền-vi. Thầy khen người có thiện-căn, bèn trao cho tâm-ấn, chỉ đường chân-tu.

Đoạn rồi về chùa Hạ-trạch định chỗ trụ-tri, nhân gặp được ông Từ Đạo-Hạnh người Yên-lãng, phủ Vĩnh-thượng tỉnh Hà-nội, chứng đạo ở chùa Thiên-phúc thuộc tỉnh Sơn-láy và ông Giác-hải (1) kết làm bạn học. Ông Từ Đạo-Hạnh nhiều tuổi hơn thì làm anh, ông Giác-hải ít tuổi thì làm em. Anh em học bát-chúng-hương, học kinh bát-nhã, giữ được kim-cương. Một ngày anh em cùng ngồi bàn nghĩa kinh Phật bảo nhau rằng : « Ta nay trụ-tri đã lâu ngày, vừa kinh-diễn còn nhiều, nghĩa sâu xa chưa dễ hiểu hết, thiền-môn phép lạ cũng nhiều, trò non ta phải trò cho đến tận đỉnh, thời mới biết non cao, xem nước thời phải đến tận bề thì mới biết bề rộng hay là sâu, nghe nước Tích-lan tức là nước Phật giáng-sinh, chỗ ấy được tu mới rộng ».

Trên nhờ phép Phật Như-lai, Sẵn nơi bảo-tiết độ người mê-tán.

Đã tu tu vẹn mười phần,  
Cao sâu chẳng ngại xa gần quản chi.

Ba ông bèn rủ nhau sang Tây-trúc học, khi đi, khởi-hành từ đường Sơn-láy.

Bấy giờ đến khúc sông Tam-kỳ, thuyền thời không có, sông thời lại cách xa. Ba ông chực ở trên bờ đương nghĩ kế để độ qua sông, bỗng có một ông lão chèo một chiếc thuyền đi qua đó, vờ ông lão chèo vào trong bến bảo rằng : « Nhờ ơn ông chở cho anh em chúng tôi được qua sông, thì chúng tôi cảm ơn vô-cùng. » Ông lão hỏi các ông đi đâu mà lật-đật như vậy. Ngài nói : « Chúng tôi nghe bèn Tây-trúc là chỗ đất Phật giáng-sinh, muốn sang đó để tu-hành cho tiện. » Ông lão bảo : « Quả thực có chi như vậy, xin mời ba ông xuống thuyền. » Ngài lại hỏi rằng : « Thuyền ông nhỏ lắm, lỡ ra gặp sóng gió thì làm thế nào? » Ông lão đáp : « Thuyền tôi đầu nhỏ, nhưng vững-vàng hơn các thuyền to của người khác. »

— Quả như lời ông nói, thời thuyền ông có thể chở sang tận Tây-trúc được không ?

— Thuyền tôi đi đâu chả được, lọ là Tây-trúc.

— Tây-trúc ông có biết lối đi không và xa ước mấy trăm dặm, có biết không thì nhờ ông chỉ đường trở nẻo cho, thật là công-đức vô-lượng.

Ông lão nói : « Các ông cứ xuống thuyền, thế nào tôi cũng chở ông đi đến nơi về đến chốn thì thôi. »

Ngài nghe lời lấy làm mừng rỡ, bảo ông Từ Đạo-Hạnh và ông Giác-hải rằng :

— Ta đi chuyến này may được lòng trời a-hộ, Phật-lỗ độ-tri, may ra tu

(1) Ông Giác-hải họ Nguyễn, húy là Quốc-Uy, hiệu là Giác-hải thiên-sư, người Giao-thủy, khi còn ít tuổi theo cha làm nghề đánh cá, sau dời ở xã An-vệ huyện An-khánh, tỉnh Ninh-bình, tu ở chùa Phúc-long xã An-vệ, đạo phép cao-siêu, vua Nhân-tôn nhà Lý cho làm Quốc-sư. Đương bấy giờ trời làm đại-hạn, ngài lấy cái rổ bằng tre, ngoài phất giấy, đem ra sông cá, khi nước rồi đưa về rội ruộng, rội đến đâu thời đầy cả cánh ruộng, dần sâu xuống thành cù, dân chỗ ấy đều nhờ được phong-phú. Hiện nay xã An-vệ có đền thờ ngài rất linh-ứng.

hành đắc-đạo, chả phải là cùng với Phật có nhân-duyên đó đư ?

Liên rủ nhau bước xuống thuyền, mặt trời đã xế về tây.

Khoan-khoan bơi một mái chèo, Cánh buồm xuôi gió thuận chiều nước  
Lênh-dênh qua bãi hoa sen, [lên.  
Đến nơi kim-sĩ là miền Vĩnh-xương.

Chỗ ấy non xanh nước biếc, nhìn xem phong-cảnh có tình, bèn đậu thuyền lại, ngài cùng ông Từ Đạo-Hạnh dặt tay lên bờ phóng-bộ qua chơi ngoạn cảnh, còn ông Giác-hải ngồi coi thuyền, ngồi chờ một hồi lâu không thấy trở lại, không ngờ ngài cùng với ông Từ Đạo-Hạnh đã đi đến chỗ Tây-thiên cõi Phật rồi, Tây-thiên phong-cảnh so với chỗ bồng-đảo Thiên-thai, có phần thanh-thú hơn.

Về trời in thớt năm mây,  
Có hoa bát-nhã có cây bồ-đề.

Có bạch-tượng có kim-kê,  
Có rừng Cam-lộ có khe Cam-tuyền.

Trông thấy lấy làm ngạc-nhiên, phép Phật thần-thông, thu đường rút đất, cho anh em mình được tới cái cảnh Đàm-hoa mà mình vẫn không biết, tự-nhiên trông thấy một đức Phật ngồi trên ngọc-diện, hỏi rằng hai ông lạ-lùng ở đâu tới đây. Bạch rằng : « Chúng tôi quê nước Việt-Nam, lâu nay ham mộ đạo Phật, nghe tiếng Tây-trúc là chỗ đức Phật Di-Bà giảng-thế, nên chúng tôi đem thân đến đây để nương bóng cửa từ-vân, theo đường giác-lộ, xin Phật chứng quả, để cho chúng tôi đắc-đạo tu-hành, thì chúng tôi đội ơn muôn lay ». Phật Như-lai khen cho các ông có chí nhân-nại, trèo non vượt bể không quản xa-xôi, đã biết đến cửa ta đây thời ta trao cho pháp-ấn, ngày đêm giữ lấy để mà trụ-trì, thời sau này cũng được viên-thành quả-phúc. Ngài cùng với ông Từ Đạo-Hạnh lĩnh lấy tâm-ấn, liền khấn-đầu lay tạ, xin trở

về nước. Phật hỏi : « Đã có công đến đây sao không ở lại năm mười ngày để mà vãng-cảnh, mà lại vội-vàng như vậy, chả hoài công lắm đư ? »

Bạch rằng : « Nguyên anh em chúng tôi có ba người cùng đi một thuyền, đi đến bến Vĩnh-xương, hai chúng tôi thời lên bờ để tìm lối tới đây, còn một người là Giác-hải đợi dưới thuyền chưa liết sự-thê như thế nào, nên phải trở về để nom bạn ». Nói xong liền xin cáo-biệt.

Khi ấy ông Giác-hải ngồi thuyền chờ mãi, lâu không thấy về, trong lòng bồi-hối bồi-hối, lấy làm buồn-bã. Bỗng đâu gặp thấy một bà lão ni, mặc áo cà-sa, cổ đeo tràng hạt đi qua thuyền, hỏi bà ở đâu đến đây, có gặp thấy hai người đàn ông đi ở quãng đường đây không. Bà rằng : « Hai ông ấy một người là họ Từ, một người là họ Dương rủ nhau đi học có phải không ? » Ông Giác-hải nói : « Hai ông ấy rủ tôi sang Tây-trúc học, rồi mà đến giữa đường bỏ tôi ở đây, hiện nay không biết hai ông ấy ở đâu, xin bà nói cho tôi biết. »

Bà rằng : « Hai ông ấy thụ-giáo Như-lai, ngài đã truyền cho chân-kinh bí-pháp trở về nước rồi ». Nghe lời nói xong, nửa tin nửa ngờ, bụng bảo dạ rằng bà này không phải là người trần, ý là tiên phật gì đó, nên mới biết họ tên hai ông ấy, liền tâu với bà rằng : « Tôi dắt khách quê người, nhân bước bình-bồng mới tới đây, lạ non lạ nước, đường đi chẳng biết, đường về cũng không, xin bà làm ơn chỉ nẻo đưa đường, để được về chỗ quê hương đất tổ, may mà lại gặp được họ Dương họ Từ đàm-đạo kinh sách, thực là từ-hàng tế-độ, phúc đặng hà sa. »

Bà liền trao cho phép thần-thông. Khi chở thuyền về, thuyền đi nhanh hơn mũi tên, qua sóng vượt bể rắt là dễ-dàng, đi đến đâu sóng gió cũng không quản ngại gì. Đến giữa đường gặp ngài

cùng ông Từ Đạo-Hạnh đã đón ở bên sông, anh em trông thấy lấy làm hoan-hỉ lắm.

Ông Từ Đạo-Hạnh bèn đem phép lạ để thử xem ai là đặc-đạo hơn. Nhân bên đường có một bụi rậm, nhảy vào trong bụi hóa làm hổ, gầm lên ba tiếng, nhảy ra vồ người. Ông Giác hải thần sắc nghiêm-nhiên không có chút nào kinh sợ, cười mà nói rằng: « Hổ ở đâu mà dám trêu người giữa ngày, ý là ông Từ Đạo-Hạnh muốn thử ta đây, nhưng ta đây cũng học được phép thần-liền, trêu ta cũng không được, muốn làm kiếp hổ thời sau phải chịu nghiệp-chướng ấy. »

Ông Từ đáp: « Nghiệp-chướng thế nào, thầy có cao tay xin thầy cứu hộ? » Nói xong tự-nhiên đổi lột hổ hóa ra làm người.

Ngày cùng ông Từ Đạo-Hạnh mới hỏi ông Giác-hải rằng: « Khi ông ngồi đợi dưới thuyền, ông đi học lúc nào, mà ai truyền phép lạ cho ông mau chóng như vậy? » — Ông Giác-hải nói rằng: « Hai ông bỏ tôi ở thuyền lên đi học trước, chắc đã học hơn tôi hay sao? » — Ngài cùng ông Từ Đạo-Hạnh đáp rằng: « Đó cũng là lòng Trời phép Phật xui khiến ra làm vậy, chứ có phải tự chúng tôi có tự-ý gì đâu. »

Ông Giác-hải nói: « Đã đành vậy, nhưng hai ông phải biết thiện-căn ở tự lòng người ta, ai mà cùng Phật có nhân rồi sau mới cùng Phật có duyên, có nhân có duyên, có nhân thời sau mới thành được quả phúc, tuy tu-hành khác nhau, mà đặc-đạo thì không khác nhau. » Nói xong bèn từ-biệt mỗi ông về mỗi nơi. Ông Từ Đạo-Hạnh về trụ-tri ở núi Sài-son.

Núi Sài-son thuộc huyện An-son, đất xã Thụy-khuê, xã Thiên-phúc thuộc tỉnh Sơn-tây, núi đá ở dải bằng, đột lên một cái núi khuất-khác hình như cón rồng chầu, nhà Lý gọi là núi Bồ-xà. Triều

nhà Trần gọi là núi Phật-tích. Sách Bắc-chi nhà Minh nói nước An-Nam hai-mươi-một cái núi có danh-tiếng, núi Phật-tích là một. Tực truyền núi ấy có chùa Cổ-hiệu, có am Hương-hải, đằng sau có gác chuông, tương-truyền chuông ấy đức Từ Đạo-Hạnh đúc; đằng trước có ao hiệu là Long-tri, trong ao có thủy-tạ, bên tả bên hữu có hai cầu gọi là cầu Nhật-tiên và cầu Nguyệt-tiên, cận-lai biển-cải, thật cũng đáng tiếc.

Chùa Thầy tức là chùa Thiên-phúc, đức Từ Đạo-Hạnh tu ở đây, đương bấy giờ vua Nhân-tôn nhà Lý tuổi đã cao chưa có hoàng-tử nối ngôi. Hoàng-đệ là Sung-Hiền-hầu bèn nhờ đức Từ Đạo-hạnh cầu tự ở chùa Thiên-phúc, đức Từ Đạo-Hạnh ước rằng sau bà phu-nhân có thai gần đến ngày sinh thì nói cho ngài biết trước. Sau bà phu-nhân ông Sung-Hiền quả có mang thai, đến ngày sinh sai người đến báo đức Từ Đạo-Hạnh, ngài liền đổi quần áo đi lăm xong vào trong động ngồi nhắm mắt lại tự-nhiên hóa xác, bà phu-nhân sinh con trai nối ngôi vua tức là vua Thần-tôn. Vua sắc cho sở-tại rước thầy vào trong am phụng-sự mỗi năm vào mồng bảy tháng ba là ngày phát-hóa; đến khi nội-thuộc nhà Minh đem đốt thầy ấy, người sở-tại lại đắp tượng để phụng-sự, đêm ngày hương-dăng bát-tuyệt.

Triều Lê Quang-thuận, bà hoàng-hậu chưa có hoàng-tử, ông thân-sinh bà hoàng-hậu đến chùa cầu-tự, bỗng đâu có hòn đá rơi xuống trước mặt, liền đem về khắc tượng thờ, rồi mà bà hoàng-hậu năm mộng thấy con rồng vàng chui vào trong vách, quả-nhiên bà hoàng-hậu sau sinh được ngôi thái-tử, tức là vua Lê Cảnh-thống. Vua Lê sắc lập am thờ, đến nay vẫn còn.

Ngài lại về tu chùa Duyên-phúc cùn ông Giác-hải kết làm bạn tiên, vui chùa

vui cảnh, có khi lên đỉnh núi xanh kêu lên một tiếng vang cả góc trời, lại có khi cầm gậy đi ở trên mặt nước như là đi chỗ đất bằng, lại có khi tung gậy bay lên giữa trời rồi lại bay xuống ; lại có khi hóa phép giáng-long phục-hồ, ai thấy cũng kinh ; lúc thì vui cảnh Lạc-lâm ở xứ Đoài, lúc thì vui chùa Đại-lâm ở ngoài Bắc-giang ; lúc thì chơi chùa Dương-nham ở núi Giáp-son, lúc thì vui chùa Phổ-lại ở lĩnh Đông ; đúc một quả chuông để ở chùa ấy, chuông ấy cũng là một pháp-khi hiển-linh ở Bắc-kỳ ta.

Già-xa tích-trượng đến đầu,  
Cũng thành phật-tích làm đầu danh-lam.

Phép cao nức động trời Nam,  
Đến vua nghe tiếng cũng tham mùi thuyền.

Lúc bấy giờ vua mới dựng đền Mộng-liên, vua ngự ra chơi đền, bỗng đâu có tiếng con cáp-giới (1) kêu, vua nghe thấu lấy làm khó chịu, ngọc-thể không yên, sắc cho Thái-y-viện thuốc-thang mãi cũng không khỏi, bèn tìm các thầy danh-y đến điều-trị, nhưng bệnh vẫn thấy mỗi ngày lại thêm nặng ra, bèn sai tướng-sĩ năm trăm người đến tận nơi rước ngài, quan-quân đến nơi ngồi đầy một chùa, ngài sai tiêu lấy một cáp gạo thổi cơm, và bắt một con sẻ để làm đồ nấu cho quân ăn, quan-quân trông thấy không biết rằng cơm cho ai ăn, đến khi mời quân-sĩ ăn, quân-sĩ bảo nhau rằng pháp-sư dọn cơm như thế này thì ai ăn ai đừng, ngài bảo rằng nhà chùa thanh-dạm gọi có chút thành khoản-dãi, nhiều no ít đủ, thế nào cũng xin mời quan-quân chiêu-cổ cho. Không ngờ quan-quân ai ăn

cũng được no đủ, mà cũng không hết, lấy làm ngạc-nhiên sự lạ.

Ăn xong mặt trời đã xế bóng, bèn thu-xếp mời ngài xuống thuyền, khi ra thuyền trời đã tối mịt, ngài bảo quan-quân bây giờ chớ nghỉ, đến sáng sớm mai thuyền hãy ngược ; đêm gà gáy thứ ba, thuyền mới nhỏ sào, chèo ra giữa, không bao lâu thuyền đã tới bến Đông-kinh, không biết thuyền đi lúc nào mà chóng như vậy, quan-quân ai cũng kinh-phục. Quan-quân về lâu vua, vua sai một ông quan đại-thần ra đón, bấy giờ ngài cùng ông Giác-hải vào bên bệ rồng để coi bệnh vua.

Vua nói nghe tiếng pháp-sư đã lâu, bấy giờ mới được tiếp, thật là hân-hạnh quá, vậy xin nhờ pháp-sư ra tay cứu vớt để được tai qua nạn khỏi, trước là nhờ bóng Phật, sau đợi ơn pháp-sư, muốn tạ.

Ngài nhường ông Giác-hải thử ra tay trước. Ông Giác-hải liền đọc thần-chú rằng :

Giác-hải tâm như hải,  
Thông-huyền đạo cảnh huyền ;  
Thần-thông năng biến-hóa,  
Nhất phật nhất thần tiên.

Đọc xong tự-nhiên con cáp-giới ở trên nóc nhà rơi xuống tan xác như tro. Vua liền bình-phục như cũ, khen cho hai vị pháp-sư thực đáng tay y-quốc, tôn làm quốc-sư, thưởng cho bạc nghìn lạng, và một trăm mẫu ruộng để sau làm ruộng hương-dãng. Hoạn rồi trở về chùa Nghiêm-quang đúc quả chuông ba nghìn cân đồng.

Tục truyền chuông ấy triều Tây-son lấy đem ra thuyền đi đến giữa sông đắm mất.

(1) Tục gọi là con cáp-kè, giống ấy đi đâu vẫn thường đi đôi, hình như con thạch-sùng, nhưng to hơn dài ước độ năm sáu tấc.

Khi ngài tuổi già chọn được kiền đất long-xà, dựng chùa Nghiêm-quang (nay gọi là Thần-quang), chùa ấy thuộc đất Bồng-liên, nhưng chùa thời xã Hành-nghĩa và xã Dũng-nghĩa phụng-sự Đồi chúa Trịnh đã sai sửa chùa lại. Chùa có gác chuông ba tầng, hai dãy hành-lang rất là rộng-rãi. Kiểu của chùa Trịnh cùng vào chùa đến nay vẫn còn. Cứ đến ngày mười tư tháng chín là ngày ngài giáng-sinh. Dân chôn ấy vào hội đóng đám, thập-phương đến liễn-cúng và vãng-cảnh đông hơn hội chùa Thầy. Chùa Hành-thiện và chùa Cồ-lễ nhiều nơi phụng-sự ngài, thực cũng hiển-ưng.

Tục ngộ-nhận đức Dương Không-Lộ là đức Nguyễn Minh-Không. Nhưng xét truyện cao-tăng, đức Dương Không-Lộ người Giao-thủy ; đức Nguyễn Minh-Không người làng Liêu-xá huyện Gia-viễn, tỉnh Ninh-bình, tên tự là Chí-thành, hiệu là Minh-Không. Sách sử nhà Lý có câu : « Dục y thiên-tử bệnh, tu đắc Không Minh-Không 欲醫天子病。須得孔明空。 », vì chữ Không Minh-Không thành ra ngộ-nhận như vậy. Nay xem sách kệ của nhà chùa, việc đức Nguyễn Minh-Không tỏ là việc đức Dương Không-Lộ, hàm-hồ không được đích-xác, tức như một việc đức

Nguyễn Minh-Không sang Tàu xin đồng. Vua Tàu nói mười kho đồng muốn lấy bao nhiêu sai đệ-tử đến mà lấy. Ngài nói lão-tăng đây đã có túi, nhà vua đã rộng ơn cho, xin dựng vào cái túi này cũng vừa, chứ không phải phiền đệ-tử. Vua chuẩn chỉ cho. Ngài đem túi vào trong kho lấy hết cả mười kho đồng thu vào một cái túi. Vua Tàu và các quan đình-thần lấy làm quái lạ. Ngài bèn lái vua xin về và xin một cái lâu để đem đồng về nước. Khi ra lâu để túi đồng ở trên bờ nhờ trăm quân khiêng xuống dưới tàu, trăm quan khiêng không nổi, ngài cầm đầu gậy bêu cái túi ấy quăng xuống lâu, lâu nghiêng đi một bên, chủ lâu kinh sợ, ngài bảo không can chi, tự-nhiên phép thánh uy-linh đi vượt qua bề cũng không có quan-ngại gì cả. Tàu đương đi bề bỗng có cơn ngộ-công dài hơn trăm trượng, bò quanh bên tàu, người trong lâu ai cũng rằng mình ghê thối. Ngài thư-phụ vào quả bị ném xuống dòng nước, tự-nhiên ngộ-công biến đi mất. Việc ấy là sự-tích đức Minh-Không, ngộ-nhận là việc đức Không-Lộ, vì nước mình trước không có sách ghi chép, chỉ truyền ở cửa miệng mà thôi.

THIỆN-ĐÌNH



## CÁC LĂNG-ĐIỆN XUẤT HUẾ

Cổ-nhân có câu: « Nhân sinh tu đáo đế vương đô 人生須到帝王都 », nghĩa là kinh-đô là chỗ danh-thắng, sơn-thủy tốt, phong-cảnh vui, kinh-đô là nơi đô-hội, bao nhiêu cái khôn cái khéo, bao nhiêu người hiền người tài trong nước, đều tụ-tập tại đó cả, cho nên tới ở chốn kinh-đô cũng bằng đi du-lịch một lần khắp trong nước vậy. Bởi vậy muốn cho rộng kiến-vấn, thêm tri-lự, thì phải tới chốn kinh-đô. Câu ca-đạo: « khôn em cũng ở trong bờ, đại chị cũng ở kinh-đô chị về », cũng một ý ấy.

Nhưng đó là nói đại-khái cả các chốn kinh-đô, chứ kinh-đô Huế đây thì lại khác. Huế sở-dĩ thành Huế, là chẳng những vì Huế nhiều tài-tử giai-nhân, Huế có sông trong núi đẹp, mà lại chính là vì Huế có cung-điện có vẻ trang-nghiêm, Huế có lăng-tẩm có vẻ hùng-tráng, cho nên tuy đã tới Huế, đã ở Huế, đã được xem phong-cảnh như gấm như hoa của Huế, đã được hưởng cái ý-vị gió mát trăng thanh trên núi Ngự sông Hương của Huế, mà nếu chưa biết cung-điện của Huế, chưa biết lăng-tẩm của Huế, thì cũng chưa có thể gọi là biết Huế được.

Ông Tô Triệt người đời Tống bên Tàu ngày xưa, có nói: « Tôi kinh-sư trông thấy cung-quán của thiên-tử là tráng-lễ cùng kho-tàng thành-trị và vườn-nương là nhiều và rộng, mới biết thiên-hạ là cụ-đại và mỹ-lệ. » Nay chúng tôi lại nói: « Tôi Huế có đi cung-chiếm lăng-tẩm, cung-điện của Huế thì mới biết Huế là thế nào, nước Nam là thế nào. »

Bởi lẽ ấy cho nên trong chương-trình các ban du-lịch-học-khóa trường

Quốc-học Huế của quan Đốc LE BRETON mới tổ-chức ra năm nay mới có mục « cung-chiếm cung-điện » và « cung chiêm lăng-tẩm » sau này.

Ngày 20 tháng 12 năm 1928, quan học và quan Quán-giáo trường Quốc-Đốc-học Huế được phép đem học trò hai lớp đệ-tứ-niên (Tiểu-học-sư-phạm, và Cao-đẳng-tiểu-học) vào cung-chiếm các miếu và các cung-điện trong Hoàng-thành.

Hoàng-thành là nơi nghiêm-cấm, trừ các quan tại-triều ra thì xưa nay người ngoài không có ai được vào bao giờ, cho nên học trò mà được vào cung-chiếm miếu-điện trong Hoàng-thành là một việc sáng-kiến trong lịch-sử nước nhà, đó cũng là một dịp may, một cái ơn riêng cho học trò trường Quốc-học vậy.

Hoàng-thành có bốn cửa: Ngọ-môn, Hiển-nhân, Chương-đức và Hòa-bình. Cửa chính giữa về phía nam là cửa Ngọ-môn (theo trong địa-bản thì ngo là về phương chính-nam, cho nên cửa chính-nam ở Hoàng-thành gọi là Ngọ-môn). Cửa này về đời vua Gia-long thì gọi là Nam-khuyết-đài, tới năm thứ mười bốn vua Minh-mệnh (1833) mới triệt đi mà xây lại làm năm cửa: chính giữa là Ngọ-môn, hai cửa kề hai bên là Tả-giáp-môn 左夾門 và Hữu-giáp-môn 右夾門, còn hai cửa ngoài là Tả-khuyết 左闕 và Hữu-khuyết 右闕. Trên cửa Ngọ-môn có làm cái lầu gọi là Ngũ-phượng-lâu 五鳳樓, đó là chỗ vua ngự ra xem các cuộc du-hí trong các lễ khánh-tiết. Các quan đại-thần thường cũng được lên

đó, nhưng phải ngồi ở hai lầu hai bên. Cái lầu chính giữa có hai tầng, tầng gác là chỗ các bà Thái-hậu và các bà cung-phi ngồi. Lên tầng gác có cái thang để đằng sau, đứng ngoài không trông thấy được.

Vào khỏi cửa ngõ-môn thì có cái cầu gọi là Kim-thủy-kiều 金水橋, hai bên cầu có hai cái hồ, là Tả-dịch-tri 左液池 và Hữu-dịch-tri 右液池. Cái cầu chính giữa chỉ một mình vua được đi mà thôi, còn các quan thì phải đi theo đường hai bên.

Qua khỏi cầu là tới sân điện Thái-hòa 太和殿. Điện này làm ra trong năm thứ ba vua Gia-long (1804). Nhưng lúc bấy giờ điện ở lui vào phía trong là phía bắc một chút, tới năm thứ mười bốn vua Minh-mệnh (1833) mới dời ra chỗ này để lấy chỗ mà xây cửa Đại-cung-môn 大宮門.

Điện Thái-hòa là chỗ vua ngự khi thiết lễ đại-triều. Chính giữa điện có một cái ngai rồng để vua ngồi khi lâm-triều. Cái ngai ấy để trên cái bệ sơn đỏ, gọi là đan-bệ. Chỗ trước đan-bệ gọi là đàn-tri 丹墀. Trong khi thiết-triều chỉ một mình vua được ngồi trong điện, cho nên chỉ có một cái ngai mà thôi.

Cái sân trước điện gọi là Đại-triều-nghi 大朝儀. Đó là chỗ khi gặp lễ đại-triều thì các quan vào lạy và chầu vua. Bên tả và bên hữu có để hai dãy, mỗi dãy chín cái bia, khắc phẩ-m-trật các quan từ cửu-phẩ-m tới nhất-phẩ-m, để khi vào triều thì quan văn bên tả (đông) quan võ bên hữu (tây), ai theo phẩm hàm nấy, nhận chỗ mà bài-ban cho có trật-tự.

Đi qua Thái-hòa-điện là tới Tử-cấm-thành 紫禁城. Trong các cung-điện ở

trong Tử-cấm-thành thì các khách du-quan chỉ được vào cung-chiếm các điện về phía nam ở Càn-thành-cung (1) mà thôi.

Ở Thái-hòa-điện đi vào phải đi qua cái cửa gọi là Đại-cung-môn 大宮門. Trên cửa có treo cái biển ba chữ đại-tự « Càn-thành-cung 乾成宮 ».

Càn-thành-cung có nhiều điện: ở phía trước và chính giữa là điện Càn-chánh 勤政. Điện Càn-chánh cũng trở về hướng nam như điện Thái-hòa và các điện chính khác của vua, bởi vì theo tục ở Á-Đông thì vua trở mặt về phương nam mà tôi thì trở mặt về phương bắc, cũng bởi lẽ ấy cho nên chữ « nam-điện 南面 » mới thường dùng để chỉ nghĩa là « làm vua » mà chữ « bắc-điện 北面 » là « làm tôi ».

Điện Càn-chánh là chỗ vua thiết triều trong các lễ thường-triều và các quan vào bài-mạng khi được thuyên-bổ hay là thăng-thưởng. Chính giữa điện để một cái sập chạm rồng, thép vàng, đó là sập vua ngự khi lâm-triều. Sau sập ngự có một cái tủ kính, trong để một cây cảnh, cây và cảnh bằng vàng mà lá và hoa quả thì bằng các thứ ngọc. Hai gian hai bên thì để mấy cái tủ trong trữ các đồ ngự-dụng của các tiên-đế, như là đĩa ngà chén ngọc, vãn-vãn. Ở hai bên vách thì viết mấy câu thánh-chế của các tiên-đế nói về đạo làm vua trị dân, như là: cần chánh, ái dân, cận trung, viên nịnh, vãn-vãn. Trước sập ngự có để một cái bàn và mấy chiếc ghế, nghe nói đó là chỗ để tiếp quan Toàn-quyền, quan Khâm-sứ và các quan tứ-trụ trong triều.

Cái sân ở trước điện Càn-chánh cũng là sân bài-đình, cũng có chia ra

(1) Trong Tử-cấm-thành chia ra làm hai cung: mấy cái điện từ điện Càn-thành-điện trở ra phía nam là thuộc về cung Càn-thành, còn mấy điện từ điện Khôn-thái-điện trở vào là Khôn-thái-cung.

làm từng khoảng như sân ở Thái-hòa-điện.

Bên tả là phía đông và bên hữu là phía tây ở trước điện Cần-chánh thì có hai tòa nhà, gọi là Tả-vu và Hữu-vu, dùng làm chỗ các quan vào chực. Bày giờ thì nhà Tả-vu cũng làm chỗ tiếp và đãi yến các quan-viên Đại-Pháp. Trong nhà Tả-vu có trần-thiết nhiều đồ xưa của các nước bên Âu-châu đẹp lắm; có lẽ đó là đồ của các nước biểu đức Gia-long và đức Minh-mệnh khi trước.

Chính phía đông điện Cần-chánh là điện Văn-minh, chính phía tây là điện Võ-hiến, còn điện Đông-các thì ở phía đông nhà Tả-vu. Chính là tên bốn cái điện ấy dùng làm tên điện-hàm của các quan tứ-trụ trong triều, như là Cần-chánh-điện đại-học-sĩ, Văn-minh-điện đại-học-sĩ, Võ-hiến-điện đại-học-sĩ, và Đông-các đại-học-sĩ.

Sau điện Cần-chánh là Cần-thánh-điện 乾成殿, đó là chỗ vua ở, rồi tới Khôn-thái-điện 坤泰殿 là chỗ bà Phi ở (bà Phi tức là Hoàng-hậu, nguyên ở nước Nam trong cung không có hoàng-hậu, ngoài triều không có tể-lương). Nhưng từ Cần-thánh-điện trở vào cho tới mấy điện ở Khôn-thái-cung thì nghiêm-cấm lắm, người ngoài không ai được vào cả.

Ở cửa Đại-cung-môn đi ra về phía đông thì có cửa Nhật-tinh 日精門 là cửa đi thẳng ra cửa Hiên-nhân, mà đi ra về phía tây thì có cửa Nguyệt-anh 月英門 là cửa đi thẳng ra cửa Chương-đức. Các cửa ở trong Hoàng-thành cửa nào cũng có ba cửa, cửa giữa để vua đi, còn các quan trở xuống thì đi cửa hai bên.

Ra khỏi cửa Nhật-tinh, rồi đi lần sang phía đông điện Thái-hòa thì có tòa miếu thờ chúa Tiên (Nguyễn-Hoàng) và các chúa kế-thế của ngài. Vì khi vua Gia-long lên ngôi rồi thì

truy-tôn chúa Tiên là Thái tổ Gia-duy hoàng - đế 太祖嘉裕皇帝, cho nên miếu này gọi là Thái-miếu. Sau Thái-miếu là Triệu-miếu 肇廟, thờ đức Triệu-tổ 肇祖 (Nguyễn-Kim).

Thái-miếu và Triệu-miếu làm ra năm thứ ba hiệu Gia-long.

Còn ra khỏi cửa Nguyệt-anh, rồi đi lần sang phía tây điện Thái-hòa thì có Thế-miếu 世廟 là miếu thờ đức Thế-tổ Cao-hoàng-đế 世祖高皇帝 (Gia-long) và các đấng đế-vương kế-thế của ngài. Sau Thế-miếu là Hưng-miếu 興廟 là miếu thờ đức Hưng-tổ 興祖 sinh ra đức Gia-long.

Thế-miếu và Hưng-miếu đều làm ra trong năm thứ hai hiệu Minh-mệnh (1821).

Các nhà tả-vu và hữu-vu ở Thái-miếu thì thờ các thần-huân và công-thần của các chúa, còn các nhà tả-vu và hữu-vu ở Thế-miếu thì thờ các thần-huân và công-thần từ đời đức Gia-long trở về sau.

Trước Thế-miếu có đề chín cái đỉnh bằng đồng lớn lắm, gọi là truyền-quốc-đỉnh 傳國鼎.

Đỉnh hình như cái nồi mà miệng rộng, trên có quai, dưới có ba chân, làm theo kiểu của đức Minh-mệnh chế ra. Mỗi cái đỉnh nặng ngoài hai ngàn cân tây, và đều có một tên riêng cả. Chung quanh đỉnh có chạm hình các danh-sơn, đại-xuyên, quan-tấn, tinh-tú, và các giống thảo-mộc, các loài cầm-thú, các đồ khí-giới, thuyền-tàu trong nước.

Đỉnh Cao 高 là đỉnh lớn nhất thì đề chính giữa. Đỉnh ấy cân nặng 4.307 cân ta (2.601 kg) và chung quanh có khắc: 1° mặt trời; 2° biển Đông; 3° núi Thiên-tôn; 4° sông Ngưu-chử; 5° sông Vĩnh-tế; 6° chim trĩ; 7° con cọp; 8° con tạn; 9° con rồng; 10°

hoa tử-vi; 11° cây mít; 12° lúa thơm; 13° trầm-hương; 14° gỗ lim; 15° củ hành; 16° thuyền Đa-sách; 17° súng Đại-bác.

2° Cái đỉnh bên tả (về phía đông) đỉnh Cao là đỉnh Nhân 仁, cân nặng 4.160 cân (2.512kg.600), chung quanh có khắc: 1° mặt trăng; 2° biển Nam; 3° núi Ngự-bình; 4° sông Hương-giang; 5° sông Phồ-lễ; 6° chim công; 7° con heo; 8° đồi-mồi; 9° cá ông; 10° hoa sen; 11° cây Nam-trần; 12° lúa nếp; 13° cây kỳ-nam; 14° cây ngô-đồng; 15° cây họ; 16° thuyền lâu; 17° đại-bác có xe.

3° Cái đỉnh bên hữu (về phía tây) đỉnh Cao là đỉnh Chương 亨 cân nặng 4.261 cân (2.573kg.700), chung quanh có khắc: 1° bộ sao ngũ-tinh; 2° biển Tây; 3° núi Thương; 4° sông Danh; 5° sông Lợi-nông; 6° gà trống; 7° con tê-ngu; 8° con rùa; 9° con sấu; 10° bông lái; 11° cây xoài; 12° đậu lục; 13° đậu khấu; 14° cây thuận-mộc; 15° củ kiệu; 16° thuyền mộng-đồng; 17° súng điều-thương.

4° Cái đỉnh về phía đông đỉnh Nhân là đỉnh Anh 英 cân nặng, 3.472 cân (2.097kg.), chung quanh có khắc: 1° sao bắc-đầu; 2° sao ngân-hà; 3° núi Hồng; 4° sông Mã; 5° sông Lô; 6° con hạc; 7° con ngựa; 8° con ve; 9° con trăn; 10° hoa mai-khôi; 11° cây cau; 12° cây dâu; 13° dầu tồ-hạp; 14° cây kiền-kiền; 15° củ nghệ; 16° cái cờ; 17° đạn trái-phá.

5° Cái đỉnh về phía tây đỉnh Chương là đỉnh Nghị 毅, nặng 4.206 cân (2.540kg.400) chung quanh có khắc: 1° sao Nam-đầu; 2° cửa Thuận-an; 3° cửa quan Quảng-bình; 4° sông Bạch-đăng; 5° sông Cửu-an; 6° chim uyên-ương; 7° con voi; 8° con sấu đừa; 9° cá trầu; 10° hoa hải-đường; 11° cây mai; 12° đậu biển; 13° cây

quế; 14° cây huỳnh-dàn; 15° rau cải; 16° thuyền hải-đạo; 17° cái giáo.

6° Cái đỉnh về phía đông đỉnh Anh là đỉnh Thuận 純, nặng 3.229 cân (1.950kg.300), chung quanh có khắc: 1° gió; 2° cửa Cần-giờ; 3° núi Tản-viên; 4° sông Thạch-hãn; 5° sông Vĩnh-định; 6° chim hoàng-anh; 7° bò tót; 8° con ngao; 9° cá rô; 10° hoa quỳ; 11° cây đào; 12° đậu khuôn; 13° sa-nhân; 14° gỗ nam-mộc; 15° cây hương-nhu; 16° thuyền đỉnh; 17° grom bài.

7° Cái đỉnh ở kề phía tây đỉnh Nghị gọi là đỉnh Tuyên 宣, nặng 3.421 cân (2.066kg 3), chung quanh có khắc:

1° mây; 2° núi Tuấn; 3° núi Đại-lĩnh; 4° sông Lam-giang; 5° sông Nhĩ-hà; 6° chim nhung; 7° con heo; 8° con ngoan (rùa biển); 9° con sâm; 10° bông sồi; 11° trái nhãn; 12° đậu phụng; 13° yến sào; 14° cây bá-mộc; 15° cây gừng; 16° thuyền lè; 17° cái cung.

8° Cái đỉnh ở kề phía đông đỉnh Thuận là đỉnh Dự 裕, nặng 3.341 cân (2.017kg.9) chung quanh có khắc: 1° sấm; 2° cửa biển Đà-nẵng; 3° cửa quan Hải-vân; 4° sông Vệ; 5° sông Vĩnh-điện; 6° chim anh-võ; 7° con dê; 8° con ngao; 9° cá úc; 10° bông cần; 11° cây lê; 12° đậu trắng; 13° cây trầu; 14° cây thông; 15° cây tử-tô; 16° thuyền ô; 17° cái siêu-đạo.

9° Cái đỉnh ở kề phía tây đỉnh Tuyên là đỉnh Huyền 玄, nặng 3.201 cân (1.933kg3), chung quanh có khắc: 1° mưa; 2° con mống; 3° núi Hoành-sơn; 4° sông Tiền, sông Hậu; 5° sông Thao; 6° chim ông-lão; 7° ngựa núi; 8° con cà-cuống; 9° rắn mang xà; 10° cây ngọc-lan; 11° cây vải; 12° cây bông; 13° cây nam-sâm; 14° cây sơn; 15° củ tỏi; 16° xe bốn ngựa; 17° cái ống đốt đạn.

Chín cái đỉnh này đúc ra trong năm ất-vị (1835) là năm thứ mười sáu đời vua Minh-mệnh.

Thụy-hiệu các vua nhà Nguyễn đều đặt theo tên các đỉnh này cả; như :

Thụy-hiệu vua Gia-long thì dùng chữ Cao (Thế-tổ Cao-hoàng-đế) ;

Thụy-hiệu vua Minh-mệnh thì chữ Nhân (Thánh-tổ Nhân-hoàng-đế) ;

Thụy-hiệu vua Thiệu-trị thì chữ Chương (Hiển-tổ Chương-hoàng-đế) ;

Thụy-hiệu vua Tự - đức thì dùng chữ Anh (Dực-tôn Anh-hoàng-đế) ;

Thụy-hiệu vua Kiến-phúc thì chữ Nghị (Giản-tôn Nghị-hoàng-đế) ;

Thụy-hiệu vua Đồng-khánh thì chữ Thuần (Cảnh - tôn Thuần-hoàng-đế) ;

Thụy-hiệu vua Khải-định thì chữ Tuyên (Cung-tôn Tuyên-hoàng-đế) ;

Còn chữ Dụ và chữ Huyền thì chưa dùng tới.

Đúc đỉnh để làm của truyền-quốc là đầu từ vua Đại-Vô (2250-2198 trước Thiên-chúa) nhà Hạ (2250-1766) bèn Tàu. Nguyên khi xưa vua Vô khi đã đào sông khai lạch cho thuận đường nước chảy mà trừ được cái hại nước lụt thường năm cho dân trong nước có chỗ ở yên rồi, thì chia nước ra làm chín châu, và lấy đồng của các châu cống về mà đúc làm chín cái đỉnh.

Mỗi đỉnh khắc địa đồ một châu vào, lại khắc cả các đồ sản-vật mà châu ấy phải cống hay là các nước xa phải họa hình mà hiến nữa. Sách *Tả-truyện* có chép rằng : « Phàm hình các vật đủ cả ở đó, để cho dân xem vào đó mà biết thế nào là quý-thần, thế nào là gian-tà, cho nên dân xuống sông lên rừng không gặp phải những sự không may, không gặp phải những giống lị, vị, vông, lượng bao giờ. Thế là vì có đức mới dùng đỉnh để hòa-hợp được trên dưới, mà hưởng phúc Trời. »

Khi nhà Hạ mất nước thì chín cái đỉnh ấy lại về nhà Thương (1783-1122); đến khi nhà Thương mất lại về nhà Châu (1122-247). Từ nhà Hạ sang nhà Thương tới nhà Châu, ba đời thay nhau gìn-giữ chín cái đỉnh ấy trong khoảng 2000 năm, rồi người ta xem mấy cái đỉnh ấy cũng như ngôi làm vua, cho nên lấy nước của một triều nào thì gọi là văn đỉnh hay là văn vạc, như câu : « Ăn cơm vua đành báo nghĩa vua, nở đê Tào-man văn vạc Hán » của ông Nguyễn Hữu-Chỉnh trong bài hịch các tướng-sĩ khi ông ở Nghệ kéo quân ra đánh Trịnh Phùng để giúp vua Lê. Lại vì đỉnh truyền-quốc để ở chốn đê-đô, cho nên các triều đóng đô ở chỗ nào thì hay gọi là định đỉnh ở chỗ ấy, như nói rằng nhà Nguyễn định đỉnh ở Phú-xuân, văn-vân.

Nhà Tần lấy được nước của nhà Châu rồi thì sai người đi chở mấy cái đỉnh truyền-quốc để đưa về để ở kinh-đô. Nhưng khi chở tới giữa sông thì thuyền bị đắm rồi đỉnh chìm xuống sông. Người ta nói rằng : « Chín cái đỉnh ấy là một vật thiêng, không chịu vào tay nhà bạo-ngược. »

Vậy thì vua Minh-mệnh đúc chín cái đỉnh truyền-quốc này là bắt-chước vua Vô ngày xưa. Nhưng vua Vô đúc chín cái đỉnh là để vì chín châu trong nước (*chủ cửu đỉnh dĩ tượng cửu châu 鑄九鼎以象九州*). Còn vua Minh-mệnh đúc đỉnh mà cũng đúc chín cái, thì chúng tôi chưa hiểu là bởi lẽ gì, có kẻ nói rằng : « Theo sách Tàu thì số trời là chín, số đất là chín, cho nên đúc đỉnh truyền-quốc mà đúc chín cái là theo số trời đất. » Lời nói ấy cũng có lẽ, nhưng cũng không dám chắc đã nhằm bản-ý của vua Minh-mệnh, vì chúng tôi cũng chưa thấy giấy-má gì nói về việc ấy cả.

Vua Minh-mệnh đúc mấy cái đỉnh ấy lại có ngụ một cái ý sâu-xa như

sau này : đĩnh, miệng thì rộng mà trở về trời lại để giữa không là ngụ-ý để nhận mệnh trời, hưởng phúc của trời ban cho ; đĩnh có ba chân lại lớn và nặng thì không khi nào ngã hay là di-dịch đi đâu được, là ngụ-ý triều nhà Nguyễn sẽ được hưởng-quốc lâu dài, muôn đời thịnh-vượng.

\*  
\*\*

Ngày 24 tháng 1 năm 1929, quan Đốc-học cùng quan Quản-giáo trường Quốc-học Huế lại đem học trò hai lớp đệ tứ niên đi cùng-chiêm các lăng-tăm.

Học trò đi hai chiếc ô-tô : một chiếc thuê còn một chiếc của tòa Khâm cho mượn.

Bảy giờ sáng thì thầy trò lên xe. Khi đi có ông chủ sở Lâm-chánh ở Ba-dồn (ở kè Nam-giao) cùng đi nữa, vì từ hôm trước quan Đốc đã hẹn cùng ông ấy dạy cho học trò một bài về cách trồng cây.

Xe tới Ba-dồn, thì ông chủ Lâm-chánh dẫn thầy trò đi xem các chỗ ương cây, như là cây thông, cây phi-lao, vãn-vãn, mà giảng-giải cho các cách trồng ỉa phân bón các thứ cây ấy, rất là tường-tận. Quan Đốc có vẽ cho học trò biết cách phân-biệt cây thông ta cùng cây thông Cao-miên, cây phi-lao cùng cây phi-lao cái và công-dụng của các thứ cây ấy là những thế nào.

Xem hết các chỗ ương cây rồi thì ông chủ Lâm-chánh lại dạy cho học trò biết cách đốn cây nên thế nào. Đại-khái ông nói rằng : « Khi đốn một cây nào mà mình biết chịu khó đốn cho tầy và cho sát mặt đất, thì chỉ độ trong vài mươi năm mà cái mầm ở gốc cây ấy nảy ra đã thành được một cây lớn và tốt, mà thường thường lại cao lớn và suôn hơn cây mình đốn khi trước. Như vậy thì cây cối càng ngày càng nhiều, càng tốt, khi ông phải lo đến nỗi con cháu mình ngày sau không có sảng-gỗ mà dùng.

Nếu khi mình đốn cây mà không biết nghĩ về sau, không chịu khó đốn cho phải phép, không nghĩ gì đến những cây con ở chung quanh, thì cây cối mỗi ngày một ít, rừng núi mỗi ngày một trọc-trụi đi ». Ông chủ Lâm-chánh lại chỉ mấy dãy núi trọc-trụi ở chung quanh vùng ấy mà nói với học-trò rằng : « Trên mấy hòn núi ấy, ngày xưa cũng có cây-cối rậm-rạp như các chỗ đại-ngân bây giờ, chỉ vì người bản-xứ đã không biết cách đốn cây lại thường hay đốt phá rừng núi, cho nên bây giờ mới th nh ra núi trọc-trụi như thế này. » Nói xong, ông chủ Lâm-chánh lại dặn học trò đem ý-tưởng của ông mà truyền-bá cho các phường mục-thụ tiền-phu và các người ở miền rừng núi biết, để ai nấy đều biết bảo-thủ và chấn-hưng cái cuộc lợi-ích chung của trong nước.

Ngày xưa, thầy Mạnh-lữ trong khi bàn việc trị nước với vua Huệ-vương nước Lương, có nói rằng : « *Phủ cận dĩ thời nhập sơn lâm, tắc tài mộc bất khả thắng dụng dã.* 斧斤以時入山林.則材木不可勝用也. » (Đưa riu búa vào rừng núi đốn cây cối mà có chọn một thời-kỳ nhất-định, thì sảng-gỗ sẽ có nhiều, dùng không hay hết), Nghĩa là về tiết cây cối mọc mầm, thì cấm dân không được vào đốn cây, sợ làm giập gãy các mầm hay là các cây còn non.

Oi ! cái thuyết bảo-hộ cây cối ở miền rừng núi, các thánh-hiền ở Á-Đông phát ra đã lâu lắm vậy, bởi vì các bậc thánh-hiền ngài đã hiểu rõ rằng các rừng núi cây cối đối với sự sinh-hoạt của người ta thực có một cái quan-hệ rất mật-thiết : có rừng núi thì dân mới có củi có gỗ, có rừng núi thì trong nước mới có mưa có nước, vãn-vãn. Tiếc thay có người xướng ra mà không có kẻ họa lại. Thầy Mạnh nói ra như thế, nhưng các vua tướng không có ai chú-ý tới việc ấy, mà dân xứ Á-

Đông lại có cái thói hay đốt phá rừng núi, có khi chỉ vì một chút lợi cón-con trước mắt mà không nghĩ gì tới cái nguồn lợi muôn đời về sau, có khi chỉ vì vô-ý không biết lo xa (như chặm lửa vào bụi cây khô, nhen lửa mà sưởi hoặc nấu ăn ở trong rừng, rồi bỏ lửa cháy lan không tắt) mà lưu cái hại tày trời về sau. Chẳng phải nói gì nhiều lời, chỉ xem như mấy hạt ở tỉnh Vân-nam nước Tàu, ngày xưa là một xứ giàu-có đông-dúc, chỉ vì đốt phá hết rừng núi, rồi sông ngòi khô hết, trong xứ không có đủ nước mà ăn uống, trồng lúa, cho nên dân các xứ ấy phải lưu-tán đi ở các miền khác, mà bỏ các xứ ấy thành đất hoang. Ôi ! những chỗ đất tốt người đông mà bây giờ thành ra nơi sa-mạc, đó có phải là một cái gương to-lát và rõ-ràng về cái hại đốt phá rừng núi hay không ?

Nhà-nước bảo-hộ đặt ra các sở Kiểm-lâm thực cũng đã thấu rõ tới việc ấy mà trừ-tính cuộc lợi-ích chung cho dân ta vậy. Dân ta nên thể ý Nhà-nước mà lo gìn-giữ rừng núi để chắn-hung cái nguồn tài-lợi của nước nhà về sau. (Về vấn-đề này, quan Toàn-quyền PASQUIER, khi-sung chức Khâm-sứ Trung-kỳ có viết một bài nói chú-chí lắm. Năm trước ngài đã giao bài ấy cho nha Học-chánh Trung-kỳ phát ra dạy tại các trường tiểu-học trong xứ, nhưng ngặt vì dài quá không thể dịch ra đây được).

Quan Đốc và học trò cảm ơn ông chủ sở Lâm-chánh đã sẵn lòng dạy về cho học trò một bài học rất kỹ-càng mà có bổ-ích về đường sinh-hoạt kinh-tế trong nước rồi, thì thầy trò lại lên xe mà đi cung-biên lăng-tẩm đức Cao-hoàng (Gia-long).

Lăng ngài ở dãy núi thuộc địa-phận xã Định-môn 定門 huyện Hương-trà. Núi ấy nguyên tên là Ti-y-sơn 授山. Khi đức Cao-hoàng định xây lăng

ở đó rồi, ngài mới đổi tên núi là Thiên-thụ-sơn 天授山. Vì núi ấy gọi là Thiên-thụ-sơn cho nên lăng ngài cũng gọi là Thiên-thụ-lăng. Núi Thiên-thụ ở giữa, trước sau và tả-hữu tất thấy có 34 ngọn núi, ngài cũng đều ngự-từ tên mới cả. Ngoài núi có sông tả-trạch và sông hữu-trạch chạy vòng hai bên.

Lăng Thiên-thụ xây ra trong năm thứ 14 hiệu Gia-long (1815), chung quanh xây một cái thành, phía trước rộng độ ba trăm thước tây, còn ba phía kia mỗi phía độ 250 thước tây.

Lăng ở chính giữa, xây như hình cái ngai, trong có hai nắm đá, đó là tử-cung đức Cao-hoàng-đế và bà Cao-hoàng-hậu. Trước lăng là cái bái-đình, xây bằng đá mà rộng thênh-thênh. Ở dưới bước lên sân phải leo bậc cấp, hai bên có ghép rồng bằng đá Thanh.

Bên tả lăng là cái nhà, trong đề cái bia « Thánh-đức-thần-công », khắc bài lịch-sử đức Cao-hoàng.

Bên hữu lăng là tòa tẩm-diện, gọi là Minh-thành-diện 明成殿. Trèo qua cái hệ, hai bên cũng có ghép rồng bằng đá rồi, thì tới cái sân ở trước cái nhà gọi là Nghi-môn, đó là cửa trong của điện Minh-thành. Đi qua cửa Nghi-môn lại tới một cái sân rộng nữa rồi mới tới điện Minh-thành. Trước điện có đề mấy cái thống bằng sứ lớn lắm. Mấy cái thống như vậy, ở nước Nam chỉ thấy đề ở các lăng-tẩm nhà vua, chứ dân-gian không có nhà nào có mà bây giờ cũng không thấy có cửa hàng nào bán cả. Chắc có lẽ đồ ấy đã xưa lắm. Trong điện có cái khám đặt bài-vị đức tiên-đế; trước khám có cái sập bày đồ ngự-dụng của ngài khi trước.

Lăng-lâm đức Cao-hoàng xem cách đơn-giản, chứ không hoa-lệ bằng các lăng-lâm khác, nhưng ngắm cho kỹ,

thực có cái vẻ khoáng-khoát hùng-tráng lạ thường. Chỗ này là chính đức Cao-hoàng chọn ra, mà cái kiêu lãng-tâm này cũng chính tự ngài đặt ra. Lãng-tâm này thực là bức tranh truyền-thần về tinh-tinh của ngài vậy. Cho nên xem qua lãng-tâm đây cũng đủ biết rằng đức Cao-hoàng là một bậc đế-vương sáng-nghiệp có độ-lượng khoáng-đạt, khí-tượng to-tát, mà có đủ cả chất cả văn.

Ở ngoài bên đi vào, núi nọ khe kia, cây-cối cỏ-kính, sầm-uất, cái cảnh thiên-nhiên đã dễ xui người sinh mỗi cảm-tình về cái vẻ thâm-trầm tịch-mịch, mà cái cảnh-tượng của lãng-tâm đây, lại khéo hoà với núi sông cây cỏ kia mà làm thành một bức tranh cả thiên-tạo cả nhân-công, tuyệt đẹp, tuyệt khéo, mà có vẻ áo-não, êm-dềm, thực là một nơi cỏ-tịch hiếm có của nước nhà vậy. Chẳng hay các nước trong hoàn-cầu có nước nào có lãng-tâm được cái cảnh-tượng, khí-vị như vậy không?

Ở lãng Thiên-thụ ra, thầy trò lại đi cung-chiêm lãng-tâm đức Nhân-hoàng (Minh-mệnh).

Lãng đức Nhân-hoàng ở trong dãy núi thuộc địa-phận lãng An-băng, huyện Hương-trà. Núi này khi trước gọi là Cẩm-kê-sơn, tới năm thứ 21 hiệu Minh-mệnh mới từ danh là Hiếu-sơn 孝山. Vì núi này đã gọi là Hiếu-sơn cho nên vua Thiệu-trị lên ngôi rồi cũng đặt tên lãng đức Nhân-hoàng là Hiếu-lãng 孝陵.

Hiếu-lãng xây ra trong năm đầu hiệu Thiệu-trị, khi đức Nhân-hoàng đã thăng-hà rồi.

Chung quanh lãng có xây thành, khu-vi độ hơn một cây-lô-mét. Ở phía trước có ba cửa : cửa chính gọi là Đại-hồng-môn, bên tả gọi là Tả-hồng-môn, hữu là Hữu-hồng-môn.

Vào khỏi cửa thì tới cái lầu, trong đề bia Thành-đức-thần-công, khắc bài lịch-sử đức Nhân-hoàng của vua Thiệu-trị làm ra. Hai bên sân lầu có đề tượng và voi ngựa đá.

Vào qua cái lầu đề bia thì tới sân bài-đình ở trước cửa Nghi-môn gọi là Hiền-đức-môn. Vào khỏi Hiền-đức-môn là tới lãng-điện. Điện này gọi là Sùng-ân-điện. Điện này cũng như điện ở Thiên-thụ-lãng, hai bên đều có nhà phối-điện cả. Trước sân trong cũng có đề mấy chiếc thống và trong điện cũng bài-trí một cách như trong lãng-điện ở Thiên-thụ-lãng, nhưng đồ-đặc thì nhiều hơn.

Ở điện Sùng-ân mà muốn đi xem lãng thì phải đi qua cửa bên tả (Đông-dịch-môn) hay là cửa bên hữu (Tây-dịch-môn), chứ cửa sau là cửa Hoảng-trạch-môn thì người ngoài không được đi.

Sau điện Sùng-ân thì tới cái lầu hai tầng ở trước lãng, lầu ấy gọi là Minh-lâu. Ở Minh-lâu sang lãng phải đi qua một cái cầu bằng đá bắc qua hồ Tân-nguyệt. Cái cầu ấy gọi là Thông-minh-chính-trực-kiều.

Lãng chính ở trên núi Hiếu-sơn, chung quanh có xây cái thành hình tròn, gọi là bảo-thành. Chính giữa về phía trước có cái cửa gọi là Bảo-thành-môn. Trong Bảo-thành cây-cối sầm-uất, trông có vẻ tịch-mịch mà uy-nghiêm lắm.

Đó là mới kể mấy sở chính ở giữa, còn chung quanh lại còn có nhiều sở nữa, như là : nghinh-lương-quán, điếu-ngư-dinh, linh-phương-các, quan-lan-sở, hư-hoài-tạ, vân-vân.

Ở Hiếu-lãng kể thì có nhiều lầu-đài đình-tạ hơn ở Thiên-thụ-lãng, cho nên có vẻ hoa-lệ hơn, nhưng lại già về văn mà kém về chất,

Như trên kia đã nói, Hiếu-lăng là xây khi đức Nhân-hoàng đã thăng-hà rồi, cho nên chúng ta cũng không có thể nói rằng lăng đây là tấm gương phản-chiếu cái tinh-tinh khi-tượng của đức Nhân-hoàng được.

Nhưng dấu thể nào mặc lòng, Hiếu-lăng cũng có cái vẻ hùng-tráng. Mới hay người nước Nam khi xưa cũng lắm tay kiệt-tác mới gây dựng nên được những nơi thăng-tịch như vậy.

Ở Hiếu-lăng ra thầy trò lại đi xem điện Ngọc-trần, trong mười hai tầng-cảnh ở chốn thần-kinh thì điện này là một. Vì người chủ điện này là quan Thượng-thư hưu-tri Nguyễn Đình-Hòe, cho nên quan Đốc lại đem học trò vào thăm quan Thượng trước để nhờ quan Thượng đưa vào xem điện. Vả từ khi về hưu-tri thì quan Thượng lại lên võ hòn núi ở sau núi Ngọc-trần để làm trại lập chè, cho nên nhân tiện quan Đốc đưa học trò vào đó mà xem cách trồng chè đã, rồi sau mới ra xem điện. Thầy trò vào trà nước xong rồi, thì quan Thượng dẫn ra xem trại của ngài.

Chỗ này khi trước là một nơi đồng không núi rậm, từ ngày quan Thượng Nguyễn Đình-Hòe tới khai phá trồng lúa tới nay, lại thành ra một sở đồn-diên lớn, mới hay « người nhác chứ đất không nhác », Trông thấy cái trại của quan Thượng Nguyễn Đình-Hòe đây, lại thêm hiểu rõ rằng câu ca-đao: « Khuyên ai đừng bỏ ruộng hoang, bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu » là đúng.

Ở nước Nam bây giờ về miền trung-châu thì người ở chen-chúc nhau, mà trên miền thượng-du thì đất đai lưu-hoang còn nhiều, nếu người mình có nhiều người như ông Nguyễn Đình-Hòe, biết rủ nhau tới các chỗ lưu-hoang mà khai-phá, thì đất mỗi ngày một rộng, chắc ngày sau cũng không

đến nỗi dân không có đủ ruộng đất làm ăn mà ở miền trung-châu cũng khỏi cái lo về nỗi « nhân-mãn » về sau.

Xem trại xong rồi thì ông Nguyễn Đình-Hòe dẫn thầy trò ra xem điện. Điện này nguyên khi trước gọi là điện Ngọc-trần, vì ở eo núi Ngọc-trần. Tới năm Đồng-khánh nguyên-niên mới từ-danh là Huệ-nam-diện 惠南殿, vì khi còn tiếm-long, vua Đồng-khánh thượng tới cầu cúng ở điện này và thường cũng được ứng-nghiem luôn, cho nên lúc đăng-quang rồi, ngài mới gia ân ngự-từ tên mới và sai bộ Công khắc biển treo trước điện.

Điện làm từ đời nào thì chúng tôi cũng chưa được tường, chỉ biết rằng tới năm thứ 13 hiệu Minh-mệnh triều-đình có tu-bổ lại và làm rộng thêm.

Chính giữa điện thờ bà Thiên-y-a-na-diên-phi-chúa-ngọc 天依阿那演妃主玉. Trên núi Cù-lao thuộc huyện Vĩnh-xương tỉnh Khánh-hòa, có hai cái tháp, cái tháp bên tả cao sáu trượng, trong có thờ một cái tượng đá, đó là tượng bà và cái tháp ấy chính là chỗ gốc thờ bà. Còn cái bên hữu là chỗ thờ ông Bắc-hải-thái-tử tức là chồng bà. Trước tháp có một cái bia, nhưng vì đã lâu đời, chữ mòn hết rồi, không ai nhận ra được chữ gì nữa.

Nguyên tục truyền rằng bà Thiên-y-a-na-diên-phi-chúa-ngọc sinh ở núi Đại-diên, sau kết duyên cùng một vị Thái-tử bên Tàu, sinh được hai con, con trai gọi là Truy, con gái gọi là Quy.

Khi mất rồi, bà về hiển-thần tại núi Cù-lao, anh-linh lắm, hề dân cầu điều gì cũng ứng cả. Bởi vậy dân trong xứ mới tạc tượng xây tháp mà thờ bà cùng ông Hoàng-tử chồng bà, lại làm một cái đền ở sau tháp mà thờ hai người con bà.

Bây giờ ở nước Nam, đền thờ bà nhiều lắm mà sự sùng-bái long-trọng nhất là đền Ngọc-trần này, vì đền này cũng dự vào quốc-tế và thiện-nam tín-nữ theo câu cúng cũng nhiều, mỗi năm một lần tới ngày 12 tháng bảy là ngày kỷ bà, thì ở đền ấy làm lễ đón rước rất là long-tọng.

Phong-cảnh ở điện này cũng đẹp lắm. Nguyên hòn núi chỗ làm điện hình

như cái chén, cho nên tục gọi là Hòn chén mà tên chữ là Ngọc-trần. Đứng bên kia sông trông sang lại càng hình như con sư-lử ra uống nước ở bờ sông; còn dưới sông thì mặt nước bằng như tấm gương, thực là một nơi phong-cảnh hiếm có, cho nên vua Đồng-khánh có câu rằng: « Đó thực là phong-cảnh của thần-tiên ».

NGUYỄN ĐỨC-TINH

## HƯƠNG-CHÍNH CẢI-LƯƠNG

### CẢI-LƯƠNG NGUYÊN-NHÂN

#### 1. — Việc tộc biểu

Người ta sinh ở trong xã-hội, ai cũng phải biết qui cái giá-trị của mình, biết qui cái giá-trị thời phải nên biết hết cái bổn-phận của mình.

Bổn-phận của các người tộc-biểu, trước là thay mặt những người trong họ mình, để giúp đỡ công việc quan, cốt phải có bụng công-ích, chứ không phải ra làm tộc-biểu, gọi là đàn anh để ăn trước ngồi trên, phần đưa cỗ biếu, đeo cái hư-danh ở trong xã-hội đâu.

Xem các làng nhiều người hương-hội chỉ chăm lấy vị-thứ, cũng là tạ-sự kiếm ăn quanh ở trong dân, và động có giấy sức của quan hay có trát đòi sự gì, thời đã hội bàn xếp tiền để chi-phí.

Khi đi việc quan mới đến hàng com, thời đã dựng ngay mâm chén, đến vào hầu rất những hơi men, hỏi đến việc quan hoặc là sự cải-lương thế nào, thời ngọng miệng lại chẳng biết lẽ gì cả. Lại nhiều khi thấy trong dân đưa đàn em có bát ăn, bày ra chuyện này

chuyện khác, lập biên-bản để chực kiểm xu của nó.

Đến như sự hương-ước cải-lương, thời chỉ cải bằng giấy đỏ mà thôi, cứ ra không có sự gì là thực-dụng.

Vậy từ nay muốn đổi phong-tục, thời cần phải đổi cái bụng của các người tộc-biểu đi trước. Bụng có đổi được những cái hư-bại ấy đi, thời phong-tục mới có thể đổi được. Mà đổi phong-tục thời phải nên tuân lời chỉ-dụ ngày tháng 9 năm Khải-định thứ 4 về việc quan hôn tang tế, đừng nên xa-phí như trước, thời phong-tục có thể hay được.

#### 2. — Việc giá-thứ.

Các nước văn-minh, con trai con gái từ mười-chín hai-mươi tuổi, hề bằng lòng lấy nhau, thời làm lễ cưới, chứ không có sách-nhiều tiền bạc gì cả.

Tục nước ta có nơi lên chín lên mười tuổi, đã dựng vợ gả chồng, đến khi sinh-nở, khi-huyết chưa được sung-túc,

bởi thế giống người hèn yếu, không được mạnh-khỏe như người các nước văn-minh. Vả lại sinh ra nhiều mối tệ-đoan nữa, như lúc cưới nó còn bé chưa biết gì, đến khi lớn lên, hoặc vì sự giàu-nghèo, sự xấu đẹp mà bỏ nhau, lại còn nhiều sự lòi-thối nữa.

Cũng có nhà hỏi vợ cho con ngay từ năm lên sáu, lên bảy tuổi, phải sêu tết mãi, cho đến lúc mười bảy mười tám tuổi mới đi xin cưới. Khi cưới thì nhà gái sách-thủ tiền bạc lễ-nghi, không lo đủ, không cho cưới, thành ra ngăn-trở sự nhân-duyên. Nào có biết con trai mình tức là con rể nhà khác, mà con gái nhà khác lại là con dâu nhà mình, nên xử sao cho đều được phương-tiện. Nếu mình có con gái mà đòi lấy tiền bạc của người ta, thế-tất người ta phải bán ruộng nương đi lo cưới cho xong. Đến khi giàu ăn khó chịu, dẫu thế nào cũng ở con gái mình, vả đã sách-thủ của người, thì con gái mình về nhà người chắc cũng khó ăn ở. Tục có câu : « Mẹ tham má lợn dẫu gà, để tôi chịu chửi ông bà tổ-tiên.» Lời nói thật là làm gương cho nhà có con gái.

Vậy từ nay nên tuân như Chỉ-dụ ngày tháng 9 năm Khải-định thứ 4, việc cưới không được sách-nhiều tiền bạc, mà con trai con gái, không nên cưới sớm, định đến năm mười tám mười chín tuổi, hai bên bằng lòng lấy nhau thì cho làm lễ cưới ngay ; còn lễ lan-giai, theo như hương - ước đã định, người trong làng lấy nhau, nộp một đồng bạc, người làng khác thì nộp bội-nhị để sung-công.

### III - Việc tế-lễ

Thông-minh chính-trực gọi là thần, thần không phải như người ta, tốt lễ thì dề kêu, như bảo rằng : « Vô vật bất-linh », lễ phải có giấy vàng, giấy bạc, thế là đồ tiếng tham cho thần, hề có nhiều vàng bạc thì thần phù - hộ

không vàng bạc thì thần không phù-hộ hay sao ?

Nếu bảo rằng : « Vô tửu bất thành lễ », lễ phải có rượu có thịt, nhưng không biết thần hưởng về lòng thành chứ không hưởng về lễ-vật đâu. Phỏng bấy giờ lễ rượu thịt bao nhiêu, thần cũng hưởng đi hết, thì hẳn sau không ai dám đem đến lễ nữa.

Xem nhiều dân khi lễ có rượu thịt thì huynh-thứ ra lễ đồng đủ, khi lễ chay thì khua trống mãi, cũng không thấy người huynh - thứ nào ra. Lời ngạn rằng : « Khua mõ không bằng gõ thớt », thật không sai. Thế biết bụng thành cũng chỉ vì xoi thịt chứ không phải vì thần. Chẳng qua mượn tiếng ông thần bày ra tế lễ, để ăn uống với nhau, cũng nhiều khi, vị miếng xoi miếng thịt trói buộc nhau, đánh chửi nhau, hằn-thù nhau, kiện-cáo nhau, thậm-chí mất cơ mất nghiệp vì miếng xoi miếng thịt. Như thế thì lễ thần để cầu phúc, lại hóa ra cầu họa thì ích gì ?

Vậy từ nay nên tuân như lời chỉ-dụ năm Khải-định thứ tư, việc tế lễ nên cải-lương, không nên dùng giấy vàng giấy bạc, cũng không bày ra nhiều xoi thịt, cốt lễ lấy tinh-thành là hơn.

### IV. - Việc đương-cai.

Đương-cai nghĩa là đương sự lễ trong một năm, trên dưới người nào cũng phải chiếu lệ một lần làm đương-cai, thì phải làm lễ tế thần cho thôn giáp ăn. Nếu bỏ không làm thì sợ dân làng chê cười và sợ truất ngôi trừ ngoại, dẫu nhà không có, cũng phải vay công mượn nợ để lo việc nợ miệng cho xong. Tục-ngữ có câu rằng : « Một miếng của làng bằng một sàng của nhà », lời nói ấy thiệt là đem một miếng ăn làm phiền-lụy cho người ta, thế mà mãi mãi không thể đổi đi được. Lời ngạn-ngữ Âu-châu có câu : « Ăn để mà sống chứ không phải sống để

mà ăn », nghĩa là có ăn mới có sống, đã sống ở trên đời phải có tư-tướng, có sự-nghiệp, nghĩ làm sao giúp đỡ cho xã-hội, ích-lợi cho đồng-bào, chứ không phải sống mà chăm về miếng sỗ cho to, đĩa xôi cho lớn, như tục dân thôn nước mình, sự ăn uống thiệt là hủ-bại quá.

Trong dân có người bảo rằng: tục lệ của ông cha, lẽ nào bỏ đi không tiện; nhưng không biết nghĩ, cơ - nghiệp điền-địa của ông cha sao không biết giữ, mà chỉ giữ cái lệ riêng thời ích gì?

Cũng có người bảo rằng: qua cầu cất dịp, lại suy-tị trước mình phải làm mà bấy giờ người ta được bớt, nhưng không nghĩ cái lệ ấy không bớt đi thời anh em con cháu mình, về sau này lại phải đa-mang về cái nợ miệng ấy. Có người bảo tục dân mình có cổ có bản thời mới phân kẻ trên người dưới, nhưng không biết trên dưới thời đã có tên ở sỗ, và tọa-thứ ở đình, chứ không phải ở miếng ăn.

Vậy từ nay phải tuân chiếu-chỉ điều thứ 11 việc tục-lệ nên cải-lương, đừng có xa-phi như trước, mà đàn anh cũng không được viện lệ cũ mà bắt buộc nhau thời xã-hội sau này mới có thể cải-lương được.

#### V. — Việc khao-vọng

Nước văn-minh ai được danh-giá, nếu muốn mời anh em bạn hữu, thời chỉ đến ăn bữa tiệc mà thôi, chứ không có lễ khao - vọng gì cả. Tục nước mình người nào làm được chức-dịch và có phẩm-hàm mà không khao-vọng trong làng, thời người ta bỉ-báng, bởi là người trước khao-vọng, mình đã trót ăn uống của người ta, đến khi mình có danh-vị mà không khao-vọng, thời mang tiếng ăn bữa, thậm-chí phải bán tư-diền thổ-trạch đi để khao-vọng, nếu nhà không có cũng phải vay công

mượn nợ để lụy về sau, nhưng chẳng qua « nhập khẩu thành tàn » mà thôi, cứu ra cũng không có ích-lợi gì cho xã-hội.

Lời ngạn-ngữ có câu: « đặc hư-danh thụ thiệt-hại », lại có câu: « được tiếng khen cái hen chẳng còn », là nghĩa vậy.

Từ nay nên tuân chỉ-dụ ngày tháng 9 năm Khải-định thứ 4, việc khánh-lễ nên tỉnh-giảm mà phải tuân như hương-ước đã định ra, tùy hạng nộp tiền chiết-bán để sung công-quĩ.

#### VI. — Việc vọng lão

Tục-ngữ có câu rằng: « sống lâu lên lão làng » lại có câu: « kính lão đắc thọ » việc yển-lão cũng là một lễ rất sang-trọng trong nước mình. Khi lên lão cũng đáng làm tiệc mời thân-bằng cố-hữu và dân làng đến ăn uống vui-vẻ, thật là lễ phải; nhưng lão giàu đã vậy, còn lão nghèo thời lo thế nào? Nếu lão này khao vọng, thời lão khác cũng phải theo, thậm-chí có người già sáu bảy mươi tuổi, chạy ngược chạy xuôi, vay chỗ này mượn chỗ khác để lo việc mình cho khỏi thua kém các bạn lão kia, đến sau mang công mắc nợ, lão lại phàn-nàn già không trót đời, như thế là kính lão lại để phiền cho lão.

Vậy từ nay nên theo chỉ-dụ điều thứ 11, việc khánh-lễ đừng nên xa-phi như trước mà theo như hương-ước, ông lão nào có, thời nên nộp tiền lệ ít nhiều để sung-công, còn ông lão nghèo nghĩ nên chước. Đến như biểu mũ áo các lão thời tùy tục dân, chứ đừng nên phiền như trước nữa.

#### VII. — Việc tống-táng

Các nước văn-minh người nào chết, dẫu quan sang chức trọng, cũng trong hai-mươi-bốn giờ đồng-hồ thời đưa.

Còn người thăm viếng thời chỉ gửi cái danh-thiếp, chứ không đem lễ-vật

gi, nếu người nào có tinh-nghĩa thân-thiết, thời làm một vành hoa cắm trên mộ để kỷ-niệm mà thôi.

Nước mình việc hiếu có nhà để hàng tháng sắm-sửa nhà táng minh-tinh, tồn-phi hàng hai ba trăm bạc, làm cỗ bàn mời dân làng tế lễ linh-đình, lấy thế làm báo hiếu. Trước kia người Nhật-bản cười ta về việc hiếu : « Cỗ bàn ăn uống xem như yến-ẩm vui-mừng, khi người nào phúng-điếu ba tiếng gặt đầu, ba tiếng ô-hô, xem như trẻ con nô bôn », hiện có chép vào sách *Vạn-quốc-sử-ký* để răn nước mình. Thế mà đã lâu nay chưa đổi được cái hủ-tục ấy đi. Nếu bảo rằng : « sự tử như sự sinh », vậy sao khi cha mẹ còn sống, không làm cỗ bàn để mời cha mẹ ăn ? Lời phươg-ngôn rằng : « Sống thời cỗ chẳng cho ăn, mai sau chết xuống làm vắn tế ruồi » ; lại có câu : « Thế-gian còn đại chưa khôn, sống mặc áo rách chết chôn áo lành » ; những lời nói ấy rất phải. Nếu bảo rằng nghĩa tử là nghĩa tận, thời người ta chết phải nên thương xót, nên giúp đỡ người ta mới phải. Kia trước xưa đức thánh Khổng ăn gần bên nhà có tang chưa từng ăn no, ý là thấy người ta chết thời có bụng thương. Chứ lẽ nào huynh-thứ dằn lòng đến nhà người chết ăn no uống say, rồi lại hạch-sách mọi sự để thêm bận cho người hiếu-chủ, mà người hiếu-chủ phải để cha mẹ chết nằm đấy đi khoản-đãi dân làng, như thế không phải là hiếu.

Vậy từ nay nên tuân như chỉ-dụ, việc tống-táng đừng bày ăn uống xa-xỉ, cũng đừng nên dùng minh-tinh nhà táng phí tiền mà không ích gì. Nhất là quan-quách làm cho cần-thận, trong ba ngày thời đưa, không nên để lâu.

Đến như việc sự lệ, nên theo như hương-uớc, tùy nhà giàu nghèo nộp tiền chiết để sung-công, còn nhà nghèo quá thời dân nên chước cho. Người

trong làng lúc ấy không có sự gì ngăn-trở, cũng phải đi đưa để tỏ tình yêu mến nhau. Còn đưa tùy-phu khiêng gánh, thời mặc người hiếu-chủ khu-xử xong việc thời hơn.

### VIII. —Việc nông-tang

Các nước Âu-châu nhiều chỗ đất pha thành sỏi, cây bừa phải dùng máy sắt, nhiều khi trời rét lạnh phải chiếu điện-khi để ấm gốc và hoa màu.

Nước ta là một nước « nông-quốc », ở về ôn-đới, khí trời ấm, chất đất tốt, và có nước sa, mỗi năm một lần bồi thêm, như hạt Minh-hương, Hà-cát, thuộc về bề nam xứ Bắc-kỳ, nhiều chỗ đất sa bồi, đến mùa không phải cày bừa chỉ đem mạ cấy cũng tốt.

Nhưng vì người làm ruộng phần nhiều về hạ-lưu không kiến-thức gì, chỉ biết « ăn kỹ no lâu, cày sâu tốt lúa; làm ruộng com nằm, nuôi tâm com đứng » mà thôi, hỏi đến lẽ « khoai ruộng lạ, mạ ruộng quen; cấy thưa thừa thóc, cấy dày thời cóc được ăn; ruộng vuông ít thóc, ruộng nhiều góc nhiều bờ thì lại tốt bông » (ruộng nhiều gò đồng thời cày bừa nhiều lượt, cho nên tốt hơn, và những màu ở gò đồng, nước mưa giã xuống, thời nhiều thán-khi nên lúa tốt), thời nhiều người lão-nông cũng chưa suy-xét hết.

Làm ruộng dù xấu hay tốt, chẳng qua cũng như đánh bạc với trời, nhờ khi trời làm hoàng-trùng, cũng là đại-hạn, mưa lụt, thời lại đứng khóc về lúa.

Có người nhiều ruộng cày cấy không tiện, có ai bàn đào sông ngòi thời sợ mất ruộng của mình, lại không bằng lòng, thậm-chí bờ nạm không chịu đắp, sợ đắp rộng ra thời hẹp của mình đi, nhưng không biết làm ruộng phải có bờ để giữ nước và giữ màu đất, có sông ngòi để khi tháo nước ra, tát nước vào cho tiện, nếu ôm ruộng cho

nhiều, không biết cách làm, lúa xấu, cơm công người làm ăn đi mất cả, chưa hết mùa đã hết thóc, như thế thời làm không bỏ ăn.

Vậy từ nay việc làm ruộng phải lấy khai cù đắp đê làm cốt.

Làng nào nhiều ruộng chưa có sông, nên đào một cái cù cho rộng, cho sâu, đừng tham đê nhiều ruộng, nếu chỗ ruộng nào xa sông, nên hợp các điền-hộ, góp tiền chế máy tát nước; đến như bờ ruộng và đường khuyến-nông, thời đắp cho cao rộng, để tiện khi gặt hái đi lại. Còn chỗ nào có ruộng cao, nên hợp lực lại vượt gò trồng dâu, vượt gò phải bỏ đất cho thừa kẽ, để khỏi đọng nước mưa. Dâu đừng nên trồng dày, phải cước thành luống cho rộng cho cao, luống đất trồng dâu ấy, phải đổ tro trấu cho nhiều, thời lá dâu mới dày tốt, gốc dâu mới lâu cỗi.

Nuôi tằm cần phải chọn giống, nếu giống xấu sau này có nuôi được, kén cũng không tốt. Nước Tây cách nuôi tằm khi con ngài đẻ ra trứng rồi, thời lấy một con ngài ấy chiếu kính hiển-vi, hề thấy con ngài nào có bệnh, có trứng, thời bỏ cái trứng ấy đi.

Nhà nuôi tằm trát chung quanh cho kín, rồi quét vôi, và đê cửa sổ cho thông khí, cửa sổ ấy phải đan màn che ngoài, một là phòng ruồi nhặng vào, kéo sợ nó đốt tằm, hai là đừng cho bóng chớp lòa vào, vì là tằm sợ chớp hơn sợ sấm, khi sấm gió phải đốt đồng trấu ở trước buồng tằm, rồi tán diêm - sinh, hoặc lưu-huỳnh rắc vào trong đồng trấu, để kỵ sấm gió.

Lá dâu mưa ướt hay là mưa ở chợ người ta phun nước cho khỏi héo, thời đừng cho ăn ngay, phải đan sẵn phen thưa rắc dâu lên trên, đem quạt khô rồi sẽ cho ăn, mà cứ cách ba giờ đồng-hồ một bữa, đừng để tằm đói.

Nên tục có câu: « Lợn đói một năm không bằng tắm một bữa ». Thế thời nuôi tằm phải cần trồng dâu cho nhiều.

Buồng tằm mỗi một lứa phải quét rửa. Nong chăn tằm cũng phải chùi rửa cho sạch, vì hơi tằm rất nóng, mà tinh nó ư mát, nên đồ nuôi tằm cần phải thay đổi luôn luôn.

Việc tằm tơ là một mối lợi lớn của nước mình, các nước hiện bây giờ cũng cần dùng tơ.

Vậy nên nghĩ cách trồng dâu cho nhiều, chăn tằm cho tốt, thời chắc được lãi nhiều.

## IX. — Việc công-nghệ

Các nước công-nghệ một ngày một tinh-xảo, một ngày một phát-đạt, vì trong nước ai nghĩ chế được đồ gì tiện-lợi, thời Nhà nước giúp tiền, để làm cho thành nghề, rồi lại cho giấy khen và cấp cho cái bằng chuyên-lợi. Còn cái máy gì khó chưa chế được thời Nhà nước định giá huyền-thưởng.

Xem như một cái máy tàu-bay, là người đàn-bà nước Đại-Pháp nghĩ ra rằng: trên cạn có xe điện, dưới nước có tàu ngầm, thời trên trời chắc cũng phải có máy-bay, nếu ai chế được, thời bà ấy bỏ cửa nhà ra để huyền-thưởng. Nhân đó nhà bác-vật nước Đại-Pháp mới nghĩ chế ra máy ấy. Bởi thế mọi nghề cái gì cũng khôn-khéo, mà khó thế nào làm cũng thành.

Nước ta kỹ-nghệ chỉ có đồ thêu, đồ khảm, một hai thứ mới đem ra đấu-xảo với các nước, nhưng chưa thấy chế được thứ máy gì tinh-xảo để tiện-dụng. Và xem con nhà nghề lâu nay nhiều thói hủ-bại, không những thợ may bớt giẻ, thợ vẽ bớt hồ, thợ sơn bôi-bác, thợ bạc lọc-lửa, thậm-chi người nào chế được cái gì có lợi thời giấu đi, không

cho ai biết, để lợi riêng một mình ; cũng có người thấy ai chế được cái đồ gì khéo thời chực học lỏm để kiếm lợi, chứ không chịu nghĩ chế ra cách khác cho khéo hơn. Lại có người đã vụng không làm được, thấy người ta làm, đem lòng đố-ky, rồi chực phá-hoại của người ta ; có người chế được đồ gì đem bán, thấy người ta mua rẻ, thời lại lấy đồng tiền làm lờ, sau lại làm đổi-giá để bán rẻ cho khỏi thiệt vốn của mình ; không trách đồ gì so-sánh với của các nước cũng, thua kém cả. Lại còn một tệ nữa : gần nay cũng có người học được nghề khéo, nhưng không chịu đem nghề của mình dạy bảo người trong làng để tổ-chức ra công-nghệ, chỉ cần lấy cận-lợi đi làm thuê kiếm lương ăn mà thôi.

Vậy từ nay trong làng thân-hào phải khuyên bảo con em tổ-chức những việc ích-lợi, mà công-nghệ phải suy nghĩ làm cho khéo hơn khi trước, còn những đồ gì chưa chế được, thời nên cấp tiền cho lên tráng Bách-nghệ ở Hà-nội và Hải-phòng, Nhà nước đã đặt ra để học tập cho được thành nghề, như thế thời việc công nghệ của nước mình sau này mới được phát-đạt.

### X. - Việc thương-mại

Các nước Âu-châu trong việc buôn bán, hưu-quan về cũng nhiều ông đi buôn, và các nhà giàu họp của lại kẻ hàng ức hàng vạn, lập thành hội buôn, người làm công kẻ hàng trăm người, việc buôn bán cũng đặt ra điều-lệ rất nghiêm, cũng như là việc chính-sự vậy : đồ hàng giá cao hạ có nhất-định, không như tục nước mình, nhà hàng nói thách, làm khách trả rẻ ; ai mua đồ gì đã có giấy, nếu có phải đồ gì tự hiệu làm hư hỏng, thời đem đến hiệu đòi lấy đồ khác cũng được, không như tục nước mình « tỉnh ăn lầm thua, vô ý mất tiền », nên việc

buôn bán ngày thêm thịnh-vượng.

Nước mình buôn bán, trước xưa những phường có tính « buôn trâu bán chả », buôn bán hèn mạt, còn những bậc trí-thức, chưa mấy người đứng ra buôn, thậm ra những mỏ sắt, mỏ than, mỏ kẽm, và tơ, chỉ, thóc, gạo, ngô, đậu, các quyền-lợi to về tay người nước khác cả.

Gần mấy năm nay Nhà-nước bảo-hộ khai-hóa, sự buôn bán cũng dần dần mở-mang, các quan và nhà giàu họp của lập hiệu buôn cũng nhiều, nhưng xem ra khi mới lập hiệu thời chương-trình thật là chỉnh-đốn, không được mấy lúc hiệu đã tan rôi, cứu tại nguyên-nhân có ba điều :

1<sup>o</sup> Không có thành-tín, người giữ tiền không có bụng thực, người góp tiền không bụng tin, hoạn-đắc hoạn-thất, cùng nghi-ky nhau, trong hội người này mua chịu một ít, người khác cũng mua chịu một ít, người này vay hội một ít tiền, người khác cũng vay hội một ít tiền, đồ nào cũng có ngầm, lâu lâu tiền vốn tan dần đi mất ;

2<sup>o</sup> Không được kiên-nhẫn, nay bỏ của ra, mai đã chực mong lãi, nay buôn thứ này, mai buôn thứ khác, lỗ buôn thứ gì lỗ vốn, thời bụng đã thấy chán, người chủ hiệu mà chán, thời những người có chung phần vào đấy, xem ra cũng chán dần. Bụng đã chán rồi, phá ra chơi tài-bàn, tổ-tôm, xóc-đĩa, ít-xì, không tưởng đến sự suy-tính lợi-hại, thời những người làm công, nhân thế thừa-cơ huy - hoặc, cũng không biết đấy là đâu, thế là tan hiệu ;

3<sup>o</sup> Không có chế-tạo, đồ hàng-hóa khai-trương rất là đồ ngoại-quốc, mình buôn lại của người ta, thời cái lãi người ta đã hưởng đi rồi, chẳng qua mình buôn lại kiếm lời quanh với nhau mà

thời. Khi bỏ tiền ra mua hàng trả hàng nghìn, khi thu lại từng xu, từng hào, nếu có lãi ít nhiều, thời chỉ người làm công ăn hết, thế gọi là hồ người giấy người, khéo phất thì ăn, lỗ vụng mua phải một bai thứ hư hỏng, thời trăm cái lãi không đền lại một cái lỗ. Sẽ đơn cử một vị chè tàu, có thứ chính là chè của nước mình, người Khách chế ra gọi là chè tàu, nhưng người ta không uống, chỉ để bán cho mình, uống thì phạt thặng, mà mình cứ cầm cò mua, mình lại bán cho mình, thế là làm tài-phú cho Khách, lỗ phải hòm chè mốc, thời lãi mấy cũng không lại.

Vậy từ nay nên bảo nhau hợp của lập hiệu, cân những thóc, gạo, ngô, đậu, khi người khách ngã cân, phồng một tạ giá sáu đồng, thời hiệu mình cân cao hơn một vài hào, thời dân-gian ai cũng đem bán cho hiệu mình, nếu hiệu khách có muốn cân, cũng phải theo giá như thế, thời thóc gạo của mình mới có quyền. Còn như các đồ hàng tấm thời nên lập thành ra xưởng dệt tơ-lụa, là thổ-sản của nước mình, mặc có phần bèn gấp hai gấp ba vài trúc-bầu. Nếu dệt tơ lụa cho rất khéo, bảo nhau người mình nên dùng của nước mình, để cho tiêu-thụ được nhiều, thời việc buôn bán mới có phần thịnh-vượng. Thân-hào ta cũng nên hết lòng hết sức dựng hội buôn và phải có thành-tín, có kiên-nhẫn, và cốt lấy chế-tạo làm chủ-nghĩa.

### XI. — VIỆC HỌC-HÀNH

Bọn thiếu-niên là cơ-sở văn-minh của xã-hội, sau này xã-hội lợi hay hại, thành hay bại cũng ở tay bọn thiếu-niên. Các nước văn-minh nhà nào có con trai con gái, lên bảy lên tám tuổi, cũng phải cho vào trường học. Học có ba điều ;

1<sup>o</sup> Nhân-cách, học để biết kính-trọng cha mẹ, ăn ở với anh em, giao-thiệp với bầu-bạn.

2<sup>o</sup> Vệ-sinh, ăn mặc sạch sẽ, nuôi

mình cho được khỏe mạnh ;

3<sup>o</sup> Tri-tính, tính-toán công việc để biết nghề-nghiệp làm ăn.

Ba điều ấy là học phổ-thông, đến khi mười-tám, hai-mươi tuổi, thời tùy tư-chất để học chuyên-môn, như là học vẽ làm thuốc, làm lục-lộ, học buôn bán, cùng học ra chính-ban, ra giáo-ban, cho nên nhiều người thành-tài. Nước ta nhiều nhà nghèo, để con giông-dài, có bảo đi học, lại bảo rằng không có lương ăn, nhưng không biết dù nghèo giàu cũng phải nuôi cho con ăn, nếu biết nuôi con mà không biết dạy con, đến khi lớn lên, ăn không nên miếng nói không nên lời, sau phải nô-lệ người ta, dần dột vai mang, chân bùn tay lấm, thực là để khổ cho con một đời. Còn như nhà giàu trước kia rước thầy cho con học, chỉ lấy văn bài, chứ không bảo nghĩa-lý, không dạy cách làm ăn, thực là chỉ trọng về hư-vấn, mà khinh bề thực-dụng, ai có con đi học, chỉ mong cho đỗ-đạt để vinh-thân phi-gia, thế là thỏa lòng hi-vọng ; và lại con nhà phú-quí, thời chỉ học những thói kiêu-ngạo xa-hoa, tướng đã sẵn của cha mẹ, không chịu tập nghề - nghiệp gì, du - thủ du - thực, đi lại chơi-bời với những đồ vô loại, cờ bạc, rượu chè, hát xướng, bợm dī, thuốc sái, chả nghĩ gì đến thân, không mấy lúc cửa nhà cơ-nghiệp đã chuyển sang tay người khác rồi, đến lúc ấy học không hay cây không biết, con cha cháu ông cho đến nổi lam-lũ khổ-sở không bằng con nhà bạch-đình, thế là để cửa cho con, mà ra để khổ cho con.

Ngạn-ngữ có câu : « Bé chẳng vin cả gậy cành » ; lại có câu : « Không thầy sao mày làm lên » ; thầy là một thợ tạo để hun đúc tinh-thần cho bọn thiếu-niên, bọn thiếu-niên tuổi còn trẻ, óc còn lỏng, chọn được thầy dạy bảo, thời óc khôn một ngày một rạng ra, nếu để lớn tuổi, thời cái óc ấy già ra khó dạy, ví cũng như trồng cây, khi cây còn

non phải vun trồng, phải uốn nắn, thời cái cây ấy xanh tốt, sau mới mong được kết-quả, nếu không biết cách vun trồng, thời cái cây ấy hu-hồng; thế mới biết trẻ con phải cần thầy dạy.

Nay Nhà-nước đã sức cho dân-dinh ai ai cũng phải đóng tiền để nuôi thầy dạy học, ý muốn ai có con cũng phải cho đi học và chỗ phủ huyện cùng tỉnh-thành, đâu đâu cũng có dựng trường học, dạy cả tiểu học và trung-học các lớp, trường học con gái thời dạy học thêu, học đàn may, học « đặng-ten » cũng dạy văn-bài để thi ra giáo-học. Lại có trường dạy về việc hộ-sinh, cũng là muốn cho dân nước mình con trai con gái ai ai cũng có nghề-nghiệp.

Vậy từ nay các trẻ con trong làng, dù con trai con gái, tự lên bảy lên tám tuổi cũng phải đi học, hoặc học trường công, hay xin phép học trường tư ở trong làng để tiện đường học-tập. Người nào nghèo thời trích lấy tiền công-dân để cấp cho bút giấy, nếu nhà nào có con trai đến tuổi, không cho đi học, thời bố mẹ có lỗi, nghĩa là cưỡng-bách giáo-dục, cốt mong cho bọn thiếu-niên tiến-tới, thời sau này mới có thể lập thành được xã-hội văn-minh

## XII. — Việc nghĩa-thương

Nước ta tiền bạc tích-trữ ít, một năm hai vụ, chỉ có thóc, gạo, ngô, đậu, mè thôi. Thóc, gạo, là lợi-quyền rất to lớn của nước ta, nếu ngày mùa cứ mang bán mãi cho nước ngoài, người ta thấy mình bán mãi, thì lại chệt mình cân giá hạ. Lỡ khi trời làm mất mùa, không tích-trữ sẵn, dân-gian lấy gì mà ăn tiêu, lấy gì mà đóng sưu-thuế.

Vậy trong làng nên lập nghĩa-thương để phòng khi dân có túng đói, thì giúp đỡ cho người ta, thật là một sự ích-lợi. Nhưng dựng nghĩa-thương cốt

cần phải chọn người, nếu những người coi giữ mà không được phân-minh, sổ - sách không được cẩn - thận, lại sợ có lúc những người đương-sự thông - đồng huy-hoặc đi, không có bụng thành - tín, thời ai còn muốn đóng thóc chung nữa, đến nỗi thủy thành chung tẻ, mà lại sinh ra nhiều sự lỗi-thời.

Vậy từ nay lập nghĩa-thương phải tính diên-mẫu mà lấy thêm lúa tuần-sương, hoặc là các nhà giàu đóng thêm thóc vào, để cho được nhiều thóc, và cốt phải chọn người làm trước, thời sau này mới thành hiệu được. Gần được vốn to, thời lấy những lãi thóc ấy mà giúp đỡ cho người nghèo đói, cũng là nuôi những tử-đệ trong làng, cho lên trang bác-vật mà học các công-nghệ. Khi thành nghề rồi, lập ra xưởng chế-tạo ở trong làng, để cho dân-sự có nghề-nghiệp, hợp các tiểu-cục làm thành đại-cục, thời dựng nghề gì cũng phải xong. Lời phương-ngôn có câu : « Mạnh vì gạo bạo vì tiền » ; lại có câu : « Có tiền mua tiên cũng được » ; suy nghĩ những lời nói ấy, thì thân-hào ta nên quyết lập nghĩa-thương cho được thành-hiệu.

## XIII. — Việc hương-ước

Hợp làng thành nước, trong làng hay tức là nước hay, muốn cho phong-tục hay, thời trên dưới phải bảo nhau chăm-chỉ làm ăn, đưng nên kiện-cáo. Nghĩa là một cái kiện sinh ra năm bảy cái kiện, đã kiện thời nguyên bị hai bên đều phải có chứng-cớ, khi quan hỏi đến kỳ-dịch, thì mỗi bên lại viện lấy hai ba người làm chứng hộ, bên nào thua thì không những một mình tức, lại những người ra làm chứng cũng tức thay, sau lại tìm lẽ này lẽ khác để kiện báo-thù, như thế thời sinh sự sự sinh, hại nhân nhân hại, chẳng qua chỉ bởi bèo ra bọt, đục nước béo cò. Tục rằng : « Được vạ thì má đã sưng », lại có câu : « Được kiện

mười bốn quan năm, thua kiện mười-lăm quan chẵn » ; thành ra được kiện cũng mất tiền, thua kiện tiền mất tạt mang, thậm-chí bán cả cửa nhà ruộng nương để mà theo kiện, khi chữa kiện thời tức nhau với một người, đến khi thua kiện, quan sai bắt, thì linh sách-nhiều tiền cơm, tiền sai tiền.

Khi vào hầu, nói không đủ lễ, thời quan quở mắng, khi lấy cung thì nha hạch sách mọi lễ, nay phải đòi mai phải bắt, lại thêm năm bảy cái tức vào mình, được kiện còn khá, thua kiện đến nỗi tiền mất tạt mang, vợ con trách móc, lại càng thêm tức; thế thời kiện có ích gì ?

Vậy từ nay nên tuân nghị-dịnh Nhà - nước, cần lập hội-đồng dựng hương-ước, ước là kẻ trên người dưới, ai ai cũng phải tuân theo lời ước ấy, người trên đừng ăn hiếp người dưới, người dưới phải nghe lời người trên, thời việc gì còn phải kiện. Còn như việc rượu lậu, việc đánh bạc, việc đánh nhau phạm thương, những việc ấy là Nhà-nước đã nghiêm-cấm, thời bảo nhau đừng nên phạm luật.

Đến như luật vi-cảnh điều thứ 227 đã chép trong quyền luật mới, như là trâu bò phóng uế chỗ đường đi, đường-sá ao chuôm không sửa-sang cho sạch-sẽ, sành gạch rác-rưởi bỏ ngang lối đi, thế là không hợp cách vệ-sinh, chó thả giông đường cắn bậy, gà vịt thả ra đồng để ăn khoai lúa, cùng là người ta có tai-nạn không đến ứng cứu, thế là không có bụng công-ích.

Ai phạm vào những điều ấy, thời trong luật đã định, cho hội-đồng được phép lập biên-bản, phạt tự hai hào cho đến một đồng để sung - công. Nếu người nào không nghe thời trình quan sở-ai xử-đoán, dù có tiền-phi bao nhiêu, cứ trách người phạm ấy phải bồi.

Nhưng hội-đồng cốt phải có lòng công-ích, chứ đừng nhân sự hiềm-thù

mà mượn tiếng lập biên-bản, để làm hại người ta, thời hương-ước cái-lương mới có thể thi-hành được.

#### XIV. - Việc tuần-phòng

Tuần-phòng nghĩa là đi tuần phòng-bị kẻ gian-phi, nội hương-ấp ngoại đồng-diền là chức-phận người xã-đoàn tuần-phu phải quản-cố. Tiết thứ quan trên đã sức bầu tuần-phu để canh-phòng cho cẩn-thận, thế mà các làng phần nhiều hư-ứng gọi là có xã-đoàn có tuần-phu, có điểm canh, có khi-giới, đến đêm thời chỉ một hai đũa tuần ra nằm xó điểm mà thôi, chứ không chịu xem xét tinh-ý của quân gian thế nào, lỡ ra trộm cướp vào đến tận làng thời mới cầm gậy chạy ra gọi là có mặt, mà cướp vào lối nào, ra lối nào cũng không biết, đến khi cướp đã đi rồi thời tuần-phu với làng mới kéo ra đông đủ, đương-vi đi đuổi cướp, kỳ-thực trông thấy cướp thì ruột đã run lại rồi, cũng có khi tuần-phu tạ-sự đi tuần rình nhà ai không có phòng-bị lại dắt quân gian vào ăn cướp. Ngạn có câu : « Tuần già bằng ba kẻ cướp », lời nói ấy không sai.

Vậy từ nay việc tuần-phòng trong làng phải nên chọn một người linh đã mẫn về, bầu ra đốc-tuần, để luyện-tập thể-thao cho những người tuần-phu, đến lúc có động dạn trộm cướp, thời những người ấy đã có can-đảm, có võ-nghe, mới có thể đánh cứu được.

Còn như đường lối trong làng thời người đốc tuần và tuần-phu ban ngày phải cần xem xét cho sạch-sẽ, nếu làng nào mà nhiều nhà trù-phủ nên đặt ra hai lớp tuần : một lớp tuần canh-phòng trong làng thời phải chuyên các đường đi lối lại, một lớp tuần canh ngoài đồng thì chuyên coi cầu cống và các đường khuyến-nông cùng là việc chấp-thủy phóng-thủy.

Nếu động dạng chỗ nào thời phó-ly và người đốc-tuần phải đem hai lớp tuần ấy hợp lại mà ứng cứu ; mà hội-dồng cũng thường phải đôn-đốc về sự tuần-phòng cho hết hỗn-phận.

Đến như lương-thực các người tuần các nhà giàu cũng phải chi-cấp cho

người ta ít nhiều để người ta vui lòng chăm-chỉ.

Còn các điều-lệ thời theo như nghị-định Nhà nước năm 1911 số tám-mươi-tư đã định mà tuân-hành.

ĐẶNG XUÂN-VIỆT

## DANH-NHO NƯỚC TÀU

### Hàn-Dũ

Hàn Dũ 韓愈 là một kẻ đại-nho văn-chương trác-tuyệt ở đời Thịnh-Đường. Tiên-sinh tên tự là Thoái-chi 退之, tước phong là Xương-lê-bá 昌黎伯, người đất Nam-dương. Tiên-sinh tự thừa nhỏ đọc sách, mỗi ngày học thuộc vài nghìn lời nói ; kịp khi lớn, thông-hiểu được hết cả mọi nghĩa sáu kinh và học-thuyết trăm nhà. Tuổi hai-mươi-lăm, thi đỗ tiến-sĩ về đời Đức-tôn, làm chức Quan-sát-thời-quan ở Tuyên-vũ, phẩm-hạng kiên-chính, nói thẳng không sợ ai. Hồi Thuận-lôn, thăng chức Giám-sát ngự-sứ, luận việc nặng dữ dân bị đói nên chẩn-cấp, bài-sách việc lợp chợ ở trong cung. Khi ấy đảng Vương Thúc-Văn đương dụng-sự, bị đảng ấy bài bác, phải giáng làm chức Dương-sơn-lệnh, có ơn-huệ ở dân, dân để con, có nhiều người lấy chữ Hàn đặt tên con để ghi nhớ đức-chính. Đầu năm Nguyên-hòa đời Hiến-tôn, lĩnh chức Quyền-triquốc-tử bác-sĩ, tham-dự việc chính-trị đất Đông-dô ; cải chức Đô-viên-ngoại-lang, chẳng được bao lâu vì nói thẳng bị bãi chức, lại về làm bác-sĩ chuyên giữ việc học.

Tiên-sinh tài cao hạnh trực, liền bị giáng-truất, mới làm ra bài *Tiến-học-*

*giải* đề tự thi-dự mình. Kẻ chấp-chính khen ngợi cái tài lạ, cải chức Lang-trung, sung chức Sứ - quán tu - soạn, chuyển chức Khảo-cộng-tri-chế-cáo, tiến chức Trung-thư-xá-nhân ; việc sử-sách, việc khảo-thí, việc văn-hàn, việc tham-nghị thiên-hạ-sự, tiên-sinh khi ấy từng thiệp-liệp cả. Vua Hiến-tôn nghị việc đánh Hoài-tây trị tội Ngô Nguyên-Tế, các quan nhao-nhao xin bãi binh, một mình quan Ngự-sử-trung-thừa là Bùi Độ nói giặc ấy nên hết sức đánh, thế chẳng cùng giặc ấy cùng sống, tiên-sinh cũng tán-thành lời Bùi Độ mà nói rằng sự thể Hoài-tây, quân giặc bại đến nay mai, binh không nên nghỉ. Quan tể-tướng chẳng bằng lòng, lấy cớ khác cải tiên-sinh làm chức Hữu-thứ-tử, khiến cho không được dự việc bàn nói nữa. Kịp khi Bùi Độ vào làm tể-tướng, ra tuyên-dụ đất Hoài-tây, tấu-thỉnh cho tiên-sinh làm chức Hành-quân tư-mã, tham-dự việc quân. Tiên-sinh bàn rằng tinh-binh của Hoài-tây tụ cả ở trên cõi, trong thành tất hư-không, xin đi đường gián-đạo để vào lấy thành. Quả-nhiên viên kiện-trưởng là Lý Tổ nửa đêm vào thành Hoài-tây bắt được Ngô Nguyên-Tế, y như kế-sách tiên-sinh, giặc Hoài-tây giẹp yên.

Bùi Độ phong tước Tấn-quốc-công, Lý Tố gia chức Tiết-độ-sứ, tiên-sinh cũng vì có công gia chức Hình-bộ Thị-lang.

Vua Hiến-tôn sai quan Trung-sứ đón rước cái xương ông Phật vào trong cung làm lễ ba ngày, mới đưa ra để thờ ở chùa; tự kể vương-công đến kẻ sĩ-dân, người nào người nấy đều bôn-tâu sùng-phụng, thậm-chí có kẻ vì lửa hương se sém cả mày râu, tổng nát cả da thịt, đồ vàng ngọc quý báu bừa-bãi cả ngoài đường, tổn-phí của nước của dân không biết số nào mà kể. Tiên-sinh cả lấy làm ghét, dâng tờ biểu để hết lời can Hiến-tôn, đại-khải nói rằng: « Phật chẳng qua là một giáo-pháp ở cõi ngoài, giả như ông Phật mà còn sống, bệ-hạ có lòng dung-nạp, chẳng qua bày ra một tiệc khách-lễ, tiếp-kiến ở điện Tuyên-chính, ban cho ông Phật một bộ áo, rồi lại mời ông Phật về Tây-phương, thế cũng là đủ. Huống-chỉ cái xương khô ấy há nên để ở trong cung-cắm. Xin đem cái xương ấy, giao cho kẻ tiểu-lại ném vào chỗ nước lửa, để đoạn-tuyệt cái lòng mê-tin của thiên-hạ; khiến cho thiên-hạ biết rằng thánh-nhân hành-vi, cao hơn thói tầm-thường vạn vạn. » Hiến-tôn cả giận, toan xử tiên-sinh về tội cực-hình. Bùi Độ với Thôi Quán hết sức giải-cứu, nói với Hiến-tôn rằng: « Hàn Dũ phát-ngôn tuy là cuồng-ngu, nhưng nếu không phải là kẻ trong bụng chí-trung chí-thành, sao dám nói thế. » Tiên-sinh mới bị giáng làm chức Triều-châu thứ-sứ, tiên-sinh đến Triều-châu, dâng tờ biểu tạ ơn. Hiến-tôn cũng có lòng cảm-ngộ nói rằng: « Hàn Dũ ngày trước can ta, thực là cả yêu ta. » Toan lại triệu về để trọng-dụng, lại bị kẻ tiểu-nhân là Hoàng Phủ-Chuyên ngăn-trở, chỉ được chức-lương đời về Viên-châu mà thôi.

Tiên-sinh khi đến Triều-châu, hỏi xét những điều thống-khổ của dân, khi ấy Triều-châu chỗ Ác-khê có con

ngạc-ngu, thường ăn hại giống súc-sản của dân, dân vì thế mà cùng nghèo. Tiên-sinh thân-hành đến tận nơi xem, làm bài văn tế con ngạc-ngu, mà đuổi nó đi. Quả-nhiên chiều hôm ấy gió dữ, sấm to, vài ngày nước khe cạn hết, con ngạc-ngu dời đi xa sang phía tây 60 dặm, từ đây Triều-châu không có cái nạn ngạc-ngu. Ít lâu tiên-sinh được triệu về làm chức Quốc-tử-tể-tử, chuyển sang chức Binh-bộ thị-lang.

Đất Trấn-châu có sự binh-biến, loạn-binh giết quan Tiết-độ là Điền Hoảng-Chính mà lập Vương Đĩnh-Thấu. Vua Mục-tôn hạ chiếu sai tiên-sinh ra Trấn-châu tuyên-cáo phủ-dụ bọn loạn-binh, ai nấy đều nguy thay cho tiên-sinh. Thậm-chí Mục-tôn cũng hối lại, thương tiên-sinh đĩnh-thân mà vào chốn chết, hạ chiếu cho tiên-sinh chủ-sự được tòng nghi, nên vào thì vào, không nên vào thì chớ vào, bắt-tắt phải cứ vào. Tiên-sinh tiếp tờ chiếu nói rằng: « Sự ngăn lại là lòng nhân của vua, sự chết là điều nghĩa của kẻ bề tôi. » Tiên-sinh liền ruổi nhanh vào cõi Trấn-châu. Đĩnh-Thấu đem binh ra tiếp-kiến, thái-độ rất nghiêm-trọng. Tiên-sinh lấy đại-nghĩa cả tiếng trách mắng Đĩnh-Thấu, mà đem triều-đình uy-đức phủ-dụ bọn loạn-binh, loạn-binh lập-tức giải-táo, Đĩnh-Thấu cũng xin phục-tòng mệnh-lệnh triều-đình. Tiên-sinh về tâu sự-trạng, Mục-tôn cả đẹp lòng, thăng-chuyển sang chức Lại-bộ thị-lang.

Tề-tướng là Lý Phùng-Cát vốn ghét Lý Thân, đuổi Lý Thân ra làm chức Giang-tây quan-sát-sứ, nhân ghét tiên-sinh là đảng với Lý Thân, lại muốn đuổi cả tiên-sinh nữa, mới truất tiên-sinh làm chức Kinh-triệu-doãn. Dân chốn Kinh-triệu bảo nhau rằng ấy là người dâng biểu xin đốt xương Phật, là người làm văn đuổi con ngạc-ngu, là người cả tiếng mắng giặc Đĩnh-Thấu đấy, cho nên trộm giặc đều yên-tĩnh

gặp năm mất mùa mà thóc gạo vẫn được bình-giá. Năm Tráng-khánh tứ-niên, tiên-sinh mất, tuổi năm mươi bảy, truy-tặng chức Lễ-bộ Thượng-thư.

Tiên-sinh tính minh-đạt linh-lợi, chính-trực chẳng a-dua, sau khi đỗ tiến-sĩ, dạy bảo học-trò, trong cửa có nhiều kẻ sĩ tri-danh. Văn-chương tiên-sinh đại-hiền-trú trong một đời, đời thường coi là một vị núi Thái-sơn sao Bắc-dầu. Tiên-sinh thuở bé mồ-côi cha mẹ sớm, nuôi-nấng dạy-dỗ nhờ ở một người chị dâu là Trịnh-thị. Chị dâu mất, tiên-sinh để trở ba năm như tang cha mẹ. Tiên-sinh chỉ có hai anh em nối dõi nhà họ Hàn, người anh mất sớm, chỉ có một con trai là Giáp-nhi-lang, bài văn tế Giáp-nhi-lang của tiên-sinh, tình với văn đều cảm-thiết, thành một bài văn thiên-cổ.

Tiên-sinh làm văn rất nhiều, nhất-thiết không đạo-tập tiên-nhân một câu nào, kiệt-nhiên tự-lập, thành lời nói một nhà. Văn-chương tiên-sinh, tình họ Chu (Chu-công), từ họ Kuồng, phép họ Mạnh, trong như chất ngọc, sáng như mặt trời. Tự nhà Hán nhà Ngụy cho đến nhà Trần nhà Tùy, cả thầy tâm đời, văn-nhân đua nhau từ-tảo diêm-lệ, khí-tượng suy-yếu. Tiên-sinh một chuyện làm lối cổ-văn, so-sánh với thầy Mạnh-Kha, người Dương Hùng, để làm vũ-dực cho lục-kinh, cho nên văn-chương nước Trung-hoa, có tiên-sinh mà văn-thê cả biển. Tiên-sinh vốn là nhà văn-chương, không phải là nhà đạo-học, chẳng qua nhân học làm văn mà trông thấy đạo, sở-kiến lại rất cao, có nhiều chỗ không đạo-tập ở người trước. Tiên-sinh hành-vi, tin điều phải, không sợ chết, có sở-đắc về nghĩa «buổi sớm nghe đạo buổi chiều chết cũng đáng» của thánh-nhân Tiên-sinh thực cũng là một kẻ sĩ hào-kiệt đó vậy.

Trong tập tạp-văn của tiên-sinh làm ra, từ nghiêm nghĩa chính, trứ-

danh nhất là thiên *Nguyên-đạo*. Trong thiên *Nguyên-đạo* đại-lược có những câu rằng :

« Rộng yêu gọi là nhân, làm mà phải gọi là nghĩa, noi đường ấy mà đi gọi là đạo, dù ở trong mình không đợi cầu ở ngoài gọi là đức; nhà nho ta xưa nay gọi là đạo-đức đó, là hợp nhân với nghĩa mà nói đó vậy. Đời đế cùng đời vương, danh-biểu có khác nhau, sở-dĩ làm bậc thánh thì như nhau vậy. Mùa hạ mặc áo cát, mùa đông mặc áo cừu, khát thì uống đời thì ăn, sự tuy khác nhau, sở-dĩ làm cái chí thì như nhau vậy. Nay kẻ kia lại nói rằng sao chẳng bắt-chước như đời thái-cổ vô-vi mà vô-sự. Ấy khác nào trách kẻ mùa đông mặc áo cừu, mà nói rằng sao chẳng mặc áo cát cho giản-tiện. Lại khác nào trách kẻ đời bụng tìm ăn, mà nói rằng sao chẳng uống nước lã cho dễ-dàng. Truyện *Đại-học* có lời rằng : đời xưa muốn sáng cái đức sáng với thiên-hạ, thì trước hết phải trị lấy nước, muốn trị nước, thì trước hết phải tề lấy nhà, muốn tề nhà, thì trước hết phải tu lấy thân, muốn tu thân, thì trước hết phải chính lấy tâm, muốn chính tâm, thì trước hết phải thanh-thực lấy ý. Thế thì đời xưa bảo rằng chính - tâm thành - ý đó, có phải là vô-vi đâu, là toan đề hữu-vi vậy. Nay kẻ kia muốn trị cái tâm, mà đề tâm ra ngoài sự thiên-hạ quốc-gia, làm tuyệt-diệt mất cái đạo của trời, làm con mà chẳng coi cha là cha, làm tôi mà chẳng coi vua là vua, làm chồng mà chẳng coi vợ là vợ, làm vợ mà chẳng coi chồng là chồng, làm học trò mà chẳng coi thầy là thầy, làm bạn mà chẳng coi bạn là bạn, làm dân mà chẳng coi việc tứ-dân (sĩ, nông, công, cổ) làm việc mình, thì mấy nổi mà chẳng hóa làm rợ-mọi đó vậy. Ôi ! bảo rằng cái giáo-hóa của đấng tiên-vương đó là những gì ? Về đường văn-chương, thì kinh *Thi* kinh *Thư* kinh

Dịch kinh Xuân-thu. Về đường phép-lắc, thì lễ-nhạc với hình-chính. Về đường dân-sự, thì sĩ, nông, công, cô. Về đường trật-tự, thì quân-thần, phụ-tử, sư-sinh, bằng-hữu, tân-chủ, huynh-đệ, phu-phụ. Về đường mặc thì tơ gai, về đường ở thì nhà cửa, về đường ăn thì thóc gạo rau quả cá thịt. Cái đạo của đấng tiên-vương dễ hiểu, cái giáo của đấng tiên-vương dễ làm. Cho nên lấy đó để sửa mình thì thuận mà hay, lấy đó để giúp người thì thiện mà công, lấy đó để trị cái tâm thì hòa mà bình, lấy đó để sửa-sang việc thiên-hạ quốc-gia, thì sử - trí điều gì mà chẳng xứng-dáng. Cho nên lúc sống thì vui được cái tình thực, lúc chết thì hết được cái lễ thường, đối với trời đất thì trời đất hợp, đối với quỷ-thần thì quỷ-thần hưởng. Đạo ấy là đạo gì? Rằng là cái đạo xưa nay ta gọi là đạo, chứ không phải là cái đạo kẻ viên-vòng kia gọi là đạo vậy. Vua Nghiêu lấy đạo ấy truyền cho vua Thuấn, vua Thuấn lấy đạo ấy truyền cho vua Vũ, vua Vũ lấy đạo ấy truyền cho vua Thang, vua Thang lấy đạo ấy truyền cho vua Văn vua Vũ ông Chu-công, vua Văn vua Vũ ông Chu-công lấy đạo ấy truyền cho ông Khổng-tử, ông Khổng-tử lấy đạo ấy truyền cho ông Mạnh-Kha, ông Kha chết rồi thì đạo ấy thất-truyền. Thầy Tuân-Huống, thầy Dương Hùng học đạo mà chẳng tinh, nói đạo mà chẳng tường. Tự ông Chu-công trở lên, đạo ở kẻ làm vua làm tướng, cho nên cái sự được hiện-hành ; tự ông Chu-công trở xuống, đạo ở kẻ làm sĩ, cho nên cái thuyết chỉ nói dài. Thế thì nên làm như thế nào? Rằng cứ phát-minh cái đạo đấng tiên-vương để dạy đời, may cũng ngộ - hầu nên vậy. »

### Chu Đôn-Di

Chu Đôn-Di 周敦頤 là một kẻ đại-nho đời nhà Tống, mở ra một phương-diện học, gọi là đạo-học, tức là tâm-

tĩnh-học, cho học-giới nước Trung-hoa. Tiên-sinh tên tự là Mậu-thúc 茂叔, hiệu là Liêm-khê 濂溪, người huyện Doanh-đạo châu Đạo-châu. Tiên-sinh mười tám tuổi làm chức chủ-bạ huyện Phán-ninh, trong huyện có cái án gì khó giải-quyết, tiên-sinh một tra xét, lập-tức giải-quyết ngay. Tiên-sinh làm việc, tinh-trường mật-thiết, nghiêm-khắc và khoan-dung, kỳ cho hết được mọi lẽ trong nhân-đạo, đã tỏ ra tài chính-trị, tài triết-học. Năm Khánh-lich thứ năm đời vua Nhân-tôn, tiên-sinh đời làm chức Nam-an tư-lý tham-quân, có người tù cứ phép không đàng tội chết, viên chuyên-vận-sứ là Vương Qui muốn trọng-trị người tù ấy. Vương Qui nguyên là một kẻ quan-lại dữ-ác, tiên-sinh can mãi không được, tiên-sinh toan từ chức mà đi có nói rằng : « Như thế này còn dèn làm quan nữa ư, giết người để nịnh người, ta không thể làm được những sự ấy. » Vương Qui tỉnh-ngộ nghe theo, người tù được khỏi chết. Lúc ấy có viên Nam-an phán quan là Trình Hưống, thấy tiên-sinh khí-tượng là kẻ phi-thường, cùng tiên-sinh bàn nói, cho tiên-sinh là thâm-thúy về đạo-học, nhân kết-giao với tiên-sinh, cho hai con là Trình Hiệy, Trình Di thụ-nghiệp tiên-sinh, thờ tiên-sinh làm thầy.

Năm Hoàng-hựu thứ hai, tiên-sinh đời làm chức Quế-dương-lệnh, thuộc hạt Sâm-châu. Có viên Sâm-châu thái-thú là Lý Sơ Bình, vốn là người ít học mà tuổi đã già, rất kính - trọng tiên-sinh, có bảo với tiên-sinh rằng : « Bản-chức hiếu-học lắm, muốn đem sách ra đọc, thế nào? » Tiên-sinh nói rằng : « Ngài tuổi đã già, sách-vở thì bề-bộn, học không kịp nữa, xin vì ngài nói những câu chuyện có lý-thứ ở trong sách ra. » Sơ-Bình hàng ngày nghe tiên-sinh nói, được hai năm, học-thức quả có đại-tiến-ích, chẳng khác gì người đã từng đọc sách. Tiên-sinh làm quan,

tự-phụng rất giản-ước, chẳng khác gì ngày còn làm kẻ học trò nghèo, có bổng-lộc, hết thầy đem ra chu-cấp cho họ-hàng, cung-phụng về khách-khứa bè-ban, trong nhà không lúc nào chứa đến một trăm đồng tiền đồng. Đầu năm Hòa-nguyên thăng chức Đại-lý-thừa, cai-trị đất Nam-xương. Người Nam-xương đều mừng rằng ấy là người năm xưa giải-quyết những ngục-án ở Phần-ninh đấy, lũ ta được chốn mà kêu tố. Rồi thì những nhà hào-cường và những kẻ quan-lại tham-ô cùng bảo nhau sợ tội giữ phép, dần-dần lại biết liêm-xỉ, lại cùng bảo nhau đừng làm ô-ước cái thiện-chính của tiên-sinh.

Đầu năm Hy-ninh đời vua Thần-tôn, hiền-thần là Lã Công-Trứ và Triệu Biện cùng tiên tiên-sinh làm chức Quảng-dòng chuyển-vận phân-quan. Năm thứ ba, đời chức Lang-trung, thanh-tra việc hình-ngục ở Quảng-dòng. Tiên-sinh hết lòng về chức-vụ, thương-xót kẻ tội-tù, dấu chốn hoang-sơn nơi tuyệt-đảo, đều đi đến tận nơi thông-thả xét hỏi, không sợ nước độc khi độc, lấy sự tẩy-oan cứu-khổ làm trách-nhiệm mình. Tiên-sinh chợt có bệnh, xin về cai-trị đất Nam-khang, liền lại nói rằng: « Gượng bệnh mà làm quan, lấy quan-lộc để nuôi bệnh, chẳng ô-ước cho quan-chức lắm thay ! » Tiên-sinh mới từ chức về ở núi Lu-sơn, dưới ngọn Liên-hoa-phong ; đằng trước có khe nước trong-sạch, chảy hợp với sông Bồn-giang, tiên-sinh hằng ngày giặt giũ mũ ở trên cái khe ấy mà lấy làm vui thích, nhân đặt tên cái khe ấy là Liêm-khê, mà tự lấy làm tên hiệu. Tiên-sinh tự sau khi giải-chức, thì Thần-tôn dùng Vương An-Thạch làm tướng, phép mới cả thi-hành, trên thì triều-sĩ phân-vấn, dưới thì trăm họ tao-động. Triều-đình lại toan khởi-phục tiên-sinh ra làm quan, sắc mệnh vừa đến cửa, thì tiên-sinh

vừa mất. Năm ấy là năm Hy-ninh thứ sáu, tiên-sinh tuổi năm-mười-bảy.

Tiên-sinh thuần-túy là một kẻ đạo-học quân-tử, sắc ngọc tiếng vàng, thông-dong hòa-nhã mà nghiêm-nghị. Trước cửa sổ chỗ nhà học, cỏ mọc xanh tốt, thường để vậy chẳng cắt dây đi. Người hỏi có sao ? Tiên-sinh đáp rằng muốn để cho thường thường trông thấy cái ý-tứ phát-sinh muôn vật của tạo-hóa. Tiên-sinh đề chí ở ngoài cõi trần-tục, yêu sơn-thủy, hễ gặp cảnh sơn-thủy nào xinh tốt thì thường đi chơi ngoạn-thưởng suốt ngày. Tiên-sinh làm quan đến chỗ nào, thì như gió xuân khi hòa, làm tươi-tỉnh cho muôn vật. Người danh-sĩ đời ấy là Hoàng Đình-Kiên thường khen tiên-sinh rằng: « Tiên-sinh nhân-phẩm rất cao, trong bụng rộng-rãi sáng-sủa, như một bầu gió quang trắng tề. » Khi hai họ Trình đã đến cửa thụ-nghiệp, tiên-sinh thường bảo rằng kẻ học-giả nên tìm cái chốn vui của họ Khổng họ Nhan. Vui về sự gì ? Thầy Trình Hiệu thường nói rằng: « Tự khi hai lần được tiếp-kiến thầy Chu Mậu-thúc, vịnh gió chơi trăng mà về, tự-nhiên có cái ý-tứ ông Khổng khen thầy Đềm. » Tiên-sinh yêu hoa sen, từng làm ra bài *Ái-liên-thuyết*, bàn sen cho là phẩm quân-tử trong hoa.

Tiên-sinh có vạch ra một cái khuyên tròn gọi là « Thái-cực-dò ». Lại có lập ra thuyết gọi là « Thái-cực-dò-thuyết », để phát-minh cái tâm-tĩnh học. Trỏ cái kho tư-tưởng và cái đức thành-thực ở trong tâm-tĩnh người ta, tức là cái thái-cực. Thái-cực đã thuộc về cõi siêu-hình có thể bao-quát được trời đất, mà làm chủ-tể cho muôn sự muôn vật. Lại làm ra một bộ sách gọi là sách *Thông-thư* để phát-minh cái triết-lý trong kinh *Dịch*.

Những chốn diệu-lý của tiên-sinh sở-đắc, thực là không phải đợi thầy truyền, phần nhiều là thể-nghiệm

cái lẽ vô-ngôn của họ Không, hàm - dưỡng cái thú chi-lạc của họ Nhan, mển cái nước ở trong khe nó mát sạch, yêu cái cỏ ở trước sân nó xanh tốt, mà tâm-thần linh-hội, được về chốn căn-nguyên. Tự nhà Tần nhà Hán trở về sau, học-giới nước Trung-hoa, kể bàn chính-sự thì đua chuộng về đường công-lợi của Ngũ-bá, kể bàn đạo-lý thì chìm đắm về đường không-hư tĩnh-tịch của họ Phật họ Lão, chính-sự với đạo-lý bằng đường chia hẳn ra hai đường. Duy tiên-sinh quật - khởi ở trong khoảng nghìn năm, suy-nguyên về một lẽ «thái-cực». Rồi ai nấy sẽ biết loài người là chi-linh, mà tính người là chi-thiện, muốn lẽ bàn ra có căn-cứ, muốn sự nói vào có qui-tắc. *Thái-cực-đồ* thực là cái uyên-nguyên của phái đạo - học về sau này, mà cái thú-vị trong Nho-giáo cũng một ngày một bành-trướng phát-đạt. Cho nên tự nhà Tống trở về sau, kể danh-nho trong phái đạo - học tuy có nhiều, nhưng cũng chưa có người nào đã vượt khỏi được phạm-vi.

#### *Thái-cực-đồ-thuyết lược-thuật*

Thẻ Thái-cực vô-cực mà là thái-cực (vô - hình vô - tượng mà là cái nguyên - tắc của vạn-vật). Thẻ Thái-cực động mà sinh ra thẻ dương, động cực rồi lại tĩnh. Tĩnh mà sinh ra thẻ âm, tĩnh cực rồi lại động. Một thẻ động một thẻ tĩnh, thay đổi nhau làm căn - bản. (Dương căn ở âm, âm căn ở dương).

Duy loài người được tú - khi tối-linh của tạo-hóa, hình-thể đã sinh ra, thì thần-thức tự-nhiên phát, tính-tinh cảm-dộng, mà điều thiện điều ác mới chia, muốn sự mới hiện.

Đấng thánh-nhân định cho loài người lấy cái đạo trung-chính nhân-nghĩa, trừ bỏ cái tà-dục đi mà chủ về thẻ tĩnh, để lập lấy cái đạo chi-cực làm người. Người quân-tử tu cái đạo

ấy thì cát, kẻ tiểu-nhân trái cái đạo ấy thì hung.

#### *Thông-thư lược-thuật*

Thành-thực là cái gốc của thành-nhân, chốn dương-động là thành-thực khi bắt đầu phát hiện, chốn âm-tĩnh là thành-thực khi đã lập định, cho nên nói rằng một thể âm một thể dương gọi là đạo. Bậc thánh-nhân chỉ có cái đức thành-thực đó mà thôi ; thành-thực là cái gốc năm tính thường, cái nguồn trăm nết tốt. Cái đức thành-thực chứa bình hiện là thẻ tĩnh-vô, cái đức thành-thực đã trông thấy là thẻ động-hữu. Thẻ tĩnh-vô ấy rất bình-chính mà là thẻ tự-nhiên, thẻ động-hữu ấy rất minh-đạt mà là kho tư-tưởng. Cho nên phạm người ta giữ-gìn được cái đức thành-thực cho hoàn-toàn không chút gì giả dối thì vô-vi mà vô-ngại vậy. Cái đức thành-thực vốn là vô-vi, cái cơ-quan khi phát-hiện thì có thiện-ác. Năm đức ở trong tâm người ta, thương yêu là nhân, thích-đáng là nghĩa, phép-tắc là lễ, thông-hiểu là trí, tri-thủ là tín. Thuận-lợi về năm đức ấy gọi là bậc thánh, tu-luyện về năm đức ấy gọi là bậc hiền.

Hoặc kẻ hỏi rằng làm thế nào khiến cho thiên-hạ đều được toàn-thiện. Đáp rằng phải có thầy dạy. Tính con người ta có đức cương đức nhu, lại có bề thiện bề ác, khiến cho thiên-hạ trừ bỏ bề cương-ác nhu-ác, mà thuận về bề cương-thiện nhu-thiện đấy mà thôi. Bề cương-thiện là những đức gì ? Là đức nghĩa, đức trực, đức quyết-đoán, đức nghiêm-nghị, đức cán-toàn, đức kiên-cố, vãn-vãn... Bề cương-ác là những nết gì ? Là nết hung - bạo, nết khe - khắt hẹp - hòi, nết xâm - phạm cường - lương, vãn - vãn. Bề nhu-thiện là những đức gì ? Là đức nhân-từ, đức hòa-thuận, đức khiêm-tốn, vãn - vãn. Bề nhu-ác là những nết gì ? Là nết lười-biếng, nết không

quyết-đoán, nét gian-tà nịnh-hót, v.v.. Cho nên thánh-nhân lập ra phương-pháp giáo - dục, khiến người ta tự biết đổi điều ác của mình, mà làm điều thiện của mình đấy mà thôi. Vậy thì kẻ biết trước phải dạy kẻ biết sau, kẻ biết ít phải học kẻ biết nhiều, mà sư-đạo thành-lập vậy. Sư-đạo thành-lập thì người thiện có nhiều, người thiện có nhiều thì triều-đình hay, mà thiên-hạ trị vậy.

Đấng thánh - vương đời xưa, chế-định lễ-pháp, sửa-sang giáo-hóa, tam-cương đã chính, mọi việc đều có trật-tự, trăm họ hòa vui, muôn vật đều thuận-thích. Mới làm ra âm-nhạc, để tuyên-dương cái phong-khi của tám phương, để hòa - bình cái tính-tinh trong thiên-hạ. Cho nên tiếng nhạc đặm mà chẳng thương, hòa mà chẳng dâm, vào tai người, cảm tâm người; tiếng nhạc đặm thì cái tâm thị-dục của người ta bình-tĩnh, tiếng nhạc hòa thì cái tâm phiền-não của người ta giải-phóng. Đời sau, lễ - pháp chẳng sửa - sang, hình-chính thì hà-khắc, người trên phóng-túng xa-xỉ, kẻ hạ-dân khốn-khò. Bảo rằng âm-nhạc đời xưa chẳng đủ nghe, mới thay đổi biến ra lối tân-thanh, lời dâm-dăng, khúc sầu-oán, gọi lòng dục, thêm lòng bi, người nghe không thể sao tự át được. Than ôi! cùng là cái âm-nhạc mà đời xưa để bình cái tâm, đời nay để khêu cái dục, đời xưa để tuyên - dương đường giáo - hóa, đời nay để xui-dục nỗi oán-thương. Lễ cồ chẳng tu, nhạc kim chẳng biến, mà muốn cho nhân-tâm chính, phong-tục hay, tướng cũng khó vậy. Âm-nhạc gốc ở chính-trị đó vậy, chính hay mà dân yên, thì cái tâm trong thiên-hạ hòa-bình. Cho nên thánh-nhân làm ra âm - nhạc, để tuyên - xướng cái tâm hòa-bình mà đạt ra cõi trời đất, trời đất hòa mà muôn-vật thuận. Tiếng nhạc đặm thì tâm người

nghe bình, câu hát hay thì người hát yêu mến mà hát mãi, cho nên có cái kết-quả đến phong-dời mà tục đời. Kia những lời dâm tiếng dăng nó làm hại người cũng như thế.

Thầy Nhan Hồi một rổ com, một bầu nước, ở ngõ hẹp, người ta chẳng kham được sự lo, mà thầy ấy chẳng đòi cái vui-thú. Ôi! sự giàu sang người ta vốn thừa yêu, thầy Nhan chẳng yêu sự giàu sang, chẳng cầu sự giàu sang, mà lại vui về sự nghèo, ấy là cái tâm thế nào đó thay! Phải biết rằng trong khoảng trời đất có một cái rất giàu rất sang, khá yêu khá cầu mà khác với giàu sang của người đời đó. (Trở cái đạo.) Chẳng qua thầy Nhan trông thấy cái lớn mà quên bỏ cái nhỏ đấy mà thôi.

Thầy Trọng-Đo mừng được nghe điều lỗi của mình, một cái nốt ấy đủ tiếng hay vô-cùng. Người đời nay có lỗi, chẳng muốn cho người ta can-ngân, khác nào khư-khư giữ lấy tật bệnh mà kiêng-ky thầy thuốc, thương ôi!

Phàm việc trong thiên-hạ chỉ có cái thể đấy mà thôi, thể có bèn khinh bèn trọng. Đề cho thể nó cực-trọng thì không thể vãn-hồi được nữa, biết rằng cái thể nó sắp sửa trọng mà kịp vãn-hồi ngay đi thì được. Hết sức mà chẳng thành công là tại trời. Chẳng biết cơ, chẳng hết sức, là tại người, chứ trời có lỗi gì.

Văn-chương là cái vật chớ đạo đó vậy. Ví như cái xe, xe dẫu đẹp mà người chẳng dùng, vật chẳng chữa, chỉ là cái xe trang-sức không đấy mà thôi. Văn-chương là nghề, đạo-đức là thực. Đốc chỉ tu về đường thực, mà đem cái nghề để ghi chép. Văn hay thì người yêu, người yêu thì truyền rộng; cho nên bảo rằng nói mà không có văn-chương, thì truyền ra chẳng được xa. Kẻ chẳng biết chuộng đạo-đức, mà chỉ lấy văn - chương khoe tài đó, là con nhà nghề đấy mà thôi. Người quan - tử lấy đạo - đức sung-

mỹ làm sang, lấy thân yèn làm giàu ; cho nên vui - thú không cái gì là chẳng đủ, mà coi đồ hiên-miền như cái lông, coi đồ kim - ngọc như cái bụi, vì quý-trọng không gì hơn đạo-đức. Cái đạo đáng thánh - nhân, vào ở tai, giữ ở tâm, chứa đầy là đức-hạnh, làm ra là sự - nghiệp. Kể kia chuộng văn-chương mà thôi, là bạc kém.

Đạo-đức cao-hậu, giáo-hóa vô-cùng, thực sánh với trời đất mà cùng với bốn mùa, chỉ ông Khổng-tử là như thế vậy. Ôi ! ông Khổng có nói rằng : « Ta muốn không nói ; kia như trời có nổi gì đó thay, mà bốn mùa vẫn vận-hành, trăm vật vẫn hóa-sinh. » Thế thời cái đề-uần của đáng thánh-nhân, chẳng phải học-lực thầy Nhan-Hôi chẳng trông thấy được. Phát-huy cái đề-uần của đáng thánh-nhân, để dạy muôn đời mà vô-cùng đó, là thầy Nhan-Hôi.

### Ái-liên-thuyết

Loài cỏ cây ở dưới nước trên cạn, hoa nó khá yêu cũng rất nhiều. Ông Đào Uyên-Minh nhà Tấn một yêu cúc. Tự nhà Lý Đường về sau, người đời chỉ yêu mẫu - đơn. Ta một yêu sen nó mọc ra ở bùn mà chẳng lấm-láp, rửa bằng nước sạch mà chẳng yêu-kiều ; bề trong thì thông, bề ngoài thì thẳng, chẳng dây bò, chẳng cành ngang, hương nó càng xa càng thanh, thẳng - thắn tĩnh - sạch ; cách xa mà ngắm xem thì được, tới gần mà ngoạn-thưởng thì chẳng được. Ta bảo rằng : cúc là phẩm ẩn - dật trong hoa đó vậy ; mẫu - đơn là phẩm phú - quý trong hoa đó vậy ; sen là phẩm quân-tử trong hoa đó vậy. Than ôi ! kẻ yêu cúc thì sau ông Đào ít có ai ; kẻ yêu sen giống như ta đó là người nào ? Kẻ yêu mẫu - đơn trách sao chẳng nhiều vậy !

TÙNG-VÂN biên-dịch

## KHẢO VỀ SÁCH XUÂN-THU TẢ-TRUYỆN

### XIII

Năm Tương-công thứ 30, Trịnh Tử-Sansang Trần hội-minh. Khi trở về nói chuyện với các quan đại-phu Trịnh rằng : « Trần sắp mất nước đến nơi, không nên kết-hiệp với họ. Họ chỉ cậy có hai việc là chứa lương với đắp thành mà thôi, chứ không thương-hại gì đến nhân-dân. Vua thì hèn không tự-lập được. Công-tử thì xa xỉ, Thái-tử thì ti-ô, các quan đại-phu thì kiêu-ngạo, quyền-chính thì thuộc về nhiều nơi. Như thế mà ở sen vào với các nước lớn, liệu có khỏi diệt-vong được chăng ? Chẳng ngoài mười năm nữa đâu. »

Mùa đông năm Tương-công thứ 30, Sở Công-tử Vị giết quan Đại tư-mã là Vị - Yểm mà chiếm lấy cả cửa nhà. Thân Vô-Vũ nói rằng : « Vị Vương-tử này tất không miễn họa được đâu. Người thiện-nhân là chủ-yếu của nước nhà. Vương-tử làm tướng-quốc nước Sở, phải nên phù-trì vào cho người thiện-nhân mới phải chứ, nay lại sát-hại đi, thế là làm tai-hại cho nước đó. Vả chức Tư-mã là chức tá-nhi của quan Lệnh-đạo, là phần tư-chi của vua. Nay Vương-tử làm tuyệt-diệt người chủ-yếu của dân, dứt bỏ kẻ giúp việc của mình và cắt bỏ

chân tay của vua mà để tai-vạ cho nước nhà, không còn gì hại bằng. Tất không khỏi họa được».

Năm Trương-công thứ 30, Trần Tử-Bi đem chính - quyền nhường cho Tử-Sản. Tử - Sản xin từ mà rằng : « Nước thì nhỏ mà ở sát ngay vào bên nước lớn. Họ công-tộc thì lớn mà nhiều kẻ được sung-lộc hậu. Như thế tôi không biết làm thế nào được. » Tử-Bi nói : « Hồ tôi xin thân-suất các quan đến để nghe mệnh-lệnh ông thì còn ai dám xâm-phạm đến ông nữa. Ông cứ giúp việc nước cho tử-lẽ, chứ đã là một nước, không kể gì lớn nhỏ, nhỏ mà biết chiều dài nước lớn thì nước mình cũng được ung-dung. » Tử-Sản bèn chấp-chính, nhân có việc dùng đến Bà-Thạch, Tử-Sản cấp cho Bà-Thạch một cái ấp. Tử Thái-thúc hỏi : « Nước là nước chung, ai cũng phải lo, sao ông lại phải cấp ấp để dứt cho một mình Bà-Thạch. » Tử-Sản nói : « Khó được người vô-dục lắm, cho nên phải làm cho ai nấy đều được thỏa lòng dục mình mà yên chí làm việc và ủy trách cho phải làm đến thành-công. Vậy sự thành-công đó há phải của người ta mà không cấp cho phải của mình dư ? Như thế thì tiếc một cái ấp làm gì mà không cấp cho người ta, và cấp cho người ta, nhưng ấp vẫn còn ở trong nước đấy, chứ đi dần mất. »

Tử-Thái-thúc nói : « Các nước người ta biết việc cho ấp này thì sao ? » Tử-Sản nói : « Đó là việc thuận-tùng chứ không trái gì lòng dân, thì các nước biết, có hề gì. Trong cỗ-thư nước Trịnh có câu rằng : « Xếp đặt việc quốc-gia phải định yên cho họ đại-tộc trước. » Cho nên tôi hằng định yên lấy họ đại-tộc đã để ủy trách cho thành-công. » Vì thế Bà-Thạch sợ, xin trả ấp lại, nhưng Tử-Sản cứ cho.

Tử-Sản đặt ra kẻ chợ nhà quê có hiến-chương khác nhau ; kẻ trên người dưới có phục-sức phân-biệt ; ruộng thì có bờ có ngòi ; nhà dân-cư, giếng nước uống, khu-hoạch ra có từng hàng-ngũ một. Các quan to ai hết lòng việc nước mà việc nhà phải túng thì nhà-nước xét mà lượng-cấp thêm cho, ai mà xa-xỉ hoang-dãng thì xét mà khử đi.

Bấy giờ Phong-Quyền sắp có việc gia-tế, nên xin phép đi săn để lấy thịt tế. Tử-Sản không cho mà rằng : « Chỉ có vua mới được dùng thịt thú rừng tươi để tế, còn các quan thì dùng những thịt tự trong nhà nuôi mà thôi ». Phong-Quyền giận lắm. Về nhà lấy binh đánh Tử-Sản. Tử-Sản định xuất-bôn sang Tấn. Tử-Bi giữ lại mà đuổi Phong-Quyền đi. Phong-Quyền phải chạy sang Tấn. Tử-Sản xin với vua cứ để yên ruộng ấp lại cho Phong-Quyền. Được ba năm Tử-Sản cho tìm Phong-Quyền về mà trả ruộng ấp lại và những khoản thu-nhập được trong ba năm ở ruộng ấp ấy.

Tử-Sản chấp-chính được một năm thì chúng-nhân làm một bài ca-dào mà hát rằng : « Ngăn bờ xẻ rãnh ruộng ta, bắt ta phải cỡi áo hoa xếp vào. Ai giết Tử-Sản trong trào, đợi ta ta cũng cắp dao đi cùng ! » Ba năm sau nữa thì chúng-nhân lại làm bài ca-dao mà hát rằng : « Con tôi ông dạy-dỗ cho, ruộng tôi cấy gặt ông lo kịp thời. Ở ông Tử-Sản kia ơi, Ông mà trăm tuổi ai người thay ông ! »

Năm Trương-công thứ 31, Tử-Sản làm tướng-lê đi với Trịnh-bá sang Tấn. Gặp lúc vua Trương-công nước ta mất, nên Tấn-hầu chưa tiếp-kiến Trịnh-bá. Tử-Sản sai phá-hủy những bức tường ở nhà sứ-quán ra để làm lối cho xe ngựa đi vào. Tấn Sĩ Văn-bá đến

trách Tử-Sấn rằng : « Vi lệ-ấp tôi không chính - đốn được việc chính-lệnh, nên sinh ra nhiều trộm cướp. Chúng tôi sợ khi có các quan của các vua Chư - hầu có lòng đến thăm quả-quản chúng tôi mà xảy ra việc gì thì chúng tôi không biết làm thế nào. Vì vậy sai kẻ chức-dịch sửa-sang lại chỗ khách-xá cho kín-dáo. Mở cửa cho rộng, xây tường cho dày, để khỏi lo ngại cho quan-khách. Bây giờ ông đem phá-hủy cả đi, tuy bọn tưng-giả của ông đây thì cần-phòng được, nhưng còn các quan-khách nước khác đến ở đây sau thì sao ? Tệ-ấp vì là một nước mình-chủ, nên phải tu sửa nơi sứ-quán để tiếp khách, nếu tân-khách nước nào đến cũng phá-hủy nhà sứ-quán đi như ông, thế thì tệ-ấp chúng tôi lấy gì mà cung được. Bởi vậy quả-quản sai Cái tôi đến hỏi ông điều đó. »

Tử-Sấn thưa : « Tệ-ấp chúng tôi bé nhỏ mà ở xen vào với đại-quốc, đại-quốc bất-thời yêu-cầu điều này khoản nọ, nên chúng tôi không dám ngồi yên, có chút lương thuế nào phải đem đi hết để cung việc triều-hội. Nay gặp lúc các quan bên này đang bận việc, chúng tôi chưa được vào châu mà cũng không thấy truyền bảo gì cho chúng tôi biết đợi đến bao giờ. Chúng tôi đã không dám tự đem cống-khoản vào nộp mà cũng không dám để lộ-liều ra ngoài. Không tiến-trình trước mà tự đem nộp ngay thì thành ra của riêng trong kho nhà vua, nên không dám đem nộp. Mà để lộ liều ra ngoài thì sợ mưa nắng bất-kỳ làm cho hư nát, lại càng thêm tội. Kiềm tôi nghe nói lúc vua Văn-công Tấn làm mình-chủ, cung-thất ngài ở thì thấp nhỏ, không có cái lâu-đài nào để đứng quan-vọng. Thế mà sứ-quán của Chư-hầu thì ngài làm rất hùng-tráng, chế-độ y như trong nội-cung, kho chứa, tàu ngựa, đều chỉnh-đốn. Quan Tư-không cứ kỳ cho người đến sửa-sang

đường-xá, thợ nề cứ kỳ vào quét với các tường nhà. Khi khách Chư-hầu đến vào ở nhà sứ quán rồi, thì Cai-lệ đổi đình-liệu, lính tuần canh-phòng chung-quanh, xe ngựa có chỗ để, có người vào làm thay việc cho bọn tưng-giả, bởi xe bồi ngựa đều nhận lấy việc mình, các ti-thuộc các sở thì đều đem các phẩm-vật ra khoản-dãi.

« Không lưu khách ở lại lâu ngày mà cũng không để việc gì chậm-trễ. Phải tuần-hành mà xét xem việc đỗi khách thế nào. Khách có điều gì vui buồn thì chủ cùng dự biết. Khách có điều gì không hiểu thì dạy bảo cho, có điều gì kém thì yên-ủi cho. Cho nên khách ở trong sứ-quán cũng như ở nhà vậy. Không còn lo cái tai-hoạn gì, không sợ trộm-đạo, cũng không sợ nắng mưa gì cả. Nay cung Đổng-đề của vua Tân rộng đến mấy dặm mà sứ-quán của Chư-hầu thì như nhà bọn đây tở. Cửa đi không lọt xe, lại bị tường ngăn không đi qua được. Trộm-cắp quấy nhiễu, thủy-lạo đến luôn, không thể phòng bị được. Khách ở lại lâu không biết bao giờ được tiến-kiến, bao giờ sẽ bị triệu. Như thế mà không phá-hủy những bức tường này đi thì đồ cống-khoản không biết để vào đâu, chả hóa thêm nặng tội ra dư ? Vậy xin hỏi các quan sẽ truyền dạy cho chúng tôi thế nào ?

« Còn như nhà vua bên này mà có việc tang vua Lô, thì tệ-ấp chúng tôi cũng đang chia cái buồn ấy chứ không không. Nếu các quan cho chúng tôi được đem cống-khoản vào dâng cho xong đi thì chúng tôi xin xây tường lại trả rồi mới về. Chúng tôi không dám ngại gì vất-vả mà thực là cảm ơn nhà vua bên này nhiều. »

Văn-Bá về nói lại với vua Tấn: Triệu Văn tử nói : « Người ta nói phải đấy. Chúng ta thực tệ, đem cái lối nhà ở của kẻ đầy tớ mà đãi khách Chư-hầu như thế. Chúng ta thực có tội. »

Bèn sai Sĩ Văn-Bá đến xin lỗi. Tấn-hầu tiếp kiến Trịnh-Bá dùng lễ trọng-thể hơn mọi bận nhiều, rồi lại thiết đại-yến khoản-dãi mà tiễn về. Tấn bèn xây sử-quán cho Chư-hầu lại.

Thúc-Hương nói rằng : « Xem thế thì biết văn-tử không có thể nào mà thôi đi được. Vì ông Tử-Sân nói có văn-tử mà Chư-hầu cũng được nhờ, thế thì còn bỏ văn-tử đi làm sao được. »

Người nước Trịnh hay ra trường hương-học chơi mà nghị-luận với nhau về việc quốc-chính. Nhiên-Minh bảo Tử-Sân rằng : « Có nên hủy trường hương-học đi không ? » Tử-Sân nói : « Sao lại hủy đi. Thế cho người ta những khi sớm hôm xong công việc rồi thì ra đây chơi mà nghị-luận việc quốc-chính hay dở thế nào. Điều gì họ cho là hay thì mình thực-hành ra, điều gì họ cho là dở thì mình cải lại. Như thế họ tức là thầy mình đó. Hủy đi sao nên. Tôi nghe nói : « Hết lòng làm điều phải để ngăn sự oán-thán », chứ không nghe nói : « Lập uy ra để cấm kẻ oán-thán » bao giờ. Cấm đi thì sao không được ngay. Nhưng làm cách ấy cũng như đắp đê be lấy nước sông, nhất-dán tức nước vỡ bờ thì càng hại to mà không có thể cứu lại được nữa ; không bằng cứ khơi ra những dòng nhỏ nhỏ cho nước chảy thông đi là hơn. Vậy sao bằng cứ để nhà trường hương-học đấy cho ta được nghe thấy điều hay dở mà chữa sửa lại. »

Nhiên-Minh nói : « Bây giờ Miệt tôi mới biết ông là một người thực đáng tôn-kính. Tôi thực ngu dốt không biết gì. Nếu ông mà thực-hành được ý-kiến ấy thì cả nước Trịnh ta được nhờ ông nhiều lắm, chứ có những gì một vài người quan-liêu được nhờ ông mà thôi. »

Tử-Bì muốn cho Doãn Hà làm quan cai-trị trong phong-ấp của mình. Tử-Sân nói : « Người ấy còn trẻ tuổi, chưa

biết có nên cho làm không. » Tử-Bì nói : « Y là người cần-thận lắm. Tôi yêu y lắm, lát y không phản tôi đâu. Hằng cho y làm để mà học việc thì càng biết thêm phép cai-trị ra. » Tử-Sân nói : « Không được, người ta yêu ai thì mong cho người ấy có lợi. Nhưng nay ông yêu hẳn mà trao việc chính-trị cho hẳn thì có khác gì ông sai kẻ chưa cầm nổi con dao ra thái thịt không. Làm thế thì chỉ thêm hại cho hẳn. Cách ông yêu người như thế là làm hại người. Vậy ai còn dám cầu cho ông yêu đến nữa. »

« Ông đối với nước Trịnh như là một cái cột cái vạy. Cột ấy mà đổ thì kèo dui phải gãy nát, Kiều tôi sẽ bị đè đến ngay, nên Kiều tôi phải nói hết lời. Bây giờ ông có một cây găm quý thì không cho người thợ mới học may nó đem ra cắt áo được. Một chức quan to trong một ấp lớn là nơi thân ta phải trụ-nương, còn quý-trọng hơn cây găm biết chừng nào mà có thể đưa cho kẻ mới học nó đem cắt nát ra ư? Kiều tôi thấy người ta học giỏi thì mới ra hành-chính, chứ chưa thấy ai ra hành-chính để mà học việc bao giờ. Nếu ông quyết làm như thế thì tất có hại. Vì như đi săn, kẻ cưỡi bắn giỏi thì là bắt được nhiều cầm-thú. Còn kẻ chưa từng cưỡi bắn bao giờ thì chỉ sợ bị xe đồ đè phải không xong, còn bắt được con gì. »

Tử-Bì nói : « Ông nói phải, Hồ tôi thật là ngu-độn. Tôi nghe có câu rằng : « Quán-tử cần biết những điều lớn điều xa. Tiểu-nhân thì cần biết những điều nhỏ điều gần. » Tôi là kẻ tiểu-nhân, nên quần áo là cái phụ vào mình thì biết mà giữ cần-thận. Đến như quan to ấp lớn là cái để nương thân thì lại khinh thường. Nếu không có lời ông nói thì tôi không hiểu ra được. Trước tôi vẫn nói : Để ông cai-trị việc nước Trịnh, còn tôi thì cai-trị lấy việc nhà tôi cũng đủ. Nay mới biết việc nhà tôi cũng

không cai-trị nổi. Vậy từ nay việc nhà tôi tôi cũng xin hỏi ông mà thi-hành.»

Tử-Sân nói: «Bụng người ta không giống nhau, cũng như mặt người ta không giống nhau vậy. Vậy tôi nào dám bảo mặt ông cũng như mặt tôi đâu. Việc ông cho Doãn-Hà làm quan này, bụng tôi lấy làm không yên thì xin nói để ông hay đó mà thôi.»

Tử-Bi cho Tử-Sân là người trung, cho nên phó-thác cả quốc-chính cho. Tử-Sân vì thế mới thi-hành chính-sách của mình ra được ở nước Trịnh.

Năm Tương-công thứ 31. Vệ-hầu sang Sở. Vệ Bắc-Cung Văn-tử xem thấy uy-nghi của quan Lệnh-doãn Sở là người Vi mà nói chuyện với Vệ-hầu rằng: «Tôi xem quan Lệnh-doãn này nghiêm-nhiên như là một ông vua rồi. Tất y sẽ có chí khác. Nhưng dù y có đức-chí mặc lòng, cũng không được trọn đời đâu.» Vệ-hầu hỏi: «Sao nhà người biết?» Bắc-Cung Văn-tử thưa: «Châu-thì có câu: «Bề dân bất-chước uy-nghi của mình.» Nay Lệnh-doãn Vi không có uy-nghi gì cho dân bất-chước mà ở trên dân thì trọn đời sao được.» Vệ-hầu nói: «Nhà người nói phải, nhưng thế nào là uy-nghi?». Bắc-Cung Văn-tử thưa: «Uy là cái để cho người ta đáng sợ. Nghi là cái để cho người ta phải bất-chước. Vua có uy-nghi của vua để cho bầy-tôi sợ mến và bất-chước, thì vua mới giữ được quốc-gia mà danh-giá lẫy-lừng. Bầy-tôi có uy-nghi của bầy-tôi để cho kẻ thuộc-hạ sợ mến thì bầy-tôi mới giữ được chức-phận và gia-thanh. Suy ra ai cũng phải như thế cả. Cho nên quân-tử giữ chức-sự thì đáng kính, thủ-xá điều gì cũng đáng khen, tiến-thoái châu-toàn đáng làm phép-tắc cho người. Đáng người đáng làm cho người ta quan-chiêm, tiếng nói đủ cho người ta sinh vui-vé, công việc đức-linh đáng cho người ta noi theo.

Cử-động thì táo-nhã mà ngôn-luận có văn-chương. Như thế để đối-đãi với đời, ấy là uy-nghi đó.»

### ĐỜI VUA CHIÊU-CÔNG

(Làm vua được 25 năm. Năm đầu là canh-thân, tức Châu Cảnh-vương năm thứ tư. Tây-tịch 541).

I. K. — Thúc-Tôn Báo đến hội với Tấn Triệu-Vũ, Sở Công-tử Vi, Tề Quốc-Nhược, Tống Hượng-Tuất, Vệ Tề-Ác, Trần Công-tử Chiêu. Sái Công-Tôn Qui-Sinh, Trịnh Hân-Hồ và người Hứa người Tào ở đất Quắc (đất Trịnh)

T. — Mùa xuân năm Chiêu-công nguyên-niên, Sở Công-tử Vi vào sinh nước Trịnh, bèn đem vợ là con gái họ Công-tôn Đoàn. Bọn Công-tử Vi sắp kéo vào sứ-quán. Người Trịnh có ý ngờ, sai Tử-Vũ ra từ, Công-tử Vi bèn trở lại ở ngoài thành. Lê sinh xong rồi Công-tử Vi định đem binh-sĩ vào rước dâu. Tử-Sân lấy làm lo, cho Tử-Vũ ra nói với Công-tử Vi rằng: «Tề-ấp chật hẹp lắm, không có chỗ nào đủ chứa được bọn tụng-giả của ngài. Vậy xin ngài cho dọn một chỗ đất rộng ở ngoài thành để làm lễ nghinh-hôn cũng được.» Công-tử Vi sai quan Thái-tể Bá Châu-Lê trả lời rằng: «Nhà vua bên này có lòng yêu đến Đại-phu Vi tôi mà bảo Vi tôi rằng: «Ta sẽ cho đưa con gái nhà họ Phong (tức họ Đoàn) thừa-đương việc thất-gia cho mi.» Bởi vậy Vi tôi đã dọn bàn đặt án, làm lễ cáo ở hai miếu vua Trang vua Cung bên tôi rồi mới sang đây. Nay nếu cho rước dâu ở ngoài đồng, thì ra đem cái ơn của nhà vua bên này mà quăng bỏ ra nơi cỏ-rả, và tiện Đại-phu tôi cũng không đáng dự vào hàng quan-khanh các nước vậy. Không những thế, làm như thế lại còn để cho Vi tôi chịu cái lỗi khi-trá cả với hai tiên-quân tôi, thì tôi sẽ không đáng làm một kẻ lão thần ở nước tôi nữa. Tôi còn trở về bản-quốc làm gì. Xin các

quan đại-phu bên này nghĩ giúp cho.»

Tử-Vũ nói : «*Liều-quốc* tôi chỉ có cái tội là cả tin, chứ thực ra thì không có điều gì đáng tội. Tưởng rằng tin cậy để đại-quốc vô yên cho mà ngờ dân đại-quốc vẫn cứ găm sẵn cái lòng gieo tai bỏ vạ định mưu-lính nước tôi. *Liều-quốc* mà mất cái lòng tin cậy vào đại-quốc đi nữa thì cũng đành, nhưng chỉ lo *Chư-hầu* thấy thế ai không nghĩ và không cảm-tức thay, mà mệnh-lệnh của đại-quốc sẽ không lưu-hành được nữa. Nếu không lo sợ vì cơ trên ấy thì ngái vào nhà thờ họ *Phong* cũng như vào nhà sư-quán của *lê-ấp* mà thôi chứ có tiếc gì.» *Ngũ-Cử* biết là *Trịnh* đã phòng-bị rồi, bèn xin cho bọn binh-sĩ vào rước dân thì cũng nỡ phải cho vào túi cả. *Trịnh* ưng cho.

Công-tử *Vi* vào rước dân ra rồi bèn cùng *Chư-hầu* hội-minh ở *Quắc* là để tiếp-tục với kỳ hội-minh tức-binh ở *Tống* đó. Khi sắp hội, *Tấn* *Kỳ-Ngo* bảo *Triệu Văn-tử* rằng : «*Lần* hội ở *Tống*, *Sở* đã thắng thế hơn *Tấn* ta, nay *Lệnh-doãn* *Sở* này là người giớ-giáo, các nước đều biết cả. Thế mà ông không phòng-bị gì, e lại bị họ lừa như lần hội ở *Tống* thôi. Bây giờ *Sở* *Lữ-Mộc* là người trung-tín, *Chư-hầu* vẫn khen mà y còn lừa *Tấn* để dè-nén đi, phương-chỉ là cái thắng lại còn bắt-tín bằng mấy kia dư ! Nếu *Sở* lại thắng-thế hơn *Tấn* lần nữa thì *Tấn* nhục lắm. Ông làm *Tướng-quốc* cho *Tấn* là một nước minh-chủ đã đến bảy năm nay rồi. Trong bảy năm này, hai lần hội các vua *Chư-hầu*, ba lần hội các đại-phu *Chư-hầu*. Nào là bắt nước *Tề* nước *Dịch* phải vào châu mà vô yên được miền đông-phương. Nào là dẹp yên được giặc *Tần*, đắp thành *Thuần-vu* cho *Kỷ*; thế mà quân không vật-vả, nước không tồn-hại, dân không chê-bai, *chư-hầu* không oán-hận điều gì, là công-sức của ông đó. Đã có cái tiếng hay như thế mà chịu kết-cục bằng sự

*sỉ-nhục* thì *Ngo* tôi thực lấy làm sợ thay cho ông. Ông không cần-thận không được.»

*Văn-tử* nói : «*Xin* cảm ơn ông, nhưng lần hội-minh ở *Tống* vì *Tử-Mộc* có cái bụng hại người mà *Vũ* tôi thì có cái bụng thương người, nên *Sở* mới giả-ngự được *Tấn*. Bây giờ *Vũ* tôi vẫn giữ cái bụng ấy mà *Sở* sẽ cũng lại cứ làm càn. Song mặc kệ họ, *Vũ* tôi cứ lấy điều tin làm cái gậy để chống mà đi. Vì như kẻ nông-phu cứ việc cấy cấy, tuy có lúc ăn khoai ăn ráy mà cũng lắm lúc no xôi chán chè. Và tôi nghe có câu rằng : «*Người* nào giữ được điều tin thì không chịu kém ai.» Chỉ sợ tôi không giữ được điều tin mà thôi. *Châu-thi* thiên *Đại-nhã* có câu rằng : «... *Hễ* không bạc-ác, ai mà không theo.» Không bạc-ác tức là giữ điều tin đó, đã làm được cho người ta theo thì sao còn chịu kém ai nữa. Tôi cho giữ điều tin làm khó chứ không lo gì *Sở*.»

*Sở* *Lệnh-doãn* *Vi* xin cứ đọc bả minh-thư cũ rồi để lên trên con sinh mà làm lễ chứ không sáp-huyết nữa. Ý là sợ *Tấn* tranh vị minh-chủ mà sáp-huyết trước. Người *Tấn* cũng bằng lòng.

## 2. — K. — Ta lấy được ấp *Quần*

T. — Tháng ba năm ấy, *Qui* *Vũ-tử* đánh nước *Cử* lấy được ấp *Quần*. Người *Cử* vào cáo-cấp với đám minh-hội ở *Quắc*. *Sở* bèn nói với *Tấn* rằng : «*Hội* đồng-minh chưa tan mà *Lỗ* đánh *Cử*, thế là *Lỗ* khinh-nhờ lời minh-ước tức-binh tề nhất của các nước đó, vậy xin giết sứ-thần của *Lỗ* đi.»

Bấy giờ *Tấn* *Nhạc* *Hoàn-tử* là người giúp lễ của *Triệu Văn-tử* muốn đòi *Thúc-Tôn* *Báo* dứt của cho thì xin giùm, bèn cho người đến hỏi xin *Thúc-Tôn* *Báo* cái đai. *Thúc-Tôn* không cho. *Lương* *Kỳ-Kính* là đầy-tớ *Thúc-Tôn* bảo *Thúc-Tôn* rằng : «*Của* để cho

thần, ông tiếc cái đai làm gì.» Thúc-Tôn nói: « Ta đi hội với Chư-hầu là để hộ-vệ cho xã-tắc nước nhà. Nay ta dứt của cho khỏi tội thì Lỗ tất bị các nước đánh, thế là ta làm tai-vạ cho nước đó chứ hộ-vệ được cái gì. Người ta sợ-đĩ phải dùng cái trống là để che những cái xấu ở trong nhà đi. Nay trống lại có khe hở thì lỗ ở đâu. Ta đi hộ-vệ cho xã-tắc mà lại để vạ cho nước, thì tội ta còn nặng hơn cái trống hở kia. Lỗ này tuy bởi họ Qui-Tôn, nhưng nước Lỗ thì có tội gì. Xưa nay họ Thúc-Tôn ta thì giữ việc đi sứ mà họ Qui-Tôn thì ở nhà coi việc nước. Ta có oán gì ai. Tuy-nhiên thằng Phụ (Nhạc Hoàn-tử) nó là đũa tham của, nếu không cho nó cái gì thì tất nó không thôi». Nói rồi bèn gọi người nhà của Nhạc Hoàn-tử đến, xé một miếng lụa ở cái xiêm đưa cho mà rằng: « Cho cái này, chứ cái đai thì chật-hep lắm rồi.»

Triệu Văn-tử nghe thấy việc ấy, nói: « Thúc-Tôn làm-nguy mà không quên nước, ấy là người trung. Nhận chức-trách mà chịu nạn là người tin. Vì nước quên chết là người trinh. Mưu việc nước mà lấy ba điều trên ấy làm chủ là người nghĩa. Thúc-Tôn được bốn điều như thế ai còn nở giết.» Triệu Văn-tử bèn nói với Sở rằng: « Luy Lỗ có tội mà kẻ chấp-sự là Thúc-Tôn này biết sợ uy và kinh-mệnh của các nước mà không dám trốn tránh. Nếu ông tha cho y để làm gương cho các quan tể hữu thì hơn. Ông mà có được kẻ thuộc-quan, ở nước không trốn việc khó, ra ngoài không tránh hoạn-nạn, thì nước nhà còn có lo gì. Xưa nay nước nhà bị lo là chỉ bởi việc khó không ai làm, hoạn-nạn không ai chịu, chứ có người đương nổi hai việc ấy thì chả còn lo-lắng gì. Mình không bênh-vực cho kẻ hay thì ai còn phục mình. Lỗ Thúc-Tôn Bảo thực là người hay.

Xin ông tha cho y để bênh-vực lấy người hay vậy. Ông hội Chư-hầu mà tha cho kẻ có tội, lại thưởng cho người hay, Chư-hầu ai không mừng mà qui-phục về với Sở, dẫu xa cũng coi như gần. Còn như một cái ấp ở chỗ biên-cương kia, nay thuộc về nước này, mai thuộc về nước nọ là sự thường. Làm đáng mình-chủ thì phải nể vì nước lớn mà nỡ cái lỗi nhỏ đi, chứ còn hỏi đến cái việc tranh ấp ấy làm gì nữa.

« Vả, xưa nay nước nào mà không bị nước khác xâm-lấn mãi mãi ở nơi bờ-cõi, mà các vị minh-chủ kia đã ai xét ra cho được việc gì. Nay vì Ngô với Bộc là hai nước ở bên cạnh Sở mà có hấn-khích với nhau thì liệu các quan Sở có giữ được điều-uớc tặc-bình mà không dòm đất của hai nước ấy không?

« Vậy Sở chớ nên biết đến việc biên-giới của Cử mà Chư-hầu cũng không đi trị tội Lỗ cho phiền nữa là xong. Việc Lỗ, Cử tranh nhau ấp Quân thì có đã từ lâu rồi. Nếu không thiệt-hại lớn cho xã-tắc của Cử thì cũng không nên cự-tuyệt Lỗ. Tha cho kẻ lương-thiện mà bỏ việc phiền-nhiều đi, thì ai không đua nhau làm điều phải. Ông nghĩ mà xem.»

Triệu Văn-tử cố xin với Sở. Người Sở bằng lòng, bèn tha cho Thúc-Tôn Bảo.

Thiên-vương sai Lư Định-công ra ủy-lạo cho Triệu Mạnh ở sông Đĩnh mà lập nhà quán-xá ở bến sông Lạc. Lư Định-công nói với Triệu Mạnh rằng: « Lớn-lao thay công-nghiệp của vua Vũ, ơn-đức của ngài sáu-ra là đường nào. Nếu không có vua Vũ thì chúng ta thành ra loài cá cả rồi. Bây giờ tôi với ông được mũ cao áo dài để cai-trị dân, đối-đãi với Chư-hầu là nhờ

sức của vua Vũ đó. Vậy sao ông không kế-tục lấy cái công-nghiệp của vua Vũ ấy mà làm việc lợi-ích cho dân rõ lâu-dài?»

Văn-tử thưa: « Lão-phu này chỉ sợ không khỏi tội-lỗi, còn nghĩ gì đến việc lâu-dài được. Chúng tôi ngồi đưng ăn lộc, chiều nay không biết việc sớm mai thì còn làm gì được việc lâu-dài.»

### 3. — K. — Tấn-hầu sai Hàn-Khởi sang ta làm lễ sính.

T. — Mùa xuân năm Chiêu-công thứ hai. Tấn-hầu sai Hàn Tuyên-tử sang sính và báo-cáo về việc chính-trị. Hàn Tuyên-tử vào tòa Thái-sứ xem sách, được xem thấy bộ Dịch-tượng và bộ Lô Xuân-thu. Tuyên-tử nói rằng: « Bao nhiêu lễ-pháp của nhà Châu tàng-trữ ở nước Lô này cả. Bây giờ-ta xem những thư tịch ở đây ta mới biết được cái tài đức của ông Chân-công là thế nào, và biết được nhà Châu sở-ti nên vương-nghiệp được là bởi đâu.»

Ngày trước Tề Cảnh-công muốn đổi lại chỗ nhà đất ở của Ân-tử mà rằng: « Chỗ nhà đất của ông thấp hẹp mà bụi lùm, không thể ở được, ta đi ra chỗ sáng-khải cho ông.» Ân-tử từ chối rằng: « Ấy thế mà các tiên-nhân nhà thần ở được, nay thần đã không có tài-dec để nối công-nghiệp đời trước, thì thần ở đây cũng đã quá lam-rời. Và kẻ tiên-nhân mà ở gần chợ thì hôm sớm có tìm kiếm cái gì cũng tiện. Đó là cái lợi cho kẻ tiên-nhân này, lại còn dám phiền-quấy đến dân làng vất-vả làm gì.»

Cảnh-công cười mà rằng: « Ông ở gần chợ thì có hiệu hàng gì đất ở không?»

Ân-tử thưa: « Đi có lợi ở chợ thì phải hiểu giá chợ.» Cảnh-công hỏi: « Thế thì hàng gì đất hàng gì ế?» Thấy

giò Cảnh-công dùng việc hình-phạt nhiều quá, đến nỗi có kẻ chế ra thứ guốc cho kẻ bị cạo gói đi mà đem bán. Cho nên Ân-tử thưa: « Có guốc của kẻ bị «nguyệt» đi thì bán đất mà dẹp thì ế». Vì vậy Cảnh-công bèn giảm bớt việc hình-phạt đi. Đến năm Chiêu-công thứ ba, Ân-tử sang sứ Tấn, ở nhà Cảnh-công đòi chỗ ở đi cho Ân-tử. Khi về thì đã làm xong rồi. Ân-tử bái tạ ơn vua rồi lại dỡ cả ra làm thành nhà dân cư như cũ mà sai người cai trại trả lại từng người trong làng, vì Cảnh-công lấy mất nhiều nhà đất của người mà làm nhà mới cho Ân-tử. Ân-tử bảo cho mọi người rằng: « Ngạn có câu: « Xem bói chọn xóm, chứ không xem bói kén nhà ». Vậy các người đến ở đâu phải xem bói mà chọn lấy hàng xóm trước đi đã.»

Năm Chiêu-công thứ tư, Sở-tử sai Tiều-Cử sang Tấn để mời Chư-hầu đi hội-minh. Tiều-Cử thuật lại lời mệnh-lệnh của vua Sở rằng: « Quã-quân lời có dặn Cử tôi thưa với nhà vua rằng: « Ngày nọ nhờ ơn ngài hội Chư-hầu ở Tống mà mình-thệ rằng: « Các nước hoặc theo về Tấn, hoặc theo về Sở, đều phải tiếp-kiến với nhau luôn ». Nay Sở vì năm nào cũng có nạn, nên quã-quân muốn kết-hiệp lại với các ngài mà sai Cử tôi sang đây xem ngài có được thì-giờ nhân-hạ, không bận việc gì với bốn phương, thì xin nhờ uy-linh ngài đứng mời Chư-hầu cho.»

Tấn-hầu toan không nghe. Tư-mã Hầu can rằng: « Không nên, vua Sở đang ngông, hoặc-giả là trời muốn để cho vua Sở càng làm nhiều việc thích-chí mà càng thêm sự độc-ác ra, để sẽ giáng tai-vạ xuống, chưa biết chừng. Hay là cứ thế mà được trọn vẹn cũng chưa biết chừng. Tấn với Sở đều nhờ trời thương bên nào bên ấy được, chứ

không nên tranh nhau. Ngai cứ thuận đi rồi tu đức để xem vua Sở quay về mặt nào. Họ mà quay về mặt đức-ngĩa thì ta thờ họ cũng được, huống-chỉ là các nước Chư-hầu. Nếu họ quay về mặt dâm-ngược thì đến chinh nước Sở nó cũng bỏ, ta còn phải tranh với ai nữa.»

Tấn-hầu nói: « Tấn có ba điều « bất-ngụy » ai còn địch nổi. Ba điều là: Nước thì hiểm mà sản nhiều ngựa, Tề Sở lại nhiều hoạn-nạn. Có ba điều đó thì đi đánh đâu mà không được.»

Tư-mã Hầu thưa: « Cây đất hiểm với sản nhiều ngựa mà mong cho nước láng-giềng nhiều hoạn-nạn là ba điều « chí-ngụy » đó. Kìa những dãy núi Tứ-nhạc, Tam-đồ, Dương-thành, Thái-thất, Kinh-sơn và Trung-nam là những chỗ rất hiểm của chín châu đó, thì có họ nào giữ mãi được một mình không. Về miền bắc châu Kỳ là chỗ thô-sản ta ngựa mà sao không thấy có một nước cường-thịnh nào. Thế thì đất hiểm với sản ngựa cũng không đủ trông cậy được. Lê ấy từ xưa vẫn thế, cho nên các tiên-vương phải chăm làm điều đức-ngĩa để đối với thần với dân, chứ chưa có đời nào chỉ cậy đất hiểm với sản ngựa mà được. Còn như thấy nước láng-giềng bị hoạn-nạn thì không nên mừng. Có nước bị nhiều hoạn-nạn mà nước lại càng thịnh, mở thêm ra được nhiều cõi đất. Có nước chẳng bị tai-nạn gì mà nước đến mất, tan cả cơ-đồ, thế thì mừng người ta bị tai-nạn làm gì.

« Tề có cái nạn Trọng-Tôn mà lập được vua Hoàn-công, công-nghiệp đến nay hãy còn. Tấn có cái nạn Lý-Khắc mà lập được vua Văn-công làm nên đáng mình-chủ. Còn như Vệ với Hình đều không có hoạn-nạn gì mà đều bị giặc ngoài đến diệt. Thế cho nên không nên mong cho người ta có hoạn-nạn.

« Nếu cứ cậy ở ba điều ấy mà không tu-đức thì đến vong-diệt cũng không xong còn đánh được ai. Vậy xin ngài cứ ưng cho Sở. Ông Trụ-tân-ác thì nhà Ân mất, ông Văn-vương ôn-hòa thì nhà Châu lên. Cần gì phải tranh nhau Chư-hầu.»

Tấn bèn nhận lời Sở-sứ.

4. — K. — Sở-tử, Sái-hầu, Trần-hầu, Trịnh-bá, Hứa-nam, Từ-tử, Đằng-tử, Đốn-ử, Hồ-tử, Thâm-tử, Tiêu-Châu-tử, Tống Thê-tử Tá và rợ Hoài-di cùng hội ở đất Thân (đất Sở)

T. — Ngày binh-ngọ, tháng sáu, năm Chiêu-công thứ tư. Sở-tử hội Chư-hầu ở đất Thân. Tiêu-Cử nói với Sở-tử rằng: « Thân nghe nói: « Chư-hầu người ta không qui-phục ai, chỉ qui-phục người có lễ-pháp mà thôi.» Nay nhà vua mới được làm mình-chủ cho Chư-hầu, nhà vua phải cần-thận việc lễ-pháp mới được. Bá-nghiệp có thành hay không cũng ở cuộc hội-minh này. Vua Hạ-khải thì hội Chư-hầu ở Quân-đài, vua Thương-thang hội ở Cảnh-bạc, vua Châu-vũ hội ở Mạnh-tán, vua Thành-vương hội ở Kỳ-dương, vua Khang-vương hội ở Phong-cung, vua Mục-vương hội ở Đê-sơn, vua Tề-Hoàn hội ở Thiệu-lăng, vua Tấn-Văn hội ở Tiên-thổ. Trong các cuộc hội-đồng ấy thì nhà vua định dùng lễ-chế của cuộc hội-đồng nào. Nay có Tống hương-Tuất, Trịnh Công Tôn Kiêu cũng dự hội, xin nhà vua kén lấy.» Sở-tử nói: « Ta theo cuộc hội-đồng của vua Tề-Hoàn.» Rồi Sở-tử dùng lễ rất xa-xỉ, Tiêu-Cử nói: « Xem việc hội-hợp của sáu ông Vương, hai ông Công trên kia là lấy lễ-pháp mà hiệu-thị cho Chư-hầu cả, cho nên Chư-hầu đều tuân mệnh. Còn như vua Phương-Trụ đi săn ở đất Lê thì rợ Đông đi làm phản. Vua Châu U-vương hội-minh ở Thái-thất thì rợ

Nhung-dịch làm phản, đều là lấy sự xa-xỉ mà phò với Chư-hầu cả, cho nên Chư-hầu đều không tuân mệnh. Bày giờ nhà vua lại dùng cách xa-xỉ thì bá-nghiệp không thành được. » Sở-tử không nghe.

Tử-Sản bảo Hưong-Tuất rằng : « Ta không sợ gì Sở, vua Sở xa-xỉ mà không nghe lời can thì không thịnh được đến ngoài mười năm đâu. » Hưong-Tuất trả lời rằng : « Phải, không xa-xỉ đến mười năm thì cái ác không lan đi xa được. Ác đã lan đi xa rồi thì người ta mới bỏ. Làm thiện cũng thế, đức đã thấm xa rồi thì mới hưng-thịnh lên được. »

### 5 - K. - Người Sở bắt Tề Khánh-Phong giết đi.

T. - Mùa thu năm Chiêu-công thứ tư, Chư-hầu chưa tan hội, Sở-tử sai Khuất-Thân đánh ấp Chu-phương (đất Ngô) bắt được Tề Khánh-Phong (đảng của Thôi-Trử) xuất-bôn ra ở đấy. Khi sắp đem giết, Tiêu-Cử nói với Sở-tử rằng : « Thần nhớ có câu : « Ai không có vết gì thì mới hành tội người khác được ». Khánh-Phong nó có là thằng lão thì mới phải trốn ra ở đấy. Nay để nó nín yên mà chịu chết cho chàng. Vậy đem nó ra mà rao bảo với Chư-hầu rằng vô-ích. » Sở-tử không nghe, bắt Khánh-Phong vào cái búa nguyệt mà giơ đi cho Chư-hầu xem. Lại bắt Khánh-Phong tự nói rằng : « Hùng ai bắt - chước thằng Khánh - Phong nước Tề này, giết vua hiệp đưa mồ-côi và bắt các quan Đại-phu phải thế ». Vì vua Sở bấy giờ là Linh - vương tức là Công - tử Vi mới giết vua mà lên thay, nên Khánh-Phong bèn rao lên rằng : « Hùng ai bắt-chước thằng Vi là con thứ vua Cung-vương nước

Sở, giết người Mi là con anh mà cướp ngôi, nay lại hội Chư-hầu ở đây nhà! »

Sở-tử bèn vội-vàng sai giết ngay Khánh-Phong đi.

### 6. - K. - Người Sở diệt nước Đốn

T - Sở-tử lại đem Chư-hầu đi diệt nước Đốn. Đốn-tử tự trời giạt cánh tay ra đằng sau, mồm thì ngậm viên ngọc bích mà đi ra hàng, quân-sĩ thì để trần tay ra mà khênh vác và đồ liệm đi theo sau, vào đến trại trung-quân. Sở-tử hỏi Tiêu-Cử nên làm thế nào. Tiêu - Cử thưa : « Khi vua Thành-vương ta đánh được nước Hứa, Hứa Hi-công cũng làm cách như thế. Vua Thành-vương ngài thân ra cõi trời cho mà nâng lấy ngọc bích và sai đổi vác và đồ liệm đi. »

Sở Linh-vương theo làm như thế rồi thiên người Đốn cho sang ở ấp Yên của Sở. Sở Linh-vương lại muốn thiên người Hứa cho sang ở Đốn, bèn sai Công-tử Khi-Tật đắp thành ở Đốn mà đem quân về. Thân Vô-Vũ nói rằng : « Sở bị tai-vạ bắt đầu từ đấy. Vua Sở triệu Chư-hầu thì nước nào cũng phải đến. Đánh nước nào cũng được. Đắp thành chiếm lấy Đốn mà Chư-hầu không dám tị. Lòng vua Sở đã muốn sao được vậy như thế thì dân nước Sở yên thân được chăng. Dân đã không ở yên thì tức là không chịu nổi. Không chịu nổi thì phải loạn. »

Trịnh Tử-Sản đặt ra phép thuế : « khâu-phú » (1) Người trong nước hủ-bàng Tử-Sản rằng : « Bỏ hẳn thì chết đường, hẳn thì là cái đil con ong. Hẳn đặt luật-lệnh cho nước như thế thì dân chịu làm sao được ».

Tử-Khoan đem câu ấy bảo Tử-Sản. Tử-Sản nói : « Không hề gì. Nếu việc

(1) Chín suất là một lĩnh 井. Mười sáu suất là một khâu 丘. Mỗi khâu phải nộp thuế một đôi ngựa.

gì mà có lợi cho nhà-nước thì sống chết cũng cứ làm. Và tôi nghe nói rằng : « Người làm điều phải thì không thay đổi phương-pháp », cho nên mới thành việc. Lòng người không thể chiều được, pháp-độ không thể cải được. Châu-thì có câu rằng : « Không sai lễ-nghĩa, cần gì thị-phi. » Vậy họ nói thế nào tôi cũng không nhúc-nhích.»

### 7.— K.—Bãi đội trung-quân

T. — Năm Chiêu-công thứ năm bãi đội trung-quân đi, nhà vua lại càng yếu thế.

Nguyên từ năm Tương-công thứ 11, mới đặt thêm ra một đội trung-quân nữa là tam-quân (chính phép Lô, nước nhỏ chỉ được có thượng hạ hai đội quân mà thôi), bèn chia nước ra làm ba khu quân-đội thuộc về ba nhà qui-tộc mỗi nhà quản-hạt một khu mà thu thuế nuôi lính cho nhà nước. Nhưng nhà Qui-Tôn chiếm lấy làm của riêng cả. Nhà Thúc-Tôn thì cho quân-dân phục-tùng về nhà nước. Nhà Mạnh-Tôn thì nhường về nhà-nước một nửa. Đến nay bãi đội trung-quân đi, chia nước ra làm bốn khu quân-đội. Nhà Qui-Tôn chọn lấy hai khu, còn hai nhà qui-tộc kia mỗi nhà giữ một khu, chiếm lấy cả binh-lương toàn-quốc mà tùy-thời mỗi nhà cống-hiến cho vua một ít mà thôi.

### 8.— K — Công sang Tấn

T. — Năm Tương-công thứ năm, Công sang Tấn, từ nghinh-tiếp đến tiễn-tống, không lúc nào thất-lễ cả. Tấn-hầu bảo Nhĩ Thúc-Tề rằng : « Lô-hầu thao việc lễ lắm. »

Nhữ thừa : « Lô-hầu biết gì là lễ ». Tấn-hầu nói : « Từ lễ giao-lạo (1) đến lễ tiễn-tống, Lô-hầu không làm-lỗi điều gì, mà nhà người lại bảo ông ấy không biết lễ là gì ? » Nhữ thừa : « Đó là lễ - nghi chứ không phải là lễ - pháp (2). Lễ-pháp là cái để mà giữ lấy nước, thi-hành chính-lệnh, không mất lòng dân. Nay nước Lô, chính-lệnh thuộc về ba nhà qui-tộc mà vua không đòi lại được. Có Tử-Gia Cơ giỏi mà không biết dùng. Phạm vào điều-uớc « tức-bình » của đồng-minh mà lảng-ngược nước nhỏ. Dân trong nước bị chia ra làm bốn khu mà vua phải ăn lương của kẻ khác. Đã không nghĩ gì đến nhà nước thì cũng không tinh gì đến cái kế về sau.

« Ấy bản-mạt của sự lễ-pháp là ở đó cả, làm một ông vua trong nước, hoạn-nạn sắp bị vào thân mà không hề xót-xa gì đến, lại chần-chăm đi rèn tập lấy những cái nghi-liết lật-vật như thế mà ngài cho là thao lễ-phép thì sai. »

Tấn-Hầu Tuyên-tử đi đưa dâu sang Sở cho vua Sở. Thúc-Hương thì làm phó-sứ. Tử-Bi và Tử Thái-Thúc tiễn ra đến đất Sách-thị mà dặn-dò. Thái-Thúc dặn Thúc-Hương rằng : « Vua Sở cần rõ lắm đấy, ông phải cẩn-thận mới được » Thúc-Hương nói : « Cần-rõ lắm thì hại vào thân, chứ làm gì được ai. Minh cứ liệu cái sự-thế của hai nước mà giữ lấy điều tin điều lễ cho trọn- vẹn. Ngọc lụa đưa sang thì đem dâng, liệu mà tùy-tùng họ, kính-trọng họ, mà không chịu để mất cả uy-nghi của mình. Vậy dầu họ có cần-rõ cũng chẳng làm gì mình được. »

Sang đến Sở, Sở-vương hội các quan Đại-phu lại mà hỏi rằng : « Tấn là nước

(1) Đón nước ở ngoài cõi.

(2) Nguyên-văn chỉ nói có một chữ « lễ 禮 ». Cổ-nhân dùng chữ lễ gồm cả hai nghĩa : Tế-bái, giao-thiếp, nghi-vấn là lễ, mà hiến-pháp luật-lệ phong-tục cũng là lễ, tùy từng chỗ mà định nghĩa. Ở đây dịch-vấn phải hiểu ra một đằng là lễ-nghi tức là những sự tế-bái, giao-thiếp, nghi-vấn ; một đằng là lễ-pháp tức là những sự hiến-pháp, luật-lệ, phong-tục, để cho có khác nhau dễ hiểu.

circu-địch của ta. Nếu ta làm gì được họ cho thỏa lòng ta thì cũng làm, chứ chẳng kiêng nể việc gì. Nay họ đi đưa dâu sang đây, có một quan Thượng-khanh, một quan Thượng-đại-phu. Ta muốn cất gót chân Hàn-Khởi đi cho làm đưa canh cửa, thiên Dương-Thiệt Bạt đi (Thúc-Hương) cho làm quan-thị giữ cung, làm thế để nhục cho Tần là ta thích. Các quan nghĩ có nên không ? » Các quan đại-phu không ai nói gì. Có Viên Khái-Cương thưa rằng : « Nền lắm, nếu ngài đã phòng-bị được rồi thì sao lại không nên, bởi vì làm nhục một thằng bố cu bố dỉ mà không phòng-bị cũng không được, nữa là làm nhục một nước người ta. Thế cho nên thánh-vương ngày xưa cốt giữ lễ-pháp, chứ không cần làm nhục ai. Triều, sinh, yển, hưởng, mỗi lễ một khác, Chư-hầu phải vào châu, Thiên-tử phải đi tuần. Khách vào đến cõi nước có lễ giao-lạc, khách về có lễ tiễn-lặng. Đó là những lễ rất trọng-thể. Quốc-gia đến lúc suy-bại thì bỏ cả những lễ ấy đi mà loạn-lạc mới nổi lên. Trận đánh ở Thành-bộc, Tần không phòng-bị Sở nên Tần bại ở đất Bật. Trận đánh ở Bật, Sở không phòng-bị Tần nên Sở bại ở đất Yên-lãng.

« Tự trận Yên-lãng tới nay, Tần không bỏ sự phòng-bị, lại càng thêm trọng-dụng lễ-ngiã, cố-kết sự hòa mụ: ở trong nước với nhau. Vì thế mà Sở không báo thù lại được, nên mới phải cầu-thần. Nay lễ hôn nhân đã thành mà lại muốn làm sỉ-nhục người ta để xui

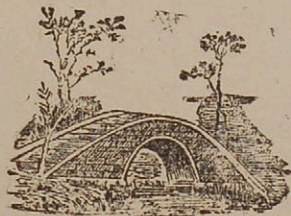
nên sự thù-hằn. Sự thù-hằn ấy là tệ lắm đấy. Ngài định phòng-bị thế nào ?

« Nếu Sở ta đã đủ nhân-tài rồi thì làm cho bỏ ghét thế là nên đấy. Còn như chưa có nhân-tài thì ngài hãy nghĩ lại xem. Cứ như ý tôi thì Tần thờ ngài đến thế là phải lắm rồi. Ngài cầu Chư-hầu thì họ kéo nhau đến. Ngài cầu hôn thì họ đưa con gái sang dâng. Khi đưa dâu, vua thân ra tiễn, quan Thượng-khanh, quan Thượng-đại-phu phải đưa đến nơi. Như thế mà còn chực làm sỉ-nhục người ta thì ngài cũng đã có phòng-bị cả rồi hẳn, chứ không thì làm thế nào được. Thần chắc Tần mà họ mất Hàn-Khởi với Dương-Bạt thì họ nổi hung-giận lên để báo lại cái đại sỉ-nhục này, Bá-Hoa làm mưu-chủ, Trung Hàng Bá với Ngụy Thư thì đem quân sang, thì thế nào họ cũng thắng. Thế là ngài đem tinh thần đổi ra điều thù-oán, chỉ vì sự vô-lẽ mà xui nên. Làm thế mà chưa phòng-bị được một tí gì, thì chỉ để đưa bọn quân-lân ngài ra cho chúng nó lắt để thỏa lòng ngài mà thôi. Như thế thì sao chả nên. »

Sở-vương nói : « Đó là ta làm, ông đừng nói nữa ». Bèn hậu-đãi Hàn Tuyên-tử. Sở-vương định hỏi Thúc-Hương lấy những điều mà y không biết để ngạo-mạn chơi, nhưng không làm được, cũng lại phải hậu-đãi.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT biên dịch



# MANH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH (1)

## 孟子國文解釋

XXX

V

見傳謂曰市孟見萬  
 於質庶草井子諸章  
 諸爲人莽之臣在何敢  
 侯。臣。庶之臣。在國義問  
 禮不人臣。在國義問  
 也。敢不皆野曰也。不

Dịch - âm. — Vạn - Chương viết :  
 « Cảm vấn bất kiến chư-hầu, hà nghĩa  
 dã? » Mạnh-tử viết : « Tại quốc viết thị-  
 tỉnh chi thần, tại dã viết thảo-mãng chi  
 thần, giai vị thứ-nhân, thứ nhân bất  
 truyền chí vị thần, bất cảm kiến w chư-  
 hầu, lễ dã. »

Dịch-Nghĩa.— Vạn-Chương hỏi rằng:  
 « Dám hỏi kẻ sĩ chẳng tự mình đi yết-  
 kiến vua chư hầu, là nghĩa sao? » Thầy  
 Mạnh nói rằng : « Kẻ sĩ ở chốn quốc-  
 đô thì gọi là kẻ bầy tôi thị-tỉnh, ở chốn  
 thôn-dã thì gọi là kẻ bầy tôi thảo-mãng,  
 hai hạng ấy đều gọi là kẻ thứ-nhân, kẻ  
 thứ-nhân chưa từng đạt đồ chí-kiến  
 làm kẻ bầy tôi, thì không dám đi yết-  
 kiến vua chư-hầu, là giữ lễ trong bốn  
 phân vậy. »

Chú-giải. — Thị-tỉnh = Cũng như nói thành-  
 thị, là nơi kẻ-chợ. Thảo-mãng = Cũng như  
 nói thảo-dã, là nơi nhà-quê. Thứ-nhân = Kẻ  
 bình-dân. Chi. = Đồ lễ-vật đem đi tiếp kiến,  
 để tự mình đạt đến người khác.

見住見召役。召萬  
 不役之。之。君之章  
 義義何則欲役曰。  
 也。也。不。見。則。庶  
 住。曰。往。之。往。入。

Dịch-âm. — Vạn - Chương viết :  
 « Thứ-nhân, triệu chi dịch tắc vãng  
 dịch, quân dục kiến chi, triệu chi tắc  
 bất vãng kiến chi, hà dã? » Viết :  
 « Vãng dịch nghĩa dã ; vãng kiến bất  
 nghĩa dã. »

Dịch-Nghĩa.— Vạn-Chương hỏi rằng:  
 « Kẻ thứ-nhân, vua vời đi ứng-dịch thì  
 đi ứng-dịch ; vua muốn tiếp-kiến mà  
 vời, thì chẳng đi tiếp-kiến, là cơ sao? »  
 Thầy Mạnh nói rằng : « Ứng-dịch là cái  
 phận nên làm của người dân, đi ứng-  
 dịch là nghĩa vậy ; chẳng đi tiếp-kiến  
 là cái lễ tự-trọng của người sĩ, đi tiếp-  
 kiến là chẳng phải nghĩa vậy. »

Chú-giải. — Dịch = Việc nghĩa - vụ người  
 dân đối với quốc-gia, như việc đắp đê đê đê đê,  
 vân vân.

賢。則。侯。不。多。其。爲。也。且  
 而。吾。乎。召。聞。賢。其。何。君  
 召。未。爲。師。也。也。多。爲。之  
 之。聞。其。而。則。曰。聞。也。欲  
 也。欲。賢。况。天。爲。也。哉。見  
 見。也。諸。子。其。爲。曰。之

Dịch-âm. — « 1 hà quân chi dục kiến  
 chi dã, hà vi dã tai? » Viết : « Vị kỳ đa



以旂。旃。庶以何招曰。  
 旌。大士人皮以。虞敢  
 夫以以冠曰。人問

Dịch-âm. — Việt: « *Cảm văn chiêu Ngu-nhân hà dĩ?* » Việt: « *Dĩ bì quan, thứ-nhân dĩ chiên, sĩ dĩ càn, đại-phu dĩ tinh.* »

Dịch-NGHĨA. — Văn - Chương hỏi rằng: « *Dám hỏi với quan Ngu-nhân thì nên lấy cái vật gì?* » Thầy Mạnh nói rằng: « *Nên lấy mũ bì-quan. Đến như với kẻ thứ-nhân, thì nên lấy lụa chiên, với quan sĩ thì nên lấy cờ càn, với quan đại-phu thì nên lấy cờ tinh.* »

Chú-giải. — *Bì quan* = Cái mũ da dê đội đi săn bắn, mũ ấy là phạm-sự quan Ngu-nhân thường có, cho nên lấy mũ ấy với quan Ngu-nhân. *Chiên* = Thứ lụa thông-thường, lấy lụa với kẻ thứ-nhân, là lấy nghĩa mộc trắng. *Càn* = Cái cờ vẽ đôi con rồng, lấy cờ ấy với quan sĩ là lấy nghĩa biến-hóa. *Tinh* = Trang-sức lông vũ ở trên ngọn cờ gọi là cờ tinh, lấy cờ ấy với quan đại-phu, để rõ ra rằng đã có văn-vẻ.

招不往人。士死招以  
 賢賢哉。庶之不虞大  
 人人况人招敢人夫  
 乎。之乎豈招往。虞之  
 招以敢庶以人招

Dịch-âm. — « *Dĩ đại-phu chi chiêu chiêu Ngu-nhân, Ngu-nhân tử bất cảm vãng; dĩ sĩ chi chiêu chiêu thứ-nhân, thứ-nhân khởi cảm vãng tai; hưởng hồ dĩ bất hiền-nhân chi chiêu chiêu hiền-nhân hồ.* »

Dịch-NGHĨA. — « *Lấy cái vật với quan đại-phu mà với Ngu-nhân, Ngu-nhân cam chịu chết chẳng dám đi. Bởi đó mà suy, nếu lấy cái vật với quan sĩ mà với kẻ thứ-nhân, kẻ thứ-nhân há dám bị vậy thay? Phương-chi lấy cái*

cách với kẻ chẳng hiền mà với kẻ hiền đấy ư!

Chú-giải. — *Bất hiền nhân chi chiêu* = Muốn tiếp-kiến mà triệu vào để tiếp-kiến, thế là cái cách với kẻ bất-hiền.

所底。門能也。閉其欲  
 履。其也。由禮之道。見  
 小直詩是門門猶賢  
 人如云。路也也。欲人  
 所矢。周出惟夫其而  
 視。君道入君義入不  
 子如。是子路而以

Dịch-âm. — « *Dục kiến hiền-nhân nhi bất dĩ kỳ đạo, do dục kỳ nhập nhi bế chi môn dã. Phù, nghĩa lộ dã, lễ môn dã, duy quân-tử năng do thị-lộ xuất nhập thị môn dã.* Thi vân: « *Chu đạo như chí, kỳ trực như thỉ, quân tử sở lý, tiểu-nhân sở thí.* »

Dịch-NGHĨA. — « *Muốn tiếp kiến người hiền mà chẳng xức cho phải-đạo, cũng như muốn cho vào mà đóng cửa lại vậy. Ồ! Nghĩa là đường vậy, lễ là cửa vậy, chỉ người quân-tử là biết nơi đường ấy, ra vào cửa ấy vậy. Kinh-Thi có nói rằng: « *Đường nhà Châu phẳng như đá mài, thẳng như cái tên, kẻ trên đi vào, kẻ dưới trông vào.* »*

Chú-giải. — *Thi* = Thơ Đại-đông 大東 謙 謙 小雅.

Đây là dẫn kinh Thi để chứng cho rõ rằng người quân-tử noi theo đường nghĩa.

之以有孔子行。不子。萬  
 也。其官子非然俟君章  
 官職。當與。則駕命曰。  
 召而仕曰。孔而召孔

Dịch-âm. — Văn - chương viết: « *Khổng-tử, quân mệnh triệu bất sĩ giá nhi hành, nhiên tắc Khổng-tử phi dư?* » Việt: « *Khổng tử đương sĩ, hữu quan chức, nhi dĩ kỳ quan triệu chi dã* »

**DỊCH-NGHĨA.**—Vạn-chương hỏi rằng : « Ông Khổng-tử, mệnh vua với chẳng đời sắp xe mà đi ngay, thế thì ông Khổng-tử chẳng phải dấy dư ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Ông Khổng-tử đương làm quan ở nước Lô, có chức quan, mà vua lấy chức quan với đó vậy. »

善 斯 天 一 之 之 士 曰 孟  
士 友 下 國 善 善 斯 一 子  
天 之 之 士 士 友 鄉 謂  
下 善 善 斯 一 一 之 萬  
之 士 士 友 國 鄉 善 章

**Dịch-âm.**—*Mạnh-tử vị Vạn-Chương viết* : « Nhất hương chi thiện-sĩ, tư hữu nhất hương chi thiện-sĩ ; nhất quốc chi thiện-sĩ, tư hữu nhất quốc chi thiện-sĩ ; thiên-hạ chi thiện-sĩ, tư hữu thiên-hạ chi thiện-sĩ. »

**DỊCH-NGHĨA.**—Thầy Mạnh bảo người Vạn-Chương rằng : « Kẻ thiện-sĩ hơn cả một làng, rồi sau mới bạn được hết với kẻ thiện-sĩ trong một làng ; kẻ thiện-sĩ hơn cả một nước, rồi sau mới bạn được hết với kẻ thiện-sĩ trong một nước ; kẻ thiện-sĩ hơn cả thiên-hạ, rồi sau mới bạn được hết với kẻ thiện-sĩ trong thiên-hạ. »

尙 論 人 其 人。又 善 以  
友 其 可 書。願 尙 士 友  
也。世 乎。不 其 論 爲 天  
也。是 知 詩 古 未 下  
是 以 其 讀 之 足。之

**Dịch-âm.**— « *Di hữu thiên-hạ chi thiện-sĩ vị vị tác, hữu thượng luận cổ chí nhân, tụng kỳ thi, đọc kỳ thư, bất tri kỳ nhân khả hồ, thì di luận kỳ thể dã, thì thượng hữu dã.* »

**DỊCH-NGHĨA.**— « Cho rằng bạn với kẻ thiện-sĩ trong thiên-hạ là chưa đủ, lại tiến lên mà luận người đời xưa, đọc thơ người đời xưa, đọc sách người

đời xưa, mà chẳng biết cái sự thực người đời xưa làm người thế nào, có phải không. Vậy nên lại phải khảo-luận cái dấu vết hành-vi của người đời xưa về đời ấy thế nào, thế là tiến lên mà làm bạn với người đời xưa vậy. »

**Chú-giải.**—*Thượng* 尙 = Cũng như chữ *thượng* 上 là trên, là tiến lên bậc cao hơn *Tụng* 頌 = Thông dùng với chữ *tụng* 誦 là đọc *Chương* này là nói nên rộng cái lượng thủ chương, không những cầu trong một đời, lại nên xét bản đồ, trên thiên-cổ.

位。覆 君 請 有 不 王 曰。齊  
之 有 問 異 同 曰。王 宣  
而 大 貴 姓 有 卿 何 王  
不 過 戚 之 貴 不 卿 問  
聽。則 之 卿。戚 同 之 卿  
則 諫。卿。王 之 乎。問 孟  
易 反 曰。曰。卿。曰。也。子

**Dịch-âm.**— *Tề Tuyên-vương vấn khanh? Mạnh-tử viết* : « Vương hà khanh chi vấn dã ? » *Vương viết* : « Khanh bất đồng hồ ? » *Viết* : « Bất đồng, hữu qui-thích chi khanh, hữu di linh chi khanh. » *Vương viết* : « Thỉnh vấn qui-thích chi khanh ? » *Viết* : « Quân hữu-đại quá tắc gián, phản-phúc chi nhi bất thỉnh, tắc dịch vị. »

**DỊCH-NGHĨA.**— Vua Tuyên-vương nước Tề hỏi cái có làm sao đặt ra quan khanh và cái đạo quan khanh thế nào là hết chức-trách. Thầy Mạnh nói rằng : « Vua hỏi về hạng quan khanh nào ? » Tuyên-vương nói rằng : « Quan khanh có khác nhau ư ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Có khác nhau, có hạng quan khanh cùng họ tôn-quí với nhà vua, có hạng quan khanh khác họ với nhà vua. » Tuyên-vương nói rằng : « Xin hỏi cái đạo quan khanh cùng họ tôn-quí với nhà vua thì thế nào ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Vua có lỗi lớn dù làm đến mất nước thì phải can, can

đi can lại mà không nghe, thì đôi ngời vua mà lập người hiền khác trong thân-thích. »

不 則 之 然 以 問 曰。王  
聽 諫 卿。後 正 臣。王 勃  
則 反 曰。請 對。臣 勿 然  
去。覆 君 問 王 不 異 變  
之 有 異 色 敢 也 乎  
而 過 姓 定。不 王 色。

Dịch-âm. — Vương bất nhiên biến hồ sắc. Viêt: « Vương vật dị dã, Vương văn thân, thân bất cảm bất dĩ chính đối. » Vương sắc định, nhiên-hậu thỉnh văn dị-tính chi khanh. ? Viêt: « Quân hữu quá tặc gián, phản phúc chi nhi bất thỉnh, tặc khứ. »

DỊCH-NGHĨA. — Tuyên-vương chợt vậy liền đổi sắc mặt. Thầy Mạnh nói rằng: « Vua chờ cho lời tôi là lạ, vua hỏi tôi, tôi chẳng dám chẳng lấy lẽ chính mà thưa. » Tuyên-vương sắc mặt yên định, rồi sau mới xin hỏi cái đạo quan khanh khác họ với nhà vua thì thế nào. Thầy Mạnh nói rằng: « Vua có lỗi thì can, bất-tất phải đợi khi có lỗi nữa, can đi can lại mà không nghe, thì từ quan mà đi. »

Chú-giải. — Toàn chương này là nói cái nghĩa quan đại-thân có kẻ thân người sơ khác nhau, nên đối với nhà vua thì thủ kính hành quyền cũng mỗi người một khác.

(Còn nữa)

TUNG-VĂN và ĐÔNG-CHÂU  
đồng-dịch

## HỒN DU - KÝ (1)

(Áo-tưởng tiểu-thuyết)

### III

Từ đây mà đi tôi không còn mong sống lại được nữa, thế nhưng mà đem thân giấn vào cái thế-giới ốc-súc hỗn-trọc này thì cũng chẳng vui-thú gì, ta chết đi được cũng là may. Thật lời thí-nghiệm thuật tôi cũng chưa mấy, mà cũng chưa lấy gì làm giỏi, mà gọi là thành-hiệu, không biết hóa-thân có thể được tự-do mãi mãi không, điều đó cũng chưa chắc được. Nghĩ đến mẹ già thì lại buồn quá, giá không có mẹ già, thì bây giờ muốn sao thì sao, tôi cũng chẳng cần nghĩ-ngợi, chứ ở

thế-giới này còn ai nghĩ đến tôi mà tôi chẳng chết. Song tôi chưa dự-bị trước, mà giờ tôi chết thì ở thế-giới này tôi cũng còn nhiều việc chưa xong, lại càng thêm đau-dớn cho mẹ già mà thôi, vậy thì phải đi mau đến nhà xác mới được. Việc trong thiên-hạ chỉ giữ lấy bốn chữ kiên-ấn cương-nghị thì việc gì cũng xong lo gì. Ta phải đuổi mau hóa thân ra khỏi cửa hàng này để dò xét xem nhà xác ở chỗ nào, nhưng khốn nỗi vợ-vẫn mà đi thì có khác gì đi thám-hiềm ở Bắc-cực mà tìm

(1) Xem N.-P. tư số 139

một chỗ đất mới không ? Chi đã quyết, vừa bước ra đi thì thấy tiếng giầy lộc-cộc, trông ra thấy một ông cầm cùng ba người nữa vào buồng tôi, ba người ấy là ba người trinh-thám chẳng, ông cầm kia còn lại đây thì dễ khám lại buồng tôi chẳng, vì thế tôi lại dùng-dăng chưa đi, đứng nghe thấy ông cầm bảo các người kia rằng: « Nầy ông Khắc-lai-phi đã lại đây khám một lần, giờ các ông xét lại xem sao rồi ta cùng về nhà xác xem. » Các người đều vâng. Tôi nghĩ mấy người này khám xong rồi lại về nhà xác thì dễ xác tôi chưa mổ, âu là ta hãy đợi họ một chút để họ đi rồi ta theo, chứ giờ ta đi ngang đi ngược, đường lối không biết đâu mà hỏi, chẳng thà cứ yên lòng, rồi đã có người dẫn. Nghĩ thế hóa-thân mới nhập vào chỗ cửa sổ đợi, thì thấy ông cầm dẫn các người kia vào khám khắp cả bốn chung quanh nhà, tự cái tơ cái tóc, tự nóc nhà cho đến những ván ghép chung quanh nhà, có chỗ nào nghi ngờ, là cũng xét từng li từng tí, phàm mắt họ thấy, tai họ nghe, nhất-nhất cái gì họ cũng biên vào sổ hết, lâu họ lại xúm vào với nhau mà bàn định, tiếng nhỏ liếng to không biết đâu mà kể. Xong họ quay lại nói với ông cầm rằng: « Xét khắp bốn chung quanh nhà không có một tí ngấn-tích gì khả-nghi cả, người này dễ tự-tử chết, chứ không có cơ gì đâu ; cứ như lời ông Khắc-lai-phi nói lúc sớm thì người này cũng không phải chết bệnh nạn gì, cái án này thực cũng khó mà xét đoán được. » Lúc bấy giờ tôi rất phục bọn cảnh-sát Đức là giỏi, song gặp những cái kỳ-án như án (tôi) đây thì cũng đến thúc-thủ vô-sách. Các anh cảnh sát kia ơi, thẳng Cách-ân-mai này nó làm khổ các anh đấy ! Tôi xưa nay rất ghét bọn trinh-thám, vì cứ đi dò xét những việc bí-mật của người, lấn cả quyền tự-do của người, nay tôi làm cho họ cực khổ-đến, tôi thích quá. Giờ tôi lại thấy ông

cầm cùng các người kia đều ra cả, tôi cũng vội-vàng theo họ ra, ra khỏi cửa thì ông cầm cùng các người, mỗi anh lại đi mỗi ngã, các người trinh-thám lại cũng mỗi người đi rẽ một lối, lúc bấy giờ tôi thật là thất-vọng. Ôi ! rõ tôi nghe thấy lão cầm bảo cùng nhau về nhà xác cả, nay lại mỗi người đi mỗi ngã, thế ra bọn quan-trưởng nước Đức họ cũng nói bồng hay sao ? Tôi bấy giờ không còn biết theo ai nữa, sau lại nghĩ rằng trước lão cầm nói là đi về nhà xác thì giờ ta cứ theo hẳn mà đi. Thế mà thật, ông ta lên xe ngựa về nhà xác thật chứ không sai, đến cửa xe dừng lại thì tôi thấy các người trinh-thám lúc nầy cũng lần lượt kéo đến, tôi mới biết là bấy giờ họ đi mỗi người mỗi lối, là họ sợ làm rối mắt người qua đường đó thôi, điều đó cũng là một cái thói quen của các nhà cảnh-sát cũng chả lạ gì. Thật là may quá, ai ngờ xác tôi họ vẫn chưa mổ, hóa-thân tôi bấy giờ mới theo các người vào thì thấy xác tôi vẫn còn nằm nguyên không chút thương-tích gì cả. Tôi chực đuổi ngay hóa-thân nhập vào xác, song nghĩ thầm bảo : « Thân ta họ đã chưa mổ, thì còn lại một chộp mắt ta cũng còn được tự-do hành-động kia mà, vội gì, ta hãy thử chờ họ một lúc xem sao ? » Bấy giờ bao nhiêu những cái lo sợ của tôi khi trước tiêu-tán đi hết, đứng trông vào xác mà nói đùa rằng: « Xác ơi, vắng nhau một ngày bác có yên không ? Tôi đi tìm bác thực là khổ quá, may sao giờ lại gặp bác ở đây. Ở kia, tôi thì ân-cần hỏi bác, mà bác thì cứ nhắm mắt lại không thèm nhìn đến tôi, sao bác khinh người thế ? » Nói xong bực cười rằng mình điên. Bấy giờ lại thấy các người trinh-thám kia đến tận xác tôi mà nom lại hồi lâu nữa, xong họ cũng chẳng xét ra sao, quanh đấy có một người nhiều tuổi hơn nói với người cảnh-sát rằng : « Cứ như lời người chủ trọ nói

thì người chết đó là người nước Ý, mà khám xét khắp cả trong buồng họ tuyệt không có một tí vết-tích gì khả - nghi cả, dò xét trong mình-mây họ thì cũng không phải họ ốm mà chết, thầy thuốc thì bảo họ mất hết cả các bộ thần-kinh, thì có quái không? Mới đây có bọn bộm trộm chế ra một thứ thuốc độc nó giết người rất là thần-hiệu, khiến người ta khó mà xét được. Ở tỉnh Bá-lâm này tôi đã thấy họ lấy lục-khi (*chlore*) mà tiêm vào óc người ta cho chết người đi ba lần rồi, cái án này dễ thường cũng thế. » Tôi nghe họ nói thì tôi lại càng tin là khoa-học mà phát-đạt lên thì không phải là phúc cho thế-giới, đến như tàu bay trái phá nhà nước cho làm lợi-khí, nhưng tôi cho là cái lợi-khí dễ giết người vậy. Ôi ! người ta bảo tri-thức càng tiến-bộ bao nhiêu, thì đường đạo-đức càng thoái-bộ bấy nhiêu, thật là phải. Giờ tôi lại thấy người trinh-thám nhiều tuổi kia quay lại nói với người cảnh sát rằng : « Bọn tôi học còn kém chưa xét nổi việc này, vả có xét được cũng còn lâu, chưa thể một lúc mà xét ngay được. » Hóa-thân tôi lúc bấy giờ nghe thấy thế cười ồ lên mà nói hồn-rắn : « Giá mà có cỗ sức dùng hết cả não-lực trong đời mà, thì mà cũng không đủ mà xét nổi được cái kỳ-án này, mà cứ nói thẳng ngay một câu rằng mà không xét được cho xong, can chi mà còn phải nói quanh là phải phí nhiều thì-giờ. Chao ôi, nghề mà đến thế là cùng rồi ! »

Người cảnh-sát lại quay lại hỏi các người kia rằng : « Việc này các ông tính sao ? » Người nhiều tuổi kia đáp : « Cứ như ý tôi thì việc này nếu không tìm được tay trinh-thám Ma-tur đệ-nhi lại đây thì chắc không bao giờ xét ra ». Người cảnh-sát cho là phải, mới đánh giầy thép mời Ma-tur đệ-nhi đến. Nguyên trước tôi cũng đã biết tiếng

anh ta, nên giờ tôi mới ăn thân tôi vào bên cạnh xác tôi để chờ anh ta đến xem sao. Quả hai giờ thì thấy anh ta đến, các người đều đứng dậy đón cả. Anh ta vào bảo người cảnh-sát kia rằng : « Trước hết ta hãy xét kỹ lấy cái tử-trạng đã. » Nói rồi xét khắp cả mình-mây tôi. Xong anh ta lại quay lên hỏi các người đứng bên rằng : « Ý kiến các người thế nào ? » Người nhiều tuổi đứng lên thay mặt các người trinh-thám mà nói rằng : — Ý chúng tôi thì ngờ dễ anh ta bị ám sát thì phải.

— Các ông lý lẽ gì mà đoán là thế ?

— Vì xét nhà trọ thì không thấy gì, xét thân-thể anh ta thì không phải bị bệnh mà chết, cho nên chúng tôi đoán thế, nhưng không dám chắc ; tiên-sinh tài cao học rộng, hẳn cũng có ý kiến gì hơn, xin tiên-sinh chỉ-giao cho.

— Phải phải, con nhà nghề thì cũng phải có điều khác chúng chứ, cứ xem cái tia to nhỏ ở não - hệ nó, thì việc này thực có mỗi xét được, có các ông không nghĩ tới đó thôi. Xét việc phải xét cho đến gốc, giờ ông cùng tôi cùng đi đến chỗ hẳn chết xem đã.

Nói xong hai người cùng đi, còn các người kia cứ im tằm-tắp, chẳng thấy nói-năng gì cả, chỉ thấy ngẩn mặt ra đấy với nhau một đống như phỗng đó thôi. Chao ôi ! tôi thì cho anh Ma-tur này lại cũng một hạng mượn cái hư-danh hão mà thôi, việc này lấy gì làm mỗi xét được, mà anh dám nói khoác dễ dối người ta, anh có biết ở trên quãng không này còn có hóa-thân của thằng Cách-âu-mai nó khám-phá được cái giả-dối của anh chăng ?

Bây anh ta đi độ hai giờ đồng-hồ thì thấy trở về nhà xác, ra hộ ngành - ngang tự - đắc mà bảo với người cảnh - sát rằng : « Các ông bảo ở nhà trọ nó không có sự gì đáng ngờ, thực là làm quá ; tôi

xét ra thì có việc có chứng-cớ khả-nghi, có việc làm bằng rằng đích thực nó uống thuốc độc mà tự-tử được. Suy như thế này thì biết. Nó ăn cơm xong đi ngủ ngay, lại dậy chủ nhà không được vào buồng là đủ rõ; song nó uống thứ thuốc độc này thì thật là lạ hơn các giống thuốc độc khác, tôi phong-vấn thấy người Ý-đại-lợi mới phát-minh ra một chất độc, họ gọi là «sát-nhân-toan». Để nó uống thứ thuốc ấy mà chết đấy. Việc rất li-kỳ, rất khó dò xét, không biết bao giờ mà phá cho ra cái án này. Tôi hết sức xét mà chưa thấy mối-manh gì chắc-chắn cả.

Lại lầm-nhầm một mình rằng: «Ta đi xét việc thực trăm việc không sai việc nào, thì việc này cũng có thể xét được.» Người cảnh-sát kia nói: «Tiên-sinh là người đại-tài, việc này tôi xin hết lòng trông cậy ở tay tiên-sinh, vậy tiên-sinh đã khám kỹ rồi không lầm chứ, xin cho chôn nhé.»

— Lầm thế nào được, cứ cho chôn đi.

Chao ôi! tôi vẫn nghe thấy tiếng Ma-tư đệ-nhị, nay coi hẳn chẳng qua cũng là một hàng trình-thá n giáo-hoạt đó thôi. Giờ hẳn gặp phải cái kỳ-án, không có thể suy-nghĩ ra được như thế này, mà hẳn cũng còn cố tìm ra những cớ lạ-lùng mà nghi-luận để lèo lẹo bọn nọ cho cao thêm cái bản-lĩnh hẳn lên, thì hẳn to gan thật. Song hẳn cũng chưa dám hé răng mà nói hẳn ngay một lời là hạn bao nhiêu ngày thì hẳn xét ra, sao hẳn khéo đặt lời nói thế, 1 năm à, 10 năm à, 100 năm à, hay là không phải hạn ngày nào nữa? Nay cái nghiệp của mày tao rất bỉ, mày đã muốn thế tao phá tan thuật mày cho mà xem. Nói thế rồi tôi nhập ngay hóa-thân vào xác sống dậy mà bảo với Ma-tư rằng: «Không lầm! không lầm, thật không lầm! Ôi chao! cái thằng nói khoác nói lác, coi người bằng nửa con mắt.»

Ma-tư kia nghe thấy tôi nói giật nảy mình lên mất vía đi, run như dế; còn các người kia cũng run run sợ sợ, khiếp-dâm không còn biết gì nữa. Lão cảnh-sát mới quay lên hỏi Ma-tư rằng: «Kia kia, lời tiên-sinh nói vừa rồi thế nào vậy, người ấy họ tỉnh rồi, giá mang chôn thì có buồn cười không?» Các người trình-thám kia cũng đều nói rằng: «Như thế thì việc này lại càng có mối xét ra lắm, có chúng mình chưa xét tới đó thôi!» Anh Ma-tư lúc bấy giờ mặt đỏ như gấc, đầu cắm lăm-lăm, thấy thế tôi lại càng tác-quái ra cho các cậu sợ. Tôi sừng-sộ quay lại hỏi các cậu rằng: «Đây là chỗ nào vậy? Các anh là hạng người gì? Tôi vừa thiuthu ngủ, các anh đã ào-ào ở bên tôi để tôi nằm không yên, thì có lạ không?» Người cảnh-sát kia chạy lại trước mặt tôi mà hỏi rằng: «Thật thật, anh bị bệnh gì thế?»

— Tôi ngủ đó thôi, chẳng có bệnh gì cả.

— Anh nói láo, xưa nay có ai ngủ đến 30 giờ đồng-hồ mới dậy bao giờ?

— Thế ở trong pháp-luật có điều nào bảo cấm người ta không cho ngủ 30 giờ không? Nếu không thì tôi ngủ cũng được chứ sao? Nhưng mà không, nguyên tôi cùng họ chạy thi, từ Phán-y-tư đến Bá-lâm, tôi mới cố chạy hết sức cho lấy được, chẳng kể ngày đêm nữa, cứ chạy phứa đi, cho nên tôi đến đây mệt quá, mới ngủ say như thế.

Người cảnh-sát nói: «Lúc ở hàng cơm quan thầy thuốc khám bệnh anh vẫn lên vẫn xuống, lật sấp lật ngửa, anh cũng chẳng biết, khiêng anh lên xe, chở anh đến đây, đi có tới 10 dặm đường cũng chả thấy anh nhúc-nhích chi cả, sao thế-giới lại có hạng người lạ lùng đến thế?»

— Nay im đi đừng nói nữa. Anh hãy bảo cho tôi biết chỗ này là chỗ nào đã?

— Đây là nhà xác.

Tôi quát rầm lên bảo : « Nhà xác, quái, nhà xác à, gồm cái lui cảnh-sát ở Bá-lâm này đã-man thật. Tôi hãy hỏi: Anh phép gì mà dám đem người sống bỏ vào nhà xác kia chứ, rồi tôi sẽ tìm thầy kiện kiện anh ở pháp-dinh cho anh xem. » — Người cảnh-sát nói : « Rõ anh chết thật, thầy thuốc đã đem tử-thi anh khám xét kỹ-càng rồi, lại bảo các bộ thần-kinh của anh đều mất hết. Các người trinh-thám nom anh thì bảo anh bị ám-sát bằng chất độc. » Tôi bảo : « Thôi im ngay đi, im ngay, người mà mất hết thần-kinh giờ sao nói được? Người mà bị họ ám-sát bằng chất độc, giờ sao sống được? Thôi, cảnh-sát nước Đức các anh lão cả, người ta vẫn sống mà dám bảo người ta chết thì lão quá. Giá việc này mà lại ở La-mã thì bọn cảnh-sát Ý-đại-lợi ta họ xét ra được ngay là ngu chứ họ chả mù-mờ đến thế. » Bấy giờ anh cảnh-sát kia thẹn quá chẳng nói nữa lời, nom đến Ma-tư cũng lần mất tự bao giờ rồi, tôi lại nói với người cảnh-sát rằng : « Tôi gặp được trưởng-quan dài-cử, nên mới được đem thân đến chỗ nhà xác này, giờ tôi đã sống rồi, quan lại còn cố giữ tôi ở đây làm gì? »

— Chết rồi, tôi đâu dám thế, tôi thực ngu-đần, không biết dễ xúc-dộng đến lớn-nhan, thực là đắc-tội quá, xin ông tha lỗi cho. Xe của sở tôi đây, ông cứ bắt đánh xe mà về. Tôi nín cười không được, đứng dậy tạ ông ta mà rằng : « Thôi, không dám phiền đến xe nữa, để tôi đi bộ cũng được. »

Nói xong đứng dậy chào cảnh-sát ở nhà xác rồi ra, lại đứng cạnh cửa vẫn nhìn anh canh cửa, anh ta lấy làm lạ nhìn lại tôi mà kêu to lên rằng : « Ôi! ma, ma, rõ con ma mà xác nó ở hàng cơm kia, lúc nãy ta mang lại đây rồi. » Nói thế hoảng-hốt sợ bỏ chạy, tôi cũng cười ò lên rồi ra. Lúc hóa-thân ra đường, thì đường-xá nguyên vậy,

tôi cứ theo lối cũ mà về, đi đường hãy còn nghe thấy họ bàn truyện tôi chết là lạ. Về đến nhà trọ, bước vào cửa, người canh cửa thấy tôi cũng sợ mất vía, chạy vào báo với chủ-nhân, chủ-nhân chạy ra lại cũng sợ điên lên. Tôi thì cứ trông-trọc mà nhìn vào mặt, không nói qua nửa lời, hấn lại càng sợ đây. Các người trong nhà chạy ra cứ quây quần lấy tôi vòng trong vòng ngoài mà xem, thế nhưng mà vẫn không dám đến gần. Tôi lúc bấy giờ cũng không muốn để cho họ sợ nữa, cười rầm lên rồi đem hết những truyện tôi đối-đáp với bọn cảnh-sát nói cho họ nghe, họ mới yên lòng. Xong họ lại giành nhau đến mà mừng tôi, chủ-nhân thì dẫn tôi vào buồng. Tôi mới bảo người cảnh-sát canh buồng về. Bấy giờ một mình ngồi ở trong buồng nghĩ lại truyện đã qua trong một hôm vừa rồi, tự mình cũng phải đập bàn đập ghế mà cho là truyện lạ, một lúc chủ-nhân cho ăn cơm. Cơm rồi lại nằm vật ra mà nghĩ, chán lại bò dậy nói chuyện với chủ-nhân rằng : « Tôi lại ngủ đây ông ạ, nhưng xin ông thương tôi đừng bảo cho cảnh-sát họ biết, họ lại mang tôi về nhà xác thì khổ. » Chủ-nhân vừa cười vừa nói rằng : « Ông ngủ ngay đến một năm thì tôi cũng không dám quấy nhiễu đến ông. » Tôi lại đi ngủ. Sáng dậy vừa rửa mặt xong, thì thấy đưa vào có đến chục cái thiệp-danh, nom ra toàn quan-viên nhà báo cả. Bất-đắc-dĩ lại phải lần lượt ra tiếp từng người một, người nào cũng hỏi thăm đến việc tôi hôm trước, lại móc túi lấy tờ báo mới ra hôm nay mà đưa cho tôi xem, báo thuật việc tôi rõ-ràng, lại chưa mấy câu rằng : « Nghe như người ấy học điện làm trò quỷ-thuật để đi du-lich thế-gian, có tin-tức gì lạ kỳ sau sẽ đăng. » Tôi xem rồi cười mà nói rằng : « Tôi là một thằng cày ruộng ở Ý-đại-lợi có biết điện-học gì đâu. » Xong các người ân-cần chào tôi rồi ra. Tôi cũng mỉm cười

mà chào lại, đến chiều báo ra lại đã thấy trường-thuật những điều tôi nói lại với họ ban sớm, họ cho hẳn tôi là một nhà điện-học chuyên-môn, có tôi hết sức giữ-gìn cái thuật của tôi không chịu để cho ai biết đó. Thôi, tự dấy mà đi những anh hiếu-sự cứ đến hỏi tôi rộn-rịp cả ngày, phiền-nhiều lạ thường, có ra phố chơi thì trẻ con người lớn theo đông như kiến, chỗ nọ chỉ-trỏ, chỗ kia thì-lhào nà bàn nói với nhau. Tôi biết ý thế, nghĩ bảo chỗ này không thể ăn ở lâu dài được, thôi liệu mà cao chạy xa bay đi thôi. Mới quyết bỏ đi sang Nga.

Nước Nga là một nước sản-xuất ra Hư-vô-dảng, thế-lực của đảng ấy rải-rắc khắp trong nước, danh-dự của đảng ấy lừng-lẫy khắp hoàn-cầu, pháp-luật của đảng ấy thần-thánh cũng không dám xâm-phạm đến. Lúc bé tôi đã được xem quyển thuyết-bộ của Hư-vô-dảng, tôi rất thâm-phục cái chí thâm-trầm mạnh-mẽ cùng cái cách kinh-doanh thâm-đạm của họ. Tôi nay đến đây tất phải xét cái nội-dung trong đảng họ, để chứng mấy sự mắt thấy tai nghe của tôi khi trước, xem có thật không. Xe đi tự Bá-lâm đến Đâu-tê - cách (Danzig) qua Kha - ni - tư - bảo (Kœnigsberg), mới vào địa - giới Nga, nguyên cố - đô của nước Nga là Mac - tr - khoa, bây giờ thì là chỗ cũ - cũ của đảng Hư - vô. Đến đây thì tôi xuống xe, thấy vô-số người đi thuyền đón, nom ra thì là một nhà đại-chế-tạo Ngõa-Xích, nói đến 25 tháng này thì họ sẽ thí-nghiệm một cái đèn gọi là « không-trung tâm-dịch đặng » mới phát-minh ra ở Thành-bỉ-đắc-bảo, truyền-don đón người trong nước đến xem. Tôi nghe thấy trong lòng mừng quá, lại đổi ngay vé xe đi về Thành-bỉ-đắc-bảo, dấy tức là kinh-dô mới của nước Nga. Tôi vào thành thì thấy binh-lính nghiêm-ngặt, cảnh-sát rộn-rịp phòng người trong nước kỹ hơn phòng

quân địch. Khách ở xe xuống, có cảnh-sát ra khám xét các đồ hành-trang, xong lấy sô tay ra hỏi hết cả lại-lich mà ghi lấy kỹ-càng.

Ôi! vua Nga cũng xuẩn thật, đời người được mấy gang tay, trăm năm như chớp mắt, dân chẳng vui lòng mà theo chuyên-chế thì cho tự-do, dân đã khổ-tâm về nô-i hà-chính thì dãi lấy khoan-hậu, việc gì lại trái tình người ta để gây nên những sự sóng gió, đến nỗi thân-danh một ông vua mà quanh mình những chông cùng gai, những giáo cùng mác, đến phải canh giờ cẩn-mật, giữ - gìn nghiêm-ngặt như thế, thì có cực không? Nhưng có biết đâu là chỉ ngoài 10 bước lại chả có đũa nó bắn chết nổi hay sao, đến như Bỉ-đắc-dệ-tam cũng còn chả tránh khỏi mạng ở trong vòng dao-kiếm nữa là ông. Tôi nghĩ vẫn-vơ như thế, thì đã đến hàng cơm rồi. Cảnh-sát lại vào hỏi. Cơm xong tôi mới hỏi người chủ rằng: « Nhà Ngõa-xích tiên-sinh ở đâu, anh làm ơn bảo giúp tôi? »

— Ông muốn thăm Ngõa-xích à, đi về phía đông thành độ 300 thước thấy cái nhà ba tầng ở góc phố là nhà ông ta đấy. Ông muốn đi để tôi bảo người nhà dẫn.

Tôi nói: — Để thông-thả, tôi mới đến đây hãy còn mệt lắm, phải đi nghỉ sớm mới được.

Vừa nằm im thì thấy tiếng giày lộp-cộp, có khách đến, tôi dậy chào mời, rõ là Triệt-hồng cùng trọ ở buồng bên cạnh tôi. Mà chính hẳn đương làm trình-thám ở đấy. Nguyên bản vốn sinh-trưởng ở Ý trước, giờ nghe tôi cũng là người Ý nên lại hỏi thăm.

Tác lòng cố-quốc tha-hương,  
Tôi nay gặp khách qua đường hỏi-han.

Lời tan-hợp, nổi hàn-huyên, rất là trọng-đắc, đến 10 giờ đêm hẳn mới về ngủ.

Còn tôi một mình trần-trọc chẳng sao mà nhấp đi được, quan-hà chiếc bóng, lữ-thứ một thân, sáu năm canh

nguyệt mê hồn bướm, khuấy một phương trời chiếc bóng quỳên ; lạ tiếng rừ-rì chen với tiếng đồng-hồ trên vách tí-ta tí-tách, cái nguồn sầu lại càng thêm nổi chửa-chan. Hồi lâu tôi lại đem hóa-thân ra, lại hẹn với xác-thịt rằng thế nào sáng mai cũng về, quyết không nói sai đề đến nỗi lòi-thôi như ở Bá-lâm khi trước. Tôi mới đến Ngã-kinh trong lòng cũng chưa có chủ-định, thì bây giờ biết hóa-thân đi đâu, bồi-hồi nghĩ mãi mới nhớ ra được là mình đến đây chỉ cốt để xem anh Ngõa-xích thí-nghiệm cái đèn không-trung thám-dịch, mới theo về phương đông mà đến nhà anh ta. Tới nơi, tôi bay lên nóc nhà để xem, trong nhà thấy có người ngồi, bụng bảo dạ dễ thường Ngõa-xích đây hẳn : trông kỹ ông ta thì độ ngoài 40 tuổi, con mắt sắc coi sáng quắc, mặt rất bệ-vệ, đưng ngồi xem nhật-tình, coi ra bộ đặc. ý lắm. Chợt có chuông báo thấy một thằng đầy-tớ vào, bụi-bặm đầy cả quần áo, coi bộ như là mãi-mốt đi đâu xa vừa về, vào nói với ông ta rằng : « Việc không xong rồi ! » Ông ta đứng ngay dậy trừng mắt lên nhìn thẳng vào thằng đầy-tớ mà hỏi rằng : « Nó nói sao ? »

— Nó câu-chấp lắm, nó bảo chết nó cũng không kỹ.

— Sao mày không bảo nó, nếu không nghe thì chết ngay.

— Tôi bảo nó, nó bảo chết thì chết.

— Vậy mày đã trối nó lại bỏ xuống hầm chửa ?

— Có, tôi đã trối hết cả chân tay lại, mồm nó tôi cũng lấy bông nhét lại rồi, không lo.

— Để tao lại tao bảo nó, nếu nó không nghe, tao giết ngay, không rồi hơi đâu mà lòi-thôi với nó mãi nữa.

Nói xong Ngõa-xích khoác áo ra đi, thằng đầy-tớ cũng đi theo, tôi thấy tình hình thế, buồn-bã quá chừng, nghĩ

không biết mình tìm phương-kế gì mà khám-phá ra cái tâm-lý của họ được, lại phải nhập vào vai thằng đầy-tớ theo đi xem ra sao, đi đường tôi hết sức nhận lối, không nhớ họ lại đem xác vào nhà xác, sáng mai sẽ không biết lối thì khờ ! Thấy thầy trò Ngõa-xích đi về phía đông, trước còn đi qua một dãy phố rất là náo-nhiệt phồn-hoa, sau lại vào một cái kềm nhỏ quay trở ra một quãng đồng không mông quạnh, mà tớ thầy đều đi bộ cả, chân thì đi giày cao-su lên trên mặt cỏ, cứ êm như ru, đi ngót 10 dặm đến một cái sở nhà gianh vách nửa, trông rõ u-nhân, Ngõa-xích đẩy cửa vào thì chó sủa ầm lên, thằng đầy-tớ giơ tay đe chó, thì nó ngoe-ngoảy đuôi chạy vào ngay, vào nhà rồi thì thằng đầy-tớ đóng cửa lại, Ngõa-xích lại vào trong một cái buồng xắn đèn điện sáng choang lên, rồi thấy thằng đầy-tớ cũng theo vào. Anh ta quay lại bảo rằng : « Việc không nên để chậm, tao vào hầm đây, mày phải ở cửa này canh, vạn-nhất có xảy ra sự gì chẳng. Nếu không thấy tao gọi thì không được vào. » Nói xong thấy anh ta lấy chân dậm xuống tấm ván mặt đất, tấm ván tự-nhiên mở ra, thì anh ta chui vào, tôi vội-vàng bỏ thằng đầy-tớ lại, rồi theo anh ta vào nằm, trông tối mù tối mịt, mà anh ta cứ rón-rén đi dần vào, đi ngoắt-ngoạ ngoắt-ngoạ hỗn năm vòng mới đến hầm. Góc hầm thấy có tiếng người kêu rên-rĩ, tôi nhìn kỹ thấy một người tay chân trối hết ngồi rỏ trong góc. Ối, ai thế ? Sao mà Ngõa-xích lại ngược-dãi một cách như thế ? Tôi uất quá không biết làm sao, đành im vậy để xem ra sao ; còn người kia thấy Ngõa-xích vào, thì ngẩng đầu lên như có ý kêu xin anh ta tha cho, anh ta thì móc túi lấy quả dấm ra dúi vào đầu người kia mà bảo rằng : « Nếu mày kêu lên thì ông đập cái này vào óc mày. » Xong anh ta mới kéo bông ở trong mồm người kia

ra, người kia nói rằng : « Tao vừa phát-minh ra cái đèn không-trung-tham-dịch kia, mây đã mượn đồ-bản của tao, rồi tìm kẻ chiếm lấy, giờ mây lại làm cực tao đến thế này, thì sao cho đáng, mây không sợ tội trời à ? »

— Nay thẳng Khắc-lan hừ kia, mây đừng mơ-màng nữa. Tao đã cho đây-tớ ta đến bảo mây hết đường hơn lẽ thiệt rồi, mây nghe lời tao thì tao tha cho mây ra, bằng không thì tao sẽ chôn mây ở hầm này.

— Đồ chó, mây dám giết ta à ? Ta đâu chết ta cũng không theo lời mây.

— Mây ngu lắm, mây tưởng việc này tất phải chờ mây có bằng lòng thì mới thực hành được, không thì mây làm bại-lộ ra có phải không ? Mây làm chứ, đèn tao đã làm được lâu rồi, sáng mai là tao treo đồ thí-nghiệm cho mà coi, các báo đã đăng cả rồi, cái tên Ngõa-xích này đã lừng - lẫy khắp hoàn-cầu rồi, mây chỉ ngồi ró trong góc này mà chờ ta công-thành danh-toại đó thôi.

Người kia nghe đến đây tru lên vừa khóc vừa nói rằng : — chó, tao phát-minh ra cái đèn này, thực là mất hết tâm - huyết mới xét ra được, bây giờ mây lại đánh lừa đồ-bản của tao, theo đó mà làm, để mà lấy tiếng à ? Thôi tao đành chết cho xong.

Nói rồi lại khóc rất là thảm-thiết. Ngõa-xích nói : — Nếu mây có khôn thì trước kia mây đừng đem đến cho tao xem, giờ đã đem đến lọt vào tay tao, thì có lẽ nào lại còn mang châu về Hợp-phố được nữa ?

— Đồ chó, mây đem xe ngựa lại đón tao, mời tao đến cùng mây thưởng-thực cái đồ ấy, để tìm cách thực-hành cho có giá-trị, chứ tao có ngờ đâu đến đây lại bị mây làm hại, đồ chó, tao thì ăn thịt mây.

— Mây nên nghĩ trước nghĩ sau cho kỹ, nếu mây nghe lời tao, tao chỉ vẫy

tay một cái là mây được tự-do ngay, không thì mây chết, nên nghĩ đây

— Tao đành chết thôi, chung-thân-tinh-lực của tao ở đây cả, giờ nếu tao ký vào một chữ, thì tao còn mong gì ? Chao ôi, tao phí bao nhiêu tâm-huyết mới nghĩ ra được, nay lại để làm sự-nghiệp cho mây thì gan ruột nào mà chẳng đau, chẳng thà tao chết quách cho xong!

— Nay tao đây là một người nhân-tử bác-ái, không nỡ giết mây, hãy hạn cho mây 4 giờ nữa suy-nghĩ sao cho xong đi thì nghĩ, nếu sáng mai tao lại mà không được như lời tao thì óc mây tan.

Ngõa-xích nói đến đây bỏ quả dấm xuống mà đi, còn người kia nước mắt cứ giở xuống như mưa, tay chân run lập-cập, kêu lên rằng : « Chao ôi ! ta phát-minh ra cái vật này thì ta tưởng ta được hưởng một cái hạnh-phúc vô-cùng ở đời, mà giờ đến thế thì thôi ! ... »

Hóa-thân tôi lúc bấy giờ nghe rõ câu truyện uất quá, các thần-kinh chấn-động lạ thường, giờ tôi mới biết cái tham-dịch-đăng kia chính là người này phát-minh ra, mà Ngõa-xích tìm kẻ dụ nó đánh lừa lấy đồ-bản để theo đây mà chế-tạo ra, rồi lại bắt nó mà giam vào hầm này, may mà thí-nghiệm thành hiệu được thì cái tên Ngõa-xích kia nghìn năm thơm ngát, chứ còn ai biết được đến chính người phá-minh ra cái đèn ấy giờ đương đành chĩa chết ở trong cái hầm tối-tăm kia không ? Chao ôi ! tự xưa đến nay, những hạng vĩ-nhân thực-sĩ vẫn có đủ mọi cách khôn khéo, giết người lấy tiếng để cũng không ít, anh Khắc-lao-hừ này khổ thật, nửa đời kinh-doanh, một phút là xong.

*Thương anh lưỡng những đau lòng,  
Vi anh quyết gỡ ra vòng hiểm sâu.*

Nay thẳng Ngõa-xích kia, cái lòng giàu-ác của mây không sao sá được,

mày tưởng mày làm việc kín đáo không ai biết được, hôm nay thì tao suốt hết được cả mục-dịch của mày rồi, thật trời đầy mày cho nên mới sai ta lại bắt mày đây.

Tôi nghĩ đến đấy mới vội-vàng đuổi hóa-thân ra khỏi hầm mà trở về nhà trọ, vào buồng nhập vào xác ngay, bỏ dây khoác áo chạy sang buồng Triệt-hồng, thì Triệt-hồng hãy còn ngủ, hẳn nghe thấy tôi động, mới hoảng-hốt bỏ dậy.

Tôi lại gần mà bảo hẳn rằng : — Nay có đũa bắt người ta giam vào trong hầm định giết.

Triệt-hồng hỏi : — Ở đâu ?

— Ở quãng đồng kia, cách đây độ 10 dặm.

— Làm sao anh biết ?

— Chính tôi mục-kích thấy rõ-ràng, tôi không nói dối đâu.

— Anh ngủ ở giường kia mà anh trông thấy việc ở ngoài 10 dặm à ?

— Không, thực tôi trông thấy đấy mà. À quên, thần-kinh tôi trông thấy kia.

— Thần-kinh anh thấy thì khéo anh chiêm-bao mất.

— Chết rồi, anh này mới lạ chứ, anh đã biết tôi là hạng người gì mà anh bảo tôi chiêm-bao.

— Anh là người Ý chứ người gì.

— Phải chính người Ý, người Ý đây, vậy cách đây mấy hôm anh có xem báo ở Bá-lâm không ?

— Có, tôi có xem.

— Thế anh có thấy nói việc một nhà điện-học dắt hồn đi chơi không ?

— Có, nhưng việc ấy tôi thực không tin.

— Ấy cái người mà người ta gọi là nhà điện-học ấy tức là tôi đây, tôi thường dắt hồn đi chơi đây, hôm nay hồn tôi đi trông thấy cái việc mưu-sát ấy nên mới rủ anh đi xét.

— Thế à ! thật à ? Vậy đề tôi báo cảnh-sát đã.

— Chết, việc cần lắm, lại còn đề anh đi báo cảnh-sát thì chậm quá.

— Chỉ độ 5 phút thôi.

Triệt-hồng vội-vàng gọi điện - thoại báo sở cảnh-sát,

Trong 5 phút ấy, tôi đem những việc tôi thấy kể qua cho Triệt-hồng nghe một lượt, rồi anh ta thu-xếp các hành-trang, lại cầm một cái quả dấm và một con dao rồi đi.

Tôi cũng mang đi một cái quả dấm, đương sắp đi thì sở cảnh-sát phái hai người đến. Tôi lại giục Triệt-hồng đi, tôi thì dẫn đường đi trước, còn Triệt-hồng và hai người cảnh-sát theo sau, đi đường tôi chỉ sợ đi chậm không kịp thì Khắc-lao-hưu ở trong hầm bị giết mất rồi, chỉ những tức-tối hai cái chân mình không được khỏe, thế nhưng chỉ đi một thời thì đến cái trại của Ngõa - xích ngay, tôi bảo Triệt - hồng cứ phá cửa vào thôi, cửa không kỹ đâu. » Triệt-hồng lấy dao cạy thì cửa mở toang ra. Tôi lại bảo hề thấy người là phải bắt trối ngay, chớ để cho kêu lên, nhờ tên thủ-phạm nó biết. Triệt-hồng bảo được, bấy giờ tôi mới dẫn các người vào, mỗi người tay cầm một cái quả dấm để giữ mình, vào tới nơi, thấy thẳng dây-lò nó còn đứng canh ở bên cửa, tôi mới chạy vội lại sau lưng lấy mồm nó, nhưng sức nó khỏe quá, quay lại đánh tôi, tôi yếu sức không sao chống lại được, may sao lúc bấy giờ có người cảnh-sát chạy lại giúp, trối nó lại được, rồi vit lấy miệng nó đặt xuống đám cỏ, để một người cảnh-sát ngồi coi. Xong lại vào nhà thì chẳng thấy Ngõa-xích đâu nữa, tôi mới dẫn các người vào hầm thì thấy Ngõa-xích đương cầm quả dấm bách Khắc-lao-hưu phải theo lời hẳn, chúng tôi đi rất êm, nhưng ở trong hầm tiếng không

lần ra ngoài được, nên Ngõa-xích nghe thấy, quay quả đâm lại chực đánh tôi, tôi nhảy vội về trước được, tay hấn quay súng bắn tôi thì đạn lạc, tôi mới gỡ thủ-quyền của tôi gạt hấn trở lại, tùm ngay ngực hấn ngã lăn xuống đất, Triệt-hồng chạy lại trối ngay rồi giải về sở cảnh-sát.

Ấy cái cách gian-dối của Ngõa-xích tự dấy rõ hết, còn Khắc-lao-hưu lại cứ đem cái đèn của Ngõa-xích chế-tạo ra thí-nghiệm ở Thánh-bỉ-dắc-bảo. Việc xong tôi rất bối-hận là tôi hay sinh-sự. Các nhà báo lại đưa thiệp đến xin vào tiếp tôi vô-số, nhưng tôi bỏ về Mạc-tư-khoa ngay, định để xem cái chân-trưng của Hư-vô-dăng ra sao. Đến nơi vào hàng cơm trọ, Song cũng chả có sự gì cả, chỉ muốn xét cái nội-dung của Hư - vô - dăng mà chả nghĩ ra được thuật gì nữa, vì họ cử-động kín-dáo lắm, cảnh-sát cũng vẫn định bắt mà không sao được. Tôi mới đến còn như chim chích vào rừng, mù-mù mịt-mịt cả, chỉ đem hóa-thân đi chơi phiếm thôi. Vả mình nào có tài đặc-biệt gì nữa đâu, xả thuật ấy ra thì cũng không còn thuật gì nữa. Mà lại-xét cái chân-trưng của đảng Hư-vô thì có phải một hai hôm mà được đâu. Xác thì ở hàng cơm mà hồn đi chơi, mà qui-kỳ cũng chưa định được, việc trước còn ghê trong lòng vẫn ruy sợ, nghĩ muốn xét một cái xã-hội bí-mật thì trước hết phải tìm một chỗ đất bí-mật để mà ẩn cái thân bí-mật của mình đã. Muốn đi suốt ngày để tìm chỗ yên thân, nam bắc đông-tây tùy ý muốn đi đâu thì đi, quá nửa tháng chả nên việc gì cả.

Một hôm tôi đi rất xa thấy một quả núi, trên núi có độ ba bốn nóc nhà, tôi mới trèo lên đến lưng chừng thì cỏ cây rậm-rạp, mới ngồi xuống hòn đá để nghỉ, rồi nhặt sỏi ném chơi, chợt nghe thấy có tiếng leng-keng, lại ném hòn sỏi nữa thì giắt vào trong đồng cỏ mất, tìm cũng chả thấy, bấy giờ mới bới hết

cỏ ra tìm thấy một cái đồng, trong đồng vừa nằm được một người, tôi mừng quá, mừng là mừng đã tìm được chỗ giấu xác rồi, mới vào nằm lần ra đó, lại đem cỏ lấp cửa đồng, rồi duỗi hóa-thân ra. Hòa-thân ra khỏi cửa đồng lên thẳng đỉnh núi trông ra bốn phương, mây trắng một màu, non xanh khói biếc, biết đâu mà nhìn, chợt thấy có tiếng vỗ tay, quay lại thấy một người đương ở lưng-chừng núi đương vỗ, lại thấy một người ở đồng cỏ bên đường nhảy ra dân người vỗ tay kia đi, tôi định theo bọn họ xem sao, thì thấy hai người đi vào một cái kếm núi, rồi đi quanh xuống, đi độ 20 bước trông thấy sáng choang, lại đến một cái hầm trông nguy-nga rục-rỡ như cung-diện nhà vua vậy. Hai người mới lấy tay đẩy cửa, cửa mở ra, trông thấy có độ 30 người ngồi im lăm-lắp, chung quanh cũng lặng ngắt như tờ, nom trong nhà thì trần-thiết như một chỗ hội-sở vậy, mà nghiêm-ngặt dễ không đâu bằng. Hai người kia đến rồi, lại thấy độ 30 người nữa đến, sau thấy có một người đứng lên bảo rằng: « Kia ông hội-trưởng đã đến ! » Trông ra thấy một người vào, khăn che kín mặt, vào xong nhảy lên chỗ cao nhất ngồi, tôi thấy cái cảnh-tượng ấy thì trong lòng nghĩ ngay ra rằng đây chắc hẳn là một chỗ hội-sở bí-mật của đảng Hư-vô rồi, song không biết cái ông hội-trưởng này là người thế nào mà lại lấy khăn che mặt giấu chân-trưng đi không cho người ta xem là có gì, tôi mới nhập hóa thân vào trong cái khăn của ông ta thì nom ông ta độ 30 tuổi trở lại, mặt-mũi sáng sủa đẹp-đẽ như một người mỹ-nhân vậy. Lúc ấy hóa-thân tôi đi lại ở mặt ông ta, bất-dờ chạm phải lỗ mũi ông ta, ông ta hắt-hơi lên, hắt-hơi mạnh quá, vàng cả hóa-thân ra ngoài, buồn cười quá ! Rồi thấy ông ta đứng dậy bảo các người rằng: « Các ông ơi, hôm nay tôi nhận được tờ há-cáo của bộ điều-tra bảo-

chính-phủ đã rõ được tên mấy người ở trong đảng ta, là Bại-tư, Khả-linh, Ái-đặc-khắc và Can-án. Vậy bốn ông nên giữ-gìn, hôm nay ta họp kỳ hội-nghị này cốt là mật-trù cái cách đối-phó nên báo trước bốn ông, cho bốn ông đề-phòng, song cứ như ý tôi nghĩ thì bốn ông chỉ nên ở trong thành này thôi, không nên đi rong làm gì. Nghe nói chính-phủ đã mật sai cảnh-sát đón ở ngoài thành, hễ các ông ra là họ bắt đấy. » Bấy giờ thấy một ông hội-viên, đứng lên bàn rằng : « Vậy đề cắt người đi ám-sát mới được. » Ông hội-trưởng gạt đi nói rằng : « Không nên, sự đương bức-thiết, nên im-ắng lại đề mà dò, bây giờ mà các ông bạo-động thì gãi ngay phải chỗ ngứa của họ, nguy ngay, không nên. » Xong bàn định đến các việc báo-cáo cho các chi-bộ, hồi lâu mới tan, ông hội-trưởng thì ra sau rồi, tôi theo ông ta đi thì thấy đến một phố kia rất là náo-nhiệt, rồi ông ta bỏ cái khăn che mặt ra, lên xe ngựa về thẳng sở cảnh-sát. Tôi lấy làm lạ quá, nghĩ thầm rằng : « Quái, sở cảnh-sát hiện đương đi nã bọn Hư-vô-đảng mà nay ông hội-trưởng đảng ấy lại dám dưng-đột mà đến thì có lạ không ? » Ông ta đến cửa thì người cảnh-sát canh cửa đón vào trong một cái nhà kín, gài cửa lại rồi ông hội-trưởng ấy lấy tay bấm cái chuông ở vách, thì cửa trong mở ra, thấy ông đội cảnh-sát ra, trông ăn mặc rất là oai-vệ, khiến người ta nhác trông cũng biết được là ông đội. Ông đội hỏi ông hội-trưởng rằng : — Việc ta mưu thế nào có xong không ?

— Xong. Bại-tư. Can-án, Khả-linh, Ái-đặc-cách bốn người ấy tôi đã dặn cả, khiến họ không thể ngờ được. Tôi lại dặn không nên ra ngoài thành đề cho dễ bắt.

Người đội đứng dậy nói. — Đa-tạ tâm lòng quý báu của ông, sáng mai tôi sẽ đến đề ông dặn rõ tôi, xem bốn người ở đâu mới được.

— Việc ấy không khó, thế nhưng mà xong rồi thì ông định thù-báo tôi thế nào ?

— Việc này thực là chính-phủ bách tôi, nếu không xong thì tôi sẽ phải cách chức, cho nên phải nhờ ông giúp đỡ, nếu xong xin tặng hai nghìn lạng.

— Thực là tôi kính-trọng ông quá, cho nên mới đem tâm-sự mà bộc-bạch cho ông biết, chứ việc này mà lỡ ra người đảng tôi họ biết, thì đầu tôi sẽ phải lia cổ ngay, số ấy thực không dám nhận. Chả biết còn ý của Mật-tư-ái-khắc thế nào ?

— À, việc ấy à ! cũng được. Đề cũng như con tôi, đầu dám ngại, nhưng chỉ sợ ông là một ông hội-trưởng trong đảng Hư-vô, mà đi lấy con gái một người đội cảnh-sát, chả biết hội-viên họ có khỏi ngờ không ?

— Cái đó thì đề, tôi đã nghĩ sâu lời nói rồi: tôi bảo họ thế này thì được; tôi lấy cô Ái-khắc, là cốt đề thám-thính tin-tức trong sở cảnh-sát thì hội chúng tất phải vui lòng mà tán-thành cho, không ngờ tôi vào đầu được nữa.

— Vậy thì chọn ngày cưới đi, thế nhưng mà anh phải cho tôi biết tất cả danh-sách các người trong đảng anh thì tôi mới bằng lòng.

— Bất sao kịp, đầu ông phỏng có giữ nổi không ? Như thế chẳng thà cứ bắt mấy người cho tắc-trách có phải hay không ? Trước nữa ông cũng có thể bảo-toàn được lộc-vị của ông, tôi cũng có thể tránh khỏi được cái tiếng công răn cắn gà nhà, như thế có phải công tư vẹn cả hai bề không ?

Nói xong thấy lấy một quyển sách đưa cho người đội cảnh-sát,

Ồ ! cái quyển sách này có lẽ là cái thôi-mệnh-phù của bốn người kia rồi. Lúc trước tôi cho cái Hư-vô đảng này đầu đại-thần-thánh cũng không xâm-phạm đến được, chứ tôi có ngờ đầu cái xã-hội bí-mật của họ bây giờ lại bị anh hội-trưởng cùng với anh đội cảnh

sát kia mặt-muru với nhau mà bắt người đồng-đẳng, thế mới rõ là anh hội-trưởng kia muốn được vợ đẹp mà đem bốn người đồng-đẳng đi đổi, thôi bốn anh đi, các anh chết oan rồi! Nói đến đây thì hoa-thân tôi thồn-thức không yên, Dễ thường sức điện ở trong lòng tôi cảm-súc chẳng? Vội bỏ sở cảnh-sát mà về chỗ động giấu xác. Về thì thấy một con lang rất dữ đang gặm chân tôi, tôi sợ quá mới nhập hóa-thân vào xác, bỏ dây đuôi con lang đi, con lang bỏ chạy, cái chân tôi thì đau quá phải rón-rén bỏ xuống chân núi, thuê xe về hàng cơm, chân lại càng đau lắm. Hôm sau

phải miên-cưỡng dậy thuê xe ngựa về thẳng Xa-niêm, lúc đi đường đã gặp bốn cái xe tù, xiềng đeo lằng-kằng, cảnh-sát thì đi kèm hai bên. Thôi, bốn người này rành là cái vật trong tay của anh hội-trưởng hôm qua đây, tôi trông thấy rất là thương xót, nhưng biết làm sao bây giờ, đành chịu bỏ Xa-niêm rồi mua vé xe Ý mà về.

Về đến nhà thì hai anh đã bị chứng dịch-lệ chết rồi, buồn quá, nằm vật xuống giường, rồi mới đem những sự mắt thấy tai nghe của tôi mà chép thành sách này.

THIỆN-DÌNH dịch

## VĂN - UYÊN

### 1. — Vịnh núi Thạch-dộng.

Cảnh xinh như vẽ lắm người yêu,  
Thạch-dộng dăng làm khách dập-diu ;  
Lững-đững khói mây trên đỉnh ắp,  
Liu-lo chim chóc dưới triền reo ;  
Chùa Tiên trong phất mùi hương nức,  
Vả đá ngoài tuôn giọt nước nhiều ;  
Phải gặp Như-lai ta hỏi thử,  
Tây-phương so-sánh khác bao nhiêu !

### 2. — Đưa bạn thiên-bồ Cà-mau,

Mảng tin thiên-bồ hạt Cà-mau,  
Hai ngã chia-phôi lắm nỗi sầu ;  
Đường hoạn đẽ dành xa mắt bạn,  
Nhà lan chi xiết chạnh tình nhau ;  
Ngần-ngợ bề liễu lòng thêm bạn,  
Bịnh-rình đưa người ruột quận đau ;  
Hồ-thỉ bốn phương thì phải vậy,  
Đền bồi non nước dễ nài bao ;

### 3. — Tiên bạn.

Nghề y quảng-chúng đáng khen tài,  
Tiết bầy kim-bằng vội đổi thay ;  
Nhìn sống người đi trọng ủa lệ,

Trông theo tàu chạy khói xem mây ;  
Gió trắng Tiên-thủy buồn xa bạn,  
Non nước Đông-xuyên chực rước thầy ;  
Đường hoạn đôi ta mai cách-trở,  
Nhờ trời có thuở cũng xum-vầy ;

### 4. — Phú đặc:

Tu đầu cho bằng tu nhà,  
Thờ cha kính mẹ hơn là đi tu.  
Hiếu kính vẹn giữ ấy là đầu,  
Ba tạng Như-Lai dễ sánh đầu ;  
Đừng tưởng từ-bi lòng khó-nhọc,  
Toan lo đèn-đáp nghĩa cao sâu ;  
Kinh tin tam bảo chưa vui mấy,  
Thuận thảo song-thân mới qui mầu ;  
Một kiếp sao cho thành chánh quả,  
Tỉnh khan mình hãy gắng công âu ;

### 5. — Tiên bạn thiên-bồ Tân-an.

Mảng tin sứ giục gác bành voi,  
Hai ngã phân bầu đã ló mòi ;  
Trên tiệc kinh dâng chung rượu lạt,  
Bến tàu vịn tảng nhánh dương coi ;  
Nặng ơn quốc-thủ đây ghi dạ,

Vì chữ công danh bạn gỡ roi ;  
Tiên biệt năm văn tinh chữa cạn,  
Hoạn-đồ cao bước lệ đường thoi.

6. — Đưa chồng đi thi.

Bằng hồ truyền-rao tiếng gió lờ,  
Ứng khoa đưa đó ráng làn-mò ;  
Công-danh một hội chàng nông-nả,  
Phụng dưỡng hai thân thiếp liệu-lo ;  
Ruộng ngọc tay trồng chưa toại mấy,  
Đại vàng lưng buộc mới xinh cho ;  
Thang mây may được cao chân bước,  
Dù võng xuê-xoan rỡ mặt trò.

7. — Trung-thu du hồ

Hiu-hắt gió, ngô roi lác-đác,  
Đêm thanh khiến-hứng mặt hồ đông ;  
Một màu trắng rọi gương in bạc,  
Muôn đạo vàng gieo nước vẽ bông ;  
Thăng-thưởng thuyền Tô trên ngọn  
liều,

Ca-ngâm thơ Lý giữa dòng sông ;  
Bén gành Du-Bá đàn lưu-thủy,  
Nào ngô tình-cờ gặp họ Chung.

8 — Thu-đạ

Cúc vàng ngoài giậu ngậm cười sưng,  
Vàng nguyệt không-trung rọi bốn  
phương ;  
Muôn dặm mấy chòm mây lững-đững,  
Trong veo một giải nước sóng Tương.

9. — Tân-xuân khai bút

(năm binh-thìn, 1916)

Át-mão đã sang đến binh-thìn,  
Vợ chồng con-cái được khương-ninh ;  
Pháo tre một tiếng trừ năm cũ,  
Nhà đũ, người no hưởng thái-bình.

10 — Tiên hạn sang Đại-Pháp

Trong bụng lương-phương chất chứa  
đầy,  
Loan đèn nợ nước quyết sang Tây ;  
Cảm tình bằng hữu khôn nâng chén,  
Vì chữ thân danh phải giữ tay ;  
Pháp-địa cứu người đua gắng sức,  
Phương-thành nhớ bạn gượng lăm  
khuây ;

đôi ta đường hoạn nay tuy cách,  
Ngày khác thành công trở lại đây.

11 — Thưởng nguyệt thu

Núi Tô bóng rọi giồng hình voi,  
Thưởng hứng trăng thu đã phải mời ;  
Ngoài giậu cười sưng chùm cúc nở,  
Bén tường đồ lá cụm ngô côi ;  
Boi thuyền Tô-tử gương còn lạc,  
Giúp gậy Minh-hoàng tích hỡi roi ;  
Rượu rót thì ngâm đều thích ý,  
Cảnh xinh giá đáng mấy nghìn thoi.

12. — Ngày xuân khai-bút

(sinh-tị 1917)

Trừ cụ rầy nghe pháo nổ vang,  
Nguyễn cho nước trị với nhà an ;  
Gió lan phát-phất mùi hương nước,  
Mừng tiệc tân-xuân rót chén tràn.

13 — Khuyến thiện

Ngay thảo khuyến ai giữ đạo thường,  
Nôm-na góp-nhóp đặt nền chương ;  
Làm lành trời trả cho vinh-hiền,  
Chừa dũ mình mang lấy họa vương ;  
Sách thánh răn đời đua đọc kỹ,  
Kính hiền truyền thể gắng xem tường ;  
Ba giường năm mối gin cho ven,  
Vững rạng thân-danh thẳng trước  
[đường.

14 — Hoài hữu

(họa vận của một ông bạn)

I

Quê-kêch năm văn gửi vấn yên,  
Phân nhau lần tỉnh đã nhiều niên ;  
Thân-danh dốc lập nên xa cách,  
Hoạn-lộ đương vui há dám phiền ;  
On mọn chẳng chi hăng nhắc-nhỏ,  
Nghĩa xưa xin khá giữ y-nguyên ;  
Cao xanh đầu phụ trang hiền-ngõ,  
Có thuở đoàn-viên phủ ước nguyên.

II

Ước nguyện xum-hợp bữa hôm nay,  
Công thợ anh em nhắc nhở hoài ;  
Viếng bạn gương treo trăng ló mặt,

Tựa song lòng trạnh khách phân tay;  
Niêm-phong cậy nhận thắm tin đầy,  
Đảo bước xem huê giới muộn này;  
Tông bá dễ sờn sương tuyết nhuộm,  
Lòng như kim thạch chẳng chi lay.

### 15. — Tãng-ni xuất giới

Cửa bụt đương vui chữ sắc không,  
Ngày xuân giục già vãi tim chông;  
Kệ kinh câu cũ lòng lơ-lãng,  
Vàng đá duyên lành dạ ước trong;  
Nam-hải khó chờ sen nở trắng,  
Cà-sa thà đổi áo thù bông;  
Khốt tình càng vương càng thêm bận,  
Tim vết kia ai cứ thối lông.

### 16. — Phú dặc:

Vi dù giải-kết đến điều,  
Thì đem vàng đá mà liều với thân.  
May rủi dù cho có đến điều,  
Quyết đem vàng đá với thân liều;  
Phong-trần ví bằng lem mình ngọc,  
Sinh tử thà cam trọn dẫu yêu;  
Tương-ái hằng trông đôi lứa hợp,  
Chung-tình đồng gánh một vai triều;  
Nguyễn xưa đã nặng cùng non nước.  
Nỡ để ai đau dạ chín chiều.

### 17. — Chiểu thuyền

Có lúc chở đầy có lúc voi,  
Chiểu thuyền thông thả khắp phương  
Kẻ ưa bốn bề dù lui tới, [trời;  
Người thích năm hồ mặc chống bơi;  
Lòng trải thênh-thang qua khúc cạn,  
Gió xuân phới nhẹ lướt dòng khơi;  
Đã nguyện từ thuở nền vai-vóc,  
Theo nước hằng lo việc giúp đời.

### 18. — Vịnh Thúy-Vân

Nguyệt then hoa nhường sắc Thúy-Vân,  
Cùng Kim vẫn có nợ nần-nần;  
Của tin mấy món gìn thêm chạnh,  
Lời dặn đôi phen gắng giọng vang;  
Chị quyết bán mình tròn hiếu đạo,  
Em đành thế chị đáp công ân;  
Ấm no nghĩ tuổi người lưu-lạc,  
Con tạo hờn chi khéo định phân.

### 19. — Hải-tân vân-vọng

Ven bờ bóng ác thoát về táy,  
Ai vẽ ai thù cảnh vật này?  
Chất-ngất non cao trời ngảnh mặt,  
Mênh-mông bề rộng nước nhồi mây;  
Giò đưa cụm liễu cành cành múa,  
Tiều quảy rừng xuân gánh gánh đầy;  
Thằng mục già đồng đon dả bước,  
Ghe toan tìm bến chóc tìm cây.

### 20. — Tự-thuật

Ném trái mùi cay đắng đã từng,  
Thế tình ngẫm lại đứng-dừng-dừng;  
Lợi danh hai nẻo lòng đầy gánh,  
Chọn cảnh thanh-nhàn dưỡng tâm thân.

### 21. — Gia-huấn

(Năm binh-dẫn 1926)

Đã sinh trên cõi trần-gian,  
Phải toan trả nợ trần-hoàn cho xong.  
Mựa đừng tập tỉnh buông-lung;  
Giữ-gìn nhân, nghĩa, hiếu, trung ven  
Việc nhà con khá lo toan, [toàn.  
Ở cùng bầu-bạn xóm làng đừng kiêu.  
Nếu như được trọn mấy điều,  
Sống thom danh-giá, thác nhiều người  
thương.

Cha đây chẳng lọt bốn tường,  
Khuyên con chớ lạc bước đường như  
Sợ con hư phải tỏ ra, [cha.  
Trẻ thơ chớ khá ngỡ là rằng chơi.  
Nếu mà gặp lúc thanh thời,  
Ngẫm suy cho cạn mấy lời răn khuyên.  
Chữ rằng trời đất chẳng riêng,  
Chứa lành ắt được hưởng liền phúc  
Ai mà tích những ác-tâm, [trăm.  
Chạy dáu cho khỏi họa thăm theo rày.  
Nôm-na vẫn-tắt tỏ bày,  
Ba giờong năm mỗi gái trai giữ-gìn.

### 22. — Đôi khúc vợ

(Năm đinh-mão, 1927)

Rút mối ái-ân, âm-cảnh nàng dành chi  
[vội bước,  
Giữ niềm chung-thủy, dương-trần anh  
[chịu lưỡng đau lòng.

II

Cũng muốn sống lâu, nghìn dặm vì em  
 [tìm Biển Thuộc ;  
 Nào dè số mạng, trăm năm khiến mở  
 { học Trang-Sinh.

23. — Khóc vợ

Bên rèm bóng nguyệt tà-tà,  
 Ngỡ rằng hồn bậu về mà thăm anh.  
 Nhìn xem sau trước vắng tanh,

Xôn-xao tắc dạ năm canh tựa báo,  
 Bệnh em nghèo-ngặt biết sao !  
 Trường-sinh cung nguyệt dễ nào tìm ra,  
 Gương khuấy mượn vắn năm ba,  
 Càng ngắm càng ngắm, châu sa vẫn dài.  
 Trời làm chi tệ hội trời !  
 Giữa đường đứt mối rã-rời ái-ân.  
 Làm đây lưỡng những bàng-khuàng!

THIỆN-TRƯỜNG (Hà-liên)

THỜ'I-ĐÀM

Việc thế-giới

Tình-hình chính-trị Âu-châu.—  
 Việc Âu-châu xa-xôi phiền-phức, muốn  
 thuật lại cho tường thì mỗi việc phải  
 kể rõ đầu-đuôi lai-lịch, người đọc mới  
 có thể lý-hội được. Bởi thế nên mục  
 Thời-đàm hằng tháng không thường  
 nói đến, vì không thể nói cho khắp và  
 cho tường được ; trừ khi nào có việc  
 gì to-lát xảy ra, mới thuật lại đại-khái  
 mà thôi. Không như việc Tàu có cận-  
 thiết với ta hơn, nên phải biết cho  
 tường-tận.

Gần đây ở Âu-châu có mấy việc  
 quan-trọng, cần phải thuật lại qua :  
 việc đổi Nội-các nước Anh và nước  
 Pháp, và việc họp hội-ng nghị ở La Haye  
 để xét về vấn-đề bồi-thường của Đức  
 và vấn-đề nợ Đồng minh.

Nước Anh xưa nay bao giờ cũng  
 vẫn có hai đảng lớn thay đổi nhau lên  
 cầm quyền : trước kia là đảng bảo-  
 thủ và đảng tự-do, gần đây thì là đảng  
 bảo-thủ và đảng lao-động, đảng tự-do  
 tuy vẫn còn nhưng không có thế-lực  
 nữa, chỉ làm một đảng đứng giữa, phụ  
 vào bên nào thì giúp cho bên đó mà

thôi. Từ tháng 10 năm 1924, Nội-các  
 MAC-DONALD của đảng lao-động bị đổ  
 thì Nội-các BALDWIN thuộc đảng bảo-  
 thủ lên cầm quyền mãi cho đến giờ.  
 Lúc đầu còn giữ cái thái-độ khoan-  
 dung, được quốc-dân tin-dụng ; sau thấy  
 thế-lực đã vững-vàng, các đảng-viên  
 bảo-thủ thúc-gục thủ-tướng BALDWIN  
 theo một cái chính-sách chặt-chẽ hơn  
 khiến cho dần-dần thất nhân-tâm trong  
 nước. Đến kỳ tổng-tuyên-cử ngày 30  
 tháng 5 vừa rồi thì đảng bảo-thủ thất-  
 bại hẳn, mất đến 150 ghế ở Nghị-viện.  
 Theo lệ thường, đảng Lao-động lại lên  
 cầm quyền, lãnh-tụ đảng ấy là ông  
 MAC-DONALD ra tổ-chức Nội-các  
 mới. Sự thay đổi Nội-các này có ảnh-  
 hưởng gì đến tình-hình quốc-tế Âu-  
 châu không ? Cứ như ý-kiến những  
 nhà trước-thuật đã thuộc chính-trị  
 nước Anh thì sự thay đổi ấy chỉ quan-  
 hệ đến việc nội-chính mà thôi, chứ  
 không có ảnh-hưởng gì to đến việc  
 ngoại-giao cả. Nước Anh xưa nay vẫn  
 có một cái chính-sách ngoại-giao nhất-  
 định : là hết sức củng-cố cho cái địa-vị

đặc-biệt của Đế-quốc Anh trong thế-giới, dù đảng nào lên cầm quyền cũng không thể sai cái chính-sách ấy được. Xem ngay như một việc này thì đủ biết: hồi năm 1924, đảng Lao-động lên cầm quyền Chính-phủ lần thứ nhất, người Ấn-độ lỗ lợng hi-vọng lắm, những mong rằng Chính-phủ mới sẽ khoan-dung với dân thuộc-địa hơn chính-phủ bảo-thủ trước; té ra không những không khoan-dung hơn chút nào, mà lại có ý chặt-chẽ hơn nữa, dường như muốn làm quá đi cho đảng bảo-thủ không thể trách được là phóng-khi mất quyền-lợi nước nhà vậy.

Nước Anh đổi Nội-các, nước Pháp mới đây cũng đổi Nội-các. Nhưng các chính-đảng ở Pháp không có phân-biệt rõ-ràng như ở Anh, nên nhiều khi là thay đổi ở cá nhân hơn là ở chính-kiến. Lần này thời cái tinh-cách « cá-nhân » ấy lại càng rõ-rệt lắm nữa, vì Nội-các đổi là chỉ đổi có một ông thủ-tướng mà thôi, các nhân-vật khác trong chính-phủ vẫn giữ y-nguyên cả. Ông POINCARÉ lui về, ông BRIAND là Ngoại-vụ-tổng-trưởng lên thay mà vẫn giữ bộ ngoại-vụ, thành ra không thay đổi gì cả, có nhà báo Tây đã nói rằng: « Nội-các mới này là Nội-các POINCARÉ không có POINCARÉ mà thôi. » — Nay sự thay đổi đó bởi duyên-cớ gì và có ý-nghĩa gì? Cứ công-nhiên thời ông thủ-tướng POINCARÉ từ-chức là vì bệnh; nhưng cứ thực-sự thời là vì cái thế-lực ở Nghị-viện gần đây đã bị yếu đi lắm rồi: nhân cái dự-án bề-mạc Nghị-viện đem ra thảo-luận, phần đa-số bỏ về phân-đối, thế là Nội-các đổ tự bấy giờ. Nhưng mà nguyên-nhân còn sâu xa hơn. Ông POINCARÉ hồi ba năm về trước ra cầm quyền là vì tình-hình tài-chính trong nước đương khó-khăn. Ông thông-thạo về tài-chính, lại được lòng tin-dụng của các nhà tư-bản, nên các đảng phải chịu để cho ông ra mà thi cái tài kinh-tế đó. Ông đã định được giá đồng

phật-lãng, chỉnh-dốn được tài-chính trong nước. Nhưng bấy lâu chuyên-chủ cả về phương-diện đó, các vấn-đề nội-chính ngoại-giao khác không thể cõ-cập đến được, phó mặc cả cho các bộ hữu-tư tùy-nghĩ đối-phó, thành ra chính-sách của Nội-các không được nhất-tri. Lại các đảng đã phải tạm-thời nhượng-bộ cho ông, nay công-việc ông xong rồi, cũng nóng lòng muốn cho ông thoái đi để dành chỗ cho người khác. Nhân cái vấn-đề nợ Mĩ, bấy lâu nay giải-quyết chưa xong, lại đem ra thảo-luận ở Nghị-viện, đảng phân-đối thừa-cơ tỏ lòng bất-tin-nhiệm Nội-các, thế-lực Nội-các lại càng sút kém đi. Giữa lúc ấy thời ông POINCARÉ vì phải đi-enthuyết hơn hai-mươi giờ đồng-hồ ở Nghị-viện để yên-cầu cho Nghị-viện duyệt-y cái dự-án về nợ Mĩ mà mắc bệnh, cũng là một dịp tốt để cáo-thoái một cách êm-thắm.

Ông POINCARÉ về, ông BRIAND lên thay, vì các nhân-vật trong chính-giới nước Pháp, ngoài POINCARÉ duy có BRIAND là người lão luyện hơn cả. Nhưng BRIAND vẫn đã có chân Nội-các trước, bao lâu nay vẫn giữ bộ Ngoại-vụ, như thế thì có thay đổi gì? Lại cả tòa Nội-các cũ cũng vẫn giữ y-nguyên, là nghĩa thế nào? Là vì cái tinh-thế ngoại-giao đương cấp-bách, Hội-nghị La Haye sắp phải họp nay mai, Chính-phủ Pháp không thể giữa lúc ấy đổi phương-châm được, nên cứ để như cũ, cho điều-đình xong việc ngoài đi đã, rồi sau sẽ hay. Cho nên Nội-các BRIAND này cũng là Nội-các tạm-thời, bất-quá được từ giờ đến cuối năm là cùng, rồi thế nào cũng có thay đổi.

Nay tình-hình ngoại-giao có điều gì mà cần-cấp như thế? Và Hội-nghị La Haye là gì?

Có hai vấn-đề bồi-khoản Đức và trái-khoản Mĩ là cần-cấp hơn cả, và Hội-nghị La Haye chính là họp các nước chiến-tranh cũ để cõ bàn-bạc mà điều-

định cho xong các khoản đó, từ chiến-tranh chi-hậu đến giờ vẫn dùng-dăng mãi chưa giải-quyết được.

Nguyên về các bồi-khoản của Đức phải trả lại cho Đồng-minh vì việc chiến-tranh vừa rồi, thì năm trước đã có đặt một hội-đồng ủy-viên giám-định để định cái số Đức phải trả mỗi nước là bao nhiêu và trả trong bao nhiêu năm : chánh ủy - viên là nhà chính-trị nước Mĩ DAWES, cho nên cái chương - trình bồi - khoản của hội - đồng lập ra mà các nước đã công-nhận gọi tên là « chương-trình DAWES ». Chương-trình này đã thi-hành được mấy năm ; nhưng gần đây nước Đức kêu-nài là nặng-nề quá, không thể nào đương được, xin đặt một hội-ủy-viên khác chăm-chước mà giảm bớt đi cho. Các nước Đồng-minh cũng thuận như thế, họp một hội-đồng mới cử một nhà tài-chính Mĩ tên là YOUNG làm chủ. Hội-đồng này lại thảo một cái chương-trình gọi là « chương-trình YOUNG » định lại cái số bồi-khoản của Đức phải trả mỗi năm là bao nhiêu, vừa trả bằng tiền, vừa trả bằng đồ-vật. Chương-trình này phải đem ra cho các nước quan-hệ duyệt-y rồi mới thi-hành được. Nhưng vấn-đề bồi-khoản lại liên với một vấn-đề nữa, là vấn-đề trái-khoản Anh và Mĩ. Nguyên Pháp trong khi chiến-tranh có vay nợ của Anh và Mĩ những khoản lớn trên dưới một trăm ngàn triệu (100 milliards). Chính-phủ Pháp đã điều-định với hai nước ấy về cách trả nợ thế nào : với nước Anh thời đã ký hiệp-ước CAILLAUX-CHURCHILL (tên hai ông tài-chính tổng-trưởng hai nước), với nước Mĩ cũng ký hiệp-ước MELLON-BÉRANGER (tên tài-chính tổng-trưởng nước Mĩ và đặc-phái-ủy-viên nước Pháp) từ năm 1926. Hai hiệp-ước ấy phải đem ra Nghị-viện Pháp duyệt-y thì mới thi-hành được. Nhưng xem ra dư-luận nước Pháp không bằng lòng, cho rằng nợ là nợ

chiến-tranh chung, Đức có trả bồi-khoản cho Pháp thì Pháp mới trang được các khoản nợ của Anh và của Mĩ, không có lẽ bạn đồng-minh với nhau mà lại thắng-thúc nhau quá. Nhưng cái dư-luận đó, hai nước trái-chủ kia không chịu, kỳ trả nợ đến nơi, Chính-phủ Pháp không thể dùng-dăng được nữa, bắt-đắc-dĩ phải đem hai cái hiệp-ước trên kia ra cho Nghị-viện thảo-luận và cố gòu-cầu cho duyệt-y. Cuộc thảo-luận này kịch-liệt vô-cùng, ông thủ-tướng POINCARÉ phải biến-thuyết trong hai-mươi giờ đồng-hồ mới được Nghị-viện duyệt-y cho, mà số ưng-thuận cũng chỉ hơn số phản-đối được có ít về mà thôi. Vấn-đề trái-khoản đã giải-quyết rồi thời phải họp hội-nghị các nước chiến-tranh cũ để xét cái chương-trình YOUNG mà công-nhận cho thi-hành, vì Đức có trả bồi-khoản thì Pháp mới có tiền mà trả nợ Anh Mĩ được. Đó là mục-dịch Hội-nghị La Haye, hiện đương họp, chưa biết kết-quả thế nào. Chính thủ-tướng BRIAND thay mặt chính-phủ Pháp ở Hội-nghị.

**Thời-cục nước Tàu.** - Cuộc thống-nhất nước Tàu gần đây hình như đã tiếm thành-công, không thấy có phát-sinh ra cuộc nội-loạn gì cả: mặt Quảng-tây phân-tranh đã dẹp yên, mặt Hà-nam xung-đột đã giải-quyết, Phùng Ngọc-Tường hiện ở Tân-từ (Son-láy) không những không có vệ-đội, ngay những người theo hầu tả hữu cũng không có mang súng. Tỉnh Son-láy trật-tự rất yên-ổn, ở Tân-từ đêm không đóng cửa. Ba tháng sau Phùng quyết xuất-dương.

Tướng Giỏi - Thạch khi dự lễ kỷ-niệm chu-niên của quốc-dân, báo-cáo cái vấn-đề tây-bắc, có nói rằng Phùng đối với Khổng Tường-Hy, Triệu Bái-Văn không nhận có thông-diện phản-kháng trung-ương, nói đó là phần-tử phản-động và phải cải-tổ dùng kế

mượn dao giết người, xin chính-phủ tra xét, vì vậy nên trung-wong bỏ cái lệnh thông-tập đi, một mặt cho Phùng cùng Diêm Tịch-Son bàn quyết cái phương-pháp biên khiển, xong sẽ cho Phùng xuất-dương. Hiện văn-đề tây-bắc đã hết thấy giải-quyết một cách hòa-bình xong cả.

Đầu tháng tám tây có cuộc hội-nghị binh-vụ họp ở Nam-kinh để xét việc tổ-chức lại quân-đội và thái-hồi binh-sĩ. Các khoản chính của chính-phủ xin hội-dồng xét là định số binh là 800.000 người, chia Trung-hoa làm năm hạt binh, đặt các công sở riêng để tìm việc cho các binh-sĩ thái-hồi, phát-hành một trái-khoản 22 triệu để chi vào việc tổ-chức quân-đội và thái-hồi binh-sĩ.

Cuộc hội-nghị binh-vụ đã kê-cứu việc tổ-chức lại quân-đội Trung-hoa, và bãi số lính không cần đến, bỏ về quyết-nghị rằng người Trung-hoa từ 18 đến 45 tuổi đều phải đầu-binh, về ban tại-ngũ và ban trừ-bị.

Có định tạm-thời miễn binh-dịch cho các ông giáo, cho học-sinh, và cho các viên chức. Con trưởng, người tàng-tật và người điên được trừ-mãi mãi.

Hội biên-khiển đã thông-quá các án như sau này :

1<sup>o</sup> Số quân-phi cả nước mỗi tháng định là 1884 vạn đồng ;

2<sup>o</sup> Trong kỳ biên-khiển, số lương-bổng của các quan văn vũ giảm chi tám-thành ;

3<sup>o</sup> Sau khi bắt đầu thực-hành việc biên-khiển, tài-chính tuyệt đối thông-nhất về trung-wong, trong các địa-phương không kể là cơ-quan nào không được can-thiệp.

Hội biên-khiển đã làm lễ bế-mạc, Trưởng Giới-Thạch có đọc diễn-thuyết và có lời tuyên-ngôn rất dài, khuyên các ủy-viên nghiêm giữ lời thề, theo căn-bản mà làm, kỳ cho thấu đến mục-đích.

Lộc Chung-Lân giữ trách-nhiệm việc biên-khiển tập đoàn quân thứ hai.

Trung Nga giao-thiệp. — Việc Trung Nga giao-thiệp ở đường Trung-Đông-thiết-lộ càng ngày càng thấy nguy-cấp, không biết có khởi xảy ra cuộc binh-tranh không ?

Chính-phủ quốc-dân Trung-hoa đã nhận được bức thư tối-hậu của chính-phủ Nga Xô-viết. Trong thư đại-ý nói việc dùng hay bãi các chức viên cao-cấp thuộc về thiết-lộ Trung-Đông, nên do hội trị-sự quyết-định, không thể lấy cái danh-nghĩa một viên đốc-biên mà làm được. Bản hiệp-định Phung-Nga năm 1924 đối với văn-đề ấy đã qui-định ; lần này viên đốc-biên Trung-hoa đuổi các chức-viên cao-cấp người Nga là không hợp phép. Chính-phủ Nga đối với Trung-hoa đã từng phen tỏ ra cái lòng tốt, như bỏ quyền lãnh-sự-lai-phán và bãi khoản bồi-thường năm canh-tí, lại còn nhiều việc tranh-chấp đều dùng phương-pháp hòa-bình để giải-quyết, cho đến lần này Trung-quốc đối với Trung-Đông thiết-lộ, rõ-ràng là có cái tinh-chất khiêu-hấn, nhưng chính-phủ Nga cũng vẫn giữ cái thái-độ hòa-bình. Chính-phủ Trung-hoa chớ nên nghĩ làm, cho sự hòa-bình của Nga là nhược-điểm mà làm sự khinh nhờn, vì vậy chính-phủ Nga phải nghiêm-trọng yêu-cầu ba điều sau này :

1<sup>o</sup> Quyền quản-lý Trung-Đông thiết-lộ phải hoàn cho người Nga ;

2<sup>o</sup> Khôi-phục những cơ-quan của người Nga đặt ở Trung-hoa ; phải tha hết các viên-chức Nga và phải cho phục-nghiệp ;

3<sup>o</sup> Chính-phủ Trung-hoa phải xin lỗi.

Hạn trong ba ngày phải trả lời. Cuối cùng lại đe rằng nên nghĩ đến và cụ-tuyệt những cái kết-quả không hay sẽ sinh ra ở sau những lời đề-nghị lần này.

Sau khi nhận được bức thư ấy, bộ ngoại-giao Nam-kinh đã trả lời ngay, đại-ý nói : Từ sau bản Trung Nga hiệp-định, chính-phủ Trung-hoa đem lòng

thành công dài, gần đây trong địa-hạt Trung-quốc thường phát-xuất những cơ-quan cộng-lạc và tuyên-truyền có tổ-chức của chính-phủ Nga Xô-viết định phiến-động nhân-dân Trung-quốc, để phá-hoại Trung-quốc, nên Trung-quốc không được đừng phải dùng cái thái-độ thích-dáng. Lần này khám xét quán lãnh-sự Nga và thu-hồi đường Trung-đông thuần là phòng-chỉ nhiễu-loạn, không được đừng phải dùng cách xử-trí quyền-nghi như thế. Vì chính-phủ Trung-wang thường tiếp được lời báo-cáo của Đông-tam-tĩnh rồi là các viên-chức Nga ở đường Trung-Đông đối với những điều hiệp-định năm 1924 đều chưa thực-hành và làm nhiều việc trái phép, không sao kể xiết; tệ nữa là các viên-chức Nga lại lấy ngay cái cơ-quan đường sắt ấy làm những sự tuyên-truyền trái với bản hiệp-định ấy, vì thế nên Đông-tam-tĩnh phải có sự thối-tri như thế, như vậy thì lỗi không ở chính-phủ Trung-quốc.

Chính-phủ Nga đã phát tờ thông-diệp đoạn-tuyệt tình giao-hiểu với Trung-hoa, đại-ý như sau này :

Vì bức thư trả lời của chính-phủ Trung-hoa làm cho những thủ-đoạn của nước Nga muốn dùng phương-pháp hòa-bình để giải-quyết hết thảy các việc phân-tranh và xung-đột về đường sắt Trung-Đông đều tuyệt-vọng cả. Chính-phủ Nga bắt-đắc-dĩ phải dùng những cái thủ-đoạn sau này, chính-phủ Trung-hoa phải chịu cả trách-nhiệm :

1<sup>o</sup> Chính-phủ Nga lập-tức triệu các đại-biểu ngoại-giao lao-nông, các viên trong các tòa lãnh-sự và các đại-biểu thông-thương về nước;

2<sup>o</sup> Triệu các chức-viên lao-nông toàn-lộ đường Trung-Đông về nước ;

3<sup>o</sup> Đình-chỉ sự liên-lạc về đường sắt trong khoảng hai nước Trung Nga ;

4<sup>o</sup> Hạ lệnh cho các đại-biểu Trung-hoa và các viên-chức trong các tòa lãnh-sự phải lập-tức ra khỏi cõi.

Cùng thời chính-phủ Nga lại tuyên-ngôn giữ hết thảy các quyền-lợi của liên-bang lao-nông theo như hai bản hiệp-định Trung-Nga và Phung-Nga trong năm 1924.

Chính-phủ Quốc-dân Trung-hoa sau khi đã tiếp được thông-diệp tuyệt-giao của Nga, liền mở cuộc hội-nghị khẩn-cấp, cho đó là nước Nga chỉ nói hão để dọa nạt, quyết bỏ đi không trả lời, một mặt triệu các quan ngoại-giao ở nước Nga về, cùng nước Nga đoạn-tuyệt tình bang-giao, cùng thời điện cho Trương Học-Lương mật bảo lấy cái cơ-nghi phòng-bị biên-cảnh. Còn như việc nước Nga cắt đứt đường giao thông Âu Á, sẽ tuyên-bố cho liệt-cường biết, một mặt sẽ thông-cáo cho các hữu-bang quốc-tế về những sự của Nga đã làm như sau này :

1<sup>o</sup> Cái ám-mưu của Nga tuyên-truyền chủ-nghĩa cộng-sản ở Viễn-đông và cái thực-sự phá-hoại việc tổ-chức chính-trị Trung-hoa ;

2<sup>o</sup> Nước Nga cắt đứt đường sắt Trung-Đông làm ngăn việc giao-thông của thế-giới ;

3<sup>o</sup> Hai nước Trung Nga cùng là nước có ký vào điều-uớc bài-trừ chiến-sự, nay nước Nga chỉ một hai lần đưa thư, đã vội dùng cái thủ-đoạn lúc chiến-tranh, nếu vì thế mà có xảy ra sự không may cho hai nước, thì nước Nga phải chịu trách-nhiệm.

Chính-phủ Đức đã bằng lòng thay chính-phủ Trung-hoa trông nom việc Hoa-kiều ở nước Nga, và thay chính-phủ Nga trông nom việc Nga-kiều ở Trung-hoa.

Chính-phủ Trung-hoa có phát-biểu lời tuyên-ngôn với liệt-cường như sau này :

Gây dấy xét ra người Nga lợi-dụng đường sắt Trung-Đông để làm cái lợi-khi tuyên-truyền chủ-nghĩa cộng-sản của họ, các văn-kiến bắt được trong quán lãnh-sự Nga ở Cáp-nhĩ-lân lại chứng rõ được cái mưu quỷ-quyết của người Nga ở Mãn-châu, để kêu gọi nên việc nội-loạn ở Trung-quốc lấy làm sướng. Xét ra trong đồng văn-kiến chứa ở quán lãnh-sự Nga đã phát-giác có nhiều co-mưu bí-mật hại chính-phủ Trung-hoa, như ở Giang-ninh và Mãn-châu cùng các nơi khác có tổ-chức ra các đoàn ám-sát và co-quan bí-mật, chính-phủ Trung-hoa vì kể tự-vệ, cho nên bắt-đắc-di phải làm như thế, nhưng tất hết sức tránh khỏi những việc làm nguy-hiểm có hại cho cuộc hòa-bình của thế-giới.

Chính-phủ Quốc-dân quyết cứ giữ cái thái-độ hòa-bình đối với nước Nga bấy lâu, trước sau không đổi. Đối với sự hành-động về quân-sự của nước Nga, sẽ dùng cái thủ-đoạn tự-vệ, tuyệt không tự mình sinh sự trước, nếu nước Nga không sợ làm trái điều-ước phi-chiến, cam làm những thủ-đoạn phá-hoại cuộc hòa-bình của thế-giới, thì chính-phủ quốc-dân sẽ theo như các điều 12, 16, 17 trong công-ước liên-minh định ở Paris ngày 14 tháng 2 năm 1919 đem cái vấn-đề nước Nga giao cho hội-đồng trị-sự Hội Vạn-quốc công-đoán hay tra xét, xin các nước liên-minh tuyên-bổ tội-trang của nước Nga, đoán-tuyệt sự quan-hệ về thương-nghiệp và tài-chính, cấm-tuyệt sự giao-tế của quốc-dân, nếu nước Nga lấy có là chưa dự vào hội Vạn-quốc, thì lập-tức xin với các nước liên-minh theo như điều 17 trong minh-ước đã qui-định.

Bộ ngoại-giao có đem ra mười ba tấm ảnh chụp những văn - kiện của nước Nga bắt được ở quán lãnh-sự Nga tại Cáp - nhĩ - lân là những cái chứng-cớ nước Nga quỷ rồi Trung-

hoa bày ra cho công-chúng xem. Các viên ký-giả các báo Tây nghe tin, đều đến xem và mượn để in hình lên các báo.

Một vị công-sứ có nói chuyện về việc Trung-Đông rằng Trung-quốc nhân các người Nga ở chỗ nào cũng cứ việc tuyên - truyền xích - khóa, cho nên quả-quyết thu-hồi, các nước đều nhận làm thích-dáng, theo như bản hiệp-định đường sắt Trung Nga, việc ấy chỉ do hai nước Trung Nga giải-quyết, các nước khác không cần phải hỏi đến. Hiện nước Nga đâu đưa tờ thông-diệp, sứ-đoàn không lấy làm chú - ý, vì nước Nga mới bị chiết-tỏa với nước Thổ-nhĩ-kỳ, đối với Trung-hoa không có cái năng-lực tác-chiến nữa. Nước Nga chỉ có cái kế-hoạch cắt đứt đường giao-thông Âu Á là cùng.

Một quan ngoại-giao Trung-hoa vừa rời ở Moscou trở về Nam-kinh có nói rằng đại-cục trong nước Nga ngày càng nguy-cấp, nhân-dập oán giận chủ-nghĩa cộng-sản rất sâu, không lúc nào là họ không nghĩ đến việc đánh đổ chính-phủ, kiệt toàn-lực để ngăn nội-loạn còn lo chưa rồi, không có sức thừa dùng binh đối với ngoài nữa.

Tin ở Moscou nói rằng bức thông-diệp tối-hậu của Nga là vì giữ thế-diện mà nói thế, chứ nước Nga tịnh không có dự-bị, Trung-quốc chớ vì lời dọa nạt hão mà nhượng-bộ.

Hồ Hán-Dân có nói chuyện với các viên ký-giả rằng chính-phủ quốc-dân đối với cái thái-độ dọa nạt của nước Nga rất là tức giận, nhưng tuyệt không có uy-khiếp.

Tướng Giới-Thạch có tuyên-bổ việc đối với nước Nga, quyết dùng cái chính-sách quả-quyết, không kể vấn-đề ấy phát-siễn đến trình-độ thế nào, quyết theo cái kế-hoạch nguyên-định mà thực-hành.

Trương Học-Lương đối với việc này thái-độ rất cương-ngạnh, tỏ ý quyết cự-tuyệt những lời yêu-cầu của nước Nga, Trương nói đường Trung Đông đối với khu đặc-biệt ở Đông-tam-tĩnh quan-hệ rất lớn, không phải như các đường sắt khác, Trung-hoa sở-đĩ quả-quyết thu-hồi chính là cưỡng-bách nước Nga phải thực-hành bản hiệp-uớc định năm 1924, không phải là thu-hồi một cách không có điều-kiện gì vậy.

Chính-phủ Nam-kinh muốn không trái cái chính-sách hòa-bình, có hạ lệnh không đáp lại mọi việc khiêu-chiến của Nga ở đường cương-giới Mãn-châu. Song có tin đồn rằng sẽ đem 60.000 quân Phụng-thiên đến đường cương-giới để phòng giữ.

Chu Thiệu-Dương đến Thâm-dương có cả viên tổng-lãnh-sự ở Hắc-hà là Hàn Thuật-Tăng cùng đi. Chính-phủ quốc-dân dùng Chu làm toàn-quyền đại-biểu để giao-thiệp với nước Nga, còn Hàn làm giao-thiệp ủy-viên.

Chu Thiệu-Dương đã đến Mãn-châu-lý, sau khi cùng viên đại-biểu Nga hội-kiến, đã điện về chính-phủ quốc-án nói rằng việc giao-thiệp Trung Nga ra điều ác-liệt, chính-phủ Nga Xô - viết không có ý thực-thả chút nào.

Chính-phủ quốc-dân sẽ phát-biểu bức điện-văn rứt dài để tuyên-cáo các nước có ký điều-uớc phi-chiến về cái án Đông-thiết-lộ.

Một vị công-sứ có nói rằng việc Trung Nga chắc có thể trực-tiếp giải-quyết được, nhưng lối ngoại-giao ấy phải trải qua những sự rắc-rối; còn đến những việc người Nga bắt giữ tàu thuyền, phá-hủy đường sắt, có lẽ là ở trong lúc đàm-phán muốn làm cho Trung-hoa phải vì thế mà nhượng-bộ.

Chu Thiệu-Dương lại có nói chuyện với các viên kỹ-giả mấy điều sau này :

Đôi bức thư thứ hai của Nga không cần trả lời.

Chắc nước Nga gần đây đã tỉnh-ngộ-cước giao-thiệp của hai nước sẽ có tiến-bộ.

Vấn-đề Đông-thiết-lộ là vấn-đề cục-bộ, không cần phải một nước thứ ba điều-đinh, cũng không cần đem ra hội Vạn-quốc.

Các báo-chí trong ngoài đảng việc Trung Nga, đối với việc Trung-hoa thu-hồi Đông-thiết-lộ, phần nhiều đều sai lầm, xét ra lần này Trung-hoa xử-trí việc Đông-thiết-lộ chẳng qua là đuổi các viên người Nga tuyên-truyền cộng-sản, chứ không phải là thu - hồi đường Trung Đông vậy.

Viên đại-biểu Nga có nói rằng chính-phủ Nga Xô-viết không phải là không muốn hòa-bình giải-quyết, nước Nga hiện đã làm theo khoản thứ tư trong bản nghị Trung-Nga, khôi-phục sự giao-thông Âu Á, trừ việc không thay đổi cách tổ-chức đường Trung-Đông-ra, còn đều có thể nhượng-bộ.

Trương Học-Lương lai-cáo cho các báo ngoại-quốc một bài nói rằng Trung-hoa đã nhượng-bộ hết sức rồi, bây giờ chỉ còn lo việc chiến-đấu mà thôi, còn cái lỗi gây nên chiến-tranh là do ở Nga.

Gần đây có tin rằng ở Mãn-châu đã động-binh 30.000 quân sẽ tiến đến Mãn-châu-lý, 30.000 quân tiến đến Pogranitchaya. Tình-thế xem ra nguy-ngập lắm.

Cuộc hội-nghị ở Mãn-châu-lý không thành công. Các đại-biểu của chính-phủ Xô-viết nhất định nói rằng quyền mình được có một viên quân-đốc và một viên phó quân-đốc ở đường Đông-thiết-lộ.

Việc giao-thiệp gần đây lại càng hơn trước nhiều, chưa đến tới cái thời-

kỳ hòa-hoãn nhượng-bộ, việc đàm-phán lại phải đình chỉ, nước Nga vẫn chưa chịu thôi hành-động về quân-sự. Các đờng cương-giới Trung-Đông

hai bên quân-đội đã có xung-đột nhau một vài trận nhỏ.

Việc Trung-Đông này chưa biết sau này kết-liệu ra làm sao ?

## Việc trong nước

**Lược-thuật các việc quan-hệ.** — Trong tháng mới rồi Bắc-kỳ vừa phải một cái thiên-tai dữ-đội, là trận bão ngày 30 tháng 7 tây (24 tháng 6 ta), mấy tỉnh miền đông-nam như Kiến-an, Thái bình, Nam-định, bị tai-hại nhiều lắm. Nhà-cửa đổ, thuyền-bè đắm, trâu bò chết, mùa-màng hại, không biết bao nhiêu mà kể. Hại nhất là hai tỉnh Thái-bình và Nam-định, lại chính là hai tỉnh đông người nhất ở Bắc-kỳ. — Ngay hôm sau bão, quan Thống-sứ Robin liền đi thăm các nơi bị hại, cho biết thiệt-hại dường nào và cùng quan sở-tại trừ phương cứu-tế. Quan Toàn-quyền PASQUIER và quan phó Toàn-quyền GRAFFEUIL ở Nam-kỳ được tin-bão, lập-tức đi đờng bộ ra Bắc, ngày mồng 5 tháng 8 cùng quan Thống-sứ đi Nam-định Thái-bình để ủy-lạo các dân bị hại, ở Hà-nội có một ngày, mồng 7 quan Toàn-quyền lại đáp tàu về Sài-gòn, còn quan Phó ở lại hơn một tuần nữa mới về Nam. Nghe nói đến hạ-tuần tháng 9 thì các quan lại ra Bắc cả để dự-bị kỳ hội-đồng Đại-Hội-nghị Đông-Pháp lần thứ nhất này sẽ họp vào khoảng tháng 10 tây ở Hà-nội.

— Đại-Hội-nghị Đông-Pháp, chính tên là « Đại Hội-nghị các quyền-lợi tài-chính kinh-tế Đông-Pháp » (*Grand Conseil des intérêts économiques et financiers de l'Indochine*), mới lập ra năm nay, họp lần này là lần đầu. Đại-hội-nghị này chung cho cả Đông-dương, là gồm đại-biểu của các hội-nghị bầu-cử ở các xứ, như các hội Canh-nông, hội Thương-mại, hội Dân-biểu người

bản-xứ, hội các quyền-lợi tài-chính kinh-tế của người Pháp ở các xứ (*Conseils français des intérêts économiques et financiers*), cũng mới đặt ra và mới bầu-cử năm nay để đối với các hội dân-biểu của người bản-xứ. Còn hội-đồng Chính-phủ thì vẫn còn, nhưng chỉ có chân quan-lại mà thôi, không có chân đại-biểu bầu-cử như trước nữa. Tháng trước ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ đã bầu « Hội-nghị các quyền-lợi tài-chính kinh-tế của người Pháp » rồi, hội-nghị ấy sẽ họp sau khi các hội dân-biểu bản-xứ họp xong, để bầu đại-biểu lên Đại-hội-nghị. Ở Nam-kỳ thời dân Tây dân Nam cũng chung ở hội-đồng Quân-hạt, hiện đã họp từ tháng trước để cử đại-biểu lên Đại-Hội-nghị rồi. Bao giờ các hội-nghị dưới họp xong cả, bấy giờ mới khai Đại-Hội-nghị. Sự cải-cách này mới thi-hành lần này là lần đầu, quốc-dân rất nên chú-ý xem cách hành-động ra thế nào.

— Ông HENRI DE MONPEZAT là Đại-biểu dân Tây hạt Trung-kỳ ở Cao-đẳng Hội-nghị Thuộc-địa (*Conseil supérieur des Colonies*) bên Pháp, và mới rồi lại được bầu vào « Hội-nghị các quyền-lợi tài-chính kinh-tế của người Pháp » ở Bắc-kỳ, đã tạ-thế ở Hà-nội ngày 26 tháng 7 tây, năm nay 61 tuổi. Ông là một tay nghị-viên thông-thạo, một nhà làm báo có tài, đã từng làm đại-biểu cho dân Tây ở Cao-đẳng Hội-nghị Thuộc-địa bốn năm thứ luôn, trong ngót ba-mươi năm trời, thật là một người có công bênh-vực quyền-lợi cho phái thực-dân Tây ở bên này rất là đặc-lực.

— Ông Đốc-phủ Phạm Văn-Tươi mất ở Vinh-long (Nam-kỳ) ngày 23 tháng 7, đăm đưa tại Sài-gòn long-trọng lăm. Ông đốc-phủ Tươi là một bậc kỳ-cựu trong phái quan-trưởng ở Nam-kỳ. Hồi xưa làm thư-ký riêng cho quan Toàn-quyền DOUMER được tin-dụng lăm. Sau về hưu được cử vào Hội-đồng Chính-phủ.

— Chim và Giao là hai tay đánh «banh vợt» (*tennis*) có tiếng ở Nam-kỳ, mới rồi cùng ông Triệu Văn-Yên là hội-trưởng Hội Thể-thao Sài-gòn đi *Kulampur* để tranh giải vô-địch Mã-lai. Đánh thi với những tay giỏi nhất ở Tân-gia-ba, ở Hương-cảng lại, đều thắng cả, được công-nhận là vô-địch cả Á-Đông, quan Thống-đốc Anh ở Tân-gia-ba có tặng phần thưởng, quan Toàn-quyền Đông-Pháp có gởi điện khen.

— Ông ERNEST BABUT là một nhà làm báo kỳ-cựu ở Bắc-kỳ, năm xưa đã đứng chủ tờ *Đại-nam nhật-báo* là tờ báo thứ nhất ở Bắc-kỳ, trước về nghỉ bèn Tây mấy năm, nay lại sang đây mở một cái tạp-chí mới, mỗi tháng xuất-bản hai kỳ, tên là *Revue franco-annamite* (Pháp-Việt Tạp-chí), bài viết bằng chữ Pháp, có dịch ra quốc-ngữ, chuyên-chủ bàn về các vấn-đề chính-trị Pháp-Việt. Số thứ nhất đã ra ngày mồng 1 tháng 7. Giá báo đồng-niên là 6 đồng; báo-quán ở phố hàng Bông số 61-63, Hà-nội.

— Ông YVES HENRY là Chánh sở Nông-chính Đông-dương và MAURICE DE VISME mới xuất-bản một tập sách đề là *Documents de démographie et riziculture en Indochine* (Tài-liệu về dân-số và nghề làm ruộng ở Đông-dương), khảo-sát tình-trạng lăm. Xét về dân-số thời chiếu theo những số điều-tra thống-kế của Chính-phủ từ năm 1921 đến 1926, so-sánh dân-cư ở các nơi thấy cái

mật-số khác nhau xa lăm : như ở Bắc-kỳ có nhiều huyện mật-số mỗi cây-lò-mét vuông đến hơn 650 người, còn thời trong mười-ba tỉnh Bắc-kỳ và một tỉnh Thanh-hóa mật-số trung-bình là 456. Ở Nam-kỳ thời trừ mấy tỉnh như Bà-ri-a, Gò-công, Thủ-đầu-một, còn thời mật-số trung-bình chỉ có 91. Xem như thế thì miền trung-châu Bắc-kỳ dân nhiều quá, đất sinh-sản không đủ nuôi dân. Tính ra cái lượng-số gạo cần để nuôi mỗi người trong một ngày cho vừa no là 600 «gam», mỗi năm là 337 cân thóc. Nay so-sánh ra thời trong 14 tỉnh Bắc-kỳ số-lượng trung-bình cho mỗi người trong mỗi năm chỉ được 211 cân thóc mà thôi, thế là phải ăn thiếu mất 1 phần 3, cho nên người dân quê thường-thường là thiếu-lực cả. — Còn về nghề làm ruộng, thời việc cày-cấy bình-thường mỗi mẫu tây (*hectare*) cần đến sức một người là đủ; nếu cày cấy cho kỹ-lưỡng thời phải hai người. Như thế thời ở nhiều tỉnh Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ có thừa người làm, có thể đi làm mướn khai-khẩn các miền khác ít người ở hơn. — Còn cái số thu-hoạch mỗi mẫu tây ruộng ở mấy tỉnh như Hải-dương, Kiến-an, Thái-bình, Nam-định thường-thường được từ 800 cho đến 1700 cân thóc, mà số sau đó là ruộng hai mùa mới được. Còn kém ở Nhật - bản xa : ruộng Nhật - bản mỗi mẫu tới 3000 cân. Vậy thời cái vấn - đề trọng - yếu ngày nay là phải : nhất-diện khai - khẩn thêm những đất còn bỏ hoang; nhất-diện đặt phương - kế để tăng cái số thu - hoạch những ruộng đã khai-khẩn rồi, hoặc là dùng cách dẫn-thủy nhập-diện, hoặc là dùng cách bón chất phi-liệu. Xét ra các nơi đã làm những công-trình dẫn-thủy thì ruộng đất một mẫu tây trước có 7 đồng, khi làm xong tăng giá lên 150 đồng, 4 năm sau tăng đến 300 đồng; xem thế thời những công-trình ấy dù có tổn-phi, nhưng

thực là có ích-lợi về sau. Đến các phi-liệu thì người dân hướng-lai mới biết dùng với « phốt-phát », cũng tốt lắm ; nhưng còn có thứ phi-liệu nhiều đạm-chất cũng cần, nên nghiên-cứu xem cách dùng đến thế nào là tiện-lợi. — Kết-luận sách này có một điều rất quan-trọng, quốc - dân nên đặc-biệt chú-ý : là một phần đông dân Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ thường thiếu ăn ; trước khi thi-thố điều gì, cải-cách việc gì, hăng nên lo lấy điều đó hơn cả. Làm thế nào cho dân được đủ ăn, đó là cái trách-nhiệm lớn nhất của Chính-phủ vậy.

### Sách mới

Bản-chi tiếp được những sách mới xuất-bản như sau này, xin vui lòng giới-thiệu :

1. — *Nam-quốc nữ-lưu* 南國女流. Của SỞ-CƯỜNG soạn. Có ba mục : 1<sup>o</sup> Nữ-lưu hào-kiệt sử ; 2<sup>o</sup> Nữ-lưu tiết-liệt sử ; 3<sup>o</sup> Nữ-lưu hiền-triết sử. Tiếp theo với sách *Nữ-lưu văn-học sử* đã giới-thiệu trước. — Dày 76 trang, giá 4 hào. In ở nhà in Trung-bắc-tân-văn, 61-63 phố Hàng Bông, Hà-nội.

2. — *Việt-Hán thông-thoại tự-vặng* 越漢通話字彙. Của ông ĐỖ VĂN-ĐÁP soạn, có ông LÊ NHƯ-TIỆP và BÙI TRINH-KHIÊM giúp. Có bài tựa của quan Hộ-bộ Thượng-thư PHẠM VĂN-THỤ và quan Cai-trị CRAYSSAC. Quyển thứ 1, có ba chữ A, B, C. — Dày 208 trang, in ở nhà in Trương-Phát, 60 phố Hàng Sắt, Nam-định.

3. — *Phật-hóa tân thanh-niên* 佛化新青年. Trọn bộ 12 cuốn, mới xuất-bản cuốn thứ 1, dày 48 trang, giá 3 hào. Do ông TRƯƠNG TẤN-PHÁT quản-

lý. Bán ở chùa Chúc-thọ, Xóm Thuộc, xã Hanh-thông, Gò-vấp (Gia-định).

4. — *Lectures littéraires sur l'Indochine*. Par EUGÈNE PUJARNISCLE et DƯƠNG QUẢ 6-HÀM. — Imprimerie Lê Văn-Tân, Hà-nội, 264 pages ; prix ; 1\$20.

5. — *Nhị-độ-mai*. Tiều-thuyết. Sự-tích Hạnh-Nguyên công Hồ. Kim-giang NGUYỄN VĂN-BÀN dịch-thuật. — Dày 184 trang, giá 6 hào. — Nam-kỳ-thư-quán, 17 boulevard Francis Garnier, Hà-nội.

6. — *Mối tơ tình*. Tập thơ văn của ĐÌNH HUY-HẠO. 66 trang. Giá 0\$25. Đông-Tây ấn-quán, 193 Phố Hàng Bông, Hà-nội.

7. — *Cậu bé nhà quê*. Tiều-thuyết của NGUYỄN LÂN soạn. 78 trang. Giá 0\$25. Bản tại hiệu Nam-chi-hoa, 23 phố Hàng Giấy, Hà-nội.

10. — *Cổ-học tinh hoa* NGUYỄN-VĂN-NGỌC và TRẦN-LÊ-NHÂN biên-dịch. Quyển thứ II, 212 trang. Giá 4 hào rưỡi. — Vĩnh-hưng-long thư-quán, 49-51 phố hàng Đường Hà-nội.

### Nam-Phong Tùng-Thư.

Mới XUẤT-BẢN :

*Khảo về Tiều-thuyết*. PHẠM QUỲNH soạn. Có phụ dịch mấy bài đoản-thiên tiều-thuyết tây. Dày 128 trang. Giá 4 hào.

ĐÃ XUẤT-BẢN :

1) *Văn-minh-luận* ; — 2) *Ba tháng ở Paris* ; — 3) *Văn-học nước Pháp* ; — 4) *Chính-trị nước Pháp*, 2 quyển : quyển 1, 4 hào ; quyển II, 5 hào ; — 5) *L'idéal du sage*.

ĐƯƠNG IN :

*Lịch-sử thế-giới*.